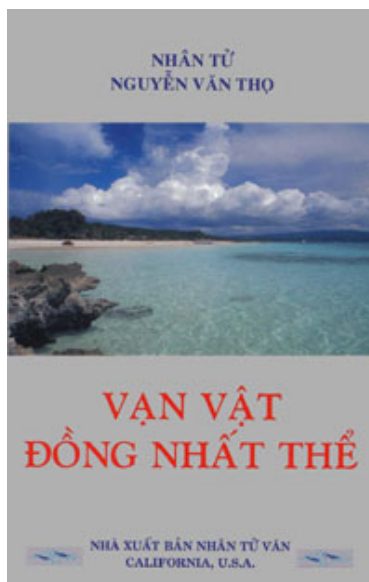


THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Mục Lục

Phi lộ

Chương 1: Đại cương

Chương 2: Ít nhiều loại từ ngữ dùng trong thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 3: Hai chiều hướng của cuộc đời — Đạo huyền đồng

Chương 4: Thiên Chúa giáo với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 5: Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể với các triết gia trên thế giới

Chương 6: Kaballah (Mật Tông Do Thái giáo) với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 7: Huyền môn cổ Ai Cập với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 8: Hội Tam Điểm với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 9: Khoa luyện đơn với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 10: Môn phái Bạch Y (Mật Tông Hồi giáo) với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 11: Thông Thiên học với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 12: Bà La Môn giáo với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 13: Phật giáo với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 14: Lão giáo với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 15: Khổng giáo với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

Chương 16: Cao Đài với thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể

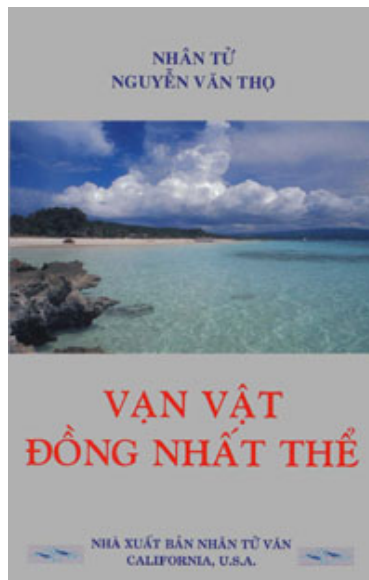
Chương 17: Nhận định về Thượng Đế

Chương 18: Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể trong khoa học hiện đại

Chương 19: Hợp nhất

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



» Mục lục | **Phi lộ** | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Phi lộ

Từ năm 1956, khi tôi bắt đầu viết Kinh Dịch, tôi thấy Đông Tây có cái gì giống nhau, nhưng chưa biết giống nhau ở điểm nào, và tôi nhất định tìm cho ra những điểm tương đồng nói trên. Năm 1976, nhân viết bài Đồng nhất và Thống nhất trong Triết Học Trung Hoa, tôi mới thấy rằng Nho, Thích, Lão là đồng nguyên. Chúng đồng nguyên ở điểm là có cùng chung học thuyết **Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể**. Tuy nhiên chỉ những bậc đạo cao, đức cả trong Tam Giáo mới biết học thuyết này, như Khổng, Mạnh, Tử Tư, Trình Tử, Chu Hi, Vương dương Minh (Khổng giáo), như Ngụy Bá Dương, Hán Chung Ly, Lữ Động Tân (Lão Giáo), như Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Năng (Phật), v.v...

Sau đó tôi cũng tìm ra rằng Âu Châu xưa cũng đã có nhiều triết gia đã tìm ra được học thuyết này. Chính vì thế, mà tôi khảo cứu hết các tôn giáo lớn trong thiên hạ, và thấy học thuyết này được dạy trong phần **Mật Truyền**: Mật Truyền của Do Thái Giáo là Kabbalah, Mật Truyền Hồi Giáo là Sufism, Mật Truyền Thiên Chúa Giáo là Mysticism (Đạo Huyền đồng). Phần Mật Truyền này không ăn nhập gì với phần giáo lý công truyền và hơn thế nữa còn nghịch nhau như nước với lửa. Giáo hữu Do thái giáo không biết gì về Kaballah; Giáo hữu Hồi giáo không biết gì về Sufism; người Công Giáo không biết gì về Đạo Huyền Đồng của các thánh Huyền Đồng như John of the Cross, như Teresa of Avila v.v... Ta sẽ thấy thuyết Thiên Địa Vạn vật đồng nhất thể trong các Mật Giáo nói trên.

Ngoài ra Âu Châu còn có nhiều Mật Tông, Mật Giáo nhỏ khác như Free-masonry (Tam Điểm), Rosicrucians (Hồng Hoa Thập Tự), Thông Thiên (Theosophy), Neo-Platonism v.v...

Họ trở thành Mật Tông cốt là để tránh các toà Hình Án Âu Châu, và không chịu phổ biến tinh hoa của học thuyết họ cho quần chúng.

Chúng ta hãy đọc họ và cố tìm cho ra các điểm tương đồng mà ta sẽ tìm thấy nơi họ. Những gì **«đồng nhất nơi họ chính là tiếng nói tự nhiên của nhân loại» (Omnium consensus est naturae vox)**.

Tìm ra chưa đủ, ta còn phải sống với cái gì mà chúng ta cho là chân lý. Các Hiền Thánh xưa nay sau khi đã tìm ra được nó thường giữ lấy và tu một mình, ít khi chịu nhận đệ tử. Chân lý này là của thiểu số, chứ không phải là của đám đông. Đó chính là

«Vào tu như lông trâu, Đắc đạo như sừng thỏ.»

Trong khi soạn thảo học thuyết này, tôi muốn trước hết là tôn vinh tiên tổ chúng ta. Từ thời Lý, Trần, các Ngài đã thông hiểu học thuyết này, và đã dùng nó để hòa đồng các tôn giáo trong nước; sau nữa tôi muốn nhân danh là một người Việt Nam tị nạn, hiến dâng cho thế giới công trình suy khảo trong gần 40 năm của đời mình.

Nay tôi đã hoàn thành xong được cả 2 ấn bản, một bằng Việt văn, hai bằng Anh Ngữ. Bản Việt Văn chỉ khoảng 200 trang, còn bản Anh Văn mang tựa đề là [The Monistic Theory](#), tôi đã viết vào năm 1993. Tuy nó dày khoảng hơn 500 trang, và không giống bản tiếng Việt về hình thức. Nhưng nội dung thì dĩ nhiên 2 bản giống nhau.

Hai bản văn trên sẽ được lần lượt in ra để quý vị độc giả thưởng lãm.

Ước mong rằng trong tương lai sẽ gặp được nhiều tri âm, tri kỷ. Sau đây, xin mời quý vị đi vào học thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể. Nó chính là lời kêu gọi quý vị đi sâu vào nội tâm mà tìm Đạo, tìm Trời. Nó chính là Đạo tâm linh, đạo nhất quán, là Đại Đạo mà con người có thể tìm ra được.

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 1 ĐẠI CƯƠNG

Từ năm 1956, tôi bắt đầu khảo cứu về các triết thuyết và các đạo giáo Đông Tây, nhất là Dịch Kinh, Bà La Môn, Phật, Lão, và Khổng giáo.

Thoạt kỳ thủy tôi đã cảm thấy rằng tất cả tư tưởng Thánh Hiền trên thế giới có cái gì tương đồng, nên từ đấy, luôn luôn tôi để tâm suy cứu và tìm tòi. Mãi đến năm 1976, khi còn bị kẹt lại ở Việt Nam, tôi mới thực sự hình thành được một học thuyết nhất quán, kết tinh được mọi dòng suy tưởng cao siêu nhất của Đông Tây kim cổ.

Tôi gọi đó là học thuyết:

- Thiên địa vạn vật đồng nhất thể (Monistic theory), theo từ ngữ Á Đông;
- Học thuyết Phóng Phát (Emanation theory) theo từ ngữ Âu Châu;
- Học thuyết Phóng Phát Tán Phân (Emanation & Division Theory) theo Kinh Dịch.

Học Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể từ ngàn xưa, đã hàm tàng trong các triết học và tôn giáo Á Đông, như Dịch Kinh, như Bà La Môn, Phật, Lão, Khổng.

Cha ông ta xưa đã biết điều đó nên mới có những khẩu quyết như:

Nhất tán Vạn, Vạn qui Nhất; Tam Giáo Đồng Nguyên, Vạn Giáo Nhất Lý, hay Đồng qui nhi thù đồ.

Nó cũng là chủ trương chính yếu của nhiều mật tông, mật giáo Âu Châu như Phái Tân Bá Lạp Đồ (Neo-Platonism) phái Giác Ngộ (Gnosticism); Kabbalah (Mật Tông Do Thái); Phái Luyện Đan (Alchemy); Bài Tarot (Tarot) Khoa Chiêm Tinh (Astrology); Tam Điểm (Free-Masonry); phái Hồng Hoa Thập Tự (Rosicrucianism), Thông Thiên Học (Theosophy) và của nhiều Giáo Phái mới hiện nay ở Mỹ Châu và Âu Châu như Siêu Việt Phái (Transcendentalism), Tin Lành Tiên Tiến (Liberal Protestantism) v. v...

Phái Bạch Y (Sufism) của Hồi Giáo cũng chủ trương tương tự.

Trình bày học thuyết này một cách cô đọng, ta thấy nó có những chủ trương chính yếu sau đây:

1. Vũ trụ này là sự hình hiện, hiển dương của một **Đại Thể** linh minh, huyền diệu bất khả tư nghị. Nói cách khác, vũ trụ quần sinh này không phải là đã được **tạo dựng nên bởi một vị Thượng Thần quyền uy vô hạn**, mà đã do một **Đại Thể phóng phát tán phân ra mà thành**.
2. Vì **Đại Thể** nói trên đã lấy chính **Bản thể** mình để hình hiện, biến hóa ra vũ trụ hữu hình này, nên tất cả quần sinh trong vũ trụ này đều cùng nhau chia sẻ Bản Thể siêu việt nói trên. Vì thế mới nói là Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, hay **Nhất tức Nhất Thiết; Nhất Thiết tức Nhất: Một là Tất Cả; Tất Cả là Một**.
3. Cái **Đại Thể vô biên tế, bất khả tư nghị** ấy, sau này được hài danh bằng nhiều cách, được gọi, được tả bằng nhiều tên như Hư, Không, Vô Cực, Thái Cực, Đạo, Chân Như, Chân Tâm, Trời, Thượng Đế, Allah, Ahura Mazda, Yahveh, Adonai, Brahman, Atman, En-Sof hay Bản Thể. Xin nói ngay rằng **Bản thể trên không phải là vị Thượng Thần hữu ngã (Dieu personnel) mà là một vị Thượng Thần vô ngã (Dieu**

impersonnel).

4. Vũ trụ quần sinh hay chúng sinh được bao quát bằng danh từ **Hiện Tượng**.

5. Như vậy vũ trụ quần sinh đa tạp này có hai phương diện:

a). **Phương diện Bản Thể** thời đồng nhất bất phân, siêu xuất biến thiên, siêu xuất sinh tử, siêu xuất không gian, thời gian; siêu xuất thiện ác, siêu xuất trên các hình danh, sắc tướng. Á Đông xưa còn gọi đó là cõi **Niết Bàn trường sinh, bất tử, hạnh phúc vô biên**.

b). **Phương diện Hiện Tượng** thời đa tạp, nằm trong vòng **biến thiên tương đối; chịu sự chi phối của không gian thời gian**, có hiện, có biến, tức là có sinh, có tử, ở trong vòng hình danh, sắc tướng, và lúc nào cũng va chạm với những cặp mâu thuẫn như thiện ác, thị, phi. Vì ở trong vòng Âm Dương tương đối, nên cũng còn gọi là **cõi luân hồi, sinh tử, biến thiên, đau khổ**.

6. Tất cả các hiện tượng tuy biến thiên, nhưng luôn luôn được chi phối bởi những định luật vĩnh cửu như Tụ, Tán, Vãng Lai, Thuận Nghịch, Hố Tương Ảnh Hưởng; Hố Tương Sinh Hóa.

7. Vũ trụ quần sinh, tuy biến thiên đa tạp, nhưng vì đã sinh xuất từ một Bản Thể, nên lúc **chung cuộc lại trở về hợp nhất với Bản Thể nói trên**. Nói thế có nghĩa là vũ trụ này biến hóa theo định luật tuần hoàn. Người xưa gọi thế là '**Nhất Tán Vạn, Vạn Qui Nhất**' hay '**Thiên Địa tuần hoàn chung nhi phục thủy**'.

Học thuyết này đã được trình bày bằng nhiều loại từ ngữ, ngoài loại từ ngữ triết học nói trên:

Ví dụ:

1. Từ ngữ huyền thoại (Mythological language):

Vũ trụ này đã do Thần Prajapati, Purusa, Ymer, Bành Tổ, hay Lão Tử phân thân ra mà thành.

2. Từ ngữ Tượng hình (Symbolical language):

- Vũ trụ này ví như là một vòng tròn, đã tung tỏa ra từ một Tâm Điểm. Tâm điểm đó là Thái Cực, là Chân Tâm. Vạn Hữu là Vòng Tròn biến thiên bên ngoài, tượng trưng bằng những hào quái.

- Vũ trụ này như là một cây vĩ đại: Gốc rễ là Bản Thể, cành lá là Hiện Tượng, là Hào Quái.

- Vũ Trụ này có thể được tượng trưng bằng Vầng Dương với muôn ánh hào quang.

Bản thể là Vầng Dương; vạn tượng, vạn hữu là những ánh dương quang lan tỏa muôn phương.

3. Từ ngữ ví von bóng bẩy (metaphorical language):

Bản Thể Nhất Nguyên đã sinh ra vạn hữu chẳng khác nào như lửa sinh tàn; như nhện nhả tơ, như đất sinh cỏ.

4. Từ Ngữ Số Học (Numerical language):

Bản thể sinh ra vạn hữu chẳng khác nào như NHẤT sinh VẠN. Bản thể thời siêu xuất Âm Dương, phi Âm, phi Dương nên được chỉ bằng còn số 5 hay 15; thế giới tương đối được tượng trưng bằng số 3, số 2; hay số 9, số 6.

Bản Thể (5-15) phân ra thành quần sinh, vũ trụ (3-2; 9- 6). - Quần sinh hợp lại (2 + 3; 9 + 6) thành Bản Thể (5-15).

Nhất = Bản Thể; Vạn = Quần sinh, vũ trụ hữu hình.

5. Ngoài ra còn dùng cách lắp chữ, phân chữ (Hieroglyphic language), để mô tả tư tưởng trên.

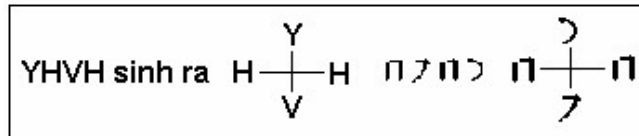
Chẳng hạn gọi Bản Thể là Dịch vì Dịch gồm hai chữ Nhật Nguyệt, nghĩa là Bản Thể bao quát cả âm lẫn Dương: Tinh thần, Vật chất chỉ là hai chiều, hai mặt của một Bản Thể duy nhất.

- Gọi Bản Thể là Thổ vì Thổ cũng là Âm Dương hợp Nhất.

- Gọi Bản Thể là YHVH (YHVH là Thượng Đế trong đạo Do Thái), gọi vạn hữu là Y, H, V, H.

Khi tụ (YHVH) thì là Thượng Đế;

Khi tán (Y, H, V, H: Mỗi chữ xếp vào mỗi phương) thì là Vạn Hữu. (Người Do Thái đọc 4 chữ trên là Yod He Vau He).



Hơn thế nữa, học thuyết này đã được các khoa Chiêm Tinh đông tây dùng trăng sao mà viết lại:

- **BẢN THỂ** được tượng trưng bằng sao **Bắc Thần** (Pole Star), hoặc bằng một **tâm điểm** cách sao Bắc Thần khoảng 3°.

- Ngay lúc **ÂM DƯƠNG** sinh hoá được tượng trưng bằng **Mặt Trời. Mặt Trăng**.

- Tứ Tượng (Bản chất vạn hữu được sắp xếp theo tỉ trọng: Khinh thanh, trọng trọc; bán trọc, bán thanh; bán thanh bán trọc) được vẽ lại bằng **4 vùng sao, hoặc bằng 4 chòm sao**:

Người Trung Hoa tượng trưng Tứ Tượng bằng **bốn vùng sao**:

- **Chu Tước (Thái Dương)** (gồm 7 chòm sao phía **Nam**: Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm);

- **Bạch Hổ (Thiếu Âm)** (gồm 7 chòm sao phía **Tây**: Tinh, Quỷ, Liểu, Tinh, Trương, Dực, Chấn);

- **Huyền Vũ (Thái Âm)** (gồm 7 chòm sao phía **Bắc**: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích);

- **Thanh Long (Thiếu Dương)** (gồm 7 chòm sao phía **Đông**: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ);

Người Âu Châu tượng trưng Tứ Tượng bằng bốn chòm sao sau đây:

- **Kim Ngưu (Taurus với sao Aldebaran); Sư Tử (Lion với sao Regulus); Thiên Yết (Scorpio với sao Antares); Bảo Bình (Aquarius với sao Fomalhaut).**

Bốn sao Aldebaran, Regulus, Antares, Fomalhaut là bốn sao sáng nhất trên bầu trời, mỗi sao trấn ngự một phương trời.

Bốn chòm sao Kim Ngưu, Sư Tử, Thiên Yết, Bảo Bình đã được tượng hình bằng Tứ Linh: Bò, Sư Tử, Phượng, Người.

Theo đà thời gian, Tứ Tượng, Tứ Linh đã trở thành một đề tài văn hóa, nghệ thuật:

Bò, Sư Tử, Phượng, Người đã trở thành con quái thú mà tiên tri Ezekiel trông thấy ở bên bờ sông Kebar (Ezekiel, 1:10) và thánh John đã thấy trước tòa Thiên Chúa (Revelation, 4:6-8), hoặc trở thành bốn Tướng Tinh của bốn Thánh sử Luke, Mark, John, và Matthew.

Học thuyết trên cũng còn được các nghệ sĩ, dùng gỗ, đá, dùng tranh ảnh để truyền lại muôn đời: Tứ Tượng của Dịch Kinh trở thành những con quái thú Ai, Cập, Hi Lạp, Assyria, hay Tứ Linh của Trung Hoa:

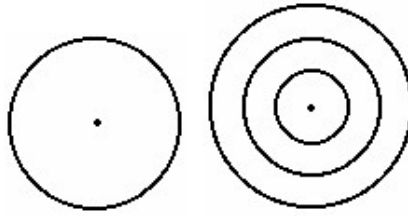
- Những con quái thú Assyria thường có đầu người, mình sư tử, cánh phượng, chân bò.

- Trung Hoa thường hay vẽ Tứ Linh là: **Long, Ly, Qui, Phượng**.

Đại ý rằng cái **vũ trụ hữu hình đa tạp này, mới nhìn thì thấy rời rạc nhưng xét kỹ chính là một thực thể duy nhất...**

Trong khi khảo về Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, tôi đã nghĩ ra ba loại tượng hình:

a). Một là Tâm Điểm và Vòng Tròn. Tâm Điểm tượng trưng cho Đại Thể bất biến. Vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho vạn hữu biến thiên.



b). Hai là ba vòng tròn đồng tâm.

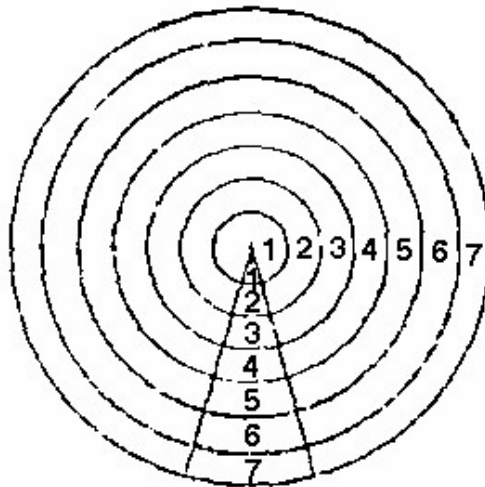
- Vòng trong cùng tượng trưng cho phần Thần, phần Thiên.
- Vòng giữa tượng trưng cho phần Hồn, phần Nhân.
- Vòng ngoài cùng tượng trưng cho phần Xác, phần Địa.

Ba phần trên không bao giờ xa lìa được nhau. Đó là quan niệm Tam Tài của người xưa.

Nhưng vì mọi người thường không biết mình có phần Thiên, nên giữa phần Thiên và phần Nhân, tôi vẽ thêm một khoảng tròn đen, tượng trưng cho bức màn Vô Minh. Tôi đã dùng hình vẽ trên để cắt nghĩa Chân Tâm, Vọng Tâm; Bồ Đề, Bến Giác của Phật giáo.

c). Ba là tôi dựa vào Kinh Dịch, vẽ thành 7 vòng tròn đồng tâm:

Vòng tròn trong cùng là Thái Cực, Vô Cực, hay Tuyệt Đối Thể. Sáu vòng bên ngoài phản ánh lại sáu Hào trong các quẻ Dịch, phản ánh lại các hiện tượng biến thiên của vũ trụ, và của con người.



Như vậy từ tâm điểm ra biên khu, ta có bảy tầng như sau:

- 1. Thần.
- 2. Khí.
- 3. Tâm.
- 4. Trí
- 5. Xác
- 6. Gia Đình, Quốc Gia, Xã Hội.

– 7. Nghề nghiệp, ngoại cảnh. Vòng vật chất ngoài cùng này bao quát cảnh vật bên ngoài, từ môi sinh gần gũi đến các tinh cầu xa tít tắp.

Ý muốn nói rằng Con người là Tất cả. Tâm khảm thì trực tiếp với Thượng Thần của trời đất; ngoài thì hỗ tương ảnh hưởng với đồng loại, với quần sinh, với vũ trụ hữu hình.

Thần con người từ trung tâm đi ra đến biên khu, lại từ biên khu trở về trung tâm.

Trên con đường tiến thoái tuần hoàn ấy, con người mặc sức thi triển thần thông, thần lực để cải tạo ngoại cảnh, cải tạo chính mình, để lúc trở về đến tâm điểm sẽ hoàn thành được sứ mạng cao cả của con người: Đó là Thực hiện Toàn Thiện; thực hiện Lý Tưởng.

Con đường tiến thoái tuần hoàn ấy, nếu đi đúng hướng thì có thể thực hiện rất nhanh, hoặc trong một khoảnh khắc, hoặc trong một đời người; còn như không tìm ra được đường đi, thì sẽ lạc lõng, muôn ngàn đời cũng chưa thấy được nẻo về.

Khoa học ngày nay càng ngày càng chứng minh học thuyết này.

– Trong Thiên văn học, ta thấy có học thuyết 'Big Bang', và học thuyết 'vũ trụ khi tán khi tụ'.

– Tư Tưởng âm Dương đã ngự trị trên khoa học hiện thời. Chúng hiện thân thành Proton, Electron; Positron, Negaton trong lòng các nguyên tử; và thành các cực âm Dương trong Từ-Điện học.

– Cấu trúc của Khoa Genetic có thang DNA, và các nấc thang kết cấu bằng 4 amino-acids nguyên thủy. **Bốn amino-acids đó đã cấu tạo nên 64 nucleotides khác, y thức như Âm Dương sinh Tứ Tượng; Tứ Tượng sinh ra 64 quẻ Dịch.** Isaac Azimov, trong quyển The Genetic Code của ông, đã vẽ lại tiến trình từ 4 amino-acids nguyên thủy đến 64 nucleotides, và lập thành một đồ bản. Có điều lạ lùng là chúng ta có thể đem thứ tự 64 nucleotides đó mã thành 64 quẻ Dịch, đúng theo thứ tự của Phục Hi. Tôi đã làm chuyện này khi viết quyển Trung Dung Tân Khảo năm 1959-1960.

Sự kiện đó không thể là một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Khảo cấu trúc của các giải ngân hà, của thái dương hệ, của nguyên tử, của các tinh thể; khảo cơ cấu của nhiều cây cối, và sinh vật; khảo cơ cấu của óc não (não thất ba và vỏ não), ta thường thấy hiện ra hình một tâm điểm với nhiều vòng tròn đồng tâm.

Khảo cấu trúc của nhiều đền đài miếu mạo (Stonehenge, Borobudur); khảo các hình trang trí (Hình Mặt Trời-Đá của Aztecs; Đá Tjuringa của Úc); hay các hình vẽ của các nghệ sĩ (Hình vẽ trên cát của dân Navaho; các hình hoa thị trong các nhà thờ); các mandala ấn Độ, Tây Tạng; khảo các mô hình của nhiều thành phố từ trước tới nay; các hình vẽ của các bệnh nhân, ta thường thấy vẽ theo hình **tâm điểm và vòng tròn**.

Tất cả đều cho thấy rằng giữa lòng vũ trụ biến thiên, luôn tiềm ẩn Bản Thể bất biến.

Nhìn vào tổ chức não bộ con người, ta thấy Não Thất Ba nằm tại Trung Cung Não Bộ. Bà La Môn và Phật Giáo gọi đó là Liên Hoa Tâm, Lão Giáo gọi đó là Nê Hoàn Cung, nơi Thượng Thần trời đất ngự trị.

Về phương diện đạo giáo, học thuyết này đưa ra một cái nhìn hết sức siêu tuyệt. Nó chủ trương:

– Trời Phật chẳng có ở đâu xa mà đã ở ngay trong lòng sâu con người.

– Con người vì có cùng một Bản Thể với vũ trụ, với Nguồn Sinh vũ trụ, nên có một giá trị siêu tuyệt, cũng như có những khả năng vô biên vô tận. Những khả năng này hiện nay còn tiềm ẩn. Con người cần phải dùng thời gian, không gian, dùng vũ trụ, ngoại cảnh, cần hợp lực với tha nhân để khai triển, để thực hiện những khả năng vô biên ấy.

– Con người nếu trầm tư, mặc tưởng, nếu biết thu thần, định trí, nếu biết đi sâu vào tâm khảm của chính mình sẽ tìm ra được Chân tướng sang cả; thân thể và định mệnh siêu tuyệt của mình.

– Vì con người có cùng một Bản thể với quần sinh, nên tha nhân với ta là một, vạn vật với ta là một. Ta cần phải yêu, phải trọng, phải hợp tác với tha nhân và với quần sinh vũ trụ.

– Lúc chung cuộc tiến hóa, khi tiến tới điểm Omega, theo từ ngữ của Teilhard de Chardin, con người sẽ trở về hợp nhất với Bản Thể vũ trụ:

– Bà La Môn, Phật giáo gọi thể là Nhập Niết Bàn.

– Lão giáo gọi thể là Phối Thiên hay Đắc Đạo.

– Khổng Giáo gọi thể là Phối Thiên.

– Cao Đài gọi thể là Phối Thiên, hay Thiên Nhân hợp nhất, hay Thuần Chân Vô Ngã.

– Teilhard de Chardin gọi thể là thành Chúa Thánh Thần.

– Riêng đối với con người, nếu ai biết đường tu trì, biết hồi quang quán chiếu, giác ngộ, định tĩnh sẽ có thể Phối Thiên, hay Đắc Đạo, hay Nhập Niết Bàn, ngay từ khi còn ở gian trần này.

Có thể nói học thuyết này đã chứng minh được rằng: Thánh Hiền Đông Tây, Kim Cổ không phân đạo giáo đều có đồng một niềm tin, một học thuyết, một tầm nhìn, một lối nghĩ, một đường lối như nhau. Tuy sự phát biểu, và lẽ lối diễn đạt có hơi khác biệt nhau, nhưng đại ý vẫn là một.

Tôi nghĩ rằng trong tương lai nhân loại sẽ nhận ra rằng học thuyết này mới là CHÂN LÝ VĨNH CỬU BẤT BIẾN của trời đất, và sẽ dùng nó làm kim chỉ nam để khảo cứu khoa học, triết học, đạo giáo, đồng thời cũng dùng nó làm đuốc sáng soi đường cho mình trong công cuộc tu trì, qui nguyên phản bản, thành chân chứng thánh.

Nay, đem trình bày cùng quý vị học thuyết này, tôi ước mong được quý vị chia sẻ lập trường của tôi, ý nguyện của tôi.

Trong khi soạn thảo học thuyết này, tôi muốn trước hết là tôn vinh tiên tổ của chúng ta: Từ thời Lý, Trần các Ngài đã thông hiểu học thuyết này, và đã dùng nó để hòa đồng các tôn giáo trong nước; sau nữa muốn nhân danh là một người Việt Nam tị nạn, hiến dâng cho thế giới một công trình suy khảo trong hơn 40 năm của đời mình. Nay tôi đã hoàn thành xong được cả hai ấn bản một bằng Việt Văn, hai bằng Anh Ngữ. Quyển Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể này có những đoạn trùng phức nhau, vì tôi viết nó trong một thời gian rất lâu là từ 1976 đến nay.

Nếu quý vị tha cho những chỗ trùng điệp trong sách này, quý vị sẽ thấy càng ngày sách càng thêm mạch lạc và lý sự. Quyển [The Monistic Theory](#) tôi viết vào năm 1993. Tuy nó không giống với quyển tiếng Việt, vì tôi soạn thẳng nó, chứ không dịch từ tiếng Việt, nhưng tư tưởng thì hoàn toàn giống nhau.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 2

ÍT NHIỀU LOẠI TỪ NGŨ DÙNG TRONG THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Thuyết **Thiên địa vạn vật đồng nhất thể** có thể nói được là một thuyết then chốt của nhiều Đạo Giáo, và của nhiều Mật Tông, Mật Giáo trong thiên hạ.

Nó chính là chuỗi liên châu nối liền các Đạo Giáo với nhau, từ lục địa này sang lục địa khác, từ thời đại này sang thời đại kia. Khảo sát học thuyết này cho kỹ lưỡng, ta sẽ thấy hiện rõ lên: **truyền thống nhất quán của nhân quần từ trước tới nay**, và sẽ soi sáng cho chúng ta rất nhiều về vũ trụ về con người, cũng như về thân phận con người, định mệnh con người, ý nghĩa cuộc sống, v.v..

Những nét chính yếu của học thuyết này có thể phác họa được như sau:

Đại khái nó chủ trương:

- Vũ trụ này không phải đã được **tạo dựng nên bởi không**, mà chính là đã từ một **nguyên lý, từ một bản thể duy nhất sinh hóa, phóng phát ra**. Nguyên lý tuyệt đối ấy có muôn nghìn tên gọi: đó là Brahman, là Thượng Đế vô ngã, là Đạo, là Vô, là Hư, là Vô Cực, là Thái Cực, là Chân Như, là Ein-Sof v.v..

Nguyên lý, Bản thể duy nhất ấy đã sinh hóa ra chư thần (théogony) và vũ trụ (cosmogony).

- Bản thể ấy, vì sinh hóa ra muôn loài, vì là căn cơ, trục cốt muôn loài nên **tiềm ẩn, hàm tàng trong lòng vạn hữu (immanence)** chứ không tách rời, chứ không siêu xuất vạn hữu (transcendence).

- Vì **chủ trương Thượng Đế nội tại, tiềm ẩn ngay trong đáy lòng vạn hữu**, vì chủ trương Thượng Đế không tách rời khỏi vũ trụ, mà chính là toàn thể vũ trụ, nên thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể có bộ mặt **Phiếm thần (Pantheism)**.

- Con người vì đồng bản thể với vũ trụ với Thần linh, nên con người có thể trở thành thần linh, nếu biết quay về tâm khảm mà tìm cho ra bản thể siêu việt ấy.

- Mục đích cũng như ý nghĩa của đời sống nhân quần chính là tìm cho ra Bản thể siêu việt của mình, tu luyện để trở thành thần linh, trở về với **một**, với **căn bản**, với **bản thể** tuyệt đối, duy nhất.

Với những nét chính yếu ấy làm kim chỉ nam, chúng ta có thể phiếm du trong các thánh thư, trong các kỳ thư, bí điển của các đạo giáo mà không còn lo lạc đường, nhầm lối.

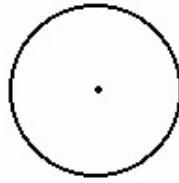
Để dễ theo dõi thiên khảo luận đa dạng này, tôi sẽ trình bày thêm những nét chính yếu của học thuyết này.

Như trên đã nói, vũ trụ này do một bản thể phóng phát, sinh hóa ra. Tuy nhiên có nhiều khía cạnh của vấn đề, chúng ta cần phải nắm vững.

Trước hết là khi chưa có Vũ trụ này, thì Bản thể là Nhất nguyên thuần túy. (Absolute Monism). Khi ấy, Bản thể được gọi là Vô, là Hư, là Ein-Sof, vì chưa hiển dương thành vũ trụ hữu hình, và được tượng trưng bằng số 1, hoặc bằng số 0. [\[1\]](#)

Khi bắt đầu hiển dương, thì Nhất nguyên thuần túy ấy sinh ra Nhất nguyên lưỡng cực (Polaried Unity), tức là tuy Nhất nguyên nhưng thực ra đã hàm tàng, bao quát cả Âm lẫn Dương, cả hai bề Tinh thần lẫn Vật chất của vũ trụ.

1) Khi ấy Bản thể được tượng trưng bằng:



- Hình tròn có chấm giữa. Chấm giữa là sinh cơ. Hình tròn là vạn hữu.
- Hình Thái Cực: (Gồm Âm lẫn Dương)



- Hình Rebis: Re = Res = Vật thể. - Bis: Lưỡng (Nhất vật lưỡng thể).^[2]



- Hình người Ái nam, Ái nữ (Androgynous: Andro: Nam. Gyne: Nữ)



Số 5 (vì $5 = 2 + 3$)

Số 15 (vì $15 = 9 + 6$) (3, 9 là Dương. 2, 6 là Âm)

2). Bản thể Duy nhất sinh xuất ra vũ trụ bằng cách:

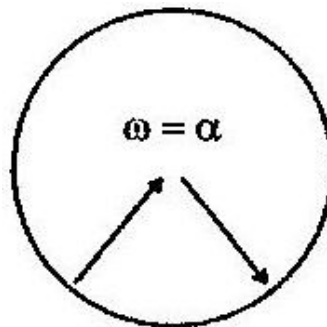
- PHÓNG PHÁT (EMANATION), và
- SINH HÓA (DIVISION), hay PHÂN HÓA.

Phóng phát là phát quang, là tung tỏa chính Bản thể mình ra. Tiếng Anh lẫn tiếng Pháp gọi thể là Emanation.

Phân hóa là tự phân chia dần mãi ra.

1 sinh 2 – 2 sinh 4 – 4 sinh 8 – v.v..

3). PHÓNG PHÁT, PHÂN HÓA không thể vô cùng tận. Tới mức độ nào đó, sẽ có sự chuyển hướng, phản phục. Cho nên tiếp theo thời kỳ phóng phát và phân hóa sẽ đến thời kỳ thâm liễm (absorption, résorption, réintégration), hợp nhất (union), đoàn tụ (réunion).



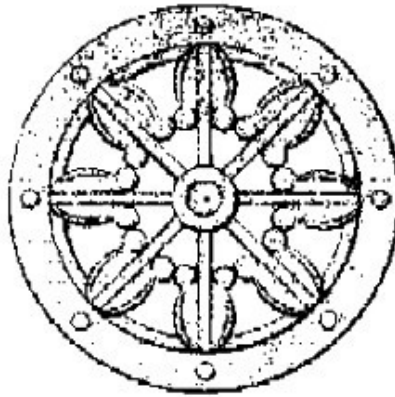
Hai chiều PHÓNG PHÁT, PHÂN HÓA - thâm liễm, hợp nhất hợp thành một Vòng biến dịch tuần hoàn để thực hiện một điều kỳ diệu là:

thủy chung như nhất

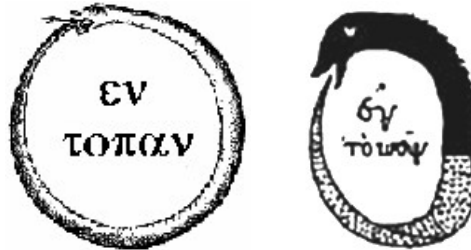
alpha = oméga

Vòng biến dịch tuần hoàn đó được gọi là:

- Vòng Biến Dịch (Nho, Lão)
- Vòng Pháp luân, Vòng Duyên nghiệp, Vòng Luân hồi. (Bà la môn, Phật)



- Vòng Chu xà Ouroboros (Âu Châu)



- Vòng Đại Chu Thiên (Á Châu)

4). Thuyết Vạn vật nhất thể trở thành một học thuyết Đạo giáo, nếu ta đem thay chữ Bản thể bằng chữ **Thượng Đế**, hay **Chân Như**, **Đạo**, v.v...

5). Học thuyết Vạn vật nhất thể đưa tới những hậu quả triết học và Đạo giáo sau đây:

- Thuyết **Phiếm thần**: Thượng Đế là toàn thể vạn hữu (Pantheism)
- Thuyết **Thượng Đế nội tại**, hàm tàng trong vạn hữu (God' Immanence)

6). Quan niệm: Vũ trụ này từ một Bản thể phân hóa, phóng phát ra, rồi lại được thu liễm, hợp nhất lại trong Bản thể, vẽ ra một Vòng biến dịch trong đó:

- Khởi điểm, căn nguyên là **Bản thể**.
- Vòng biến dịch sinh hóa có 2 chiều:

* **Chiều sinh hóa, phóng phát**, tức là chiều tạo dựng vạn vật, vạn tượng. Đó là chiều vãng, chiều hướng ngoại, chiều sinh trưởng, chiều từ nhất biến vạn, chiều ly tâm, chiều xuôi giòng.

* **Chiều Thu liễm, Hợp nhất**, tức là chiều sinh thánh, sinh thần. Đó là chiều lai, chiều phản hồi, chiều hướng nội, chiều qui tâm, hướng tâm, chiều ngược giòng trở về nguồn. Ta thường gọi đó là **chiều qui căn phản bản**.

Cuối Vòng Dịch, tức là chung điểm, ta lại gặp lại Bản thể thuần nhất.

7). Quan niệm phóng phát và qui hoàn cũng vẽ lại định mệnh con người. **Con người tự Trời xuống trần rồi lại từ trần về Trời**. Thế gọi là trở về ngôi vị cũ. Như vậy giác ngộ là giác ngộ được căn cơ, gốc gác mình, giác ngộ được con đường phải đi của mình để trở về quê hương cũ. Dấu sao thì Đắc Nhất, Liễu Nhất, Phối Thiên vẫn là mục phiêu tối hậu của các Thánh Thần.

8). Cuối cùng quan niệm phóng phát và qui hoàn cũng được gắn liền với thuyết Luân Hồi, Tái Sinh, Luân Kiếp (transmigration, renaissance, metempsychosis) với những phụ thuyết như thuyết Hồi ký của

Plato (Réminiscence)...

Học thuyết **Thiên địa vạn vật nhất thể** đại cương chỉ có vậy. Tuy nhiên ít khi nó được trình bày một cách toàn vẹn, một cách trực tiếp, mà lại được trình bày nhiều loại nhiều cách, bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau. Dưới đây xin lược qua các phương pháp trình bày, hay các loại từ ngữ cổ nhân đã dùng để trình bày tư tưởng nói trên.

* VÍ DỤ 1: Tư tưởng cần trình bày:

Vạn hữu, vũ trụ này do một bản thể duy nhất phóng phát sinh hóa ra:

1. Từ ngữ thông thường (ordinary language): Thiên địa vạn vật nhất thể. Nhất sinh vạn.

2. Từ ngữ huyền thoại (mythological language): Prajapati, Purusa, Bành tổ, Ymer, v.v... phân thân thành vũ trụ.

3. Từ ngữ ví von, so sánh (metaphysical language): Vũ trụ này đã do một quả trứng nguyên thủy phát sinh. 1/2 quả thành trời. 1/2 quả thành đất. Vỏ cứng thành núi. Màng mềm thành mây, thành sương. Gân máu trong trứng thành sông. Chất lỏng trong trứng thành biển cả. (Chand. Up 3, 19)

4. Từ ngữ số học (numerical language): Nhất sinh vạn.

$$\begin{array}{c}
 \text{O} \\
 \text{O O} \\
 \text{O O O} \\
 \text{O O O O} \\
 \text{O + OO + OOO + OOOO = 10} \\
 (10 : \text{Vạn hữu}) \\
 \text{YHVVH (Yaweh: Thượng Đế)} \\
 (\text{Pythagore})
 \end{array}$$

5. Từ ngữ tượng hình (symbolical language): Chữ Vạn



Trong đó tâm điểm là Bản thể.

Bốn cánh là vạn hữu.

Và vạn cũng là vạn hữu.

- Một mặt trời (Bản thể) tung hỏa ra muôn hào quang (hào quái, vạn hữu).

- Một gốc cây (Bản thể, Thái cực) sinh ra muôn cành lá (vạn tượng, hào quái) sum sê. Dịch kinh đã dùng những phương thức này.

* VÍ DỤ 2: Tư tưởng cần trình bày:

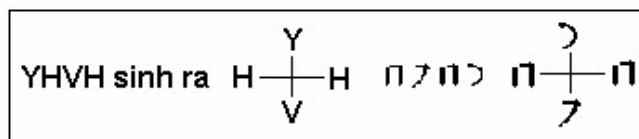
Vũ trụ này đã do một bản thể phóng phát, phân hóa ra.

1. Từ ngữ thông thường: Vũ Trụ này đã do một Bản thể phóng phát, sinh hóa ra.

2. Từ ngữ triết học (langage philosophique): Thái Cực sinh lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái.

3. Từ ngữ triết tự (literal language):

a) YHVVH sinh ra:



(Xem Henri Sérouya, La Kabbale, p. 130)

(YHVH: Yaweh:Thượng Đế)

A (Sắc giới, khi ta tỉnh)

b) AUM sinh ra U (Dục giới, khi ta mơ)

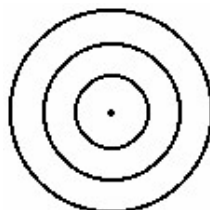
M (Vô sắc giới, khi ta ngủ say) (Mundaka Up. I) [\[3\]](#)

4. Từ ngữ số học:

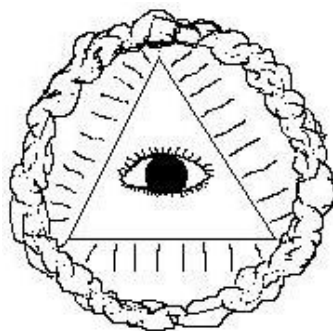
$$\begin{array}{rcl}
 & \text{O} & \\
 & \text{O O} & \\
 & \text{O O O} & \\
 \text{O O O O} & & \text{O : Y} \\
 & & \text{OO : H} \\
 & & \text{OOO : V} \\
 & & \text{OOOO : H} \\
 \text{O} + \text{OO} + \text{OOO} + \text{OOOO} & = & 10 \\
 (10 : \text{Vạn hữu}) & & \\
 \text{YHVH (Yaweh: Thượng Đế)} & & \\
 (\text{Pythagore}) & &
 \end{array}$$

5. Từ ngữ tượng hình (symbolical language):

- Tâm điểm và nhiều Vòng tròn đồng tâm.



- Hình tam giác với Thiên nhãn hay bốn chữ YHVH ở tâm điểm phóng hào quang sinh ra vầng mây vạn hữu biến thiên bên ngoài:



6. Từ ngữ số học loại ma-phương (magical square):

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Trong đó số 5 là Thượng Đế.

Các số bao quanh là vạn hữu. Cộng các phía đều là 15.

Mà 15 là YH. YH là Thượng Đế trong từ ngữ Do Thái v.v.. (Henri Sérouya, La Kabbale, p. 154)

Những tư tưởng, những phương pháp trình bày trên đây chính là những chìa khóa giúp ta mở được các cửa huyền môn trong thiên hạ, và tìm ra được truyền thống duy nhất tự cổ chí kim.

Đó cũng là cách thức khoa học để chứng minh: **VẠN GIÁO NHẤT LÝ.**

CHÚ THÍCH

[1] Bác sĩ Hubert Benoît cũng có viết: «Le chaos primordial (...) non au sens de désordre, mais au sens d'énergie cosmique primordiale non encore manifestée dans les dix mille choses. Dans la Genèse, le Chaos n'est pas le mélange désordonné de la lumière et de l'ombre, de la terre et des eaux, etc... Il désigne la substance primordiale (la Prakiriti du Védanta) d'où naissent la lumière et l'ombre, la terre et les eaux etc... (Lâcher prise, 1954, p. 191-192). Chaos primordial tức là cái mà Đạo học gọi «Hỗn nguyên khí» của vũ trụ chưa hiện ra trong vạn vật. Dịch học gọi là Thái Cực, Thái Hòa, Thái Huyền, Thái Nhất... Lão gọi là Xung Khí (Le souffle du Vide) tức là cái «khí của Hư vô» trong câu «Xung khí dĩ vi hòa» (Nguyễn Duy Cần, Dịch học Tinh Hoa, trang 41-42, chú).

[2] Đây là hình Rebis với Âm Dương, ngũ hành, trích trong quyển Oswald Wirth, l'Apprenti, Compiègne 1962, p. 47.

[3] A est la première mesure (matra) correspondant à l'état de veille

- U, la seconde, correspondant à l'état de rêve,

-M, la troisième, correspondant à l'état de sommeil profond.

La quatrième, mesure est, elle, sans mesure (a-matra). C'est l'état au delà de tous les états que peuvent concevoir l'homme ou dont il peut avoir conscience; nulle description ne peut en être donnée. C'est le **turya** (le «quatrième») paix, joie, nondualité (Mundaka Up. 9-12-7)

«Les trois premières mesures sont Brahman dans sa manifestation. La dernière, dans le silence, c'est Brahman dans son propre mystère.» (Maitri Up. 6,6 và 22, 23)

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 3

HAI CHIỀU HƯỚNG CỦA CUỘC ĐỜI ĐẠO HUYỀN ĐỒNG (MYSTICISM)

I. HAI CHIỀU HƯỚNG CỦA CUỘC ĐỜI

Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể chủ trương rằng Vũ trụ này là từ một Bản Thể Duy Nhất sinh xuất ra. Còn đạo Huyền Đồng chủ trương vạn sự trong trời đất này chung qui sẽ phải trở về với Bản Thể đó. Một đằng thì đi ra, một đằng thì đi vô. Hai chiều ráp lại thành vòng Đại Tuần Hoàn của vũ trụ.

Thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể là chiều sinh Nhân, sinh Vật, còn Đạo Huyền Đồng là chiều sinh Thánh, sinh Thần. Chiều đi ra là chiều xuôi, chiều đi về là chiều ngược. Kinh Dịch chung qui là dạy con người Chiều Ngược này, vì thế nói: **Dịch, nghịch số dã**.

Từ Vô Cực, Thái cực xuống tới âm Dương, sinh hóa vạn vật, đó là chiều thuận. Đó là chiều từ Thái cực ra đến 64 quẻ của Phục Hi. Đạo gia gọi thể là **Giáng Bản Lưu Mạt**.

Từ vạn vật, trở ngược về Bản Thể, hay nói cách khác, từ 64 quẻ trở về Tứ Tượng, Âm Dương, Thái cực, gọi là chiều nghịch. Đạo gia gọi thể là **từ ngọn trở về gốc (Tự mạt phản bản)**. Như vậy, chiều thuận sẽ sinh nhân, sinh vật, chiều nghịch sẽ sinh Thánh, sinh Thần.

Hay nói cho đúng hơn, chiều Thuận là đi từ Thái Cực, đến âm Dương, Tứ Tượng đến 32 quẻ âm phía trái, tức là từ Cấn, đến Khôn. Còn chiều Nghịch là chiều đi từ quẻ Phục, đến Kiền rồi trở về Thái Cực.

Chính vì thế mà nơi quẻ Phục có câu: **«Phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ?»** (Con người biết đằng trở về là khi thấy được trong lòng mình có Thiên Địa chi tâm.)

Con người thường đi theo chiều Thuận từ bé đến khoảng 35 tuổi. Rồi từ 36 đến già sẽ đi theo chiều nghịch, nếu có duyên may, hiểu đạo.

Con đường trở về Nho gia gọi là **Phản Cung**, hay **Phản Thân**, tức là quay lưng lại với thế giới vật chất, và hướng về thế giới tinh thần, về Thái Cực, Vô Cực.

Âu Châu gọi «hướng ngoại trực vật» là Extroversion. Gọi «hướng nội hồi Thiên» là Introversion. Gọi «phản quan» hay «nội quan» là Introspection.

Phật giáo gọi Chiều Nghịch là **«Nội quan»**, hay **«Nội quan quán chiếu.»**

Nhìn sang phía Trời Âu, ta thấy nhiều triết gia cũng đã đề cập đến 2 chiều Thuận Nghịch của cuộc tiến hóa.

Hegel mô tả đại khái như sau: Tinh Thần thoát kỳ thủy xuất phát để phá tán vào vạn vật, rồi qua nhiều thời kỳ văn minh, nhiều chặng đường lịch sử vất vả, lại phục hồi được chân thể, về được với Thượng đế.

Các triết gia Alexandrin và Thomist cũng chủ trương một vòng tuần hoàn từ Thượng Đế xuống, rồi dần dần quay lại.

Denis Areopagites một triết gia và một nhà huyền học Âu Châu thế kỷ thứ 5 sau Công Nguyên cũng chủ trương vũ trụ vận chuyển theo 2 chiều: chiều sinh hóa từ Thượng đế phát ra, và chiều phản bản qui nguyên, trở về với Thượng Đế. [1]

Gần đây, Claude Tresmontant cũng viết: «Có một vấn đề siêu hình thường ám ảnh tư tưởng Âu Châu: Đó là sơ đồ một vòng tuần hoàn từ Nhất sa đọa xuống Vạn, rồi từ Vạn lại phản hoàn về Nhất.»

Hai chiều Thuận, Nghịch của vũ trụ cũng dần dà được các khoa học gia xác định.

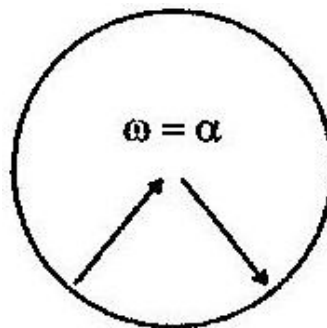
Chiều Thuận tức là chiều Dương tiêu, âm trường đã được Carnot Clausius chứng minh. Quan niệm này được gọi là Nguyên Lý thứ 2 của Nhiệt Động Học, hay nguyên lý Carnot-Clausius. Nguyên lý này đại khái như sau:

- Năng lực trong vũ trụ có một số lượng nhất định.
- Năng lực có thể phân tách thành hoạt lực, và tiềm lực.
- Khi tác dụng hoạt lực sẽ tiêu hao, suy giảm dần và không thể phục hồi nguyên trạng.
- Rốt cuộc, hoạt lực sẽ tiêu hao dần và có một lúc sẽ triệt tiêu.
- Khi ấy, tiềm lực sẽ tăng lên đến mức tối đa (Maximal Entropy), nhưng vô dụng, và thế giới sẽ tận số trong im lìm, lạnh lẽo.

Mới đầu các khoa học gia tưởng thế giới chỉ chuyển động theo một chiều nói trên. Dần dà, các nhà sinh lý học (biologist) và các nhà sáng tạo các máy móc tự động (Cybernetician) đã nhận thấy rằng Nguyên Lý Carnot-Clausius chỉ áp dụng cho vật chất vô tri, chứ không áp dụng cho sinh vật, nhất là cho con người.

Trong con người rõ ràng có 2 chiều biến chuyển:

- Tiêu (Catabolism) Chiều thuận.
- Túc (Anabolism) Chiều nghịch.



«Đi theo chiều thuận, trong thì bị thất tình, lục dục làm mê muội, ngoài thì bị trăm điều, nghìn việc quấy đảo tâm thần, lấy giả làm chân, lấy tà làm chính, lấy khổ làm vui, cứ bị lôi cuốn theo dục vọng, cho đến khi tiêu hao hết tinh thần.

«Người đại trí, đại tuệ đi theo chiều nghịch sẽ thoát vòng kiểm tỏa của các định luật tạo hóa, sẽ không còn bị âm dương nung nấu, không còn bị vạn vật lôi cuốn, dùng đời để tu đạo, lấy nhân đạo để chu toàn Thiên Đạo.

«Nghịch đây là trở về với Tuyệt đối Thể y như một kẻ bỏ nhà ra đi thật xa xôi, nay trở lại nhà. Tuy gọi là "Nghịch Hành", nhưng thực là đi theo đúng lẽ Trời, đó là "cái đại thuận" trong cái nghịch. Nghịch đây bất quá là đi ngược với đường lối của thể nhân thông thường.» [2]

Dịch Kinh trọng chiều nghịch và dạy người quân tử đi theo chiều nghịch, vì thế gọi Dịch là Nghịch Số.

Lão tử trọng chiều nghịch, vì thế mới nói **Phản giả đạo chi động**. (Đạo Đức Kinh, chương XL)

Các đạo gia cũng hết sức trọng chiều nghịch.

Các ngài chủ trương cần phải băng qua hào quái (Hoàn cảnh) trở về Thái Cực, băng qua hiện tượng trở về Tuyệt đối. Các ngài chủ trương muôn loài rồi ra cũng trở về với Tuyệt đối.

Các Ngài chủ trương muôn loài rồi ra cũng trở về với Thái Cực.^[3]

Ngô Chân Trực Chỉ có thơ:

Vạn vật vân vân các phản côn,
Phản côn, phục mệnh tức trường tồn.
Tri thường, phản bản, nhân nan hội,
Vọng tác chiêu hung vãng vãng văn.

Dịch:

Vạn vật rồi ra cũng phản côn,
Phản côn, phục mệnh sẽ trường tồn.
Tri thường, phản bản người đâu rõ,
Nên mới chiêu hung, sống mỗi mòn.^[4]

Lưu Nhất Minh có thơ:

Huyền quan nhất khiếu thiếu nhân tri,
Hoảng hốt yếu minh hàm lưỡng nghi.
Thuận khứ qui lưu phiến não lộ,
Nghịch lai tiện thị thánh hiền ki.

Dịch:

Huyền quan một khiếu, ít người tri,
Phảng phất mơ màng đủ lưỡng nghi.
Đưa đẩy xuôi dòng vương khổ não,
Ngược chiều, hiền thánh tạo căn ki.^[5]

Trên đây đã:

1. Minh xác hai chiều thuận nghịch, cùng ý nghĩa và mục đích của 2 chiều thuận nghịch.
2. Đề cao Chiều Nghịch và nhận chân Chiều Nghịch là chiều sinh tiên, sinh thánh, sinh thần.

Tuy nhiên con người sinh ra đời không phải lúc nào cũng theo được chiều nghịch, mà cũng có lúc phải theo chiều thuận.

Theo thiên ý tôi, một cuộc sống lý tưởng nhất của con người sẽ gồm cả 2 chiều thuận nghịch.

Lúc tuổi trẻ (1-35), theo chiều Thuận, chiều Hướng Ngoại, từ tinh thần tiến ra vật chất, ra ngoại cảnh, ra xã hội để mưu sinh, cải tạo hoàn cảnh, góp phần xây dựng giang sơn, đất nước. Nửa đời sau (36-80, 90), khi đã công thành, danh toại, sẽ đi chiều nghịch, từ vật chất ngoại cảnh, tiến sâu về phía tâm linh, để

thần thánh hóa bản thân, phối hợp với Thái Cực.

Sách Đạo Nguyên Tinh Vi Ca cho rằng: Trước xuống, sau lên hợp tự nhiên. [\[6\]](#)

Như vậy, là biết hồi hướng phải thời, đúng lúc, theo đúng lẽ tuần hoàn, vắng lai, phản phúc của Dịch Kinh, và của trời đất.

Lúc trở vào nội tâm, lúc đi theo Chiều Nghịch, thì mọi sự đều nghịch đảo hết:

Cái gì xưa kia cho là quan trọng, nay trở thành tầm thường; cái gì xưa cho là tầm thường nay trở nên quan trọng.

Lúc ấy, Con người thực tế (le moi empirique; The empirical self) nhường bước cho con người lý tưởng (le moi Idéal; The ideal self).

Thượng đế ngoại tại (God without), sẽ trở thành Thượng đế nội tại (God within).

Thượng đế xưa kia xa cách, nay trở thành thân mật, gần kề.

Người ngoài trông vào, tưởng ta bỏ thực, cầu hư.

Ngược lại, ta biết chắc mình đã bỏ hư, cầu thực.

Đi theo chiều thuận, hướng ngoại, hoạt động bên ngoài là đi theo đời, "đi đời"

Đi theo chiều nghịch, hướng nội, sống một đời sống tinh thần súc tích bên trong, là đi theo đạo, "đi đạo.»

II. ĐẠO HUYỀN ĐỒNG & THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Đạo Huyền đồng là sống một đời đạo giáo kết hợp với Trời ngay từ khi còn ở gian trần này.

Al-Ghazali phê bình: «Khi nhà huyền học sống phối kết với Một, thì đã đi tới giai đoạn tiến hóa chót của con người. Con người không thể nào đi xa hơn thế được, vì đã đi đến Một là không còn Vạn, không còn gì bác tạp nữa.» [\[7\]](#)

Jalalu'd Din có thơ:

Hồn ta, hồn Chúa tuy hai,
Như nước và rượu, hòa hài với nhau.
Chúa, Ta ý hiệp, tâm đầu,
Nước kia, rượu nọ, ai hầu phân ra?
Ngài nay đã trở thành ta,
Ta nay đã thoát cội bờ nhỏ nhoi!
Ngài nay đã chiếm ta rồi,

Còn ta cũng đã thành Ngài còn đâu? [\[8\]](#)

Đạo Huyền Đồng chủ trương Thượng đế là Bản Thể con người, là cốt lõi con người, và luôn luôn tiềm ẩn trong lòng con người (God is immanent in man). Plotinus nói: "Thượng đế không ở ngoài con người, nhưng ở ngay trong lòng vạn hữu. Chỉ tại ta ngu dốt không biết điều đó mà thôi.» [\[9\]](#)

Eckhart cũng nói: «Thượng đế gần tôi hơn chính tôi, Ngài cũng gần gũi đá như vậy, nhưng chúng không biết điều đó.» [\[10\]](#)

Mục tiêu của Đạo huyền đồng: [Trở về với Nhất thể](#).

Một người theo đạo huyền đồng chân chính phải biết rằng muôn vật sinh xuất ra từ Một, và có hiểu rõ lẽ sinh hóa từ Một mới là người theo đạo huyền đồng. (Mysticism).

Eckhart cho rằng: Cái mà con người nhìn thấy thù tạc, phân hóa bên ngoài, thật ra là Một mà thôi. Ở đây, một ngọn cỏ, một tấm gỗ, một phiến đá thật ra cũng là một. [\[11\]](#)

Tennyson viết:

Little flower – but if I could understand
What you are, root and all, and all in all.
I should know what God and man is.

Dịch:

Bông hoa bé nhỏ con con,
Nếu tôi hiểu được nguồn cơn, gót đầu.
Nếu tôi hiểu nó cho sâu,
Trời, Người bao chuyện nhiệm màu, cũng thông.

Phật Giáo cũng chủ trương Vạn loài đồng thể. Trong quyển Zen and Japanese Culture, nơi tr. 352, Daisetz T. Suzuki trích lời thư Tăng Triệu như sau:

Heaven and earth and I are of the same root,
The ten thousand things and I are of one substance.

Đó chính là Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể.

Biết được, theo được đạo huyền đồng là cái duyên mà trời đất ban cho những người có căn cơ, gốc gác, cho những người biết lập quyết tâm đi tìm Đạo, tìm Trời. Người xưa nói: «Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai.» (Ai mà có lòng thành tín, thì vàng đá sẽ mở lòng ra.)

Không biết rằng mình phát xuất ra từ Một, không biết rằng muôn loài là một, là chính mình, thì không bao giờ vào được đạo Huyền Đồng.

Lữ Động Tân viết:

Giá chẳng đáng đồng tiền.
Nếu ai mà hỏi giá,
Muôn vạn lạng hoàng kim.
Đạo tặc chẳng cướp được,
Hỏa thiêu cũng y nhiên.
Ở đời không kẻ biết,
Chí thân cũng không truyền.
Ta từ Vân Động đến,
Tới nay quá thiên niên.
Hận là không kẻ biết,
Trong mình vẫn giữ nguyên.

Nó chẳng đứt, chẳng liền,
Tung ra trùn trời đất,
Thu nhỏ lọt đầu kim.
Nếu ai mà biết được,
Tu đạo, sẽ thành tiên.
Bạn hãy kiếm điểm lại,
Có chăng tại thân biên!

Bài này là một bài kệ của Lữ Động Tân.^[12]

Thực ra, Trời là cốt lõi muôn loài, và là chiều sâu con người, nhưng con người đâu có biết có hay. Họ chạy đi tìm những đạo mới lạ, chỉ duy là đã có sẵn đạo cao siêu nhất ở ngay trong mình, thì lại bỏ qua luôn, không thêm để ý tới. Thế chính là Bụt chùa nhà không thiêng. Thế là có của báu trong nhà mà vẫn phải ngửa tay đi ăn xin người.

Một hôm, tôi sang Paris, trèo lên tháp Eiffel ngắm cảnh. Tôi thấy trăng sao, trời mây ở Paris, là trăng sao, tôi vốn có từ Việt Nam. Tôi nhớ lại đồ ăn, thức uống ở Paris, tôi cũng thấy có ê hề ở Việt Nam. Nghĩa là cái gì cần cho con người như đồ ăn, thức uống, như không khí, thì Trời đã cho tôi có đủ ở Việt Nam. Như vậy, nếu có cái Đạo cần cho con người, thì tôi phải mang nó sẵn trong tôi, chứ nó không thể là cái đạo nhập cảng. Phật nói Ngài là ngón tay chỉ trăng, chứ Ngài không phải là trăng. Đạo Nho nói: Đạo quân tử, phát xuất tự thâm tâm (Cổ quân tử chi đạo, bổn chi ư Thân. -- Trung Dung chương 29). Chính vì vậy mà tôi đã dành nửa đời người để đi tìm cho ra cái đạo tự nhiên, vĩnh cửu mà trời đất đã ban cho tôi từ khi ra đời. Khi còn trẻ, tôi đã đi theo đạo này, đạo nọ, nhưng những gì họ rao giảng, mà không hợp tình, hợp lý, không hợp với tự nhiên, với Thiên Lý, với những định luật vĩnh cửu của trời đất là tự nhiên nó trôi đi, như nước đổ đầu vịt.

Thánh hiền các đạo giáo đều dạy lẽ Qui Nguyên Phản Bản. Lão tử viết:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
Hoàn bản nguyên an nhiên phục mệnh,
Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.
(Xem bài Qui Căn, chương XVI, Đạo đức Kinh)

Các đạo giáo Á Đông đều dạy «qui căn phản bản», hay «qui nguyên, phục thủy.»

Bà La Môn dạy ta:

Tiến từ Hư Vọng, tới Chân Thực.
Từ tối tăm đến Ánh sáng.
Từ Tử Vong đến Bất tử. (Brih. 1.3.28).

Đạo Phật dạy 4 chữ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh: Tiến tới Thường Hằng, Hạnh Phúc, Đại Ngã (Phật tính. Chân Tâm), Thanh Tịnh.

Đạo Nho dạy: Khử nhân dục (Vọng Tâm), Tồn Thiên Lý (Chân Tâm) và hễ Nhân Dục thắng, thì Thiên Lý vong, Và phải sống sao cho lòng được Quang, Minh, Chính Đại.

Như vậy, giác ngộ là tìm ra được Chân Tâm, Chân Ngã khuất lấp sau bức màn vô minh và hiện tượng.

Tóm lại, Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể sẽ trở thành một học thuyết đạo giáo hết sức cao siêu, nếu ta thay chữ **Bản Thể** bằng những danh từ như **Thượng đế, Allah, Chân Như, Đạo v.v...**

Tuy nhiên, nó hết sức khác với tôn chỉ của các đạo giáo công truyền, vì nó chủ trương:

- * Con người có Thiên Tính.
- * Thượng Đế ngự trong lòng sâu vạn hữu.
- * Mọi người đều có một giá trị siêu việt, đều có sẵn nơi mình những khả năng vô biên, vô tận, đều có thể tiến hóa vô biên tận.
- * Mọi người phải tương ái, tương thân, vì đều có cùng một Bản Thể.
- * Mọi người phải đem tình yêu ban rải tới chúng sinh, vì chúng sinh có đồng một bản thể như mình.
- * Phải đi vào Tâm mà tìm Đạo, tìm Trời.
- * Làm chính trị, hay lãnh đạo dân là phải lo cho dân ấm no, sung sướng,
- * Lãnh đạo nhân quần là phải hướng dẫn nhân quần tới Chân, Thiện, Mỹ.
- * Phải biết đoàn kết để giải quyết mọi nỗi dở dang, chệch mác còn có trên đời này.
- * Mục đích của đời sống là sống cao khiết, kết hợp nhất như với Thượng đế ngay từ khi còn ở gian trần này.
- * Khi còn ngây thơ, thì trông vào tha lực, khi đã trưởng thành, đã giác ngộ, thì trông vào tự lực.
- * Lương tâm là Thiên Thư duy nhất, không nhiễm màu thời gian và không gian: Không ai có thể mạnh tâm sửa đổi được.

Nếu quả thật con người sinh ra ở cõi đời này là cốt để thực hiện cái Bản Thể cao đại của mình, thực hiện một cuộc sống cá nhân và xã hội lý tưởng, thì chúng ta mới tìm ra được một lẽ sống đích thực cho cá nhân và cho nhân loại. Nếu quả thật chúng ta sống ở đời cốt là để thực hiện một cuộc sống lý tưởng cho mình và cho người, ta sẽ tìm ra ngay những thiếu sót mà mỗi người chúng ta, mỗi quốc gia, xã hội đang còn mắc phải.

Chúng ta còn đói khổ? còn bệnh tật? còn lầm than? chúng ta còn ngu si, dốt nát? chúng ta còn đầy sân hận? chúng ta còn bị dục vọng dày vò? Hoặc xã hội chúng ta còn đang lạc hậu, đang bị bóc lột, đang bị cùm xiềng?

Khi đã tìm ra căn bệnh rồi, tìm ra thuốc chữa không còn phải là khó. Cái khó là chính vì chúng ta không chịu suy tư, không chịu vươn vượt, không chịu đoàn kết để mà xây dựng tương lai. Nếu chúng ta không cùng nhau ra tay tìm ra nguyên nhân mọi chệch mác dở dang, mọi khổ đau của nhân quần, nếu chúng ta không chịu sửa sai, sửa lỗi, thì không bao giờ chúng ta có một cuộc sống tiến bộ, đáng sống.

Tin vào sức mạnh mình, tin vào những khả năng vô biên tận của con người, tin vào sức mạnh vô biên của sự đoàn kết, của sự tương kính, tương thân, con người sẽ tạo cho mình một đời sống cực lạc, hạnh phúc cho mình và cho mọi người. Đó là định mệnh con người trong tương lai, mai hậu.

Và tôi liên tưởng đến bài thơ Plein Ciel của Victor Hugo:

Thuyền Nhân loại hướng về đâu tá?
Thuyền quang hoa băng ngả thần tiên.
Tiến về mai hậu siêu nhiên,
Tiến về đức hạnh nguyên tuyền tinh hoa.

Ánh khoa học Trời xa lóng lánh,
Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên,
Tiến về đẹp để tinh tuyền,
Tiến về Thượng giới, về miền muôn sao.

CHÚ THÍCH

- [1] Xem Dịch Học Nhập môn của Tác giả, các tr. 116-138.
- [2] Xem Lưu Nhất Minh, Tượng ngôn phá nghi, q. thượng tr. 1 b.
- [3] Nhất giả Vô chi xưng, vạn vật chi sở dĩ thành chung, cổ văn Qui Nhất. Ngũ hành tương thôi phản qui nhất. -- Huỳnh Đình Ngoại Cảnh, tr. 18.
- [4] Ngô Chân Trực Chỉ, quyển 3, tr. 12.
- [5] Lưu Nhất Minh, Tượng Ngôn Phá Nghi, q. hạ tr. 7a.
- [6] Hậu thăng, tiền giáng hợp thiên nhiên.
- [7] Al-Ghazali comments: "When the mystic enters into the pure and absolute Oneness of the One and into the Kingdom of the One and Alone, mortals reach the end of their ascent... No higher ascent for the soul is possible, for there is no height beyond the highest and no multiplicity in the face of the Unity..." — Evelyn Underhill, *Mysticism*, A meridian Book, p. 174–175.
- [8] With Thy Sweet Soul, this soul of mine,
Had mixed as Water doth with Wine,
Who can the Wine and Water part,
Or me and Thee when we combine?
Thou art become my greater Self,
Small bounds no more can me confine.
Thou hast my being taken on,
And shall not I now take on thine?...
Hal Bridges, *Mysticism*, A meridian Book, p. 426.
- [9] God, says Plotinus, is not external to anyone, but is present with all things, though they are ignorant that He is so. *Mysticism*, Evelyn Underhill. p. 99.
- [10] God, says Eckhart, is nearer to me than I am to myself: He is just as near to wood and stone, but they do not know it. — *Mysticism*, p. 101.
- [11] All that a man has here externally in multiplicity is intricically one. Here all blades of grass, wood and stone, all things are one.—Hal Bridges, *American Mysticism*, Harper and Row, 1979, p. 3.
- [12] Một hôm, vào khoảng năm 1976, tôi và nhà tôi xuống thăm chùa Đạo Lão là Chùa Khánh Vân, ở đường Lò Siêu, Chợ Lớn, tôi thấy trụ trì đem dán cho thiên hạ đọc. Tôi ghi chép lại, và đem về dịch ra tiếng Việt, và cũng đem biểu vị trụ trì một bản. Bài này, sang Mỹ rồi, nhà tôi mới đem ghi chép lại. Có

thể là thiếu đi ít câu, nhưng đại ý chỉ có vậy.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 4

THIÊN CHÚA GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Muốn nhận định về vấn đề này cho chính xác, chúng ta cần phân biệt hai thành phần:

1) Thành phần quần chúng và Giáo Hội, hay giáo lý công truyền.

2) Thành phần thiểu số Thánh Hiền (khoảng 100 người) theo Đại đạo, hay Huyền Học (Mystics). Tức là những người chủ trương thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

A. Nếu đứng về phía quần chúng, và giáo hội, hay giáo lý công truyền của Thiên Chúa Giáo mà nói, thì phải nhìn nhận rằng **Thiên Chúa Giáo không hề chấp nhận thuyết Thiên Địa Vạn Vật nhất Thể**. Theo Thiên Chúa Giáo thì Thượng Đế toàn năng sinh ra vạn hữu bởi Không (ex nihilo). Thượng Đế có bản tính của Thượng Đế, vạn vật có bản tính của vạn vật. Thượng Đế và tạo vật hết sức là xa cách nhau.

Ngoài ra, Thiên Chúa giáo còn chủ trương: Chỉ có ba ngôi Thiên Chúa là đồng nhất thể. Chỉ có Chúa Giesu giáng trần là có «tính» Trời và «tính» người. **Còn nhân loại, bất kỳ ai, cũng chỉ có «tính người» mà thôi, vì thế mà ai ai cũng bất toàn, ngoại trừ Chúa Giesu.**

Chính vì thế, mà khi nói con người có thể kết hợp được với Thượng Đế thì chỉ có ý nói kết hợp bằng tình yêu, bằng ơn thánh sủng, chứ không phải là trở nên cùng một bản thể với Thượng Đế.

Công giáo rất tránh chữ **Deification** hay **Divinization** (Thần thánh hóa con người – người biến thành, trở thành Trời, «**làm Trời**»), và cho đó là một sự phạm thượng, phạm thánh, và chủ trương lúc chung cuộc, tất cả những linh hồn thánh thiện chỉ được chiêm ngưỡng thiên nhan Trời trên thiên đàng mà thôi (vision béatifique).

Lạ lùng thay, Giáo hoàng John Paul 2 đã dùng chữ Divinization of man nơi tr. 193 trong quyển Crossing the Threshold of Hope. Ông viết: **«The divinization of man comes from God. But here too, man must cooperate with God.»** Đó là một điều tôi chưa từng thấy bao giờ.

B. Nhưng nếu ta khảo cứu thư tịch do các thánh hiền Công Giáo, do các nhà huyền học Công Giáo để lại (Mystics), thì ta thấy các Ngài chủ trương:

1. Thượng Đế là Bản thể muôn loài (Đó chính là thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể).

2. Thượng Đế hay Bản Thể bất khả tư nghị ấy đã phóng phát ra muôn loài. Đó chính là Thuyết Phóng Phát (Emanation theory).

3. Thượng Đế là cốt lõi, là tâm điểm muôn loài. Đó là thuyết Thượng Đế nội tại (Immanence theory).

4. Muốn tìm Thượng Đế, phải tìm nơi đáy lòng, phải hư tâm, v.v...

5. Cuối cùng là con người có thể kết hợp nhất như với Thượng Đế.

Ta sẽ dùng thư tịch thánh hiền Công Giáo, để chứng minh những điều đó.

1. Thượng Đế là Bản Thể muôn loài

Sách Thần Học Đức (Theologia Germanica), một tập sách huyền học viết vào khoảng thế kỷ 13, 14, rất nổi tiếng nhưng lại không biết ai là tác giả, đã viết: «Thánh Paul nói: Khi cái hoàn toàn đến, thì cái bất toàn sẽ rút lui.» (I. Cor.13:10).

Chúng ta hãy lưu ý tới «cái hoàn toàn» và «cái bất toàn.»

«Cái hoàn toàn» là cái «Điều hữu» bao quát và tóm thâu vạn hữu vào trong mình và vào trong bản thể mình. Không có nó, và ngoài cái đó ra, thì không có thực thể nào khác, và vạn hữu đều dựa vào nó mà có bản thể. Cho nên, đó chính là Bản Thể muôn loài. Nó vốn bất biến, bất thiên, nhưng lại làm biến thiên mọi sự.

Còn «cái bất toàn» là tất cả cái gì phát xuất hay bắt nguồn từ «cái hoàn toàn», là «Cái gì là phân thể», là cái gì hình dung, tư nghị được. Còn «cái gì hoàn toàn viên mãn» thì không thể nào hình dung, tư nghị được. Chính vì vậy, mà ta không đặt tên được cho «cái hoàn toàn», vì nó vốn không tên.

Tạo vật không thể hình dung, tư nghị hay danh xưng cái hoàn toàn được...» ^[1]

Sách tiếp tục viết đại khái như sau: «Cái bản thể viên mãn đó, chỉ có thể hay biết bằng tâm, bằng «tâm hư», nghĩa là một thứ tâm đã trút bỏ được mọi bóng hình của vạn hữu, mọi ảo ảnh của vạn tượng bên ngoài, «một tâm hồn đã trút bỏ được ngay cái phàm ngã, cái tiểu ngã của mình.» ^[2]

Tóm lại, muốn biết cái hoàn toàn, cái viên mãn, phải rũ bỏ được, phải siêu xuất được lên trên mọi cái bất toàn. ^[3]

Các nhà huyền học Công Giáo cũng chủ trương «Thượng Đế ở trong mọi loài, mọi loài ở trong Thượng Đế.» ^[4]

Thánh John of the Cross chủ trương «Thượng Đế là bản thể của mọi người cũng như của mọi loài. Cho nên Thượng Đế hiện diện bằng Bản Thể mình trong lòng mọi người, dẫu đó là kẻ tội lỗi nhất.» ^[5]

Đọc những lời lẽ này ta lại nhớ đến lời của Đại sư Đạo Sinh «[Xiển đề chi nhân, giai hữu Phật Tính](#)», và như vậy, Thượng Đế cũng là «toàn thể vũ trụ.»

Thượng Đế = Vũ Trụ.

Thánh Bernard viết:

«Thượng Đế là gì?»

– Đó là ngang, dọc, cao, sâu.

– Ủa, sao Ngài lại chủ trương Thượng Đế là bốn phía như vậy, đó là điều mà Ngài vốn ghét.

– Không phải vậy...

Gọi [Thượng Đế là Một](#) cho dễ hiểu, nhưng chưa mô tả được tính cách Ngài. Tính cách Ngài có thể chia ra, nhưng Ngài thì không thể chia.

«Lời lẽ tuy khác, đường đi tuy nhiều, nhưng chỉ có một chủ trương, một ý nghĩa. Mọi đường lối đều dẫn về một Đấng tối cao.» ^[6]

Eckhart viết: «Thượng Đế gần tôi hơn là tôi gần tôi. Ngài cũng gần kề gỗ và đá như vậy, nhưng chúng không biết điều đó.» ^[7]

Lời nói đó làm ta liên tưởng đến một lời tương tự của Plotinus, một nhà huyền học ngoại đạo thời Trung Cổ (c. 205-270). Plotinus viết: «Thượng Đế không ở ngoài, nhưng hiện diện trong muôn loài, mặc dầu muôn loài không hay biết.» [8]

2. Thuyết phóng phát (Emanation theory)

Từ Bản Thể hoàn hảo ấy, muôn loài đã được phóng phát ra như ánh sáng từ mặt trời, ánh nến từ ngọn nến...

Thánh Thomas Aquinas cũng mặc nhiên công nhận thuyết phóng phát, khi Ngài viết: «Bởi vì tất cả các sự hoàn hảo của vạn vật từ Thượng Đế mà xuống mãi, mà Thượng Đế là tuyệt đỉnh của hoàn hảo, cho nên con người cũng phải bắt đầu từ tạo vật thấp nhất, để đi lên từng cấp, và như vậy để tiến tới sự hiểu biết Thượng Đế.

«Và vì ở nơi Thượng Đế – ở nơi tuyệt đỉnh muôn loài ấy – ta thấy một sự đồng nhất hoàn toàn, và vạn hữu càng trở nên đồng nhất thì càng trở nên mạnh mẽ hơn, chúng ta suy ra rằng vạn hữu càng rời xa Thượng Đế, căn nguyên của vạn loài, thì càng trở nên khác biệt nhau.» [9]

Nhưng nếu chỉ biết Thượng Đế là nguồn sinh vạn hữu, thì chúng ta vẫn cảm thấy Ngài xa cách muôn trùng (Transcendent), vẫn thấy như có bức màn mây vô minh khuất lấp Ngài (the cloud of unknowing), và như vậy, vẫn tưởng như là Ngài ở bên ngoài vạn hữu. [10]

3. Thượng Đế là cốt lõi, là tâm điểm muôn loài

Cho nên các nhà huyền học Công Giáo lại tiến lên một bước nữa và chủ trương «**Thượng Đế nội tại**», «**Thượng Đế hiện diện trong lòng vạn hữu**» Công Giáo như:

- «Nước Trời trong anh em.» (Luke 17:21)
- «Thần Chúa ở trong anh em.» (I Cor 3:16)
- «Đấng Christ trong ta.» (Ephesians 4:13)
- «(đấng Christ trong ta) phải nảy nở cho đến khi trưởng thành như Chúa Giesu.» (Ephesians 4:7-13).
- «Chúa Trời ở trong ta, và ban cho ta Thần Ngài.»(I John 4:12-13)
- «Thần Chúa ở trong ta.»(Rom. 8:9).
- «Đấng Christ trong ta.»(Col. 1:25-27)
- «Trong ta có mầm mống thần linh.»(Rom 8:22-23) [11]
- «Thượng Đế không ở xa chúng ta, vì ta sống động và có bản thể ta trong Ngài.»Acts 17:27-29. [12]

Và như vậy, tuyệt đối mà mọi người đi tìm tới không có ở nơi xa vời tách khỏi thế giới phù sinh, bất toàn, mà thực tế đã ở ngay trong lòng biến dịch. [13]

Và như vậy, Thượng Đế chính là cốt lõi con người, là trục cốt, là chân tâm con người.

Cái «bản thể thần linh ấy», các nhà huyền học thấy, như lời Ruysbrock đã nói, ở ngay «Tâm đỉnh con người.» Eckhart gọi đó là «Thần quang». Tauler gọi đó là «Căn cơ», giáo phái Quakers gọi đó là «Quang minh nội tại»; các nhà huyền học hiện đại gọi đó là «Nguyên lý», nguồn mạch của mọi sự sống thực. [14]

Eucken gọi đó là Điều Lý nơi con người, là Chân Tâm, là Cốt lõi con người, nơi mà «Trời Người gặp gỡ thừa ban sơ.» [15]

Khi các nhà huyền học nhìn thấy được cái nguyên lý, nguyên Thần ấy ở nơi mình, – sự việc mà Phật giáo gọi là «Kiến Tánh», – họ ngỡ ngàng vì đã được chứng kiến một sự kiện hết sức là kỳ diệu, đó là «Trời người hợp nhất» trong một cái «lớn thì lớn như Trời, mà nhỏ thì nhỏ như tôi.» [16]

Thuyết Phóng Phát (Emanation Theory), và Thuyết Nội Tại (Immanence theory) dẫn tới thuyết Qui Nguyên tức là Qui Tâm (the return to the Unconditioned or to the Uncreated Source). [17]

Ruysbroeck cho rằng: chỉ cần hồi quang quán chiếu với một lòng kính mến, con người sẽ gặp Thượng Đế mà không cần môi giới. Họ sẽ nghe thấy người Cha của mọi quang minh luôn luôn trò Chuyện với mình trong nơi thâm lặng nhất của tâm thần. Họ sẽ nghe thấy được Nguyên âm, nghe thấy được Thần Ngôn uyên nguyên, ẩn áo. [18]

Thánh Teresa of Jesus viết: «Tôi đã hiểu được Chúa ở trong mọi sự như thế nào, và trong tâm hồn như thế nào; cái bọt bể thấm đầy nước đã gợi ý niệm đó cho tôi.» [19]

Con đường lữ thứ của con người đi tìm Thượng Đế chính là con đường nội tâm: có đi vào đáy lòng mới tìm thấy Đấng Tối Cao. [20]

Nếu Ái Châu nói Vô Cực, với Thái Cực, nói trong con người có Thần Trời, có Thiên Tâm, thì thánh Têrêsa, với quan niệm Thiên Chúa ba Ngôi đã chủ trương:

a) Chúa Cha chính là Tuyệt đối Thể, nguồn mạch vạn hữu, bất khả tư nghị. Đó là Chân Nhất theo từ ngữ của môn phái Tân Bá Lạp đồ. [21]

b) Ngôi Hai chính là Thần Ngã, là Đạo, là sự phát huy, là sự hiển dương của Thiên ý. Đó chính là nhịp cầu bắc giữa Tuyệt Đối và Tương Đối. [22]

c) Thánh thần chính là Thần nội tại, là nguồn sinh tuyệt đối trong tâm khảm con người, nguồn mạch sinh ra sự Viên Giác nơi con người, và chính là vòng khôn nối kết con người với Bản Thể Thượng Đế. [23]

Và như vậy, khi vào tới nơi thâm sâu nhất trong tâm hồn, con người sẽ thấy mọi sự dị biệt tan biến, và chỉ còn thấy «Chúa tại một tâm điểm» [24]

4. Muốn tìm Thượng Đế phải tìm nơi đáy lòng, phải hư tâm

Thomas R. Kelly viết: «Ẩn sâu trong lòng chúng ta, có một thánh thất, một Thiên Tâm, một Chân Ngôn mà bất kỳ lúc nào chúng ta cũng có thể trở về.

Vĩnh cửu đã ở ngay trong tâm hồn ta, khuyến dụ ta, cho chúng ta biết chúng ta có một định mệnh lạ lùng sang cả, và kêu gọi chúng ta trở về Thiên Tâm ấy.

Tin tưởng hoàn toàn vào ánh sáng nội tâm ấy, chúng ta sẽ bắt đầu một cuộc sống thực. Ánh sáng nội tâm ấy sẽ làm bừng sáng «Thiên Nhan» và sẽ cho ta nhìn thấy những vinh quang mới của bề mặt thật con người. Đó là Đấng Christ nội tại đang ngủ mà chúng ta cần đánh thức dậy... Ngài ở ngay trong chúng ta.» [25]

Thomas R. Kelly suy luận thêm, đại khái rằng:

Như vậy, tâm hồn ta ý thức như có 2 tầng:

– 1 tầng phiến diện để lo chuyện trần hoàn.

– 1 tầng sâu trong tâm khảm để tiếp xúc với Thượng Đế, với Vĩnh Cửu. [26]

Con người đạo hạnh phải là con người viên mãn, không thể vì cái tâm phiến diện, vụn vặt, bất toàn, mà bỏ quên mất cái phần chính yếu, đẹp đẽ nhất, huy hoàng nhất của con người (đó là cái tâm khảm chân chính). [27]

Thánh Augustine viết: «Chúng con tiến lên con đường của Chúa ở ngay trong lòng chúng con và hát lên bài hát của các tầng cấp; nội tâm chúng con bừng sáng lên vì ngọn lửa của Chúa, và chúng con đi, bởi vì chúng con tiến lên cho tới sự bình yên của Jérusalem.» [28]

Biết được rằng Thượng Đế ngự trị trong tâm khảm mình, là nguồn gốc của mình, biết rằng từ nguồn gốc vĩnh cửu ấy phóng phát ra tâm tư của mỗi người chúng ta, và từ tâm tư nhỏ nhoi ấy của mỗi người chúng ta, chúng ta cố thể trở về với nguồn gốc vĩnh cửu, với bản thể tuyệt đối, tức là hiểu được vòng đại tuần hoàn của Tạo Hóa, vòng Đại Chu Thiên của đất trời. [29]

Như vậy, hành trình đi tìm Tuyệt đối không phải là một hành trình diêu vợi, xa xôi, mà chính chỉ là một sự giác ngộ, giác ngộ thấy Thực Thể lồng ngay trong tâm khảm mình, cũng như trong tâm vũ trụ. [30]

Thế là đất cũng tràn ngập trời, và đúng như Téwekkul Béq, một nhà Huyền Học Hồi Giáo đã nói: «Ngài là tôi, mà tối tăm thay là lòng tôi thừa trước, tôi đã không biết được điều bí ẩn, siêu việt ấy.» [31]

Kết quả công phu tu luyện là phá vỡ được bức tường ngăn giữa Nhân Tâm và Thiên Tâm để tiến sâu vào Tâm Khảm con người để mà gặp gỡ Thượng Đế. [32]

Thế là về với Chúa, là kết nghĩa với Chúa Con. [33]

Thế là hưởng được sự an lạc của Thượng đỉnh tâm hồn, lúc ấy không còn phân biệt nội ngoại xa gần, và chỉ còn lại sự an tĩnh của yêu đương. [34]

Albertus Magnus nói: «Lên tới Chúa tức là đi sâu vào Tâm Hồn mình...» [35]

Lời này cũng giống như lời Mạnh Tử:

Thấu triệt lòng sẽ hay biết Tính

Hay biết tính nhất định biết Trời.

(Tận kỳ Tâm tắc tri kỳ Tính, Tri kỳ Tính tắc tri Thiên. Mạnh tử, Tâm Tâm Chương Cú hạ).

Eckhart cũng nói: «Chúa ở gần ta mà ta xa Ngài, Chúa ở trong, mà ta ở ngoài, Chúa ở trong nhà mà ta thời tha hương, viễn xứ.» [36]

Theo thánh Bernard, thì các nhà huyền học thu thần, định trí, hướng nội, tiến vào chiều sâu tâm hồn, vì tin rằng trong đó có Chúa Trời ngự trị, và đi vào Tâm là có thể tìm thấy Chúa. Trên con đường đi vào nội tâm đó, họ tin rằng thần thánh ở với họ, còn Thượng Đế thì chẳng những ở với họ, mà còn ở trong họ. [37]

Tóm lại, khẩu quyết của Thánh Hiền Công Giáo chính là Nước Trời ở trong ta, vậy hãy tìm nước Trời ngay trong Tâm Thần ta. [38]

5. Con người có thể kết hợp nhất như với Thượng Đế, con người có thể thành Thượng Đế

Euken viết: «Cái lạ lùng nhất là con người có thể biến thành Trời.» [39]

Thánh Athanasius viết: «Chúa xuống làm Người, để ta có thể làm Chúa.» [40]

Thánh Augustinus kể lại quãng đời trước khi Ngài trở lại Đạo, có viết: «Tôi nghe thấy tiếng từ thánh không nói với tôi: "Ta là thực phẩm cho những người đã khôn lớn. Con hãy lớn lên và hãy ăn ta, không phải để ta biến thành thể chất con, mà chính là để con biến thành Ta.» [\[41\]](#)

Eckhart viết: «Chúa nói với mỗi linh hồn: «Ta đã làm người vì con, nếu con không thành Chúa vì Ta, thì con đã chẳng tốt với ta.» [\[42\]](#)

Eckhart còn viết bạo hơn: «Nếu tôi có thể biết Chúa trực tiếp thì nhất định tôi phải trở thành Ngài, và Ngài trở thành tôi. Ngài và tôi trở nên một Tôi.» [\[43\]](#)

Thánh Paul nói: «**Tôi sống chẳng phải là tôi sống mà là Chúa sống trong tôi.**» (Galatians 2, 20)

Thánh Paul còn nói: «**Ai sống hết hợp với Chúa, sẽ có một thần như Chúa.**» (I Cor. 6, 17). [\[44\]](#)

Sau khi biết được quan điểm của các thánh hiền Công Giáo, đối với Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể và những hậu quả xa gần của nó, ta trở lại Kinh Thánh, và lấy Kinh Thánh để làm tiêu chuẩn cho vấn đề. **Tôi nhấn mạnh hai chữ Thánh Kinh, chứ không muốn đề cập đến giáo lý thông thường.**

1. Trước hết, Thánh Kinh gọi Chúa Giesu là Con Thiên Chúa (Mat 4:3; John 3:3), nhưng cũng gọi những người thánh thiện là Con Thiên Chúa. (Rom 8:14; Rom. 8:19).
 2. Chúa Giesu lập kinh Lạy Cha để cho mọi người biết Chúng ta và Ngài đều là Con Thiên Chúa. Và như vậy, nếu Ngài có Tính Trời, thì lẽ dĩ nhiên chúng ta cũng có Tính Trời. (Suy luận của tác giả).
 3. Mọi người đều có thể làm được phép lạ, có khi còn hơn Ngài, nếu họ có đức tin (Luke 17:6).
 4. Ngài dám coi tha nhân là Thượng Đế:
Khẩu hiệu của Ngài là mến Chúa, yêu người. (Mat 22: 37-40).
– Thương giúp kẻ nghèo, kẻ tật bệnh là thương giúp ngài (Mat 25: 35-40).
– Bức bách giáo hữu là bức bách Ngài. (Acts 9:5-6)
 5. Con người chẳng bao giờ xa rời được Thượng Đế: Thượng Đế là goộc nho, con người là cành nho. Cành có bao giờ rời được gốc? (Mat 15:5)
 6. Và như vậy, con người có thần Trời trong tâm hồn (I Cor. 3:1)
 7. Nếu như vậy, thì nước Trời phải ở đáy lòng (Luke 17:21), và Chân đạo phải là sự chuyển hóa tâm hồn (John 4: 24), phải là sự ban phát Công Bằng, Chính Trực. (Proverbs 21:3; Isaiah 1:17; Jer 22:3), chứ không phải là sự mấp máy môi miệng (Isaiah 29:13; Mat 15:8)
 8. Ước nguyện của Chúa Giesu là ước gì Trời Người hợp nhất. (John 17:21-25)
 9. Định mệnh tối hậu của nhân loại là: Con người toàn thiện có thể ngồi tòa Thiên Chúa.
- Sách Khải Huyền viết: «**Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ngồi với Ta trên tòa Ta, cũng như ta đã thắng, và đã ngồi cùng Cha ta trên tòa Ngài. Ai có tai thì hãy nghe lời Thánh Thần dạy các Giáo Hội.**» (Rev 3:21-22).

Có mấy câu Kinh Thánh làm tôi hết sức suy tư:

Đó là câu Mat. 13, 35: «Người dùng ví dụ mà nói các điều ấy với dân chúng, vì Ngài không nói với họ điều gì mà không dùng ví dụ, để làm trọn điều đã phán nhờ vị tiên tri nói rằng:

Ta mở miệng tuyên ra câu ví,

Thổ lộ những điều bí ẩn từ lúc

Khởi nguyên vũ hoàn.» (Psaume 78, 2)

(Xin đọc thêm Mat. 13, 10- 15)

và câu Col 1, 27: «Những kẻ đã được Thiên Chúa muốn thông báo cho biết gì là lường phong phú vinh quang của màu nhiệm ấy, tức là Đức Kitô trong anh em, mỗi hi vọng vinh quang.»

Câu Mat. 13, 35 ý nói: Chúa Giêsu chỉ truyền dạy Đạo Trời, tức là Đạo Huyền Đồng (mysticism), hay đạo Phối Thiên cho các môn đệ mà thôi, còn các người khác chỉ được nghe bằng ẩn dụ, để họ nghe mà không hiểu, nhìn mà không thấy. **Cái đạo Phối Thiên này là điều bí mật từ Tạo Thiên Lập Địa tới nay.**

Câu Col. 1, 27 thánh Paul gọi đó là Bí Mật đấng Christ. Tôi hiểu Bí Mật đấng Christ như sau. Chúng ta có Tiểu Ngã, và Đại Ngã. Đại Ngã chính là đấng Christ trong ta. Biết được Đại Ngã này sẽ có thể trở thành con người khôn ngoan và toàn hảo. Cái bí mật này bao thế kỷ nay, thiên hạ không biết, nay Thượng Đế mới dạy cho thánh hiền người biết. Đó chính là điều mà thánh Paul vất vả lo truyền dạy.

Tôi không nói thêm, để ai hữu duyên sẽ tìm đọc, và tìm hiểu mấy đoạn trên.

Cuối thiên khảo luận này, chúng ta có thể suy tư như sau:

1. Nếu Chân Lý là về phía quần chúng, và về phía Giáo Lý công truyền, thì ta thấy chủ trương của thánh hiền Công Giáo là sai, và Kinh Thánh cũng sai nốt. Như vậy, Đông Tây sẽ không bao giờ gặp nhau về phương diện Đạo Giáo.

2. Nếu chân lý là về phía Thánh hiền, thì Đông Tây chẳng qua là cùng chung một Chân Lý, và đạo này cũng có thể sáng soi cho đạo nọ, và càng học hỏi, càng so sánh, Chân lý càng trở nên sáng tỏ, con đường đạo giáo càng được hoạch định rõ ràng, định mệnh cao sang con người càng được xác định, và niềm hy vọng con người càng trở nên lớn lao.

Nhưng tôi tin chắc chắn rằng Chân Lý phải ở phía Thánh Hiền.

CHÚ THÍCH

[1] Saint Paul says: «When that which is perfect is come, then that which is in part, shall be done away.» Now mark what is «that which is perfect» and «that which is in part.»

-- «That which is perfect» is a Being who has comprehended and included all things in Himself and His own substance, and without whom and beside whom there is no true substance, and in whom all things have their substance. For He is the substance of all thingd and is in Himself unchangeabl and immovable, and changes and moves all things else. But «That with is in part», or the imperfect, is that which has its source in or springs from the Perfect;— just as a brightness or a visible appearance flows out from the sun or a candle and appears to be somewhat this or that. And it is called a creature,—and of all these «things which are in part», none is the Perfect. So also the Perfect is none of the thingw which are in part. The things which are in part. The things which are in part can be apprehended, known and expressed. But the Perfect cannot be apprehended, known, or expressed by any creature as creature. Therefore we do not give a name to the Perfect, for it is none of these. The creature as creature cannot know or apprehend it, name or conceive it. — Listening to the Saints, p. 31–32.

[2] Now, «when that which is Perfect is come, then that which is in part shall be done away.» But when does it come? I say: When as much as may be, it is known, felt, and taste of the soul. For the lack lies altogether in us, and not in it. In like manner, the sun lights the whole, and is near to one as another, yet a blind man sees it not; but the fault lies in a blind man, not in the sun. And as the sun may not hide its brightness, but must give light unto the earth (for heaven indeed draws its light and heat from another fountain), so also, who is the highest good, will not to hide Himself from any, wherever He

finds a devout soul that is thoroughly purified from all creatures. For in what measure, we put off the creature, in the same measure are we able to put on the Creator, – neither more or less. For if my eye is to see anything, it must be single, or else be purified from all other things, –And where heat and light enter in, cold and darkness must depart,– it cannot be otherwise.

But one might say: «Now since the Perfect cannot be known or apprehended by any creature, but the soul is a creature, how can it be known by the soul?» Answer: This is why we say «by the soul as a creature.» We mean it is impossible to the creature by virtue of creature–nature and qualities–that by which I say I and myself.» — Listening to the Saints, p. 32.

[3] For in whatever creature the Perfect shall be known, therein creature–nature, qualities, the I, and self, and the like must all be lost and done away. This is the meaning of the saying of St. Paul: «When that is in part «to wit, creature–nature, qualities, the I, the self, the mine) will be despised and counted for nought. So long as we think much of these things and cleave to them with love, joy, pleasure or desire, so long the Perfect remain unknown to us. — Listening to the Saints, p. 33.

[4] God in all, and all in God.– Evelyn Underhill, *Mysticism*, p. 43.

[5] «Donc pour entendre quelle est cette union, dont nous traitons il faut savoir que Dieu en toutes les âmes, fut–ce celle du plus grand pécheur du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elles s'anéantiraient aussitôt et ne seraient plus. Ainsi quand nous parlerons de l'union de l'âme avec Dieu, ce ne sera pas de cette union substantielle de Dieu qui est toujours en toutes les créatures, mais de l'union et de la transformation de l'âme en Dieu qui n'est pas toujours faite mais qui se fait seulement quand il y a ressemblance, comme l'autre s'appelle l'union essentielle ou substantielle. Celle–là est naturelle, celle–ci surnaturelle, qui est quand les deux volontés à savoir celle de l'âme et celle de Dieu, sont conformes en un, n'y ayant aucune chose en l'une qui répugne à l'autre. Partant quand l'âme ôtera entièrement de soi, ce qui répugne et n'est pas conforme à la volonté divine, elle demeurera transformée en Dieu par amour.» — La Montée du Carmel, Les Oeuvres spirituelles du Bienheureux Pères Jean de la Croix –Desclée et Bouwer, p. 133–134.

[6] What is God? says St Bernard.– Length, breadth, height, and depth. What, you say, you do after all profess to believe in the fourfold Godhead which was an abomination to you? –Not in the least... God is designated ONE to suit our comprehension, not to describe His character. His Character is capable of division. He Himself is not. The words are different, the paths are many, but one thing is signified: the paths lead to one Person. *Mysticism*, p. 113.

[7] God, says Eckhart, is nearer to me than I am to myself.– He is just as near to wood and stone, but they do not know it. — *Mysticism*, p. 101.

[8] God, says Plotinus, is not external to anyone, but is present with. — *Mysticism*, p. 99.

[9] St Thomas Aquinas virtually accepts the doctrine of Emanation when He writes: «As all the perfections of Creatures descend in order from God, who is the height of perfection, man should begin from the lower creatures and ascend by degrees, and so advance to the knowledge of God... And because in that roof and crown of all things, we find the most perfect unity, – and everything is stronger and more excellent the more thoroughly it is one, – it follows that diversity and variety increase in things, the

further they are removed from Him who is the first principle of all.» — Mysticism p. 97.

[10] The opinion which is represented in its most extreme form by the above mentioned Theory of Emanations, declare His utter transcendence. This view appears early in the history of Greek philosophy. It is developed by Dionysius, by the Kabbalists, by Dante: and is implied in the language of Rulman Merswin and many other Christian ecstasies. The solar system is an almost perfect symbol of this concept of the universe, – which finds at once its most rigid and most beautiful expression in Dante's «Paradisio.» The Absolute Godhead is conceived as removed by a vast distance from the material world of sense, – the last or lowest of that system of dependent worlds or states which generated by or emanating from the Unity or Central Sun, become less in spirituality and splendour, greater in multiplicity the further they recede from their source. That source, – the Great Countenance of the Absolute, – can never, say the Kabbalists, be discerned by man. It is the Unplumbed Abyss of later mysticism: the cloud of Unknowing wraps it from our sight. Only by its «emanations» or manifested attributes can we attain knowledge of it.

By the outflow of these same manifested attributes and powers the created universe exists, depending in the last resort on the "latent deitas": Who is therefore conceived as external to the world which He illuminates and vivifies. — Mysticism, p. 97.

[11] The Spirit of God is within you. The Absolute whom all seek does not hold himself aloof from an imperfect material universe, but dwells within the flux of things: stands as it were at the very threshold of consciousness and knocks, awaiting the self's slow discovery of her treasures. — Mysticism, p. 99.

[12] «He is not far from anyone of us, for in him we live and move and have our being» is the pure doctrine of Immanence: A doctrine whose teachers are drawn from amongst the souls which react more easily to the touch of the Divine than to the sense of alienation of our sin, and are naturally inclined to love rather than to awe. The truth that «God and man initially meet where man is most inward» i.e. in the Spark or Ground of the soul – is the cardinal fact in their experience of the transcendental world. — Mysticism, p. 99.

[13] Our world of Becoming rests on the bosom of that Pure Being which has ever been the final Object of man's quest: «the river in which we cannot bathe twice» is the stormy flood of life flowing toward that divine sea. «How glorious», says the Voice of the Eternal to St. Catherine of Siena, «is that soul which has indeed been able to pass from the stormy ocean to Me, the Sea Pacific, and in that Sea, which is Myself, to fill the pitcher of her heart.»... This intuition of the Real lying at the root of the visible world and sustaining its life, is present in a modified form in the arts: perhaps it were better to say, must be present if these arts are to justify themselves as heightened forms of experience. — Mysticism, p. 45–48.

[14] This «divine» essence, or substance, which the introverted mystic finds dwelling, as Ruysbroeck says, at the apex of man's spirit is the "spark of the soul" of Eckhart, the «ground» of Tauler, the «Inward light» of the Quakers, the «Divine Principle» of some modern Transcendentalists, – the fount and source of all true life. — Mysticism, p. 100.

[15] Further, Eucken, like the Mystics, declares that there is a definite transcendental principle in man. He calls it the Gemuth, the heart or core of personality, – and there, he says, «God and man initially met.» He invites us, as we have seen, to distinguish in man, two separate grades of beings, «the

narrower and the larger life, the life that is straitened and finite, and can never transcend itself, and an infinite life through which he enjoys communion with the immensity and the truth of the universe.» (15) 15. – Mysticism, p. 64.

- [16] The union of human and divine, in a nameless something which is «great enough to me God, small enough to be me.» — Mysticism, p. 120.
- [17] As every one is born, disciple of either Plato or Aristotle, so every human soul leans to one of those two ways of apprehending reality. The artist, the poet, every one who looks with awe and rapture on created things, acknowledges in this act the Immanent God. The ascetic, and that intellectual ascetic the metaphysician, turning from the created, denying the senses, in order to find afar off the Uncreated, Unconditioned source, is really – though often he knows it not – obeying that psychological law which produced the doctrine of Emanations.— Mysticism, p. 123–124.
- [18] It is the philosophical basis of that practice of introversion, the turning inward of the soul's faculties in contemplation, which has been the «method» of the great practical mystics of all creeds that God, since He is in all – in a sense, is all – may most easily be found within ourselves, is the doctrine of these adventurers, – who, denying or ignoring the existence of those intervening «worlds» or «planes», between the material world and the Absolute, which are postulated by the theory of Emanations, claim with Ruysbroeck that «by a simple introspection in fruitive love», they «meet God without intermediary.» They hear the Father of Lights «saying eternally without intermediary or interruption, in the most secret part of the spirit, the one unique, and abysmal Word.» — Mysticism, p. 99.
- [19] «I understood», says St Teresa, «how our Lord was in all things, and how He was in the soul: and the illustration of a sponge filled with water was suggested to me.» — Mysticism, p. 100.
- [20] «This performance is the retreat inwards to that «ground of the soul» where, as St Teresa says, His Majesty awaits us.» Pilgrimage in which the soul is not outward bound, but rather on a journey to its center.— Mysticism, p. 102.
- [21] First, the Father, pure transcendental Being, creative Source and origin of all that is: the Unconditioned and Unknowable One of the Neo-Platonists who is to be conceived, pace M. Delacroix, as utterly transcendent to the subject rather than «set up within the soul.» — Mysticism, 1974, p. 109.
- [22] Secondary, in the Person of Christ, Teresa isolated and distinguished the Logos or the Creative Word, the expression, outbirth, or manifestation of the Father thought. Here is the point at which the Divine Substance first becomes apprehensible by the Spirit of Man: Here that mediating principle «raised up between heaven and earth» which is at once the Mirror of Pure Being and the Light of a finite world.— Mysticism, p. 109.
- [23] Thirdly, she recognised within herself the germ of that Absolute Life, the indwelling Spirit which is the source of man's transcendental consciousness and his link with the Being of God. That is to say, the Holy Spirit of Divine Love, the Real Desirous seeking for the Real Desired, without Whose presence any knowledge of or communion with God on man's part would be inconceivable.— Mysticism, p. 109.
- [24] In the deepest recess of her spirit, in that unplumbed abyss where selfhood ceases to have meaning, and the individual soul touches the life of the All, distinction vanished and she "saw God in a point.» —

Mysticism p. 109.

[25] Deep within us all, there is an amazing inner sanctuary of the soul, a holy place, a divine center, a speaking Voice, to which we may continuously return. Eternity is at our hearts, pressing upon our time-torn lives, warming us with intimations of an astounding destiny, calling us home to Itself. Yielding to these persuasion, gladly committing ourselves in body and soul, utterly and completely, to the Light Within, is the beginning of true light. It is a dynamic center... It is the Light Within which illumines the face of God and casts new shadows and new glories upon the face of men. It is a seed stirring to life if we do not choke it. It is the Shekinah of the soul, the Presence in the midst. Here is the Slumbering Christ, stirring to be awakened, to become the soul we clothe in earthly form and action. And He is within us all. — Listening to the Saints, p. 109.

[26] There is a way of ordering our mental life on more than one level at once. On one level we may be thinking, discussing, seeing, calculating, meeting all the demands of external affairs. But deep within, behind the scenes, at a profounder level, we may also be in prayer and adoration, song and worship and a gentle receptiveness to divine breathings. — Listening to the Saints, p. 110.

[27] The secular mind is an abbreviated, fragmentary mind, building only upon a part of man's nature and neglecting a part – the most glorious part – of man's nature, powers and resources. The religious mind involved the whole of man, embraces his relations with time within their true ground and setting in the Eternal Lover. — Listening to the Saints, p. 120.

[28] We ascend, says St Augustine, the ways that be in our heart, and sing a song of degrees: we glow inwardly with thy fire, with thy good fire, and we go, because we go upwards to the peace of Jerusalem.— Mysticism, p. 98.

[29] Being, with is above all, manifests itself as Becoming; as the dynamic, omnipresent World of Life. The Divine Love immanent in the heart and in the world comes forth from, and return to, the Absolute One. Thus is completed «the Eternal Circle from Goodness, through Goodness, to Goodness.» — Mysticism, p. 136.

[30] To the holders of this theory, who belongs of necessity to Professor James's «healthy minded» or optimistic class, the quest of the Absolute is no long journey, but the realization of something which is implicit in the self and in the universe: an opening of the eyes of the soul upon the Reality in which it is bathed. — Mysticism, p. 99.

[31] For them, earth is literally «crammed with heaven.» «Thou wert I, but dark was my heart, I knew not the secret transcendent», says Téwekkul Bég, a Moslem mystic of the seventeenth century. — Mysticism, p. 99.

[32] The more controllable ingoing experience, the breaking down of the barrier between the surface-self and those deeper levels of personality where God is met and known "in our nothingness", and a mysterious fusion of divine and human life take place. — Mysticism, p. 363–364.

[33] The One, is the going forth to the Father; the Other is the marriage with the Son. Both are operated by the Indwelling Spirit, the «spark of the soul.» — Mysticism, p. 364.

[34] In that consumation of love with Ruysbroeck has called "the peace of the summits» they meet: Then distinctions between inward and outward, near and far, cease to have any meaning, in «the dim

silence where lovers lose themselves.» — Mysticism, p. 364.

- [35] To mount to God, says a tract attributed to Albert the Great, is to enter into one's self. For he who inwardly enterth and intimately penetrateth into himself, gets above and beyond himself and truly mounts up to God. — Mysticism, p.364.
- [36] God is near us, but we are far from Him, God is within, we are without, God is at home, we are in the far country, said Meister Eckhart, struggling to express the nature of this «intelligible where.» — Mysticism, p. 364.
- [37] The normal and deliberate practice of introversion, on the contrary, is tightly bound up with the sense of Divine Immanence. Its emphasis is on the indwelling God Who may be found «by a journey towards the centre»: on the conviction indeed that «angels and archangels are with us, but He is more truly our own who is not only with but in us.» — Mysticism, p. 363.
- [38] But whilst the contemplation of Nature entails an outgoing towards somewhat indubitably external to us: The contemplation of spirit, as it seems to those who practise it, more often entails an ingoing or «introversion» of our faculties; a «journey towards the Center.» The Kingdom of God, they say, is within you: seek it then in the most secret habitations of the soul.— Mysticism, p. 362.
- [39] «The wonder of wonders», says Eucken, whom no one can accuse of a conscious leaning towards mystic doctrine, «is the human made divine.» — Mysticism, p. 418.
- [40] He became Man that we might be made God, says St Athanasius. — Mysticism, p. 419 .
- [41] I heard, says St Augustine, speaking of his pre-converted period, Thy voice from on high crying unto me, «I am the Food of the full grown: grow, and then thou shalt feed on Me. Nor shalt thou change Me into thy substance as thou changest the food of thy flesh, but thou shalt be changed into Mine.» — Mysticism p. 419.
- [42] Eckhart therefore did no more than expand the patristic view when he wrote: «Our Lord says to every living soul, I became man for you. If you do not become God for me, you do me wrong.» Mysticism, p. 502.
- [43] Eckhart, in whom the language of deification assumes its most extreme form, justifies it upon this necessity. «If, he says, I am to know God directly, I must become completely He, and He I: so that this He and this I become and are one I.» — Mysticism, p.502.
- [44] (Qui adhaered Deo, unus spiritus est cum illo.) — Mysticism, p. 511.

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 5

THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ VỚI CÁC TRIẾT GIA TRÊN THẾ GIỚI

(CHÂN ĐẠO NỘI TÂM LÀ CON ĐƯỜNG HIỂN THÁNH MUÔN THỦA, MUÔN PHƯƠNG)

Các Thánh triết này từ xa xưa đã lan tràn khắp thiên hạ. Các thánh triết này sau trước đều chủ trương con người có Bản thể Trời và có thể trở về sống kết hợp nhất như với Trời (Union mystique avec Dieu; Mystical union with God; hay Atonement = At one ment).

Họ chủ trương vũ trụ này đã từ một Đại thể phóng phát, tán phân ra mà thành, (emanation theory), sẽ biến hóa đa đoan, nhưng lúc chung cuộc muôn loài lại trở về với Đại thể trên (Final Apocastasis).

Học Thuyết này, Âu Châu gọi là the Emanation theory.

Ái châu gọi là **The Monistic theory**, tức là thuyết **Nhất thể tán vạn thù, Vạn thù qui nhất thể**.

Kinh Dịch cũng chủ trương như vậy.

Vì một kiếp người không sao đủ để trở về với Trời, nên các triết gia theo chiều hướng trên, đều chủ trương con người sẽ tái sinh.

Có điều chắc chắn là các triết gia có chủ trương trên, bất kỳ thuộc đạo giáo nào, đều là những bậc thánh hiền đạo cao, đức cả. Lời họ giảng đều giống nhau. Mạnh tử viết: «**Tiên thánh, hậu thánh, kỳ qui nhất dã.**» (Mạnh tử, Ly Lâu chương cú hạ, 1)

Ramakrishna viết: «**Thánh hiền sau trước đều có những lời giảng dạy như nhau.**» (Tous les sages ont un enseignement unique. – L'enseignement de Ramakrishna, p. 256)

Thuyết này xưa nay ở Âu Châu rất ít người bàn cãi tới và thường coi đó là **tà đạo**. Các Đạo giáo công truyền ở Âu Châu theo thuyết **Sáng Tạo** (Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo). Trái lại, các đạo giáo lớn Ái Châu như Bà La Môn, Phật, Lão, Khổng, Cao Đài đều theo thuyết **Thiên địa vạn vật đồng nhất thể**.

Sau đây là bản tóm lược 2 thuyết trên:

A. Thuyết Thiên địa Vạn vật nhất thể (The monistic theory)

1/ Vũ trụ hữu hình này là những phân thể của một Toàn Thể, đã được phóng phát, tán phân ra.

2/ Như vậy, vạn hữu đồng căn, dị dạng, nhất thể vạn thù.

3/ Thượng đế tiềm ẩn trong lòng quần sinh, vũ trụ.

4/ Giác ngộ là biết rằng mình có bản thể Thượng đế, có tính Trời.

5/ Tìm trời, tìm Đạo phải tìm trong lòng, phải đi vào nội tâm.

6/ Lúc chung cuộc vạn vật sẽ siêu thăng, trở về với Thượng Đế. Như vậy, chung cuộc là hòa hợp.

7/ Vũ trụ, lịch sử chuyển hóa 2 chiều, vãng lai, thuận nghịch, thành một chu kỳ. (Cyclical Conception of History)

B. Thuyết Sáng Tạo (Creationism)

- 1/ Vũ Trụ hữu hình này là do quyền năng của Thượng đế sáng tạo ra từ Không.
- 2/ Vạn hữu dị thể, dị dạng, và hoàn toàn khác nhau từ căn cốt.
- 3/ Thượng đế siêu việt và tách ra khỏi vạn hữu.
- 4/ Mạc khải là tin theo giáo hội rằng Thượng đế là đầu và cùng sau hết mọi sự.
- 5/ Tìm Trời, tìm Đạo phải tìm trong nhà thờ, nhà thánh và qua các phép Bí Tích.
- 6/ Chung cuộc là phán xét, và tan vỡ kinh hoàng (Tận thế).
- 7/ Lịch sử, vũ trụ và con người biến hóa một chiều theo đường thẳng (Linear Conception of History).

Sánh 2 triết thuyết trên, tôi thấy thuyết Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể mới đích thực là thứ Triết học bất biến vĩnh cửu của nhân quần (Philosophia perennis: Perennial Philosophy). Và tôi không sao chấp nhận được thuyết Sáng Tạo, vì thấy nó chẳng ra đầu ra đuôi gì. Như vậy sao gọi là Triết Học được?

Ví dụ, thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể không chấp nhận chuyện Chúa 3 ngôi có cùng 1 bản tính, vì nó chủ trương muôn loài đều cùng một bản tính. Không chấp nhận tội tổ tông, vì không chấp nhận truyện Adong, Eva mới có từ 4004 B.C., hoặc thiên đàng, địa ngục đời đời vì cho rằng chung cuộc muôn loài đều trở về cùng Thượng đế (final Apocatastasis) v.v.

Chính vì vậy, mà Đạo Công giáo công khai chống lại và lên án Thuyết Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể.

Ví dụ Công giáo nói:

- * Kẻ nào cho rằng Thượng đế và muôn vật đều có cùng một bản tính sẽ bị vạ tuyệt thông.^[1]
- * Kẻ nào nói rằng vạn vật hữu hạn, dù là vật hay là thần, đã phóng phát ra từ bản thể Trời; hay Bản Thể Trời đã hóa thành vạn vật bằng cách thể hiện hay bằng cách tiến hóa; hoặc Thượng đế vốn là phổ quát và bất định, đã hạn định mình để trở thành muôn loài, và muôn loài đã phân hóa thành dòng giống, chủng tộc và cá thể, kẻ đó bị vạ tuyệt thông.^[2]

Tôi không muốn kể thêm, ai muốn tìm hiểu thêm xin xem sách trên.

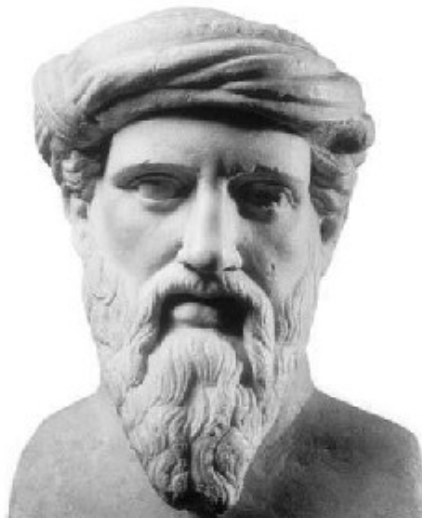
Như vậy, Công Giáo, Do Thái Giáo chính thống, Hồi Giáo chính thống chỉ có thể được xếp vào loại Đạo Giáo Công Truyền, chứ không có chút gì là Mật truyền. Trái lại sách này chỉ bàn về Mật Truyền, mà ngày nay Âu Châu gọi là huyền học (Mysticism), nghĩa là chỉ dạy cách sống hợp Đạo, hợp Trời, cách sống khinh phiêu, huyền hóa với Trời Đất. Đó chính là bàn về cái đạo tự nhiên, vĩnh cửu của nhân loại.

Trước hết, ta đề cập đến [các Triết gia bên phương Tây](#), đã theo thuyết Thiên Địa vạn vật nhất thể:

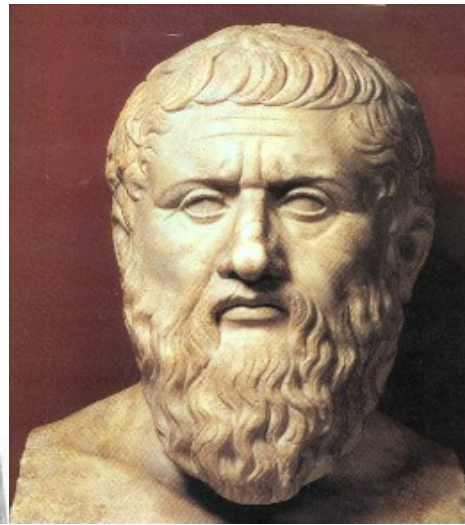
- 1) Người đầu tiên là [Pythagoras \(582-507 B.C.\)](#). Ông mở trường ở miền Nam nước Ý. Ông quảng bá thuyết Tứ Tượng mà ông gọi là Tetraktys hay Vạn hữu. Ông trường trai, và chủ trương Luân Hồi.^[3]

Ông chủ trương vạn vật đã do một căn cơ Duy Nhất sinh hóa ra.^[4] Ông tin có Thượng đế nhưng lại tin rằng Thượng Đế tiềm ẩn trong lòng vạn hữu. Ông không chủ trương thờ lạy Thượng đế bằng những hình thức bên ngoài, như lễ nghi, hình thức, lễ lạy, cúng quái.^[5]

Pythagore cho rằng con người có thể kết hợp với Thượng đế và trở nên bất tử, trở thành thần minh.^[6]



Pythagoras (582-507)

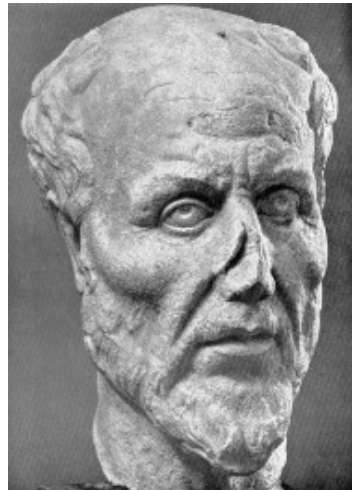


Plato (427-347)

2) Sau đó là **Plato (427-347 B.C.)**. Plato cho rằng con người sống trong **hình tượng (Phenomena)**, nên không biết gì về **thế giới Chân thực (Noumena)**. Ông tin rằng con người có hồn thiêng bất tử, tin luân hồi, và con người có thể sống trong thế giới chân thực của Chân, Thiện, Mỹ.

3) Môn phái **Eleatics (Xenophanes và Parmenides sáng lập)** thế kỷ 6 và 5 B.C.)

4) **Plotinus (khoảng 204-270)**



Plotinus



Porphyry

Plotinus là môn đệ của Ammonius Saccas (c. 160-242) và là một trong những người sáng lập ra môn phái Tân Bá Lạp Đồ (Néo-Platonism).

Đối với Plotinus và môn đệ ông là Porphyry (223-303), và Jamblicus (250-330), cũng như đối với các người theo môn phái Kabbalah, thì Thượng đế là Nguyên Nhân Nội tại, và là căn cơ sinh xuất vạn hữu. Vạn hữu đều ở trong Ngài, đều sinh xuất ra từ Ngài, và sẽ trở về với Ngài. Thượng đế là Khởi Nguyên và là chung điểm vạn hữu. Ngài ở khắp nơi, vì vạn hữu đều ở trong Ngài và do Ngài mà sinh. Ngài chẳng có ở đâu, vì Ngài chẳng bị hạn chế trong một vật nào nhất định, và vạn hữu cũng không đủ để chứa nổi Ngài. Gọi Ngài là Nhất, chỉ là gượng ép, vì không có từ ngữ nào thỏa đáng để mô tả Bản Thể Ngài. Ngài là đấng Bất khả tư nghị. [\[7\]](#)

Con người từ cõi thiêng liêng giáng trần, nên nhờ công phu tu luyện có thể kết hợp được với đấng Duy Nhất, Tuyệt Đối. [\[8\]](#)

5) Môn phái **Neo-Platonism**, khoảng thế kỷ 3 C.N. Người sáng lập ra môn phái là **Ammonius Saccas** (c.160-242), trụ sở ở Alexandria. Ammonius Saccas có những đệ tử trứ danh như Plotinus (v. 205-270 A.D.), Porphyry (223-303), Jamblicus (250-330), Giáo phụ Công giáo Origen (c. 185- c. 251) v.v...

Môn phái này ảnh hưởng sâu rộng đến các triết gia Công giáo, và Hồi giáo, và có nhiều điểm tương đồng với nhiều Mật giáo, Mật tông Âu Châu, cũng như các Đạo giáo Ái Châu.

Tự điển The American Heritage Dictionary định nghĩa «**Neo-Platonism là một hệ thống triết học và đạo giáo phát xuất từ Alexandria, vào thế kỷ 3 C.N. dựa trên học thuyết Plato và các triết gia Hi Lạp, mang nhiều màu sắc huyền học Ái Châu, với nhiều tư tưởng Do Thái và Công Giáo.**»

Theo chủ trương của Ammonius, tín đồ Thiên Chúa Giáo, Do Thái giáo, hay người Ngoại giáo sẽ hết còn chống đối nhau, vì nhớ rằng mọi người đều có cùng một chân lý tuy hình thức bên ngoài có khác nhau. [\[9\]](#)

Ammonius gọi học thuyết ông là Tinh Hoa Thông Thiên học (The Eclectic Theosophical School). [\[10\]](#)

Bà Blavatsky cho rằng Ammonius chủ trương hòa hợp mọi Đạo giáo, mọi Giáo phái, mọi quốc gia cho họ sống bình an dưới một nền luân lý duy nhất dựa trên một chân lý vĩnh cửu. [\[11\]](#)

Đó thực là một nguyện vọng hết sức tốt đẹp.

Tiếc thay Thiên Chúa giáo, Do Thái Giáo v.v... không đồng ý với ông. Năm 553, Công Đồng chung thứ năm đã lên án Thuyết Tái Sinh của Origen. [\[12\]](#)

Năm 414, Giám mục Cyril thành phố Alexandria xui bộ hạ giết bà Hypatia tại một bàn thờ Công giáo, Sau đó, kéo xác bà qua nhiều đường phố, và sau cùng là lóc hết thịt bà ra. Bà Hypatia, lúc ấy là trưởng môn phái Neo-platonism ở Alexandria.

Sau đó, các triết gia môn phái này rút về Athens, nhưng đến năm 529, trường phái này bị vua Justinian đóng cửa, và 7 triết gia cuối cùng của môn phái trốn về miền Đông.

Sau cái chết của Hypatia, Âu Châu bước vào thời kỳ hắc ám (the dark ages). Ảnh hưởng của môn phái này truyền sang Ả rập, Ba tư và Tây ban Nha, chỗ nào thuộc quyền Hồi giáo. Nên nhớ Công giáo coi môn phái này là ngoại đạo (**pagan philosophy**) [\[13\]](#)

6) Các môn đệ xa xăm của phái Neo-platonism thời Trung Cổ.



Saint Albertus

Trước hết là thánh [Saint Albertus \(1206-1280\)](#) và các đồ đệ ông như [Hugh, Ulrich, Dietrich](#) và [Master Eckhart](#).

Master Eckhart, Johannes (1260-1327) là một trong những huyền học gia nổi tiếng nhất Âu Châu từ trước đến nay. Đại khái, ông chủ trương rằng tính Trời lồng trong vạn hữu, cho nên ai cũng có một tàn lửa Trời trong mình. Nhờ sự giác ngộ, con người có thể sống kết hợp với Trời, vì Ngài là cùng đích muôn loài tiến tới. [\[14\]](#)

Giáo Hội La mã đã định kết án ông khi ông còn sống, nhưng sau khi ông mất 2 năm, tức là năm 1329, Giáo Hoàng John XXII, mới phi bác 28 luận điệu của ông. Ví dụ:

«Hồn ta có cái gì không được tạo nên, và không thể tạo nên. Đó là lý trí.» Hoặc: «Chúng ta hoàn toàn biến thành Chúa, và trở thành Chúa y thức như trong phép Thánh Thể, bánh biến thành mình Chúa. Tôi trở thành Chúa, theo cách Ngài làm tôi nên một với Ngài - chứ không phải nên giống Ngài. Nhân danh Chúa, thật tình không có gì là khác biệt.»

Hoặc: «Cái gì mà Thánh Kinh nói về Chúa Giê Su đều hoàn toàn đúng cho mọi người thánh thiện, cho những người Trời.» [\[15\]](#)

Eckhart tuy bị Giáo Hội kết án, nhưng ông có nhiều đệ tử lỗi lạc như: Tauler (1300-31), như Blessed Henry Suso (1300-1366). Đọc tư tưởng các vị trên, ta thấy hết sức siêu thoát.

Cũng vào thời ấy, ở Đức, còn có Chân Phước John Ruysbroeck (1293-1381).

Ruysbroeck vẫn còn phân biệt «Chúa, tôi» chứ không dám xưng mình là một với Thượng đế như Eckhart. Campbell cho rằng Eckhart thì tiến tới Vô dư Niết Bàn, còn Ruysbroeck mới tiến tới Hữu Dư Niết Bàn. [\[16\]](#)

Ruysbroeck đi theo đường của thánh Augustinus, Dionysius the Pseudo-Areopagite, và Scotus Erigena, nghĩa là cũng gần giống như của môn phái Neo-Platonism.

7) [Giordano Bruno \(1548-1600\)](#) có tư tưởng giống Neo-Platonism, vì đã học các triết gia Pythagoras, Platon, Neo-platonist, Hermes. ông vào dòng Đaminh, năm 14 tuổi, thụ phong linh mục năm 1572. Vì tư tưởng ông khác với Giáo Hội Lamã, nên đã phải chu du nhiều nước như Pháp, Thụy Sĩ, Anh, và dạy triết tại Paris và Oxford. Nhưng vì ông bênh vực thuyết Copernic, và thuyết Luân Hồi, nên các Giáo sư Oxford xin ông nghỉ việc. Ông bị tòa Hình Án bắt tại Venice. Bị tù và tra tấn 7 năm tại Lamã, nhưng ông không chối bỏ những gì ông đã giảng dạy. Ông bị lên giàn hỏa ngày 17 tháng 2/1600.



[Giordano Bruno](#)

Ông đại khái dạy rằng Trời và muôn vàn vũ trụ là một, theo lẽ Nhân Quả: Trời là Nhân, Vũ Trụ là quả. Và hồn con người vì là một phần của Thượng đế, nên bất tử. ông đã gọi Thượng đế là Natura Naturans và Vũ trụ là Natura Naturata trước Spinoza. ông cho rằng các truyện trong Thánh kinh cũng giống như truyện thần thoại Hi Lạp. [\[17\]](#)

Bruno đã biết là máu chảy tuần hoàn trước Harvey. Ông viết: Cái gì di động để trở về điểm lúc ban

đầu, đều là theo vòng tròn. Chỉ có vòng tròn là di động liên tục và nghĩa lý. Cái gì trong vạn hữu cũng là vòng tròn, sinh hoạt bằng Tâm, tức là bằng Hồn. Từ hồn đó, năng lực sẽ di động ra biên rồi lại trở về Tâm... Đó là học thuyết xưa cho rằng vũ trụ này đã được phóng phát ra, rồi lại trở về Tâm điểm. [18]

Sau đây là một vài triết gia Đông Á

8) Shankara

Shankara sinh vào cuối thế kỷ thứ VIII ở Ấn Độ. ông được coi như là hóa thân của Thần Shiva. Ông chủ trương Nhất Thể, và cho rằng chỉ có Brahman là hiện hữu, còn thế giới này là ảo ảnh. Con người chẳng qua là hiện thân của Brahman. Thần con người và Brahman là một thực thể.

Shankara có một trí nhớ phi thường, cái gì người khác học 12 năm mới biết, thì ông chỉ học 1 năm là nhớ hết.

Ông nhận Govindapada làm sư phụ. Govindapada là người đã đi sâu vào nội tâm, để thực hiện Thượng Đế.

Ông dạy Shankara 4 khẩu quyết:

- + Prajnnam Brahma: Brahma là thuần thần (Brahman is pure consciousness).
- + Ayamatra Brahma: Hồn là Brahma (Soul is Brahman).
- + Tat Tvam Asi: Anh là Thần đó (You are that consciousness)
- + Aham Brahmasmi: Tôi là Brahma (I am Brahman).

Khi Shankara lên 12 tuổi thì Govindapada sai ông vào thành Benares để dạy mọi người tìm ra chân ngã của mình.

Shankara đấu lý với một học giả trứ danh bấy giờ là Mandaka Mishra. Mỗi người đeo một vòng hoa, và vòng hoa nào héo trước sẽ thua cuộc. Bà Mandaka Mishra tức là bà Bharati làm trọng tài. Ai thua sẽ nhận đối thủ làm sư phụ. Cuộc đấu lý kéo dài 18 ngày và vòng hoa của Mandaka bắt đầu héo, nhưng vòng hoa Shankara vẫn tươi nguyên. Mandaka bị tuyên bố thua cuộc.

Sau đó bà Mandaka xin đấu với Shankara về tình yêu, về các loại yêu đương, về ảnh hưởng của tuần trăng đến tình dục, v.v...

Shankara hẹn sau 40 ngày sẽ đấu lại. Shankara về, nhập vào Vua Amaruka để tìm hiểu về yêu đương. Sau 40 ngày, và sau một cuộc tranh luận vẫn bà Bharati xin chịu thua.

Chủ trương của Shankara là chỉ có Brahman là chân thật. Thế giới này là hư ảo. Hồn con người với Brahman là một. Shankara cho rằng lễ nghi hình thức của Veda chỉ làm cho con người thêm nặng nề nghiệp mà thôi. Và mục đích của Veda là giảng về Brahman mà thôi (The only Goal of the Vedas is Brahman.) Mục đích con người là tìm kiếm Brahman (Brahman is the supreme goal).

Brahman siêu xuất vũ trụ, Brahman là thuần thần. Thế giới này là vật chất, cho nên muốn giải thoát, con người phải vượt lên trên thế giới hữu hình này, phải bỏ hết những gì là «của mình». Shankara không chủ trương công danh, lợi lộc, vợ con, v.v..

Shankara hay Shankaracharya (Shankara acharya = thầy Shankarya) chỉ sống có 32 tuổi. Ông đã dùng đời mình để dạy con người trở về với Brahman duy nhất. Atman hay Hồn đối với Shankara chỉ là một phần ảo giác, một phần bị che khuất của Brahman mà thôi (Atman or soul is but a covered portion or illusioned portion of the Supreme Brahman). Chân Ngã con người đã bị che khuất bởi Vô Minh (That illusion, says Shankaracharya, is due to the veil of maya, which is created out of ignorance or

forgetfulness of the true self) [19]

Như vậy Shankara cũng đi tìm Bản tính Con người. Brahman tuyệt đối của Shankara cũng chính là Bản Thể rốt ráo của con người, chính là Chân tâm, là Chân Như Môn của Phật giáo.

9) Vivekananda (1863–1902)

Đại sư Vivekananda là đại đệ tử của Đại thánh Ramakrishna (1836-1886). Tên thật ông là Narend Nath Datta, và là người Bengali. Ông tốt nghiệp Đại Học Calcutta, trước khi gặp Ramakrishna.



Vivekananda

Sau khi Ramakrishna viên tịch, ông tu trì ở Hi Mã Lạp Sơn mấy năm.

Năm 1893, ông dự Đại hội Tôn Giáo Thế Giới ở Chicago, đại diện cho Ấn giáo. Lời giảng dạy của ông được hội nghị hết sức tán thưởng và kính phục.

Năm 1894 ông lập tại Nữ ươc hội Vedanta (Vedanta Society); năm 1897 ông lập tại Ấn Độ Mission Ramakrishna, tại Calcutta hội Belur Math, và tại Hi Mã Lạp sơn tu viện Mayavati.

Năm 1898 ông trở lại Mỹ lập thêm nhiều hiệp hội Vedanta, và dự hội nghị Tôn Giáo Thế Giới năm 1900, họp tại Paris.

Khi mới gặp Ramakrishna, có một lần Ramakrishna chạm vào ông, làm cho cảm giác của Ông về Bản Ngã biến mất, và Chân Ngã (The Real Self) hay Thiên Tính, hay Phật Tính hiện lộ ra.

Vivekananda thường rao giảng là Chúa ở ngay trong mỗi người chúng ta, và rằng mỗi người chúng ta sinh ra là khám phá cho ra cái Thiên Tính đó nơi mình. Ông thường nói: «Các bạn là những linh hồn thánh khiết, toàn thiện, và tự bản chất chính là vô sanh vô diệt... Cái Đấng mà Bạn khóc lóc, cầu khẩn trong các nhà thờ, các giáo đường, thực ra là chính Tự Tính của các bạn (Your own Self).»

Vivekananda viết rất nhiều và lời văn ông rất hào hùng. Tôi rất quý mến ông.

Vivekananda cho rằng đạo giáo cao siêu nhất là đạo giáo dạy cho con người biết tự tin mình: Có những phương thế để cải tạo đời sống vật chất, xã hội, tinh thần để nhân loại ngày nột tiến hóa hơn, trở nên cao đại, thanh quý hơn. Vivekanada viết cho người Ấn Độ như sau: «Các bạn vỗ ngực cho rằng mình là những người yêu nước, thương nòi, là những nhà cách mạng, các bạn có cảm thấy lòng dạ xuyên xao vì

hàng triệu người thuộc dòng dõi thần minh và thánh hiền nay đã trở nên gần ngang hàng với muông thú, vì triệu triệu người đang chết đói, vì triệu triệu người đã chết đói từ bao thế kỷ nay?

«Các bạn có thấy không sự dốt nát đang bao phủ xứ này như một đám mây mờ? Các bạn có thấy bàng hoàng vì thế chẳng? Các bạn đã vì thế mà mất ăn, mất ngủ chưa? Các bạn đã vì những thảm cảnh ấy mà muốn phát điên lên chưa? Từ bao thế kỷ nay người ta đã dạy cho dân một thứ tôn giáo đốn hèn. Người ta đã dạy cho quần chúng trên khắp mặt đất này rằng họ chẳng có giá trị gì cả. Họ đã dọa dẫm đám dân đen từ nhiều thế kỷ nay và làm cho họ trở nên những bầy súc vật...

«Hãy đứng lên, hỡi các bạn. Hãy tỉnh dậy, hỡi các bạn. Các bạn đừng bao giờ dừng chân trước khi chưa tới đích. Các bạn hãy tỉnh dậy, đừng bị thôi miên, đừng bị mặc cảm rằng mình yếu hèn...

«Các bạn hãy đứng lên, chúng ta cần một thứ đạo dạy chúng ta trở nên những con người xứng đáng! Chúng ta cần có những học thuyết dạy cách cho chúng ta trở nên những con người xứng đáng. Và đây là đá thử vàng cho chúng ta biết thế nào là chân lý: Bất kỳ cái gì làm cho các bạn trở nên hèn yếu về phương diện xác chất, về phương diện tâm trí, về phương diện siêu nhiên, các bạn hãy vứt bỏ đi. Đó là liều thuốc độc. Sự sống không có ở đó. Chân lý không có ở đó. Chân lý là sức mạnh. Chân lý là tinh hoa. Chân lý là ánh sáng. Chân lý là nguồn mạch mọi năng lực. Các bạn hãy từ bỏ những lối đạo hạnh làm suy nhược con người, và hãy trở nên hùng mạnh. Tất cả những chân lý trọng đại trên đời này đều giản dị, giản dị như cuộc sống của bạn vậy...!» [\[20\]](#)

10) Đại Sư Đạo Sinh



Đại Sư sinh vào thời Nam Tống, vào năm 368. Năm ngài 57 tuổi, Ngài trực giác được rằng: Dẫu người đại gian ác, cũng có Phật Tính, cũng có thể thành Phật. Ngài liền đem giảng thuyết cho Phật Tử nghe tại chùa Long Quang ở Kinh Đô. [\[21\]](#)

Khi ấy Kinh Niết Bàn chưa được truyền dịch sang Trung Quốc, nên chúng tăng cho rằng chủ trương của Đạo Sinh là nghịch đạo và sai quấy, và đã đuổi Đại Sư ra khỏi kinh đô.

Đại Sư đã phải chạy lên núi Hồ Khưu Sơn. Ở nơi thâm sơn cùng cốc ấy, không có ai là đồng đạo, đồng chí, ông phải đem điều đó giảng cho các tảng đá nghe. Mà lạ lùng thay, các tảng đá đều gật đầu tán thưởng. [\[22\]](#)

Bọn mọi chung quanh thấy chuyện lạ đó coi ông là thần nhân nên tìm đến cung phụng, chiêu đãi.

Khoảng 4 năm sau, kinh Niết Bàn được dịch ra tiếng Trung Hoa, và được truyền bá. Mọi người đọc thấy trong Kinh có câu: «Niết bàn (Nê Hoàn) bất diệt, Phật có chân ngã, hết mọi chúng sinh đều có Phật

Tính, đều có thể học thành Phật. [\[23\]](#)

Bấy giờ ai ai cũng xưng tụng Đại Sư là bậc đại trí, đại giác, đã không đọc mà suy ra được một điều trùng hợp với Kinh Niết Bàn. Các chùa lớn nhỏ trong kinh thành lại đua nhau mời đại sư đến giảng thuyết, và đón tiếp Đại Sư hết sức là long trọng.

Đại Sư nói xưa kia tôi giảng cũng một điều này mà mọi người xua đuổi tôi. Nay tôi cũng chỉ nói vậy thì lại đón tiếp tôi long trọng...

[Quan niệm Phật tại tâm, Phật không ở đâu xa vời mà Phật chính ở trong lòng ta, Phật là chính ta là một quan niệm phổ biến trong văn chương Việt Nam, tiếc thay ít người biết được như vậy.](#)

Mới hay:

«Lơ thơ chùa rách giữa làng,

Ai hay lại có Phật vàng ở trong.»

Vua Trần Nhân Tông viết trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo:

Bụt ở cuông (trong) nhà,

Chẳng phải tìm xa.

Nhân khuấy (quên) bổn, nên ta tìm Phật.

Đến cốc (mới) hay, chĩnh (chính) Bụt là ta.

Viết theo văn ngày nay là:

Bụt ở trong nhà,

Chẳng phải tìm xa,

Vì quên mất gốc nên ta tìm Bụt,

Đến mới hay, chính Bụt là Ta.

Hoặc:

Phật ở trong nhà,

Đi tìm Thích Ca ngoài đường.

Quốc sư Viên Chứng trái lời vua Trần Thái Tông khi Ngài lên núi Yên Tử để tìm Phật:

[Sơn bổn vô Phật, duy tồn hồ tâm, tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật \(Khóa Hư Lục\).](#)

Dịch:

Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong lòng. Lòng lặng mà hiểu biết, thì đó mới là ông Phật thật.

Giác ngộ được điều đó, nên Trần Nhân Tông viết trong Khóa Hư Lục: [Ngã thân tức Phật thân thị, vô hữu nhị tướng. \(Thân của ta tức là thân Phật, không có hai tướng\).](#)

Ước gì mọi người nhận ra được chân lý này.

11) [Vương Dương Minh](#)

Vương Dương Minh (1472-1528) là một vị thánh nhân của Đạo Nho. Ông sống vào thời nhà Minh, đời vua Võ Tông, đỗ tiến sĩ năm 28 tuổi.



Từ bé ông đã muốn trở thành thánh hiền. ông văn võ toàn tài. Văn thì làm ấển Tổng Đốc Lương Quảng. Võ thì bất kỳ cuộc phản loạn nào, hay giặc giã nào thời bấy giờ là do một tay ông bình định. Ông tài giỏi như thế, nhưng không gặp được minh quân lại còn bị nhiều người ghen tài, xui vua hại ông. Chính vì vậy mà năm ông 35 tuổi đã bị đày đi Long Trường mấy năm trời.

Nhân khi ở Long Trường, ông mới được giác ngộ, và tìm ra con đường nên thánh hiền là phải đi vào tâm mà tìm đạo, tìm Trời, và phải lấy Lương Tâm làm ngọn đuốc soi đường.

Ông cho rằng cái đạo thánh nhân đã đủ cả trong Tính con người. Ông đi tìm cái Nhất, cái Tinh trong tâm hồn. **Nhất** là cội gốc con người. **Tinh** là đạt đích con người. ông nói: Tâm tức là Đạo, Đạo tức là Trời, biết Tâm thì biết Đạo, biết Trời. Vậy nên, cái công phu sự học, cốt là làm sáng cái tâm.

Có người hỏi Vương Dương Minh: đạo Nho với đạo Phật khác nhau thế nào? Ông đáp: không nên tìm cái đồng, cái dị của đạo Nho, đạo Phật, tìm cái Phải mà học là được vậy.

Vương Dương Minh gọi Thiên Lý là Lương Tri, và dạy người **khử nhân dục, tồn thiên lý**.

Lương Tri thì kẻ hiền, người ngu ai cũng có như nhau, chỉ khác là người hiền thì lương tri sáng suốt, mà kẻ ngu thì để nó mờ tối đi mà thôi.

Vương dương Minh thủy chung theo cái thuyết «Thiên địa vạn vật nhất thể», và lấy cái nghĩa «**Nhất dĩ quán chi**» của Khổng tử làm căn bản cho sự học của mình. Như vậy, ông cũng như Lục Tượng Sơn chủ ở cái lý **nhất quán trong tâm**. Cái lý nhất quán đó là Thái cực, là Bản Thể con người, là Chánh Pháp Nhãn Tàng của Phật. Nhất dĩ quán chi là lấy cái Một mà suốt hết cả, đó chính là Trí Lương Tri của Vương Dương Minh.

Vương Dương Minh có làm một số bài thơ về Lương Tâm như sau:

1. Lương tri tức thị độc tri thì,
Thử chi chi ngoại, cánh vô tri.
Thùy nhân bất hữu Lương Tri tại.
Tri đắc Lương Tri khước thị thùy.

Dịch:

Lương tri thấy được, lúc độc tri,
Ngoài biết ấy ra, há biết gì.
Ai ai cũng có Lương Tri sẵn,

Hồ dễ mấy ai biết Lương Tri.

2. Cá cá nhân tâm hữu Trọng Ni,
Tự tương văn kiến khổ già mê.
Nhi kim chỉ dữ chân đầu diện,
Chỉ thị Lương Tri, cánh mạc nghi.

Dịch:

Trong tâm ai cũng có Trọng Ni,
Kiến văn trù lấp, mới u mê.
Nay ta đem chỉ chân đầu diện,
Chính thực Lương Tri chớ khá nghi.

3. Vấn quân hà sự nhật đồng đồng,
Phiền não trường trung thổ dụng công.
Mạc đạo thánh nhân vô khẩu quyết,
Lương tri lưỡng tự, thị Tham Đồng.

Dịch:

Sao anh suốt buổi chạy Tây Đông?
Trong vòng phiền não, uống dụng công.
Đừng nói Thánh Môn không khẩu quyết,
Lương tri hai chữ, ấy Tham Đồng.

(Hai chữ Lương Tri có giá trị như bộ sách Tham Đồng Khế của Đạo Lão).

4. Nhân nhân tự hữu định bàn châm,
Vạn hóa căn nguyên bản tại tâm.
Khước tiểu tông tiền diên đảo kiến,
Chi chi, diệp diệp, ngoại đầu tầm.

Dịch:

Trong ta ai cũng sẵn nam châm,
Căn nguyên vạn hóa sẵn tại tâm.
Nực cười ta trước nhìn lộn ngược,
Ngoại cảnh chi li, vất vả tầm.

5. Vô thanh vô xứ độc tri thì,
Thử thị Kiền Khôn, vạn hóa kì,
Phao khước tự gia vô tận tạng,
Diên môn tri bát, hiệu bản nhi.

Dịch:

Vô thanh vô xứ lúc độc tri,

Ấy thực Kiền Khôn, vạn hóa ki.

Vứt bỏ của nhà kho vô tận,

Từng cửa ăn xin, thực thâm thê.^[24]

Như vậy, Lương Tri là Phật tánh, là Chân Tâm. Nhân dục là Vọng tâm. Ta nói trong ta có Phật Tính, mà không biết làm cách nào, để nhìn thấy Phật tính. Vậy nếu Lương tâm ta là Phật tính, mà ta lại thấy được Phật tính, tức là Kiến Tính thành Phật. Đó cũng là cách giúp ta Kiến tính thành Phật. Lương tri cũng chính là cái gốc của vạn vật, và là Thiên Lý.

Tôi từ nhiều năm nay vẫn chủ trương Lương tri là Thái Cực, Lương tri là Phật tính, là Chân Tâm, và là quyển Thánh Kinh mà Trời đã cất giấu trong lòng con người từ muôn thuở. Cho nên nếu ta sống theo Lương Tâm, tức là sống theo Phật, theo Khổng, theo Lão, theo Bà La Môn, theo vạn giáo. Chắc chắn là như vậy.

Theo tôi, Lương tâm là Tâm Lành, thì không thể sai. Lương Tâm là Thiên Tâm, do Trời sinh, không phải là nhân tạo.

Khảo từ ngữ các nước, ta thấy nước nào cũng phân biệt Nhân Tâm với Lương tâm.

Ta có thể viết:

Thần = Lương tâm

Hồn = Nhân tâm

Như vậy, phần Thiên, phần Thần nói chúng ta là Lương tâm phổ quát, vĩnh cửu. Còn phần Nhân nơi ta là Nhân Tâm, biến thiên, hữu hạn.

Lương tâm thời phi nhân, phi ngã. Nhân tâm thời mang sắc thái riêng tư của mỗi người. Nó là những bộ mặt hóa trang mà mỗi người chúng ta đeo lên trên Lương Tâm - trên Bản Lai diện mục - của chúng ta.

Khi ta làm gì xấu, thì Lương tâm ta oán trách ta.

Còn tâm hồn ta thì xấu hổ, phàn nàn, hối hận.

Chúng tôi, Lương tâm ta cao hơn ta.

Lương tâm hay Chân Ngã hay Thượng đế nội tại, và Phàm tâm là tâm hồn con người, liên lạc với nhau hết sức là gắn bó, đến nỗi không thể nào gỡ ra được, rút ra được.

Ngày nay, nhiều môn phái Tin Lành như Transcendentalists, Anabaptists, Quakers và Liberal Theology đều đồng thanh chủ trương Thượng đế ngự trong lòng chúng sinh và muôn vật. Emerson cho rằng: Mặc khải cao siêu nhất cho thấy rằng Thượng đế đã ngự sẵn trong lòng mọi người. (Emerson thought that the highest revelation was that God was in every person...)

Nếu Lương Tâm là Bất Biến nơi con người, thì Lương tâm chính là Thượng đế nơi con người, là Phật tính nơi con người.

Cho nên, trên đây tôi đã viết nghe thấy được Tiếng Lương Tâm là Thấy được Thượng Đế trong mình, thấy được Phật tính trong mình.

Trên đây, tôi đề cập đến một số cao nhân, danh sĩ trong nhiều đạo giáo khác nhau. Mục đích là cho thấy Chân đạo không phải ở đầu thời gian, ở cuối thời gian, ở giữa thời gian. Chân đạo không ở trong sách vở. Chân đạo không ở bên Đông, cũng không ở bên Tây. Chân đạo không có quốc gia, cũng như không có giang sơn bờ cõi. Chân đạo không có ở trong các đoàn thể, các tổ chức xã hội. Chân đạo không ở trong đền đài, miếu mạo, hay ở trong tay những kẻ uy quyền, mà Chân đạo đã ở ngay trong tâm thần mỗi một

người.

Thượng đế vì vô biên vô tận, nên chẳng những ở trên trời, mà còn ở khắp nơi trong vũ trụ bao la này, cũng như đồng thời là Bản Ngã ẩn sâu sâu trong lòng con người.

Như vậy con đường dẫn tới Thượng đế gần nhất là con đường nội tâm. Những tâm hồn tinh khiết, thanh cao, những khối óc thông minh, sáng láng, chẳng chóng, thì chày sẽ nhận ra được chân lý tối sơ ấy.

Ram Linsson viết: «Giây liên lạc nối kết ta với Đại Thể thực đã ở ngay trong tầng sâu các cơ cấu tâm tình ta, ở bên dưới các lớp lang ý thức sâu xa và thầm kín nhất.»

Cho nên các đạo giáo xưa nay đã bày biện ra muôn vàn hình thức bên ngoài, các thánh thư từ trước tới nay đã dùng mọi phương cách, đã dài giòng dạy dỗ con người, Tất cả những cái đó cũng không ngoài mục đích giúp con người gạt đục, khơi trong tâm hồn, để có thể cảm thông với Thượng đế bằng tâm thần mình, và cuối cùng là thể nhập vào Ngài.

Chân lý, Chân đạo bao giờ cũng giản dị, cũng trong sáng, cũng vĩnh cửu và phổ quát. Chân lý, Chân đạo bao giờ cũng đem lại cho con người tự do, hạnh phúc, ý thức như cơm áo bao giờ cũng đem lại no ấm cho con người. Cho nên, tất cả những gì rắc rối, tằn tiện, tất cả những gì thẳng thức, trối buộc, đè nén con người, tất cả những gì làm con người trở nên ngu si, đần độn, khổ sở, khổ nạn về tinh thần cũng như về vật chất, tất cả những gì làm tiêu ma nghị lực con người, làm suy giảm nhân cách con người, tất cả những cái đó đều không phải là chân lý, chân đạo.

Trên phương diện thực hành, thái độ chân chính nhất của một người đạo hạnh chân thực là không mất thì giờ chê đạo này, đạo nọ, mà phải luôn cố gắng tiến bước trên đường nhân, nẻo đức, tiến tới hoàn thiện, tinh hoa; luôn cố gắng cho lòng mình rộng mở để bao dung, thông cảm với người; cho lòng mình rung cảm trước những nỗi đau thương của đồng loại và ra tay tế độ.

Bất kỳ là chúng ta theo đạo nào, và cho dù đạo ấy cao siêu mấy đi nữa, nếu mà lòng chúng ta vẫn còn thô lỗ, còn đầy oán hờn, còn đầy ghen ghét, còn đầy mưu gian, chước độc, mà tâm trí chúng ta còn hẹp hòi, còn tối tăm, rối rít, còn khổ sở, còn đón hèn; còn bị lo âu, còn bị dầy vò, còn trống rỗng và vô vị, thì thực thà mà nói, chúng ta vẫn là những con người vô đạo, hay ít là những ảnh hưởng tốt đẹp của các đạo giáo chưa có chút tác động nào trên tâm thần chúng ta. Đạo giáo mới chỉ là những thời trang phủ trên người chúng ta những lớp xa hoa, phù phiếm mà thôi.

Chúng ta hãy tỏ ra khoan dung độ lượng, thông cảm lẫn nhau và đừng để cho màu sắc tôn giáo làm phai nhạt tình huynh đệ, tình đồng bào, đồng chủng.

Cái quan hệ của chúng ta không phải là theo đạo này, đạo nọ, mà cái quan hệ chính là ở nỗ lực tìm cầu chân lý, nỗ lực sống theo lý tưởng mình tin theo.

Ramakrishna viết: «Bất kỳ bạn theo đường nào, điều quan hệ là phải thành khẩn khao khát chân lý. Thượng đế biết rõ những bí ẩn của lòng bạn, và dẫu bạn có đi lầm đường cũng không sao, miễn là bạn thành khẩn, Thượng đế sẽ đưa bạn về đường ngay, nẻo chính... Mà có con đường nào thoát lầm lạc đâu? Ai cũng nghĩ rằng đồng hồ mình đúng, nhưng kỳ thực chẳng ai có giờ đúng. Cái đó cũng chẳng ngăn trở công việc.»

Vậy chúng ta hãy nên chịu khó cố gắng tìm hiểu lẫn nhau, học lấy cái hay của nhau, tránh cái dở cho nhau, bắt tay nhau cùng xây dựng tương lai, cho trần hoàn chóng trở thành nơi lạc cảnh.

Trên đây tôi đã đề cập đến nhiều nhân vật không có liên quan gì với nhau, nhưng họ đều là những người đạo cao đức cả, và đã từng được thiên hạ tôn sùng.

Cái đạo mà họ theo chính là cái **đạo nội tâm**. Họ đều đi vào nội tâm mà tìm đạo, tìm trời. Họ đều tìm ra được cái Thái Cực, cái Một tiềm ẩn trong lòng con người. Lương Tâm, Lương Tri họ đều tung tỏa hào quang. Thiên lý, Chân tâm họ đều hiển lộ ra bên ngoài. Họ là những người đã đắc Đạo, chứ không phải là những con người còn trên đường cầu đạo. Đạo mà họ theo chính là Đại Ngã trong con người họ. Những gì thuộc con người phiến diện nơi họ, những gì phù du hư ảo nơi họ đã tan biến đi, và Chân Lý vĩnh cửu như vầng dương chiếu soi trong người họ. Họ đã thực hiện được Chân Ngã, hay Đại Ngã. Đó chính là cái Chân Lý rất ráo mà tôi muốn đem truyền đạt cho mọi người. Tôi nhớ tới câu trong Kinh Thư:

Nhân tâm duy nguy,
Đạo tâm duy vi,
Duy tinh duy Nhất,
Doãn chấp quyết Trung.

Dịch:

Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.
Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức giữ nguyên lòng trời.

Lòng Trời đây, chính là Thiên Mệnh, Thiên Tính, Chánh Pháp Nhãn tạng hay Bản Lai diện Mục nơi con người. Lòng Trời tức là Chân Như Phật Tánh, hay Chân Tâm. **Lòng con người** tức là Vọng Tâm, Vọng Niệm, tư tâm, tà tâm. Chúng ta chuyển từ Đạo này sang Đạo nọ, bằng cách hoán chuyển danh từ. Mong quý vị lãnh hội được điều vi diệu đó.

CHÚ THÍCH

[1] If anyone says that God and all things possess one and the same substance and essence, let him be anathema.

Jesuit Fathers of St. Mary's College,
The Church teaches, St. Marys. Kansas, 1973, p, 153.

[2] If anyone says that finite things, both corporeal and spiritual, or at least spiritual, emanated from the divine substance; or that the divine essence becomes all things by a manifestation or evolution of itself; or finally, that God is universal or indefinite being, which by determining itself makes up the universe which is diversified into genera, species, and individuals: let him be anathema.

Jesuit Fathers of St. Mary's College,
The Church teaches, St Marys Kansas, 1973,p. 153.

[3] Il est facile, comme on le voit, d'apparenter l'enseignement pythagoricien avec la théorie bouddhique du Karma. Le devoir de l'existence présente était donc d'éliminer le mal acquis dans les vies antérieures et de se préparer aux vies futures par l'exercice de la vertu. Il était nécessaire de se soumettre à une ascèse sévère et à une forte discipline; d'élever sa pensée et d'ouvrir son coeur à des sentiments altruistes; on parvenait ainsi à ouvrir l'esprit à la voie triomphale de l'avenir. -- Henri Durville, La Science secrète, p. 261–262.

[4] Pythagore parlait à ces nouveaux élus de la Cause primordiale, de Celui qui est à la fois L'Un et le Tout, que les peuples figurent sous mille formes, mais qui n'en revêt aucune, dont tous les aspects ne sont que des symboles que l'on admet pour nous rendre plus accessible l'impénétrable connaissance du Divin. C'est à l'Un, au Tout, qu'il faut faire remonter l'origine des choses et, si elle nous paraît mystérieuse, c'est à cause de l'infirmité de notre intelligence incapable de s'élever à de pareilles hauteurs... -- Henri Durville, *La Science secrète*, p. 261.

[5] Pythagore connaît l'existence de Dieu, mais il ne lui élève pas d'autels. Il ne donne pas de forme au culte que l'homme doit à la divinité.

Dieu est partout, en toute chose, et l'initié lui doit ses hommages et son respect, mais il les lui doit dans la Nature elle-même. Il ne lui consacre donc pas de rites, pas de fêtes solennelles, point de sacrifices. Dieu est sans cesse présent à la pensée de l'adepte, et cette préoccupation constante le force à faire hommage de toutes ses actions au Créateur qui les voit et qui les juge. -- Ib. 256.

[6] Le troisième degré de l'initiation pythagoricienne était la voie de la perfection. (1ère stade: stade de préparation.– 2ème stade: stade de purification.– 3ème stade: stade de réalisation). Celui qui avait franchi avec succès les deux premiers stades, qui avait écouté dans le silence absolu les rythmes de la création, qui s'était identifié à la vie des êtres devait maintenant s'identifier à Dieu, pour revêtir soi-même, selon le mot de Pythagore «la forme d'un Dieu immortel.» La récompense de cet effort magnanime était la Sagesse qui est sur terre la promesse d'immortalité. -- Ib. 262.

[7] Pour Plotin et ses disciples, comme pour les adeptes de la Kaballe, Dieu est avant tout la Cause immanente et l'origine essentielle de tout ce qui constitue les êtres ou les choses. Tout est en lui, tout part de Lui, tout retourne en Lui; Il est le commencement et la fin de tout ce qui est. Il est partout et nulle part. Il est partout, puisque tous les êtres sont en Lui, et par Lui. Il est nulle part, parce qu'il n'est contenu dans aucun être en particulier, ni dans la somme des êtres. Il n'existe au fond qu'au-dessus de l'être, lequel n'implique qu'une de ses manifestations. Il est supérieur à l'intelligence, qui tout en émanant de Lui, ne saurait cependant l'atteindre. Bien qu'on l'appelle L'unité (to en) ou le Premier, il serait plus juste de ne lui donner aucun nom, parce qu'il n'y en a pas un qui puisse exprimer son essence. Il est l'ineffable et l'inconnu. -- Henri Sériouya, *La Kaballe*, P. 59.

[8] L'Homme selon Plotin appartient à deux mondes: le monde de la pure intelligence (d'où il a procédé) et– le monde sensible (auquel il doit son corps); par la purification, une existence vertueuse, la méditation et l'extase l'homme peut accéder au royaume spirituel. et s'unir finalement à L'Un Suprême. -- E. Royston Pike, *Dictionnaire des Religions nõi chũ Plotin*.

[9] Joseph Head and S. L. Cranston, *Reincarnation*, p. 151.

[10] Ib. p. 151.

Plotinus assumed the existence of several levels of Being, the highest being that of the One or the Good, which are identical but indescribable and indefinable in human language. The next lower level is that of the nous or pure intellect or reason; the third is that of the soul or souls. There then follows the world perceivable by the senses, and finally, at the lowest level, there is matter, which is the cause of all evil. The highest bliss for man is union with the One, or Good, attained by contemplation and purification...

Encyclopedia Britannica, 1979, No 14, p. 296.

[11] lb. p. 151.

[12] lb. p. 102.

[13] lb. p. 214.

[14] L' essence divine pénètre tous les êtres; chaque âme humaine contient donc une étincelle divine; par la connaissance et l'expérience mystique, elle peut s'unir à la Divinité, qui est la fin vers laquelle elle tend.

Roston Pike, Dictionnaire des Religions, p. 114.

[15] «There is something in the soul that is uncreated and uncreatable. If the whole soul were of such a nature, it would be uncreated and uncreatable. And this is the intellect.» «We are transformed totally into God and are converted into him in a similar manner as in the Sacrament the bread is converted into the Body of Christ. I am converted into him in such a way that he makes me one being with himself – not a similar being. By the living God, it is true that here there is no distinction.»

«Whatever the Holy Scriptures say of Christ is wholly true of every good and divine man.» -- The Modern Way, Master Eckhart and Speculative Mysticism, p.302.

Eckhart depicts the ascent of the soul to God in Neo-platonic terms: By gradually purifying itself from the body, the soul transcends being and knowledge until it is absorbed in the One. The soul is then united with God at its highest point or "citadel.» God himself transcends being and knowledge.

Sometimes Eckhart describes God as the being of all things. This language which was also used by Erigena and other Christian Neoplatonists, [leaves him open to the charge of pantheism \(the doctrine that the being of creatures is identical with that of God\)](#)... -- Encyclopedia Britannica, 1979, No 14, p. 261.

[16] Eckhart and Tauler would simply have been said to have experienced nir-vikalpa samadhi, absorption without distinction: and Ruysbroeck, sa-vikalpa samadhi, absorption with distinction: The former dissolved in nir-guna brahman, the unqualified Absolute, and the latter enjoying sa-guna brahman, the qualified. -- Joseph Campbell, Creative mythology, p. 585.

[17] Royston Pike, Dictionnaire des Religions, p. 56.

[18] Every movement that returns to its point of origin must adopt the form of a circle. Only circular movement is continuous and consistent. Every object of nature is, then, a circle, whose function and activity derive from its center point, which is the soul. From the soul the active principle tends, according to Bruno, to go to the periphery, whence it flows back to the center. Harvey's discovery, therefore, is bound to a philosophy of circles, and the circular motion of the blood is a microcosmic example of a macrocosmic pattern, it being the cycle that conducts the process of return to its point of departure. In other words, this is the ancient doctrine of the periodic emanation and return of worlds, atoms, and men, applied to physiology.

Joseph Head and S. L. Cranston, Reincarnation, p. 240 và 242.

[19] Xem Shankara, the Incarnation of Shiva, đăng trong The Clarion Call, Vol 1, No 3, Summer 1988, p. 14-17 và 60-61.

[20] La vie de Vivekananda I, p. 124–125.

[21] Xiển đề chi nhân giai hữu Phật Tính, đô đắc thành Phật.

Lịch đại cao tăng cổ sự, Trung quốc Phật học hội ấn hành,
Bành Sở Hành trước tác, tập 1, sách 7, tr. 5.

[22] Sinh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu. lb. tr. 6.

[23] Niết bàn bất diệt, Phật có Chân Ngã, Hết mọi chúng sinh đều có Phật Tính, đều có thể học thành Phật. lb. tr. 31.

[24] Textes Philosophiques, Léon Wiegner, tr. 259-260

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 6

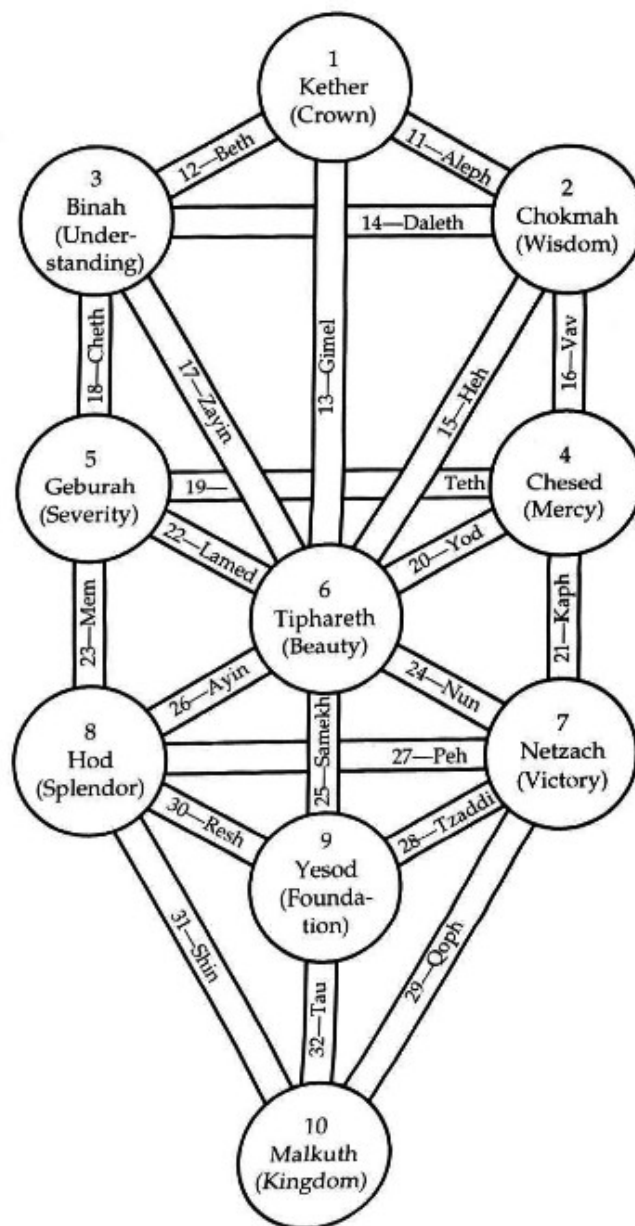
KABBALAH VỚI QUAN NIỆM THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Kabbalah là huyền môn Do Thái có từ xa xưa. Theo Spinoza, nó tóm tắt tư tưởng của các người Do Thái thời xưa. [\[1\]](#)

Huyền môn này có hai bộ sách danh tiếng:

1. [Sepher Ietzirah](#) (Livre de la Création: Sách sáng tạo) (hay Sépher Yessira, hay Sépher Yetsira)
2. [Zohar](#) (Livre de la Splendeur: Sách Quang huy).

Kabbalah giải thích căn nguyên, sự hình thành, Vòng biến dịch cùng đích vũ trụ và con người bằng: [Ein-Sof](#) và mười [Sephiroths](#) (thập tính, thập duyên, dix attributs).



Ein-Sof là Hư vô, là Bản thể tuyệt đối của vũ trụ, khi chưa hình hiện, hiển dương. Ein-Sof là toàn thể vũ trụ. Ein-Sof tương đương với Vô cực trong Kinh Dịch.

Sephiroths (Thập duyên) phác họa sơ đồ hình thành vũ trụ hữu hình. Thập duyên là:

1. **Kéther** (Crown, Couronne) là Nguyên lý sáng tạo nên vũ trụ hữu hình, tương đương với danh từ Thái cực.

2. **Chocmah**, Khí dương (Male, expansive Force)

3. **Binah**, Khí âm (Female, astringent Force)

4. **Chesed**, Nghĩa (Benevolent Force)

5. **Geburah**, Lẽ (Destructive Force)

6. **Tiphared**, Tín (Harmony, equilibrium, beauty)

7. **Netzach**, Nhân (Amor)

8. **Hod**, Trí (Objective Intelligence)

9. **Yésod**, dục giới (Astral kingdom of desires)

10. **Malkuth**, sắc giới (Corporeal sphere, terrestrial kingdom).

Có thể nói được rằng Thập Duyên tương đương với các quan niệm Thái cực (Kéther), Âm Dương (Binah, Chocmah), Ngũ Hành (Chesed, Geburah, Tiphered, Netzach, Hod), Tam Tài (Kéther: Thiên); (Yesod: Nhân); (Malkuth: Địa) [2] của Kinh Dịch.

Như vậy, Kether là Bản thể. Chín Duyên sau là Hiện tượng.

Kabbalah cũng còn dùng:

Tâm điểm và nhiều Vòng tròn đồng tâm để giải thích về căn do, sự hình thành, biến dịch, và mục phiêu vũ trụ.

Đại khái:

1.- Khi chưa có vũ trụ hữu hình (Tiên Thiên), thì chỉ có Bản thể (Ein-Sof) ở thể tiềm ẩn. Lúc ấy Ein-Sof là toàn thể vũ trụ.

2.- Khi thể giới đã hình hiện (Hậu Thiên), thì Thượng Đế là tâm điểm, là cốt lõi vũ trụ.

Từ trung tâm sáng tạo ấy, phóng phát ra vạn hữu.

Chiều sinh hóa từ vô cùng đến hữu hạn ấy được diễn biến từ một tâm điểm cho đến các Vòng tròn bên ngoài. Càng xa tâm càng trở nên chất chường.

Và các lớp lang hình tướng bên ngoài của vũ trụ y như là những lớp vỏ, lớp áo phủ ngoài Thượng Đế. [3]

Thời kỳ hoàng kim mai hậu là thời kỳ mà vạn vật qui căn phản bản. [4] Khi ấy Thượng Đế sẽ rũ bỏ những lớp áo, lớp vỏ bên ngoài, và sẽ hiện ra vinh quang. [5]

-- Zohar chủ trương Phiếm thần và coi Thượng Đế là vũ trụ, vũ trụ là Thượng Đế. [6]

-- Zohar chủ trương thuyết phóng xuất, sinh hóa ra vũ trụ, không chấp nhận thuyết tạo dựng. [7]

-- Zohar cho rằng: Cơ cấu con người, cơ cấu vũ trụ giống nhau. Hiểu vũ trụ sẽ hiểu con người, hiểu con người sẽ hiểu vũ trụ. Ngắm nhìn suy tư về vũ trụ, con người sẽ «nhận ra rằng tất cả những yếu tố, những chất liệu bên ngoài đều có đủ trong mình, con người toát lược lại vũ trụ, và đấng Duy Nhất, bất khả tư nghị, đấng đã sinh ra vũ trụ và sẽ thu hút vũ trụ về, cũng chính là đấng ngự trị ngay trong lòng con người.» [8]

Khảo Kabbalah, ta thấy người Do Thái xưa, ngoài cách dùng từ ngữ thông thường, để diễn tả tư tưởng, còn có những cố gắng dùng nhiều phương pháp khác để diễn tả tư tưởng. Trong những phương pháp đó ta thấy họ dùng:

- số
- chữ
- hình ảnh

Khảo Kinh Dịch, ta cũng thấy những cố gắng tương đương như vậy.

1. Dùng số để diễn tả tư tưởng

Để diễn tả tư tưởng Nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui Nhất thể, người Do Thái cũng đã dùng số, nhất là dùng 10 con số đầu.

Số 1 tượng trưng cho Bản thể duy nhất, cho Thượng đế, căn nguyên sinh xuất vạn hữu. [9]

Số 2 mới chính là con số bắt đầu, vì 2 là cơ chế biến hóa, gồm 2 động lực tương đối, sinh khắc. [10]

Số 1 như vậy là Căn nguyên, là Bản thể, 9 số sau là cung cách biến hóa. [11] Nói theo từ ngữ hiện tại, thì số 1 là Bản thể, các số khác là phụ tượng (accidents), là hiện tượng (phénomènes). [12]

Số 10 đặc biệt có nghĩa là Hòa hợp, là Thái hòa. Như vậy, nó gọi lên ý niệm rằng, đến lúc chung cuộc, vạn vật sẽ trở nên thành toàn, viên mãn, trong một toàn thể Thái Hòa. [13]

Số 10 tương ứng với mẫu tự số 10 Yod của tiếng Do Thái, mà Yod là Thượng đế. Như vậy 1 là Thượng đế, Căn nguyên, Bản thể vũ trụ. 10, là Yod, là Thượng đế viên mãn lúc chung cuộc. Thế là thủy chung như nhất.

Ý nghĩa 10 con số càng trở nên rõ rệt, nếu ta đem so sánh nó với quan niệm dân gian về vũ trụ. Dân gian tin rằng **Thượng đế ngự trên chín tầng trời**.

2. Dùng chữ để diễn tả quan điểm Nhất thể vạn thù.



Do Thái gọi Thượng đế là **Yod He Vau He**.



Khi chưa sinh thành ra vũ trụ, thì họ viết Yod, He Vau, He nguyên thành một chữ. Khi đã sinh thành ra vũ trụ thì họ chia chữ Yod He Vau He thành ra 4 phần, mỗi phần riêng chiếm 1 phương trời. Yì nói Thượng đế là vũ trụ, vũ trụ là phân thân của Thượng đế. [14]

Ngoài ra Yod, còn có nghĩa là Bản thể.

He gồm hai phần: tượng trưng cho hai động lực âm dương, tương sinh tương khắc nguyên thủy, nguồn sinh hóa ra vạn hữu.

Vau là chữ thứ sáu. 6 có thể cắt nghĩa là Lục hợp (sáu phương trời). [15]

3. Dùng hình ảnh diễn tả tư tưởng Nhất thể vạn thù

Hình ảnh mà Kabbale dùng để diễn tả tư tưởng Nhất thể tán vạn thù, như ta cũng đã thấy, là hình tròn, hay Tâm điểm và nhiều Vòng tròn đồng tâm.

Ibn Erza coi Vòng Tròn là tượng trưng cho vũ trụ biến dịch tuần hoàn, thủy chung như nhất. [16]

Kaballah xưa đã dùng 4 chữ YHVH (Thượng Đế) để vẽ nên con người. Yod là đầu, He là 2 tay, Vau là mình, He là 2 chân. [17]



CHÚ THÍCH

- [1] J'ose même ajouter que telle fut la pensée de tous les anciens Hébreux...(Spinoza. Lettre 73)
- [2] Xin xem Gabriel Trarieux d'Egmont, *Le Thyse et la Croix*, Adyar, Paris, 1947, trang 159.
Kéther được coi là tương đương với Le Logos (Plato), the Word of St John. Còn gọi là Mặt Trời thiêng liêng nơi trung điểm (Spirituel Central Sun) (Ib. 159, note 3.)
- [3] Xem chú 1.
- [4] L'ère messianique, espérance juive, devient ainsi une espérance métaphysique: par elle «toute chose rentrera dans sa racine, comme elle en est sortie.»(Henri Seïrouya, *La Kabbale*. 227)
- [5] Un jour, le Saint dépouillera ses écorces et ne réapparaîtra que sous l'aspect d'un noyau substantiel. (Ib. 273)
Xin tham khảo thêm:
a/- Ad. Franck, *La Kabbale ou Philosophie religieuse des Hébreux* Paris, Librairie de L. Hachette, 1843.
b/- Gabriel Trarieux d'Egmont, *Le Thyse et la Croix*, Adyar, Paris, 1974.
- [6] En d'autres termes, si l'on déclare que l'univers est Dieu, ou que Dieu est l'univers, on dit la même chose. Cette totalité qui se manifeste dans l'unité suprême de Dieu, est hors de doute dans les expressions nuancées et symboliques du Zohar, dont nous venons de citer quelques exemples frappants. Le Ein-Sof n'est autre chose que cette totalité, cette unité suprême, qui embrasse les dix Sephiroths. «Le Ein-Sof, dit en effet le Zohar, est revêtu et enveloppé des Séphiroths comme le charbon de la flamme.»Ailleurs après avoir rapporté le rayonnement de la lumière primordiale en dix lumières, il ajoute: «Nonobstant, tout est un.»
(Henri Sérouya, *La Kabbale*, p. 226)
- [7] La création de l'univers est un fait de pure émanation. L'univers dans la multiplicité de ses éléments est inhérent à l'essence de l'Eïn-Sof, précisément comme la potentialité de la flamme procède du charbon Ib. 159
... Dieu, dans son Commentaire (c'est à dire de Saadya) du Sépher Yessira, est dans l'univers ce que

la vie est dans l'être vivant. Il est à la fois dans chaque partie et dans chaque tout. Autrement dit, il est partout. Ib. 139.

[8] «Ce qui est en haut est en bas.» Chaque homme est l'expression mimuscule de son Prototype céleste, du vaste Adam Kadmon, l'Univers... Car c'est en regardant en lui-même que l'homme finit par comprendre le grandiose et indéchiffrable spectacle qu'il contemple en ouvrant les yeux: la terre, les montagnes, la mer, ou les feux de la nuit étoilée. Il finit par se rendre compte que tous ces éléments sont en lui, qu'il est, en abrégé, l'univers, et l'être impensable et unique, seule Réalité éternelle, de qui cet Univers émana, dans laquelle il sera résorbé, habite en son sein, Lui aussi, est l'Hoôte de sa chair périssable. Le Thyrses et la Croix, p. 161.

Để chứng minh rằng Tuyệt đối ở ngay trong con người, đoạn trên có chú thích như sau: Ce que le Bouddha s'exprima en ces termes: «En vous est le non-né, non-causé, non-créé, non-formé.» C'est la base de toute sa doctrine. (La Parole du Bouddha par Nyanatiloka, traduction La Fuente). C'est aussi de l'idéalisme absolu de Fichte, de Schelling, et Hegel.

[9] Le nombre 1 qui est le principe de tous les nombres, n'est pas lui-même un nombre. C'est le nombre 2, qui est véritablement le premier nombre... Sêrouya chú thêm như sau:

Pour le pythagoricisme aussi le nombre positif ne commence qu'à partir de 2... Le nombre 1 qui contient les deux éléments des nombres, l'impair et le pair, est à la base de tous les nombres, il en est la racine, mais lui-même n'est pas un nombre, car tout nombre implique une pluralité d'unités. (Cf. Aristote, Métaphysique, I, cha.V...) Anaximène dit que Dieu est l'Un, non en tant que commencement des nombres, qui est susceptible de devenir multiple. De même que Plotin admet que le premier, appelé Un, est sans multiple sans rien d'identique au dehors et sans différenciation en soi. La même idée se trouve chez Bahya dans sa considération théologique de l'unité véritable; puis chez Ibn Zadik et comme nous avons déjà vu précédemment chez Ibn Gabriel dans sa Couronne Royale: «Tu est Un, mais non l'Un tombant dans la loi des nombres.» L'idée passera ainsi dans la Kabbale... (Sêrouya, La Kabbale, p. 152 và chú thích 3.)

[10] Đọc đầu chú thích 1 ở trên.

[11] Mais 10 est aussi le nombre des catégories, dont neuf accidents et une substance. (Ib. 153)

[12] Xem 3.

[13] La décade renferme en elle toutes les unités simples. Pour illustrer le Yod (10 è lettre), Ibn Era tire sa racine de todath qui signifie selon lui choeur, union, harmonie. Car dix (la tetras pythagoricienne) est la somme des quatre premiers nombres. Henri Seïroya, La Kaballe, p. 153.

[14] Xem Senri Sêrouya, La Kabbale, p. 130.

[15] Le Yod, première lettre du tétragramme représente la substance avant toute différenciation...

Le Hé, composé de deux parties distinctes, indique les deux contraires, essence et forme, substance et accident..

Le Vau qui a la valeur mathématique 2 x 6: 12 est la 6è lettre de l'alphabet hébraïque. En ce sens, le tétragramme Yod, Hé, Vau, (Hé) est composé de trois lettres différentes, qui marquent les trois dimensions des corps: la longueur, la largeur, la hauteur ou la profondeur. Le Vau avec sa valeur numérique six, marque les six forces des corps que nous recontrons dans le Sefer Yessira. (Ib. 152)

[16] En ce qui concerne le symbolisme, Ibn Erza considère le cercle comme l'emblème de la nature, qui revient sans cesse sur elle-même. Elle rattache «ses commencements à ses fins et enveloppe en son sein par une suite infinie de figures finies.» (Ib. 152)

[17] According to the Kabbalah, man is both divine and human. Essentially, man is truly YHVH. The Tetragrammaton written vertically represents effectively a standing man, Yod being his head; He his arms; Vau his body; and the He final, his leg.

The Kabbalah unveiled, Routledge & Regan Paul, 1957, p. 210, notes.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 7

HUYỀN MÔN CỔ AI CẬP VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

A. Pharaoh Akhenaten với quan niệm thiên địa vạn vật nhất thể



Akhenaten (1575-1358 trước Công Nguyên) là vị Pharaoh duy nhất đem áp dụng thuyết Thiên Địa Vạn Vật nhất thể vào phương cách trị dân.

Ông lấy Biểu Hiệu [đĩa tròn màu vàng y, tượng trưng cho Thần mặt Trời \(Aten\)](#). Ông chọn vùng dương làm khẩu hiệu, vì vùng dương là một khối Nam Châm vĩ đại, vì đó là một luồng khí lực từ điện bao gồm toàn thể vũ trụ này, là một tâm thức thiêng liêng thấm nhuần tất cả vạn vật ([Dấu Chân trên cát, tr. 105](#)), nhờ vùng dương nên muôn loài mới sống. Ông gọi đó là Đấng Chân Lý tuyệt đối điều khiển muôn loài. (Xem Nguyễn Phong, [Dấu Chân trên cát, tr. 83](#)).

Trước khi lên ngôi vua, Ông đã ẩn cư trong sa mạc nhiều năm để nghiên cứu và tìm về mạch nguồn cổ xưa, và ý thức được rằng vốn có một định luật cao cả điều khiển tất cả mọi sự vật trong trời đất (Sách Trích Dẫn, tr. 85)

Khi lên làm Pharaoh ông nhất định không thờ Đa thần như các Pharaohs trước, không gây chiến tranh với các nước láng giềng như các Pharaoh xưa, cho hết cung tần mỹ nữ về quê quán, mở kho chẩn bần cho dân mỗi khi có hạn hán, không bắt lính tráng, giải ngũ cho nhiều người, giáo dục dân chúng để cho họ biết rõ qui luật vũ trụ, và không làm gì trái với thiên nhiên, và làm việc thuận lòng trời, tránh những sự tranh dành, bóc lột lẫn nhau, cướp đoạt, thù hằn, lợi dụng lẫn nhau, và tránh không bao giờ gây chiến tranh. Tóm lại, Ông muốn thay đổi Ai Cập tận gốc rễ.(Strd. tr. 107, 108, 109) Chỉ muốn cai trị theo tiếng

gọi lương tâm. (Strd. t. 112)

Ông cầu thần mặt trời: Hỡi Aten, xin cho con sức mạnh để thực hiện những việc đúng với sứ mạng con, xin cho con hoà nhập với Ngài để cho con có được sự minh triết như Ngài (Strd. tr. 113).

Tiếc thay, Ông chỉ làm Pharaoh được có 17 năm và học thuyết của Ông chỉ mới được biết vào năm 1945, trong cuốn sách The Egyptians của Mika Waltari (1908- 1979).

B. Hermes Trismegistus với quan niệm thiên địa vạn vật nhất thể



Hermes là một nhân vật huyền thoại trong cổ đại Ai Cập. Sau này được Ai Cập và Hi Lạp coi là thần minh.

Tương truyền Hermes viết nhiều sách, trong đó còn ba quyển:

1. Quyển Pimandre

Pimandre là sách ghi những lời mà Tâm Linh đã truyền dạy cho Hermes, khi ông chưa thành đạo. Sách này dạy con người phải chiến thắng thất tình, lục dục.

2. Quyển Asclepios

Sách này ghi chép những lời mà Hermes dạy đệ tử ông là Asclepios. Sách Asclepios dạy con người phải biết căn cơ, cốt cách mình, phải học biết những phương thức để sống phối kết với thần linh.

...Con người giác ngộ sẽ thấy trời ngự trị trong tâm khảm mình, biết rằng mình đã từ một thực thể tuyệt đối, duy nhất phóng phát ra, biết rằng trong mình có một phần chính cái sức thiêng cai quản vũ trụ.

...Con người có bốn phận sống thuận theo Trời, phối kết với Trời, hòa đồng với vạn hữu...

...Đối với người Ai Cập xưa, thì vạn vật, bằng nhiều đường lối khác nhau sẽ đạt tới cùng một mục đích: Trở thành Osiris, trở thành Thần minh...^[1]

3. Bản Bích Ngọc (La Table d'Emeraude)



Bản Bích ngọc là một Bản văn rất súc tích, nhưng cũng rất tối nghĩa, gồm 12 điều. Xin lược ghi như sau:

1. Hermès xác tín:
2. Vũ trụ này được tạo dựng theo một cơ cấu chung Trên dưới như nhau, để cho thấy điều huyền diệu này là tất cả là một.
3. Vũ trụ này đều do một Bản thể duy nhất, một Căn nguyên duy nhất sinh xuất ra.
4. Bản thể ấy sinh xuất vũ trụ với sự phụ bật của thiên nhiên, mặt trời, mặt trăng, gió, đất.
5. Nhất thể đó là Nguyên thể, hay Nguyên khí (Thé- lème).
6. Muốn tu luyện, con người phải biết gạn đục khơi trong, phải biết tinh luyện.
7. Phải biết lợi dụng cả hai chiều sinh hóa của đất trời, và của cuộc đời.
8. Biết đường tu, sẽ đạt tới vinh quang.
9. Kết quả là sẽ trở về được với Nguyên thể, với Nguồn sinh lực đã tạo nên vũ trụ.
10. Tóm lại vũ trụ này đã được tạo dựng
11. Bằng cách phóng phát và sinh hóa từ một bản thể duy nhất.
12. Hiểu được như vậy là hiểu được Trời, đất, người. ^[2]

C. Kỳ thư kybalion với thuyết thiên địa vạn vật nhất thể

Kỳ thư Kybalion cô đọng lại khoa Triết học mật truyền (Phisophie hermétique) của Ai Cập và cả của Hi Lạp thời cổ. ^[3]

Kybalion chủ trương đại khái như sau:

1. Vũ trụ này đã do một Thực thể duy nhất sinh hóa ra. ^[4] Thực thể ấy là Thần, là Sự Sống, là Trí Huệ.

^[5]

Căn cơ cốt lõi vũ trụ này là Thần linh. Vũ trụ này chung qui là Thần linh.

Các nhà bình giải Kybalion còn thêm rằng: Khoa Mật giáo thực ra đã không làm khi chấp nhận nguyên lý cơ bản của Herbert Spencer: «Vũ trụ này đã được sinh hóa ra từ một nguyên khí vô tận, vô cùng, vô thủy, vô chung.» [\[6\]](#)

Từ nguyên lý cơ bản đó Kybalion suy thêm ra rằng:

2. Trong thế giới tương đối này, tất cả đều có 2 chiều 2 mặt. [\[7\]](#)

3. Tất cả đều chuyển dịch, đều rung chuyển. [\[8\]](#)

4. Tất cả đều tương ứng với nhau. [\[9\]](#)

5. Tất cả đều có nhịp nhàng, tiết điệu. [\[10\]](#)

6. Tất cả đều theo định luật nhân quả. [\[11\]](#)

7. Tất cả đều theo định luật Âm dương sinh hóa. [\[12\]](#)

Kybalion còn chủ trương:

- Muốn trở thành thần minh, phải biết rung chuyển theo nhịp điệu thần linh. Như vậy, bí quyết thành thần linh là làm sao cho tâm thần rung chuyển theo đúng tần số thần linh. (tức là thuyết đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu của Á Đông). [\[13\]](#)

Bí quyết phát triển tâm linh chính cũng là:

- Biết rằng có thần trời ngự trị trong lòng mình.

- Cố gắng thực hiện, biểu dương Thần trời nơi mình. [\[14\]](#)

Với những đường nét trên, chúng ta thấy học thuyết cổ Ai Cập cũng nằm trong quỹ đạo của một truyền thống nhất quán.

Phụ chú về quan điểm của Le Kybalion.

- Le Kybalion cho rằng Vòng biến hóa của vũ trụ có hai chiều:

a/- Chiều Thoái, chiều «đổ ra (effusion)» Trong thời kỳ thoái hóa này, các rung chuyển càng ngày càng chậm lại.

b/- Chiều Tiến (Evolution), hay chiều «Rót vào» (Infusion), hay là chiều «Trở gót về nhà» (Pas vers la Maison). Trong chiều này, các rung chuyển càng ngày càng trở nên thần tốc.

Lúc chung cuộc, Thượng Đế và Vạn hữu trở thành Một. Con người trở thành thần minh. Thực ra không cứ phải đợi tới chung cuộc, nếu con người biết vươn lên khỏi các bình diện vật chất tâm tư, để nhập thể với tâm linh, để hoạt động bằng tâm linh, hoạt động trên bình diện tâm linh, thì cũng đã trở thành thần minh.

[\[15\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) En attendant, l'initié trouve Dieu en soi-même. Il sait qu'il est émané de cette Unité absolue; qu'il porte en soi une parcelle de cette force qui régit les mondes. Il sait que son devoir est de se rendre les plus possible conforme à ce Dieu qui doit l'accueillir et s'unir par avance à lui, avec tous les êtres dont la palpitation commune est comme un vaste coeur tout plein de sa présence... Pour l'Égyptien tous les

êtres, par divers chemins, tendent vers un même but: devenir Osiris, c'est-à-dire un Dieu, une parcelle consciente et divine du Tout divin. -- Henri Durville, La Science secrète, p. 179.

[2] Nguyễn văn Table d'Emeraude:

1. Il est vrai, sans mensonge, très véritable.
2. Ce qui est en bas est comme ce qui est en haut, ce qui est en haut est comme ce qui est en bas pour faire des miracles d'une seule chose.
3. Et comme toutes choses ont été et sont venues d'Un, ainsi toutes choses sont nées dans cette chose unique par adaptation.
4. Le soleil en est le père, la lune en est la mère, le vent l'a porté dans son ventre, la terre est sa nourrice.
5. Le père de Tout, le Thélème est ici. Sa force est entière si elle est convertie en Terre.
6. Tu sépareras la Terre du Feu, le subtil de l'épais, doucement avec grande industrie.
7. Il monte de la Terre au Ciel et derechef, il descend en terre et il recoit la force des choses supérieures et inférieures.
8. Tu auras par ce moyen toute la gloire du monde et toute obscurité s'éloignera de toi.

Marianne Verneuil, Dictionnaire pratique des Sciences Occultes.

Les Documents d'art Monaco, 1950, trang 383.

9. C'est la force forte de toute force, car elle vaincra toute chose subtile et pénétra toute chose solide.
10. Ainsi le monde a été créé.
11. De ceci seront et sortiront d'innombrables adaptations desquelles le moyen est ici.
12. C'est pourquoi j'ai été appelé Hermès Trimégiste ayant les trois parties de la philosophie du Monde.

Marianne Verneuil, Dictionnaire pratique des Sciences occultes. p. 38 nơi trang 384 có lời bình của Allendy về Table d'Emeraude rất hay.

[3] Le Kybalion đã được Henri Durville ấn hành năm 1917. Nguyễn Duy Cần đã trình bày sách, và đã được ghi 7 nguyên tắc trên trong quyển Dịch Học tinh hoa của Ông, trong phần phụ chú từ trang 228 đến 233.

[4] Derrière l'Univers du temps et de l'Espace se cache toujours la Réalité Substantielle, la Vérité Fondamentale. -- Le Kybalion p. 43.

[5] Le Tout est Esprit, l'Univers est Mental. (Ib. 26)

[6] La Doctrine Hermétique ne fait pas fausse route en acceptant le principe fondamental d'Herbert Spencer qui affirme l'existence d'une «Energie Infinie et Eternelle, d'où dérivent toutes choses.»(Ib. 65)

[7] Tout est double, toute chose possède des pôles; tout a deux extrêmes; semblable et dissemblable ont la même signification; les pôles opposés ont une nature identique mais des degrés différents; les extrêmes se touchent; toutes les vérités ne sont que des demi-vérités; tous les paradoxes peuvent

être conciliés.» (Ib. 101)

[8] Rien ne repose, tout remue, tout vibre. (Ib. 28)

[9] Tout s'écoule au dedans et au dehors; toute chose a sa durée, tout évolue puis dégénère, le balancement du pendule se manifeste dans tout; la mesure de son oscillation à droite est semblable à la mesure de son oscillation à gauche; le rythme est constant. (Ib. 31)

[10] Ce qui est en haut est comme ce qui est en bas; ce qui est en bas est comme ce qui est en haut. (Ib. 27)

[11] Toute Cause a son Effet; tout Effet a sa cause, tout arrive conformément à la Loi; la Chance n'est qu'un nom donné à la Loi méconnue; il y a de nombreux plans de causalité, mais n'échappe à la Loi. (Ib. 33)

[12] Il y a un genre en toutes choses; tout a ses Principes Masculin et Féminin; le Genre se manifeste sur tous les plans. (Ib. p. 34)

[13] Pour changer votre état d'esprit ou vos états mentaux modifiez votre vibration. (Ib. 142)

... Les hermétistes enseignent que si la rapidité des vibrations était encore augmentée, l'objet atteindrait les degrés divers de la manifestation, puis il manifesterait les différents stades mentaux; ensuite il poursuivrait sa route vers l'Esprit jusqu'à ce qu'il finisse par réintégrer le Tout qui est l'Esprit absolu. (Ib. 97)

[14] Plus l'homme comprendra l'existence de l'Esprit Intime immanent à l'intérieur de son être, plus haut et plus rapidement il s'élèvera dans l'échelle spirituelle de la vie. C'est cela que signifie le développement spirituel, la reconnaissance, la réalisation et la manifestation de l'Esprit à l'intérieur de nous-même. Efforcez-vous de vous rappeler cette dernière définition, celle du développement spirituel. Elle contient la Vérité de la Vraie Religion. (Ib. 72)

[15] La Doctrine hermétique concernant le processus de la Création mentale de l'univers enseigne que au début du Cycle créatif, le Tout dans son aspect d'«Être existant» projette sa volonté vers l'aspect de «Devenir» et le processus de création commence. Elle explique que ce processus consiste à ralentir la Vibration jusqu'à ce qu'un degré très bas d'oscillation soit atteint, auquel degré se manifeste la forme de Matière la plus grossière possible... Cet état est appelé le stade de l'Involution dans lequel le Tout est impliqué et contenu...

Ce stade Involontaire de la Création est quelque fois appelé «Effusion» de l'«Energie divine» de même que le stade d'Evolution est appelé «Infusion.» Le pôle extrême du processus créatif est considéré comme le dernier sorti du Tout, pendant que le commencement du retour en arrière du pendule du Rythme, c'est le «Pas vers la Maison», idée que l'on retrouve dans tous les enseignements hermétiques...

La Doctrine enseigne que pendant «l'Effusion» les vibrations deviennent de moins en moins rapides jusqu'à ce que le mouvement de poussée finisse par s'arrêter et que l'oscillation de retour commence. Mais il existe cette différence que pendant le stade «d'Effusion», les forces créatives se manifestent d'une façon compacte comme en tout, tandis qu'au commencement du stade «d'Evolution» ou «d'Infusion», c'est la Loi d'individualisation qui agit, c'est-à-dire la tendance à séparer tout en Unités de Force, si bien que, finalement, ce que laisse Le Tout comme énergie individualisée retourne à sa

source sous la forme d'Unités de Vie puissamment développées, ayant atteint des échelons de l'échelle de plus en plus élevés, grâce à l'Evolution Physique, Mentale et Spirituelle...

...A la fin du cycle interminable des myriades de siècles, Le Tout cesse son Attention, c'est-à-dire sa Contemplation et sa Méditation vis-à-vis de l'Univers, car le Grand Oeuvre est terminé; tout rentre dans Le Tout d'où il est sorti. Mais, Mystère des Mystères, l'Esprit de toute âme, loin d'être annihilé, est infiniment développé; le Créateur et le Créé sont confondus. Tel est le récit des Illuminés!...

L'Homme, quand en vient le moment, cesse d'agir sur le Plan Matériel, et se retire de plus en plus dans l'Esprit Intime, qui est vraiment «le Divin Ego.» (Le Kybalion, p. 73–74)

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 8

HỘI TAM ĐIỂM VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Tam điểm (Freemasonry) xưa nay được coi như là một Mật tông. Tam điểm rất sùng tượng hình, ảnh tượng (symboles) để truyền thụ tư tưởng. [\[1\]](#)



Ta sẽ dùng tượng hình của môn phái này để soi sáng cho chúng ta về thuyết thiên địa vạn vật nhất thể.

Đại Tự Điển Tam Điểm nhận định về thuyết thiên địa vạn vật nhất thể như sau:

«Học thuyết PHÓNG PHÁT là một học thuyết thịnh hành trong nhiều đạo giáo Á Đông, nhất là Bà la môn và Bái Hỏa Giáo (Parsisme). Đến sau, Huyền môn Kabbalah và Viên Giác (Gnostics) cũng chấp nhận nó, Philo, Plato cũng giảng dạy nó.

Học thuyết này chủ trương: Vạn vật từ Tuyệt-đối-thể phóng phát ra, từ Tuyệt-đối-thể thoái hóa dần mãi xuống. Vậy nên, trong Bà La Môn giáo, Hồn vũ trụ, nguồn mạch huyền diệu của muôn sinh linh được đồng hóa với Brahma, với Thượng Đế.

Môn phái Viên Giác (Gnostics) cũng cho rằng vạn hữu sinh xuất từ Thực thể Thần linh. Vạn vật sinh hóa từ cao đến thấp, và sự cứu rỗi lúc chung cuộc, là sự vạn hữu trở về với thanh tịnh của Tạo Hóa.

Philo dạy rằng Tuyệt-đối-thể hay khối Linh quang nguyên thủy đã tung hỏa quang huy để soi sáng cho mọi tâm hồn, và như vậy vạn hữu đều chung một nguồn gốc.

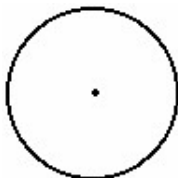
Thuyết phóng phát rất được Tam điểm lưu tâm chú trọng, vì các cấp cao trong Tam điểm thường đề cập tới các học thuyết cả Kabbalah của Philo và của huyền môn Viên Giác...»

1. Quan niệm thiên địa vạn vật nhất thể được tượng trưng bằng:

a/ Tâm điểm và Vòng tròn.

Tâm điểm là Nhất Thể, là Nguyên nhân.

Vòng tròn là Vạn thù, là Hậu quả (kết quả). [\[2\]](#)



b/ Hình con chu xà Ouroboros, trong Vòng có viết ba chữ EN TO PAN có nghĩa là NHẤT-VẠN. [3]



εντοπαν (en to pan)



2. Quan niệm nguyên thể phóng phát ra vạn hữu được tượng trưng bằng:

a/ Ngôi sao sáu cánh do hai hình tam giác đan nhau hợp thành.

Trong lòng ngôi sao có 4 chữ tức là Thượng đế viết bằng mẫu tự Enoch.

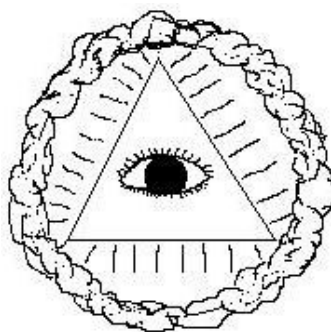


b/ Hai hình tam giác đan nhau tượng trưng cho hai lực Âm Dương. [4]



Hoặc bằng đồ hình;

b/ hình tam giác với Thiên Nhân hay với chữ YHWH (Thượng đế) ở trung tâm tung tỏa hào quang. Bên ngoài là một vùng mây tròn bao quanh.



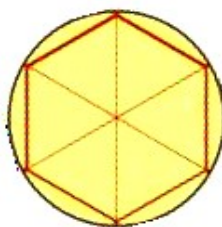
Thiên Nhân hay YHWH là Thượng đế ở Tâm điểm. Hình Tam giác là khí Dương, phóng phát, tạo dựng. Các tia hào quang chỉ sự phóng phát.

Vầng mây tròn bên ngoài, chỉ vạn hữu với định luật tuần hoàn. [5]

Hoặc bằng:

c/ hình tròn có 6 chấm cách nhau đều đặn, tạo thành hình lục giác với 6 hình tam giác đều cùng chung một đỉnh là tâm. Nó cũng giống như hình vẽ tâm điểm và Vòng tròn, và cũng nói lên ý nghĩa nhất

thể biến vạn thù như vậy. [\[6\]](#)



3. Quan niệm nhất thể phân hóa thành vũ trụ của Tam điểm cũng giống Kinh Dịch.

* Lưỡng nghi của Dịch Kinh được tượng trưng:

— Hoặc bằng 2 cột:

ÂM : B (BOOZ)

DƯƠNG : J (JACHIN)

trong đền thờ Jérusalem như Salomon đại đế xây.



— Hoặc bằng 2 hình tam giác giao thoa:

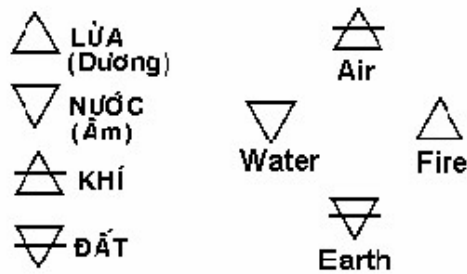
Tam giác hướng thượng là lửa (Dương)

Tam giác hướng hạ là nước (Âm)



Hai hình Tam giác này thường giao thoa, thường gắn bó lấy nhau: Ý nói: «Âm Dương tương thai nhi sinh biến hóa.» Hoặc: «Cô Dương bất sinh, cô Âm bất trưởng» như Dịch Kinh đã chủ trương. [\[7\]](#)

* Tứ tượng của Dịch Kinh được Tam Điểm tượng trưng bằng hình vẽ sau:



4. Quan niệm Thượng Đế ngự trị trong con người, và người giác ngộ phải biểu dương, phóng phát Thượng đế ra bên ngoài được tượng trưng bằng:

- Hình sao năm cánh tung tỏa hào quang, với chữ G hoa ở tâm điểm. G là God là Thượng đế.



Ngôi sao năm cánh là tượng trưng con người. [8]

Như vậy ta thấy những đồ hình Tam điểm cũng đã giúp ta hiểu được rất nhiều về các quan điểm chính yếu của người xưa. Thật đúng là **bất ngôn nhi giáo** vậy.

CHÚ THÍCH

[1] Stanislas de Guaita năm 1888 đã viết thư cho Oswald Wirth như sau: ... Je vous prêterai, si cela vous fait plaisir, des ouvrages décisifs de la vraie et primitive Maçonnerie, celle qui se confond presque, pour l'investigateur contemporain, avec les Sociétés de R: C (Rose-Croix) et de philosophes inconnus... (Như vậy có nghĩa là Tam điểm giống Rose-Croix)

... «En défendant le Symbolisme, qui est la base réelle de la Maçonnerie vous accomplissez une Oeuvre aussi louable que courageuse, et doublement digne d'un disciple d'Hermès: d'abord en restituant à vos Frères le fil d'Ariane qu'ils avaient perdu, et grâce auquel les initiés pourront entrer quelque jour dans la sainte lumière de l'Ecosisme intégral; en épargnant au moins un blasphème stupide et illogique à ceux qui... sont en tout cas maintenus par le symbolisme (qui demeure pour eux lettre close) dans la logique et l'affirmation verbale du spiritualisme transcendant qui est le Principe et la raison d'être de toute association maçonnique.

Oswald Wirth, l'Apprenti, Le Symbolisme, 1962, p.p. 12, 132 và 3) Mackey's Revised Encyclopedia, volume I, nơi chữ Emanation.

[2] Oswald Wirth, l'Apprenti, Le Symbolisme, 1962, p. 192.

[3] Ib. 192

The ancient symbol of Eternity was a serpent in the form of a circle, the tail being placed in the mouth. The simple circle, the figure which has neither beginning nor end, but returns continually into itself, was also a symbol of eternity.

Mackey's Revised Encyclopedia of Free-Masonry, p. 340, volume I nơi chữ Eternity.

[4] Xem Mackey's Revised encyclopedia of Free Masonry, nơi chữ Eneffable Name.

[5] LE DELTA LUMINEUX.

On distingue trois parties dans l'ensemble de l'emblème:

1° Un triangle, qui porte en son centre l'Oeil de l'intelligence ou du principe conscient.

2° Des rayons exprimant l'activité, l'expansion constante de l'être en vertu de laquelle le point mathématique sans dimensions, qui est partout remplit l'immensité sans limites.

3° Un cercle de nuages figurant le retour sur elles-mêmes des émanations expansives, ou, plus exactement leur condensation sous la pression de leur recontre, puisqu'il s'agit de vibrations provenant d'une infinité de foyers.

Le tout est un schéma de l'être dans la multiplicité infinie de ses manifestations...

Oswald Wirth, L'APPRENTI, p. 201

...L'Œil cependant est parfois remplacé au milieu du triangle par les 4 lettres du nom sacré.

Oswald Wirth, Le Compagnon, p. 153.

[6] ...The hexagon formed by six triangles, whose apices converge to a point... is a symbol of the universal creation, the six points crossing the central point; thus assimilating the hexagon to the older symbol of the point within a circle...

Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry, nơi chữ HEXAGON.

[7] Xem Oswald Wirth, L'Apprenti, tr. 209– Le Compagnon, tr. 146 và 154

Ta thấy khí là lửa với 1 nét ngang của nước.

và đất là nước với 1 nét ngang của lửa.

[8] The letter G, then has in Freemasonry the same force and signification that the letter Yod had among the Cabalists...

In Freemasonry it is given as the initial of the word GOD

.Mackey's Revises Encyclopedia of Freemasonry, nơi chữ «G»

...»L'Etoile flamboyante est l'emblème du génie qui élève aux grandes choses. C'est l'image du feu sacré qui embrase l'âme de tout homme qui, résolument, sans vanité, sans basse ambition, voue sa vie à la gloire et au bonheur de l'humanité.»

Initiatiquement, l'étoile flamboyante est l'image de l'homme évolué, doué de pouvoirs psychiques, différent en cela, comme par le travail de son intelligence, des hommes qui n'ayant pas reçu le don divin, sont figurés par le pentagramme non illuminé. Mais l'Initié a développé ses forces; il en a acquis de nouvelles en puisant dans le réservoir éternel qui est ouvert à tous ceux qui savent en trouver le chemin; aussi, maintenant que ses forces se sont décuplées dans cette fréquentation presque divine, il rayonne sur ceux qui l'entourent, il attire vers sa lumière nocturne servant de guide aux voyageurs harrassés par la fatigue et la peur...

Henri Durville, La Science secrète, p. 415.

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 9

KHOA LUYỆN ĐƠN VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Khoa luyện nội đơn (Esoteric Alchemy)

Khoa này rất thịnh hành vào thời Trung Cổ. Chia làm 2 khoa: Luyện Ngoại đơn và Luyện Nội đơn. Nơi đây, tôi chỉ bàn khoa Luyện Nội đơn mà thôi.

* Luyện Ngoại đơn tức là luyện Chì hay Bạc cho trở thành Vàng.

* Luyện Nội đơn, tức là luyện Tâm Hồn để trở thành Chân Nhân. Đơn được gọi là Lapis Philosophorum. Khoa Luyện Nội Đơn Âu Châu cũng y thức như khoa Luyện Nội Đơn Trung Hoa, và có nhiều điểm tương đồng với môn phái Neo-Platonism.

Nhiều danh nhân theo môn phái này: Hermes Trismegistus (không rõ ngày sinh), Giáo Hoàng Sylvester II (999–1003), Michael Scott (1194–1250) Albert the Great (1193–1280), Thomas Aquinas (1225–1274), Raymond Lully (1235–1315), Roger Bacon (1214–1294), Nicholas Flamel (1130–1418), Basil Valentine (cuối thế kỷ 15), Paracelsus (1493–1541), Jacob Boehme (1575–1624) v.v...

Luyện Đơn tức là biến hồn tội lỗi (**Sinful man = Chì**) thành tiên, thánh (**Saint = Vàng**) biết đọc kinh kệ, vâng theo ý trời, sống kết hợp với Trời (union with God). Wilmshurst cho đó là khoa học chính xác để chuyển hóa tâm hồn tội lệ thành con người toàn vẹn như khi mới được tạo nên.



Bản Bích Ngọc (the Emerald Table)

Nó dựa vào **bản Bích Ngọc (the Emerald Table)** của Hermes Trismegistus. Hermes chủ trương đại

khái như sau:

Vũ trụ này là một thực thể duy nhất và hỗ tương ảnh hưởng lẫn nhau. Một sinh ra tất cả do chuyển biến.

«**Một**» hoạt động trong mọi sự, và nhờ vậy, biến hóa muôn vàn. Biến hóa sẽ tuần hoàn, có thăng, trầm, có ngược xuôi, tụ tán. Hiểu được như vậy, con người sẽ thông sáng. Nói tóm lại, có một Thần hoạt động trong mọi sự, tế vi hay thô thiển, rỗng hay đặc, và làm nên mọi sự. Như vậy chủ trương tối hậu là biến Hồn người thành Thần Chúa. Cho nên Khoa Luyện đơn là con ngựa thần đưa ta tới miền Cực lạc.

Sau đó, Khoa Luyện đơn cắt nghĩa các con số.

1)- **MỘT** (Thái Cực). Như trên đã nói: **MỘT** sinh ra tất cả, nên ta phải dùng đời ta để tìm về số Một.

Một có trăm ngàn tên như Thượng đế, Đạo, Thần, Ba Ngôi, đấng Christ, như Nguyên Chất (Prima materia) v.v.. Đơn (Philosopher's Stone), Đá (stone) v.v... Tóm lại, khoa Luyện Đơn gọi **Một**, hay **Thượng đế**, hay **Đơn** cũng như nhau.

Khẩu hiệu **Một là Tất Cả (All is One)** Hi Lạp gọi là **En To Pan**, Phật Giáo gọi là **Nhất tức Nhất thiết, Nhất thiết tức Nhất** cho ta thấy sự đồng nhất về tư tưởng trong thiên hạ. Hitchcock cho rằng **Đơn và Lương Tâm** ta là một. (Hitchcock equates the Stone with our Conscience).

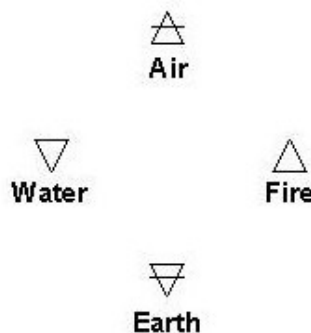


2)- **Hai là Âm Dương**. Âm Dương là Hồn và Thần. Hồn có sinh, tử, Thần mới bất sinh, bất tử. Thần Hồn cần phải hợp với nhau (Mysterium Conjunctionis) mới trở thành Thái Cực.

3)- **Ba hay Tam Tài**. **Tam Tài là Thần (Thiên), Hồn (Nhân), và Xác (Địa)**. Giáo Hội Công Giáo cho rằng con người chỉ có Xác, Hồn, không có Thần, và đã long trọng tuyên bố như vậy trong Công đồng Latran IV (1215), và Vatican I (1870).

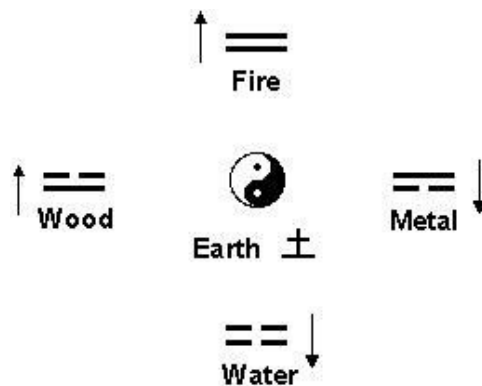
Như vậy Xác là hình tướng bên ngoài, Hồn là Tiểu Ngã riêng tư của mỗi người. Thần là Đại Ngã của Con Người và Vũ Trụ.

4)- **Bốn là Tứ Tượng**. **Tứ Tượng là: Đất, Nước, Khí, Lửa**. Nó tạo nên thế giới hữu hình. Đó là 4 bộ mặt biến thiên của Một (Thái cực).



5)- **Năm là Ngũ Hành**. **Ngũ Hành (The fifth Element or the Quintessence)**. Ngũ hành hay Tinh tú Thứ

Năm. Đại khái trong Tứ Tượng của thế giới hữu hình bên ngoài, còn có Thần trời đất ở bên trong. **Nên Ngũ Hành hay Quintessence, vẫn là Thần, là Đơn, là Nguyên thần trời đất hoạt động trong lòng trời đất.**



Ta thấy chỉ 5 số đầu đã đủ sinh ra vũ trụ. Pythagore chỉ cần 4 số là tứ tượng.

Như vậy, số 6, 7 là chiều tiến từ Thần ra vật chất.

8, 9 là chiều tiến từ Vật chất đến Thần.

Số 10 lại là Vạn hữu. Cắt nghĩa 6,7, 8, 9 là theo Á Đông.

Alchemy cho rằng cái này có thể biến thành cái khác (Transmutation). Thế kỷ XIX cho là nói nhảm. Thế kỷ 20 cho là nói đúng.

Alchemy tóm lại muốn biến con người thành Trời. Người xưa cho thế là một lời phạm thượng. Chính vì vậy, nó phải nói úp úp, mở mở, dùng những danh từ hết sức khó hiểu để làm lạc hướng thiên hạ.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 10

MÔN PHÁI BẠCH Y (SUFISM) VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Môn phái Bạch Y (Mật Tông Hồi giáo) ra đời vào khoảng thế kỷ 2. Dạy con người có thể kết hợp với Trời qua những giai đoạn như thống hối, hãm mình, bỏ mình, sống nghèo khó, nhẫn nhục, tin tưởng v. v...

Họ tin rằng con người có thể tiến tới thần minh, tu luyện thành thần minh và sống kết hợp với Đấng Tối Cao, sống hòa mình với Đại Thể vũ trụ. Quan niệm này cũng tương đương như quan niệm nhập Niết Bàn của Phật Giáo, hay hòa mình với Brahman của Ấn Giáo. [1]

Môn phái này cũng chủ trương thuyết: Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể. Có người cho rằng tư tưởng trên có thể thấy trong vài đoạn thánh kinh Coran của Hồi Giáo, nhưng thực ra đã vay mượn ở những trào lưu ngoài đạo Hồi như Huyền Học Thiên Chúa Giáo (Catholic Mysticism), môn phái Tân Bá Lạp đồ (Néo-Platonism), Denys l'Aréopagite, môn phái Viên Giác (Gnosticism), môn phái Mandeism, Manicheism v.v...

Quyển Histoire du Caodaisme của Gabriel Gobron toát lược tư tưởng môn phái này như sau: ông Ben Aliona vị giáo chủ gần ta nhất (ông chết năm 1934) chủ trương phối hợp đạo Maisen, Bái Hỏa, Công Giáo, Hồi giáo. ông dạy như sau:

Thượng đế là duy nhất. Vũ trụ này là những bức màn che thế giới vô cùng.

Vũ trụ này được phóng phát ra từ Thượng đế. Chỉ những tâm hồn đặc biệt mới hiểu điều sâu nhiệm (bathen) ẩn áo này (sirr), chứ không phải là thế giới này được tạo dựng nên, như người tầm thường (foqara) đã tưởng. Và như vậy, Thượng đế đã ở trong ta (ai biết mình, sẽ biết Chúa, ai chịu tìm hiểu mình, sẽ tiến gần Chúa. Phải được giác ngộ (lcrhraq) như mọi danh nhân Hồi Giáo đã chủ xướng. [2]

Phái Sufism cho rằng: Dẫu bao nhiêu tiên tri cũng chỉ là một người. Họ đều là những tàn lửa do một ngọn lửa. [3]

Gobron nhận định thêm: Khi tiến tới một trình độ tâm linh cao siêu, các bậc đạo cao đức cả vượt lên trên những người thường, và coi nhau như là những người bạn của Thiên Chúa. Họ thành khẩn kết bạn với nhau. [4]

Môn phái này muốn mọi người thương yêu nhau thật sự như sách Zohar của Do Thái hay sách Ennéades của Plotinus đã dạy.

Và đây là lời lẽ toát lược sự hóa kiếp của con người, thành bản thể Trời:

«Trò tới nhà thầy, gõ cửa. Không ai trả lời.

Trò gõ lại.

Trong hồi: Ai đó? Là Tôi.

Không ai trả lời. Cửa không mở.

Lát sau, trò gọi lại.

Trong hỏi: Ai đó? Là Ông.

Và lần này cửa mở.» [5]

Như vậy, khi tính người tan biến, còn nguyên có tính Trời, thì Thánh Hiền Hồi giáo gọi là **fana**, khi tâm hồn sống động bởi Chúa, hay nói cách khác, khi Chúa hoạt động trong tâm hồn, thì họ gọi là trạng thái **Baqa**. Như vậy Phối Thiên là rũ bỏ Nhân Tính, phục hồi Thiên Tính. [6]

Abu-Yazid, một vị thánh Hồi giáo, nói: tôi đã gặp Chúa toàn năng trong giấc mộng, và hỏi ngài: Đường nào về với Chúa? Ngài trả lời tôi: **Hãy trút bỏ ngã chấp và hãy vươn lên**.

Yazid Bastami, một vị thánh Hồi giáo khác nói: Tôi bỏ hết hồn tôi như con rắn lột xác, rồi tôi nhìn vào bản thể tôi, và khi ấy, Tôi chính là Ngài. [7]

All-Hallag là một vị thánh Hồi Giáo khác, cũng viết: Ta là đấng ta yêu, Đấng ta yêu là ta. Chúng ta là 2 thần trong một xác. Nếu bạn thấy ta, bạn sẽ thấy Ngài, nếu bạn thấy Ngài, Bạn sẽ thấy ta. Chuyển thơ:

Ta cùng với Đấng ta yêu,

Hai đấng là một, khôn chiều qua phân.

Một thân mà có hai thần,

Thấy ta, thấy Chúa, cũng gần ấy thôi. [8]

Baba Kuhi ở Shira (chết 1050) có bài thơ mà tôi phỏng dịch như sau:

Ở ngoài chợ, ở trong dòng,

Ở đâu cũng thấy thuần ròng Chúa thôi.

Xuống khe, lên núi, lên đồi,

Ở đâu cũng thấy Chúa tôi tràn đầy.

Giàu sang, nghèo khó tuy thay,

Bao giờ cũng thấy Chúa ngay bên mình.

Dù khi tĩnh tọa, cầu kinh,

Ăn chay, giữ giới, thấy mình Chúa thôi.

Bất kỳ hay dở trên đời,

Truy nguyên vẫn thấy Chúa tôi rành rành.

Mở to đôi mắt nhìn quanh,

Trông gì cũng thấy hóa thành Chúa thôi!

Nến tôi thấp cháy lửa Ngài,

Hào quang vừa tỏa, Chúa tôi hiện hình.

Mượn đôi mắt Chúa nhìn quanh,

Bỏ đôi mắt tục, vẫn rành Chúa thôi.

Giã từ hiện tượng, hình hài,

Lạ sao vẫn thấy Chúa tôi như thường.

Tưởng mình tan biến, hư vương,

Nào hay mình vẫn miên trường vô biên. [\[9\]](#)

Rumi, một thánh nhân Hồi giáo khác, cũng dứt khoát cho rằng [chỉ có thể tìm thấy Chúa trong tâm hồn con người mà thôi](#). Ông có thơ sau:

Tôi lục lạo khắp cùng Thiên Chúa giáo,

Thánh giá nhìn lên, tôi thấy nó trống không!

Tăm tích Ngài, sao tôi vẫn mịt mù!

Tôi lang thang trong chùa chiền, miếu mạo,

Ngài ở đâu sao chẳng thấy hình dung?

Đá Kaaba, tôi quanh quất, ruối rong,

Đô hội ấy, mà sao Ngài vắng bóng!

[Tâm hồn tôi, tôi nhìn tận bên trong,](#)

[Ôi lạ thay, kìa sao Ngài ở đó?](#)

Thần trí tôi bỗng mãnh liệt động rung,

Rũ sạch hết bụi trần gây chia rẽ... [\[10\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) La caractéristique essentielle du Soufisme est un [Unitarisme panthéistique](#), que certains font remonter à des passages du [Coran](#), mais qui selon d'autres auteurs aurait été emprunté principalement à des sources non-musulmanes: le Christianisme mystique, le Néo-platonisme, Denys l'Aréopagite, le Pseudo-Denys, ... Les Gnostiques, les Mandéens, les Manichéens... et beaucoup d'autres écoles et sectes religieuses apportèrent leur contribution... La conception de [l'alfana, de l'immersion ou plongée du moi individuel dans l'être universel présente une parenté manifeste avec la doctrine du Nirvana](#) et plus encore peut-être – car le ravissement du Soufi n'est pas la sérénité de [l'ahat](#), mais une extase frémissante de contemplation amoureuse de la Beauté divine – avec la conception hindouite de l'absorption en Brahman...

La progression du Soufi sur la voie qui mène à Dieu était caractérisée comme un voyage, dans lequel, les "étapes" successives étaient le repentir, l'abstinence, le renoncement, la pauvreté, la patience, la confiance en Allah est la Loi, dans lequel le Soufi se montre Musulman scrupuleux, accomplissant tout ce que la religion lui enjoint de faire, mais inspiré non plus par la peur d'Allah, mais par l'amour; le second est la Voie, le chemin de recherche du Divin: l'homme qui veut le suivre, doit pratiquer l'ascétisme, veiller et prier dans la solitude, se consacrer à la méditation et à l'étude des textes soufis; à la fin de la Voie, c'est la Vérité, la certitude ultime et absolue, lorsque l'âme a atteint la Divinité quand l'homme et Dieu ne font plus qu'un. Beaucoup de Soufis, pour avoir proclamé leur identification avec Dieu, subirent le supplice réservé aux blasphémateurs...

E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, PUF 1954, nơi chữ Soufis.

* Sách Kaballe của Henri Sérouya cũng viết: "Ainsi pour les Mystiques Arabes, [Dieu qui est en même](#)

temps la substance unique de toutes choses, et la cause immanente de l'univers, se révèle et se manifeste sous trois aspects différents:

1. Celui de l'unité ou de l'être absolu, au sein duquel nulle distinction n'existe encore;
2. Celui où les objets dont se compose l'univers, commencent à se distinguer dans leur essence, dans leurs formes intelligibles et à apparaître devant l'intelligence divine;
3. Celui qui se manifeste dans l'univers lui-même, c'est le monde réel ou Dieu devenu visible.

Henri Sérouty, La Kaballe pp. 75–76.

[2] Les doctrines de Ben Aliona? Unité de Dieu (le monde temporel n'est qu'un ensemble de voiles, "barrakh", nous cachant le monde réel: L'Infini. Univers émané de Dieu (l'inverse du Coran créationiste pour la masse des foqara, croyants ordinaires, le sirr (caché) est réservé à certains disciples capables de saisir le bathen (sens occulte); émanationisme s'accordant avec l'immanentisme (qui pourrait connaître son proprium, connaîtrait Dieu; qui le scrute avec attention, s'approche de Dieu); doctrine de l'immanence n'excluant pas la transcendance; ichraq ou illumination dont se réclament tous les grands hommes musulmans: Avicenne, Ghazali, ou Ibn Tofail... (Gabriel Gobron, Histoire du Caodaisme, p. 92)...

[3] Les Prophètes, fussent-ils dix mille, dit l'aphorisme soufi courant, ne sont qu'un seul, rayons multiples du même feu. Ib. p. 91.

[4] Constatation universelle: Arrivés une certaine hauteur spirituelle, les religieux exceptionnels sont au-dessus des religions du vulgaire, et reconnaissent comme «Amis de Dieu» tous les hommes sincères et de bonne volonté et fraternisent avec eux. Ib. p. 94.

[5] Et il nous suffit de rappeler ici un des enseignements du mysticisme musulman pour constater que pas un Caodaïste ne refuserait de reconnaître là, en cette anecdote du soufisme, l'histoire même de sa propre naissance au divin, de sa metanoia ou renversement des valeurs de l'âme religieuse:

Le disciple se présente à la porte du maître et frappe.

Silence.

Il frappe de nouveau. Une voix de l'intérieur:

- Qui est là?

- C'est moi.

Silence. La porte ne s'ouvre pas...

Plus tard, le disciple se présente de nouveau à la porte du maître et frappe.

- Qui est là?

- C'est Toi.

Et la porte s'ouvre cette fois.

Gabriel Gobron, Histoire du Caodaisme, p. 70,71.

[6] Au bout du chemin mystique, Dieu seul est présent. Le Saint peut alors disparaître complètement en Dieu: C'est l'état du fana; il peut aussi, à d'autres moments, subsister par Dieu. C'est l'état du Baqa. Mais dans les deux cas, c'est Dieu qui agit en lui.

Marijan Mole, les Mystiques musulmans, p. 61.

[7] Abu Yazid dit: Je vis le Seigneur de la Puissance en rêve et lui demandai: Quel est le chemin qui mène vers Toi? Il me dit: "Dépouille-toi de ton toi, et élève-toi.»

Ib. p. 54.

Yasid Bastami: Je me suis dévêtu de mon âme (charnelle-nafs) comme le serpent dépouille sa peau, puis j'ai considéré mon essence, et voici que mon Je c'est Lui.

Louis Massignon, Sur les Origines du lexique technique de la mystique musulmane, II, p. 97.

[8] Je suis Celui que j'aime, et Celui que j'aime c'est moi,

Nous sommes deux esprits infus en un seul corps.

Si tu me vois, tu le vois; et si tu le vois, tu me vois.

Le divin d'All-Hallag; éd. Massignon, M. 57

Marijan Molé, Les mystiques Musulmans, p. 70.

[9] Prof. L.F. Rasbrook Williams Ed; Sufi Studies East & West; Dutton Co Inc. New York, 1973, p. 57.

[10] Ib, tr. 70.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 11

THÔNG THIÊN HỌC VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Thông Thiên học (Théosophie) do bà Helena Petrovna Blavatsky (1831–1891), Đại tá H. S. Olcott (1832–1907), và William Q. Judge (1851–1896) v.v.. sáng lập năm 1875 tại Nữu Ước. Ngoài những nhân vật trên, phải kể thêm bà Annie Besant (1847–1933) và con nuôi bà là ông Krishnamurti (1895–1982).



Như trên đã nói, bà Blavatsky muốn bắt chước Ammonias Saccas tổng hợp tôn giáo, triết học, khoa học, tâm lý trong thiên hạ thành một khối duy nhất. Bà chủ trương có Luân Hồi, nhưng coi Luân Hồi như là một định luật tiến hóa tự nhiên, làm cho Trời, người lúc hợp, lúc tan. [\[1\]](#)

Quan niệm **Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể** là một quan niệm then chốt của Thông Thiên.



Helena Petrovna Blavatsky



Annie Besant

Bà Blavatsky xác tín rằng: Vũ trụ này đã được sinh xuất từ một Nguyên Lý vĩnh cửu phổ quát. Hết

vòng biến dịch, sinh hóa, vạn hữu lại thể nhập vào căn cơ, vào nguyên thể. [2]

Và như vậy, đối với Bà Blavatsky và Thông Thiên, Thượng Đế phải tiềm ẩn trong lòng vạn hữu, và trong lòng của muôn chuồng sinh, trong lòng của mỗi nguyên tử của thế giới vô hình và hữu tướng, vì Ngài chính là nguồn sinh lực, nguồn sinh hóa vô biên, vô tận của vạn hữu. [3]

Thông Thiên học chủ trương thêm rằng vì vạn hữu sinh xuất từ một nguồn, nên vạn hữu có liên lạc mật thiết với nhau, và muốn tìm hiểu về con người, không bao giờ được tách rời nó ra khỏi Đại Thể vũ trụ. [4]

Độc nhận định của Thông Thiên về con người y thức như nhận định của Kinh Hoa Nghiêm.

Chính vì thế, mà toàn thể nhân loại là anh em với nhau. Nhân loại hợp lại thành một Đại Thể Vũ Trụ. [5]

Vì chủ trương Thượng Đế ở khắp mọi nơi, nên Thông Thiên đã tự xếp mình vào hàng ngũ Phiếm Thần (Panthéism).

Phiếm Thần không chấp nhận rằng Thượng Đế ở ngoài vũ trụ, và ở trên trời xa thẳm, như Công giáo chủ trương. Quan niệm Thượng Đế ngoại tại, và ở trên trời xa thẳm đó đã bị nhiều học giả như Tillich, như Giám Mục Giáo Phái Anh Quốc John A. T. Robinson, cho là một tư tưởng đã lỗi thời. Ngày nay quan niệm Thượng Đế tiềm ẩn trong lòng sâu vạn hữu đã được các môn phái Huyền Học từ Đông sang Tây chấp nhận. [6]

Sau hết, Thông Thiên học chủ trương rằng con người sẽ trở thành Thần Minh, sẽ trở thành Thượng Đế.

Chân nhân chính là Thượng Đế đã thức giấc.

Hội nghị quốc tế Thông Thiên học tại Salzbourg nước Áo năm 1966 vừa qua, đã có những lời tuyên bố nảy lửa như sau:

Trong ta có một Vô Cùng... Giác Ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố Thần Linh duy nhất trong tâm thần mọi người... Thời buổi này, cần phải nhận chân rằng trong mọi người có một tàn lửa Thiên Chân và những khả năng vô biên, vô tận... Tôn giáo xưa cho rằng: Trời và người xa cách nhau... Thông Thiên ngày nay dạy rằng: Trời người là một... Người ta thấy Thượng Đế trong tạo vật Ngài... Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy Thượng Đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này vĩ đại như sự khám phá nguyên tử năng. Nó cho con người một quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh kỳ diệu.



William Q. Judge (1851-1896)

CHÚ THÍCH

[1] Joseph Head and S. L. Cranston, Reincarnation, p. 151–152.

Lotus Bleu, 72 Année, No 4, Avril 1967 p. 15 & 327.

[2] H. P. Blavatsky essaie d'expliquer la relation qui existe entre l'homme et l'Absolu en affirmant d'abord que les Théosophes rejettent l'idée d'un Dieu personnel ou extra-cosmique et anthropomorphique qui serait dans ce qu'il est de meilleur. Si Dieu est infini, comme le prétendent ses dévots, alors comment l'absolu peut-il avoir une forme, ou avoir une relation quelconque entre ce qui est limité, fini, et conditionné. C'est pourquoi elle exprime son idée comme croyance en un Principe divin, Universel, la racine de toutes choses d'où tout procède et en lequel tout est absorbé à la fin du grand cycle de l'être. "Notre Divinité» dit-elle est partout en chaque atome du visible et invisible Cosmos... car il est le mystérieux pouvoir d'évolution et d'involution, omniprésent, omnipotent toujours en potentialité créatrice...

Ceci était son Absolu et puisqu'il est cet Absolu, il doit aussi y avoir à la fois un Absolu conscient et un Absolu inconscient.

Clé de la Théosophie, Section V, pp. 61–81

Le Lotus Bleu, Déc. 1967, p. 31.

... La prémisse fondamentale de la Doctrine Secrète est qu'il existe un Premier Principe illimité d'où procède toutes les manifestations des univers, les galaxies, les anges, les hommes et toutes les formes multiples d'être à tout niveau d'existence visible et invisible, le tout partageant la Vie-Une qui vibre dans tous les plans de la Nature, cherchant toujours une expression plus vaste. Nous apprenons que l'homme est un reflet de l'Univers lui-même: il a en soi tous les pouvoirs, les principes et les états de conscience du Macrocosme. Pourtant ce sont là des semences qui doivent être éveillées par l'expérience et les pressions évolutives de la Vie.

Par degrés, au cours de son développement évolutif et en accord avec la Loi Karmique, chacun

mettra en pleine action les sept principes et états de conscience et cela sera accompli par l'entrée de l'individu dans de nombreuses cultures et groupes ethniques. Chaque race et chaque groupe remplit donc un rôle important, est un champ d'expérience humaine, chacun a sa caractéristique qui appartient à toute la symphonie de l'être; et sans la note de chacun, le thème entier serait inachevé...

Le Lotus Bleu, fév. 1967, Une symphonie inachevée par Helen Zahara, p. 47.

- [3] Notre divinité, dit-elle, est partout en chaque atome du visible et invisible Cosmos... car il est le mystérieux pouvoir d'évolution et d'involution, omniprésent, omnipotent toujours en potentialité créatrice.

Clé de la Théosophie, Section V, pp. 61–81.

Le Lotus Bleu, Décembre 1967, p. 316.

- [4] Identité de nature de l'homme et de l'Univers est d'ailleurs la conclusion vers laquelle la science s'achemine à grands pas. Suivant les savants contemporains, toute particule matérielle est liée à tout le Cosmos, par son champ électro-magnétique. Ce champ l'unit à toute autre particule matérielle, quelque soit la distance qui le sépare. De plus, cette liaison, n'est pas sans produire des effets sur la particule, laquelle en vertu de la loi de l'action et de la réaction, est soumise à l'influence des champs électro-magnétiques des autres particules.

...Tout comme la particule de matière, l'homme cet être vivant perfectionné est "coextensif" à l'univers. Les psychanalystes et en premier lieu Jung considèrent de plus en plus l'Inconscient comme identique à tout l'univers. Comme le dit Jean Charon, «le Moi Inconscient, parce qu'il se confond avec tout l'univers, est commun à tous les hommes»

L'Homme à sa découverte, p. 114. Le Lotus Bleu Oct. 1967, L'homme et le Zodiaque, S. Lancri, p. 257.

...Selon la Doctrine Secrète, bien que nous puissions étudier la nature de l'homme de bien des points de vue, on ne peut le séparer un seul instant du tout universel ou le considérer en l'isolant d'un seul aspect de «l'Homme Céleste» – l'Univers– sous peine d'échouer lamentablement dans notre entreprise. – Le Lotus Bleu, Fév. 1967,

Une Symphonie inachevée, Helen Zahara, p. 48.

- [5] C'est pourquoi, nous nous réunissons et étudions ensemble, si bien que notre compréhension de la Sagesse puisse croître et que nous puissions partager avec les autres ce que nous avons découvert, étayant notre conviction de la Fraternité par la vérité prodigieuse de la Vie-Une qui relie toute manifestation et toutes les formes pour en faire un immense Tout... – Le Lotus Bleu, Fév. 1967, p. 46.

- [6] Le Panthéisme identifie Dieu avec la Totalité de l'univers. Le mot vient du Grec «Pan» qui veut dire Tout; c'est donc la Divinité en toute chose. Selon les paroles de Mme Blavatsky, le «Panthéisme était connu de toute l'antiquité. Il se manifeste dans la vaste étendue des cieux étoilés, dans le souffle de l'Océan et dans le frisson de la Vie qui anime le plus petit brin d'herbe. La philosophie ne saurait imaginer un univers en dehors de la Divinité, ou l'absence de cette Divinité dans le plus mince fragment de substance animée ou inanimée.»

La doctrine de Panthéisme qui s'appuie sur l'idée de l'immanence du Principe Divin dans la Nature, était enseignée dans les temples initiatiques de l'antiquité, en Egypte et en Grèce, et on la trouve exprimer dans la littérature sacrée de l'Inde, les Upanishads et la Bhagavad Gita. En Grèce, les

Stoiciens proclamaient un enseignement panthéiste, considérant la Nature comme une manifestation du mental divin. Une Divinité mythologique, Pan, qui fut originairement le Dieu des bergers, des paturages, des bois, donc un génie de la Nature, devint pour ces philosophes le Dieu même du Panthéisme. Le système stoicien, fondé par Zénon, a trouvé sa pleine expression avec les philosophes romains Sénèque, Epictète, et Marc-Aurèle. Les Néolatoniciens se rapprochaient également des idées panthéistes. Mais cette philosophie ne tarda pas à trouver en désaccord avec l'église et son Dieu extra-cosmique. Dans l'histoire de la pensée panthéiste, une place particulière revient à la grande figure de Giordano Bruno, ce disciple de Pythagore qui, au cours de son existence mouvementée, n'a cessé de proclamer que Dieu doit être cherché dans la Nature et non en dehors d'elle...

L'Enseignement théosophique est essentiellement panthéiste. Il s'exprime dans une des lettres des Maîtres (Mhatma letters to A. P. Sinnett), la dixième qui contient une répudiation énergique du Dieu des religions exotériques et la pleine adhésion au système panthéiste. L'adepte y trouve la pensée de Spinoza, qui enseignait qu'il n'y a qu'une substance laquelle est divine. Car c'est la Vie-Unique qui pénètre toute forme animée ou inanimée; c'est la vie divine qui est l'essence de chaque atome qui est la nature, le mouvement, et la qualité particulière de chaque être vivant, de chaque objet matériel...

Le Lotus Bleu, Fév. 1967, Athéisme, Monothéisme, Panthéisme. Hermine Sagety, pp. 235-236

...Le Dieu extérieur doit disparaître afin que le Dieu intérieur puisse parler à l'âme. (ib. 237).

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 12

BÀ LA MÔN GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Có thể nói ngay được rằng: Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể là một học thuyết then chốt, làm căn bản cho các thánh thư Ấn độ như Veda, Upanishads, Bhagavad Gita...

Câu hỏi triết học mà các nhà thấu thị Ấn độ luôn luôn đặt ra cho các đệ tử, cũng như cho các độc giả thánh thư là: Vũ trụ này do đâu mà có, đã được cấu tạo nên bằng chất liệu gì?

Con người đã sinh xuất từ đâu, đã do đâu mà sống còn, đa chịu sự chỉ huy của ai v.v.. (Svetasvatara Up. I-I. Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử triết học Đông phương, quyển 3, trang 38 với lời trích dẫn kinh Rig Veda).

Và câu trả lời duy nhất, nhưng dưới nhiều hình thức:

- [Trực ngôn](#) (Chandogya Up. 6, 14, 3.– Brihad–Aranyaka Up. III, 9. I)
- [Ẩn dụ](#) (Aitareya Up. I.– Chandogya Up. 6. 12. I–3.– 6, 13. I–3.– 6, 2. I–4)
- [Huyền thoại](#) (Yajur Veda bạch XXXII, I.– Rig Veda X, 90) chỉ là:

Vũ trụ này cũng như vạn hữu đều do một nguyên lý, một bản thể duy nhất sinh hóa ra, phóng phát ra.

[1]

Bản thể duy nhất ấy có rất nhiều danh hiệu:

- Brahman (Brihad–Aranyaka Up. 2.3.6.–3,9. 26)
- Atman
- Brahmanaspati (Rig Veds 10.72. 2)
- Visvakarman (Tạo hóa – The All Maker. Rig Veda, 10. 81)
- Purusha (Chân nhân) (Rig Veda 10.90)
- Prajapati (Chúa tể càn khôn) (Lord of creatures)
- Hiranyagarbha (Kim đơn - Kim nhân. - The Golden Germ. Rig Veda. 10. 121.I)

Nếu nhân cách hóa Bản thể vũ trụ ấy, và gọi đó là Đấng Tối Cao, thì đấng tối cao này đã sinh hóa ra vũ trụ bằng chính thân thể mình... đã hi sinh thân xác mình, đã phân hóa xác thân mình để tạo thành vũ trụ vạn hữu, chứ không phải là đã tạo dựng nên vũ trụ bằng một chất liệu nào ngoài mình. (Rig Veds X, 90)

Xin trích dẫn (lược dịch) một đoạn Aitareya Up.:

...Miệng Ngài sinh ra tiếng nói và lửa,
Mũi Ngài sinh ra hơi thở và gió,
Mắt Ngài sinh ra cái thấy và mặt trời.

Tai Ngài sinh ra cái nghe và bốn phương trời.

Da Ngài sinh ra tóc, tóc sinh ra cây cối.

Tim Ngài sinh ra tâm tư và mặt trăng. v.v.

(Aitareya Up.1)

Như vậy mỗi giây liên lạc giữa Thượng Đế và vũ trụ là một giây liên lạc cơ hữu (relation organique).

Ví dụ Ngài là con nhện, thì vạn hữu là tơ nhả ra từ lưng nhện (Rig Veda, X, 90).

Ví dụ Ngài là lửa, thì vạn hữu là những tia lửa, những tàn lửa từ lửa phóng ra. (Brihad Aranyaka Up. 20.2.1) [2]

Vạn hữu với Ngài như nước và muối. Khi muối đã hòa tan trong nước, thì đâu có nước, đấy sẽ có muối. (Chandogya Up. 6,13, 1-3)

Từ học thuyết trên sinh ra hai dòng tư tưởng:

a). Nhà thấu thị có thể coi Brahman là vũ trụ (Mundaka 2.2. II) (Mandukya Upanishads 2) [3]

«Là lửa, Ngài sưởi ấm,

Ngài là vùng Thái dương,

Ngài là mưa móc đượm nhuần,

Ngài là đất, là vật chất, là Thần,

Ngài là Hữu, Ngài là Vô, Ngài là Hằng cửu. [4]

«Ngài là vùng dương trong thình không,

Ngài là thần Vasu trong không khí, Ngài là gió,

Ngài là đạo sư trước bàn thờ, Ngài là tân khách đến chơi nhà

Ngài ở trong người, trong khôn gian, trong định luật thiên nhiên, Ngài ở trên trời. Ngài sinh trong nước, trong mục súc, trong định luật thiên nhiên, trong nham thạch. Đấng toàn thiện, đấng tối cao là như vậy.» [5]

... «Brahman, thật ra là bất tử. Brahman ở đằng trước, Brahman ở đằng sau, ở bên trái, ở bên phải; Brahman ở trên, Brahman ở dưới, Brahman thật ra chính là toàn thể thế giới, toàn thể vũ trụ.» (Mundaka 2.2 II) [6]

«Bởi vì thật sự, vạn hữu là Brahman» (Manukya Up. 2) [7]

... «Ngài nhập vào vạn hữu, ngay cả vào đầu móng tay, y như dao cạo ra vào bao dao, y như lửa nằm trong mồi lửa...» [8]

b)- Nhà thấu thị cũng có thể coi Brahman, Atman là Bản thể, là Cốt lõi, là Trục cốt vạn hữu. [9]

Tìm ra được Cốt lõi ấy, Trục cốt ấy, là hiểu được Brahman, hiểu được vạn hữu, hiểu được chính mình. [10]

Đó là chìa khóa mở ra mọi hiểu biết [11]

Thực tại chỉ là Một. Biến thiên phiền tạp chỉ là hình tướng. [12]

«Trên mặt đất này không có tạp thù, không có biến thiên thực sự. Kẻ nào chỉ nhìn thấy biến thiên cách biệt bên ngoài, kẻ ấy sẽ còn trong Vòng sinh tử. Tất cả phải được nhìn thấy trong Nhất thể, trong thực thể, Bản thể duy nhất bất khả tư nghị...» (Brih. 2.4.5) [13]

Upanishads tuyên xưng:

«Thực sự nếu nhìn thấy được, nghe thấy được, nghĩ ra được, tìm hiểu được Đại Ngã, sẽ hiểu được vũ trụ này.» (Brih. 2.4.5.)[\[14\]](#)

«Thực sự, ai mà thấy được sợi giây nhất quán, thấy được chủ thể tại hàm tàng trong vạn hữu, người đó biết Brahman, người đó hiểu biết vũ trụ, hiểu biết thần minh, hiểu biết Veda, hiểu biết tạo vật, hiểu biết Đại Ngã, hiểu biết mọi sự...» (Brih. Up. 3.7.1)[\[15\]](#)

- Thấy được Trời lồng trong vạn hữu là đạt tới chân tri, là tìm thấy được Thượng Đế.

«Ai mà thấy được Chúa Trời,
Lồng trong vạn vật, vạn loài thọ sinh,
Trường tồn giữa mọi điều linh,
Trường tồn vĩnh cửu trong mình biến thiên,
Thế là tri giác vẹn tuyền...

oOo

Ai mà thấy được vạn loài,
Ngoài tuy riêng rẽ trong thời đồng căn,
Lòng trời kết giải đồng tâm,
Từ Trời phóng xuất xa gần miên man,
Thế là tìm thấy Brahman...»[\[16\]](#)

- Biết được Căn bản, biết được chân tướng mình, biết được rằng có Trời trong dạ là điều kiện thiết yếu để trở thành tiên phật, thánh, thần..

«Chân nhân nhỏ tựa ngón tay,
Lồng trong tâm khảm muôn loài thụ sinh,
Tâm thần trí lự bao quanh,
Ai mà biết được trở thành thần tiên...[\[17\]](#)

... «Biết trời trong dạ ấy ai,
Thành thần, siêu thoát vòng đời tử sinh.
Cùm xiềng tháo gỡ sạch sanh,
Không còn sinh tử, điều linh, thăm sâu.»[\[18\]](#)

Thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể dẫn tới một tuyên ngôn rất vĩ đại về giá trị, về phẩm giá con người.

«Con người chính là Thượng Đế.»

«Bạn chính là Cái đó» TAT TVAM ASI. [\[19\]](#)

Chúng ta sẽ dùng một đoạn Mundaka Up. để toát lược và kết thúc thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể của Bà La Môn:

«Ngài luôn hiện hữu gần kề,
Ngự trong tâm khảm chẳng hề xa xôi,
Làm tâm, làm đích muôn loài,

Muôn dân muôn thuở chẳng ngoài quyền uy,
Sinh linh vạn hữu hướng về,
Ngài là cùng đích mọi bề ước mơ.
Huyền vi, linh diệu không bờ,
Trí khôn phạm tục khôn dò, khôn hay.

oOo

Ngài là Thượng Đế cao vời,
Siêu linh, bất biến đời đời nhất như.
Sinh tồn, ngôn ngữ tâm tư,
Trường sinh, thực tại, như như cũng Ngài...[\[20\]](#)
Ngài là đích điểm phải coi,
Phải nhìn, phải ngắm, chớ lơì lòng vàng.
Thánh thư là cánh cung dương,
Mũi tên thần trí, ta mang lắp vào.
Bạn ơi ngắm đích đi nào,
Dương cung hãy bắn trúng vào Thiên tâm.
Oum là chính chiếc cung thần,
Mũi tên là bạn, hồng tâm là Trời.
Hãy nhìn ngắm đích chớ lơì,
Như tên, bạn phóng vào Trời cho sâu.
Đấng làm trục cốt hoàn cầu,
Khí, thần, trời, đất nước sau nường nhờ.
Bạn ơi đừng có nghi ngờ,
Đó là Chân Ngã, đó là chính Anh.

oOo

Nhịp cầu bắc tới trường sinh,
Những nhời vừa nói bắc thành chẳng sai,
Quên đi tạp thuyết trên đời,
Chào mừng bạn đã là người quá giang.
Từ nay bến giác đã sang,
Bờ mê nhìn lại mơ màng âm u.

oOo

Trời là toàn thể, nhất như,
Trước sau, trên dưới, toàn khu đều Ngài.
Tả biên, hữu dực chơi vơi,

[1] In a seemingly childlike manner, like the early Greek cosmologists, they advanced now one thing and now another as an image of the primary material out of which the whole world is made. Yet again like the early Greek philosophers and also with the subtlety of genuine philosophic insight, they were always aware of the underlying unity of all being. Out of this penetrating intuition those early Indian thinkers elaborated a system of intelligent monism which has been accepted as most illuminating and inherently true by their descendants throughout the centuries. If there is any one intellectual tenet which, explicitly or implicitly, is held by the people of India, **furnishing a fundamental presupposition of all their thinking, it is the doctrine of universal immanence of an intelligent monism.**

The Thirteen principal Upanihads, translated from the Sanscrit, by Robert Ernest Hume, Geoffrey Cumberlege Oxford University Press, 1951, p. 1,2.... «As all the spokes are held together in the hug and felly of a wheel, just so in this Soul all things, all gods, all worlds, all breathing things, all selves are held together.»(Brihad Aranyaka Up. 2.5.5.15) Monism now is the ruling conception of the world, for the world is identical with Atman. «Atman alone is the whole world.»(Chand. 7.25.2). (Ib. p. 21)

[2] As the spider might come out with his thread, as small sparks come forth from the fire, even so from this Soul come forth the vital energies (prana), the world, all gods, all beings... (Brihad Aranyaka Up. 2.1.20).

Những chuyện thần thoại của Bà La Môn về sự Prajapati, hay Purusa phân thân thành vũ trụ đã được trình bày trong:

- Rig Veda X, 90; Yajurveda (VS, XXXI, XXXII (vài câu); Atharvaveda XIX, 6, và K,2; Taittiriya Up. 1.5.1.-1,6,1.- Aitareya Up. 1.1-5) Huyền thoại Prajapati, hay Purusa phân thân thành vũ trụ giống huyền thoại Bành tổ ở Trung Hoa, Gya Maitan ở Iran, Ymier ở các nước Bắc Âu (Phần Lan-Thụy điển) và đã được Linh mục Hoàng Sĩ Quý trình bày trong Annales du Musée Guimet 4-9-69 (PUF) dưới nhan đề: Le mythe Indien de l'homme cosmique, trang 113-154.

[3] a/- Brahma, indeed, is this immortal. Brahma before, – Brahma behind, to right and to left. – Stretched forth below and above, – Brahma indeed is this whole world, this widest extent. (Mundaka Up. 2.2. II)

b/- For truly, everything here is Brahman. (Mandukya Up. 2)

[4] As fire(Agni), he warms. He is the sun (Surya). – He is the bountiful rain (Parjanya).– He is the wind (Vayu).– He is the earth, matter (rayi), God (deva), – Being (sat) and non Being (asat), and what is immortal. Prasna U. 2,5.

[5] «The Swan (i.e. the sun) in the clear, the Vasu in the atmosphere, the priest by the altar, the guest in the house, In man, in broad space, in the right (rta), in the sky, Born in water, born in cattle, born in the right, born in the rock, is the Right, the Great.» (Katha 5.2)

[6] Mundaka Up. 2.2. II (Xem I) a/ trên.

[7] For truly, everything here is Brahma. (Mand. 2) Om is Brahma. Om is the whole World. Taittiriya Up. 1.8.1.

[8] He entered in here, even to the fingernail-tip, as a razor in a razorcase, or fire in a fire holder (i.e. the fire-wood) (Brih. 1.4.7) So, cleaving asunder this very hair-part, by that door he entered. This is the

door named the cleft. That is the delighting. (Aitareya Up. 3.12)

[9] He is your soul, which is in all things...

Explain to me him who is just the Brahma present and not beyond our ken, him who is the Soul in all things. (Brih. Up. 3.4.2)

...He is your Soul the Inner Controller, the Immortal. Brih. 3,7,7. Xin đọc cả tiết 7, chương 3 Brih. Up.

– Chand. Up. 6, 13,3

6, 12,3.– Katha 5.10

– The Thirteen Upanishads, The Philosophy of the Up. p. 27.

[10] Brih. Up. 3.7.1.

[11] He is the key to all knowledge. (Ib. p. 30)

[12] Reality is One. Diversity and manifoldness are only an appearance (Ib. p. 36)

[13] «There is on earth no diversity.

He gets death after death,
who perceives here seeming diversity.
As a unity only is It to be looked upon
This indemonstrable enduring Being»
(Brih. 4.4.19–20)

[14] So, verily, with seeing of, the hearkening to, with the thinking of, and with the understanding of the Soul, this world—all is known. (Brih. Up. 2.5.5)

[15] Verily, Kapya, he who knows that thread and the so-called Inner Controller he knows the worlds, he knows the gods, he knows the Vedas, he knows created things, he knows the Soul, he knows everything. (Brih. Up. 3.7.1)

[16] Who sees his Lord

Within every creature
Deathlessly dwelling
Amidst the mortal,
That man sees truly
Who sees the separate
Lives of all creatures
United in Brahman
Brought forth from Brahman
Himself finds Brahman.

Bhagavad Gita, Translated by Swami Probhavananda, and Christopher Isherwood. — Nancy Wilson Ross, Three Ways of Asian Wisdom, A Clarion Book, Published by Simon and Shuster, New York 10020, 1969, p. 12.

[17] A person of the measure of a thumb is the Inner Soul (Antaratman)

Ever seated in the heart, of creatures.

He is framed by the heart, by the thought, by the mind.

They who know that become immortal.

Svetasvatara UP. 3.13.

[18] By knowing, that is therein, Brahma-knowers Become merged in Brahma, intent thereon, liberated from the womb (i.e. from rebirth) (Svet. 1.7)

By knowing God there is a falling of all fetters, With distress destroyed, there is cessation of birth and death. (Svet. 1.11)

[19] Verily that great, unborn Soul, undecaying, undying, immortal, fearless, is Brahma. Verily, Brahma is fearless. He who knows this becomes the fearless Brahma. (Brih. Up. 4.4.25)

[20] Il se tient manifeste, tout proche,
l'habitant de la crypte, le Grand But,
centre de tout;
sur lui sont fixés tous les mondes,
tous les habitants des mondes,
Il est resplendissant, l'objet de tout désir,
Plus menu que l'atome,
Au delà de toute atteinte du savoir...

[21] Cela c'est le Brahman, le Suprême, l'Immuable.

La vie c'est Lui; la Parole, c'est Lui; l'esprit c'est Lui;

Le Réel c'est Lui; l'immortalité c'est Lui.

C'est Lui la cible qu'il faut viser,

Ami, vise droit au but.

Prends entre les mains l'arc splendide des Oupanichads

sur lui place la flèche

aiguillée dans la méditation.

De ton esprit tendu vers l'unité, bande ton arc.

Ami, vise ce but, C'est Lui, l'Immuable.

Om, le pranava, voilà ton arc,

La flèche, c'est le Soi,

C'est toi-même

La cible c'est Brahman.

Vise-la sans te laisser distraire.

Fixe toi-là toi-même, comme la flèche en sa cible.

Celui sur qui tout ce monde est fixé,

Cieux comme terre, souffle comme esprit,

sache que c'est cela même l'unique soi: c'est toi.

Tous autres mots, laisse-les aller,

Le pont qui mène à la non-mort, c'est cela.

Salut à toi qui passe à l'autre rive,

au-delà de la ténèbre...

Brahman en vérité, c'est tout cela, c'est tout.

Devant, Brahman! derrière, Brahman!

à droite, Brahman! à gauche, Brahman!

au dessus, Brahman! au dessous, Brahman!

Brahman seul en vérité!

en tout et partout!

Mundaka Up. 2.2. 2–5. – 2.2. II. (cité par Henri le Seau, dans La Recontre de l'Hindouisme et du Christianisme, Aux Editions du Seuil, Paris, p. 136–137.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) **13** [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 13

PHẬT GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Tuy Đức Phật không bàn về Bản thể vũ trụ, nhưng sau này các Triết gia Phật giáo cũng chủ trương Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

Phật giáo đã có những thành ngữ như: **Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức Nhất**: Một là tất cả, Tất cả là một. Chúng ta còn biết Công án của Triệu Châu: **Vạn pháp qui Nhất, Nhất qui hà xứ?** Vạn pháp trở về Một, Một trở về đâu? Một vị Thượng tọa tôi quen, trả lời: Nhất qui Bản Lai Diện Mục. Mà Bản Lai diện mục cũng là Bản thể Vũ trụ.

Kinh Hoa Nghiêm là kinh chủ xướng Thuyết Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể và theo Trí Khải Đại Sư thì khi Đức Phật vừa đạt Niết bàn đã giảng kinh này. Đại Sư cho rằng mới đầu Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm 21 ngày, giảng về huyền nghĩa: **Nhất tâm Chân Như, pháp giới duyên khởi**, thuyết minh về sự hình thành của vũ trụ vạn hữu, để hóa độ cho hàng thượng thừa Bồ tát.

Rồi sang thời kỳ Lộc Uyển (Hay A Hàm) giảng các bộ kinh A Hàm trong vòng 22 năm, thuyết về các pháp môn Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên v.v... để độ cho hàng Nhị Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác.

Sau đó là thời kỳ Phương Đẳng giảng các kinh Lăng Già, Lăng Nghiêm, Kim quang kinh v.v... trong vòng 8 năm để độ cho hàng Đại thừa sơ cơ phát tâm Bồ tát.

Sau đó là thời kỳ Bát Nhã, đức Phật giảng các kinh Bát nhã và Kim Cương trong vòng 22 năm, tức giảng về chân lý Không cho hạng quyền thừa Bồ tát.

Cuối cùng là thời Pháp Hoa và Niết Bàn. Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa và Niết Bàn trong 8 năm, **xác định tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể thành Phật**.

Ngài giảng kinh này cho mọi hạng người. (Xem Tóm lược triết lý kinh Hoa Nghiêm và Bồ tát đạo, Minh Đức Thanh Lương, Chùa Việt Nam, Seattle, 1986, tr. 7-8.)

Có thơ tóm tắt các thời kỳ trên như sau:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,

A Hàm, thập nhị, Phương Đẳng bát,

Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm,

Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.

Kinh Hoa Nghiêm cho rằng: Mọi sự vật trong vũ trụ đều do Tâm mà ra. Tâm đây là Tâm Chân Như hay Chân Không Diệu Hữu, Bản Thể. Vũ trụ do nhân duyên hòa hợp mà thành, mọi vật lớn nhỏ đều nương vào nhau, nhân làm quả, quả lại làm nhân, cái này có là nhờ cái kia, cái kia có là nhờ cái này, tương quan, tương duyên, lớp lớp chẳng chịt vô cùng nên gọi là trùng trùng duyên khởi. Mọi sự vật đều dính chùm với nhau, nên vạn vật này động là tất cả đều động, tất cả đều liên quan mật thiết với nhau, **Một tức Tất Cả, Tất Cả tức Một**, mọi vật đều tương tức, tương nhập. Vạn vật đều cùng chung một Bản Thể, một nguồn sống vô

hình vô tướng, tuyệt đối mà Phật giáo tạm gọi là Tâm Chân Như, là Không, Lão giáo gọi là Đạo hay Vô Cực, Khổng Giáo gọi là Thái Cực, Cao Đài gọi là Thầy.^[1]

Thế tức là: **Nhất thiết do tâm tạo, Vạn vật đồng nhất thể**. Trong cái Đồng nhất Thể đó, có 2 thành phần: Một là Lý, Hai là Sự.

Sự là Vạn Vật trong vũ trụ, có hình tướng, mà ngũ quan có thể tiếp xúc được, như: người, vật, núi, sông, cây cỏ, mặt trời, mặt trăng, tinh cầu...

Còn **Lý** thì không có hình tướng, phải dùng tâm để mà hiểu biết mà thôi, như: Bản Thể, Chân Lý, Thật Tướng, Lý Tánh...^[2]

Sự còn gọi là Vọng Tâm, Vọng Ngã, hay Luân Hồi, Sinh Tử.

Lý cũng là Chân Tâm, Chân Ngã, hay Niết Bàn, Bất Sinh Bất Tử.

Trong bản dịch kinh Đại Thừa Phật giáo có viết:

All composite things are impermanent,
They belong in the realm of birth and death,
When birth and death are transcended,

Absolute tranquillity is realised and blessed are we.^[3]

Như vậy, cái gì giả hợp, thì vô thường, có sinh có diệt, còn cái gì siêu xuất sinh tử mới bất biến, trường tồn, không tịch, tuyệt đối.

Phật giáo Đại Thừa cho rằng Vạn Vật có hai tướng, một tướng bề ngoài và một tướng bề trong. Cái **tướng bề ngoài**, ta có thể dùng ngũ quan và ý thức (giác quan thứ sáu) mà xét thấy được. Nhưng bên trong những cái vỏ sai biệt của hình tướng bề ngoài, còn có một cái Thể chung (**Bản Thể** hay **Thực Tướng**) của muôn loài vạn vật.

Cái Thực Tướng đó là Không. Không sinh diệt, không nhơ sạch, không thêm bớt, không biết từ đâu đến và đi về đâu, không biết giờ khởi điểm hay lúc tận cùng. Hiểu thấu được chân lý Duyên sinh là đạt tới thực tại tối hậu, tới Chân Không Diệu hữu, tới tuệ Bát Nhã, không còn phải tranh luận hão huyền nữa...^[4]

Tóm lại, đứng về mặt Bản Thể thì vũ trụ này là một khối duy nhất, viên mãn, bất biến, tự tại vô ngại, bình đẳng và bất khả phân. Nhưng trên bình diện hiện tượng thì sự sự, vật vật lại có những bộ mặt sai thù, phân biệt. Tuy nhiên bản thể và hiện tượng chỉ là hai bộ mặt của một Thực Tại tuyệt đối được mệnh danh là Tâm hay Chân Như.

Vạn hữu, trăm sai ngàn biệt, đều do từ một nguồn Tâm này mà sinh khởi, và ở đó, thì không gian và thời gian đều dung thông làm một, và sự sống tràn lan bất tận, vô thủy vô chung...^[5]

Hòa thượng Hải Tràng nói: Do tu Bát nhã (prajnaparamita) mà tôi đắc tuệ nhãn và hàng ngàn vạn tam muội khác. Lúc nhập Tam Muội này, tôi biết rõ tất cả thế giới không chút chướng ngại và thấy mọi sự vật trong vũ trụ đều dung thông, dung nhiếp với nhau. Tôi biết rằng **CÁI TÂM CHUNG CỦA MỌI NGƯỜI LÀ CÁI TÂM CHUNG CỦA TRỜI ĐẤT, VÀ CÁI LÝ CỦA SỰ VẬT LÀ CÁI LÝ CHUNG CỦA VẠN VẬT**. Khi đã rõ được một phần tử trong vũ trụ, thì cũng rõ được sự vật trong trời đất. Đó là cái lý **MỘT LÀ TẤT CẢ, và TẤT CẢ LÀ MỘT, TÂM VẬT KHÔNG HAI**.^[6]

Sự và Lý ở Hoa Nghiêm đồng nghĩa với Sắc và Không ở Bát Nhã. Sự là Lý, Sắc là Không. Chẳng những mọi sự vật đều hòa tan trong cái Lý Bản Thể chung, mà vật nọ hòa tan trong vật kia vô ngại. Cùng

một lúc cái này tức là cái kia, cái kia dung nhập trong cái này, Chủ là Khách, Khách là Chủ...

Lý «Sự sự vô ngại pháp giới» của Kinh Hoa Nghiêm, bắt nguồn từ thuyết **Vạn vật đồng nhất thể**, một là tất cả, tất cả là một, đã nêu rõ Chân Lý: Mọi sự vật trên thế giới đều có tính cách tương đối, nghĩa là đều vô thường, vô ngã và duyên sinh. Tất cả các pháp trên thế gian đều có hình tướng và danh xưng khác nhau, nhưng cùng chung một gốc là Bản Thể, Chân Như, Chân Tánh, Thật Tướng, Không, Lý... [7]

Các Triết gia Phật giáo đều chủ trương thuyết **Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể**. Đã đành vũ trụ này từ một bản thể là Chân Như sinh xuất ra, nhưng các triết gia Phật Giáo thường đặt mấy vấn đề sau đây:

1. Thực tướng của Chân Như Bản Thể ra sao?
2. Vạn pháp = Hình ảnh biến thiên của Chân Như.
3. Chân Như Bản thể làm sao sinh Vạn Pháp?
4. Tương quan giữa Bản Thể (Chân Như), và Hiện Tượng (Vạn Pháp).

Dưới đây xin lần lượt trả lời các câu hỏi trên.

1. Thực tướng của Chân Như Bản thể ra sao?

a. Có nhiều môn phái cho rằng Chân Như Bản thể vì siêu việt, nên không thể nào bàn cãi được, đoán định được.

Trong chiều hướng này Pháp Tướng Tông dùng chữ: **Phế thuyết, đàm chỉ** (miễn bàn, miễn nói)

Tam Luận Tông dùng chữ: **Ngôn vong, lự tuyệt** (quên lời, bỏ nghĩ).

Thiền Tông dùng chữ: **Bất lập văn tự**.

Chân ngôn tông dùng chữ: **Xuất quá ngôn ngữ đạo** (vượt trên ngôn từ)

Tịnh độ tông dùng chữ: **Bất khả xưng, bất khả thuyết, bất khả tư nghị** (không thể gọi, không thể nói, không thể nghĩ bàn).

b. Có môn phái thời muốn nhấn mạnh về tính cách không tịch, tĩnh lặng của Chân Như Bản Thể, nên đã dùng những chữ như: Không tịch, Hư Vô, Không, Chân Không để mô tả Bản Thể.

Nhưng Hư Vô đây không phải là Hư Không, Hư Ảo mà chính là Chân Không, Diệu Hữu, Căn Nguyên sinh xuất vũ trụ.

Lục Tổ Huệ Năng, viết trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Bát Nhã, phẩm đệ nhị:

«Hư Không hàm tàng hết sắc tướng, vạn vật, bao gồm nhật nguyệt, tinh cầu, sông núi, đất đai, suối nguồn, khe lạch, cây cối, bụi rừng, người lành, kẻ dữ, cái hay, cái dở, tất cả mọi núi Tu Di cũng đều ở trong Hư Không. Tính người ta cũng ở trong Hư Không. Tất cả đều như vậy.»

Suzuki, một thiền sư Nhật Bản viết: «**KHÔNG** là một trong những vấn đề quan trọng nhất của Triết Học Đại Thừa, và là chữ rắc rối nhất, khó hiểu nhất cho những người không phải là Phật tử.

KHÔNG không có nghĩa là tương đối, tương đãi hay là sắc tướng, hay là Hư Vô mà chính là Tuyệt Đối, Tuyệt đãi, siêu việt, bất khả tư nghị. đó chính là Chân Như Bản Thể.» (DT Suzuki, Manual of the Zen Buddhism, p. 29).

c. Có môn phái thời nhìn về phía tích cực hiện hữu, khi Bản thể đã sinh hóa ra vũ trụ, cho nên gọi Bản thể là Chân Như.

Chân Như Bản Thể, tuy sinh xuất ra vạn hữu, nhưng vẫn viên dung, bất biến, nên còn được gọi là: Nhất Như, Như Như, Nhất Tâm Pháp Giới.

Vì Chân Như Bản Thể là cốt lõi, là Chân Thân, là Thực Thể của vũ trụ hình tướng này, nên còn được gọi là: Trung đạo, Pháp Thân, Như Lai, Pháp Thể, Thực Tánh, Thực Tại, Chân Tâm...

Vì Bản Thể vũ trụ là Chân Tướng vũ trụ, minh linh, viên giác, hoàn thiện tuyệt đối, nên còn được gọi là: Thực tướng, Chân Thực Tướng, Thực Tế, Chân Thực Tế, Chân Như Bốn Tánh, Chân Như Tánh, Chân đế, Chân Thiện, Viên Giác, Niết Bàn.

Và cuối cùng để cho Bản Thể đượm màu Phật Giáo nên các triết gia Phật Giáo cũng còn gọi nó là Phật Tính.

Kết quả là hiện nay có không biết cơ man nào là danh từ dùng để chỉ Chân Như. Xin ghi lại bằng mấy vần thơ sau:

Niết Bàn, Nguyên Thanh Tịnh Thể, Như,
 Bản Lai Diện Mục, A Lại Da,
 Thực Tướng, Pháp Thân, Bản, Bát Nhã,
 Yểm Ma La Thức, A Đà Na,
 Trung Tâm, Phật Tính, Tâm Bình Đẳng,
 Đại viên Cảnh Trí, Chân Tính, A,
 Chân Thiện Diệu sắc, Hàm Tàng Thức,
 Không, Như Lai Tạng, Tâm, Chân Như,
 Thường Trụ Chân Tâm, Nguyên Thường, Pháp,
 Viên Thành Thực Tính, Bản, Tâm, Hư,
 Lý, Tất Cảnh Không, Vô Ngã Tạng,
 Thường Trụ Chân Như Tâm, Thực Tế,
 Chánh pháp Nhân Tàng, Tánh, Chân Như.

Lăng Già Kinh cũng cho ta vô số tên của Chân Như. Nơi phẩm Nhất thiết Phật Ngữ Tâm, Phật dạy: «Như thế, Đại Huệ! Ta ở thế giới Ta Bà này, trải ba a tăng kỳ có trăm ngàn danh hiệu. Kẻ ngu thấy đều nghe, mỗi người nói tên ta mà không hiểu ta, ấy là Dị Danh Như Lai. Đại Huệ! Hoặc có chúng sinh biết ta là Như Lai, có chúng sinh biết ta là **Nhất Thiết Trí**, có chúng sinh biết ta là **Phật**, có chúng sinh biết ta là **Cứu Thế**, có chúng sinh biết ta là **Tự Giác**...có chúng sinh biết ta là **Tự Tại**...có chúng sinh biết ta là **Vô Sanh**, có chúng sinh biết ta là **Vô Diệt**, có chúng sinh biết ta là **Không**, có chúng sinh biết ta là **Như Như**, có chúng sinh biết ta là **Đế**, có chúng sinh biết ta là **Thực Tế**, có chúng sinh biết ta là **Pháp Tính**, có chúng sinh biết ta là **Niết Bàn**, có chúng sinh biết ta là **Thường**, có chúng sinh biết ta là **Bình đẳng**, có chúng sinh biết ta là **Bất Nhị**, có chúng sinh biết ta là **Vô Tướng**, có chúng sinh biết ta là **Giải Thoát**, có chúng sinh biết ta là **Đạo**...Đại Huệ! Trải qua ba a tăng kỳ có trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm, chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác, thấy đều biết ta, như mặt trăng trong nước, chẳng ra, chẳng vào....» (Kinh Lăng Già Tâm Ấn, Thiền sư Hám Thị giảng, Thích Thanh Từ dịch, Phật học viện Quốc Tế xuất bản 1982, tr. 324)

Tất cả danh hiệu đều nói một thể, nhân danh đạt thể, đạt thể thì lìa lời nói. Nên hội qui về chỗ tột cùng...

Nhờ sự thay đổi danh từ, danh hiệu của Chân Tâm, Chân Như thành muôn vàn danh hiệu khác nhau, tự nhiên ta sẽ hiểu rõ đạo Phật, triết học Phật giáo dễ dàng hơn.

Ví dụ: Trong quyển Thiền Đạo Tu Tập, nơi trang 422, Chang Chen Chi viết: Tất cả chúng sinh xưa nay có TÍNH...cái TÍNH ấy, từ thời vô thủy tới nay, không sinh, không diệt, vô sắc, vô hình, thường trụ, bất biến. Đó gọi là cái **TỰ TÍNH BỔN HỮU**...Cái TỰ TÍNH này cùng với tất cả chư Phật, có 1 vị bình đẳng, cho nên gọi là Phật Tính. Tất cả Tam Bảo, Lục Đạo chúng sinh đều lấy cái TÍNH này làm căn bản, thành tựu hết thảy các Pháp Môn... Vì thế nơi trang 432, Chang Cheng Chi có thể viết: **«Thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta một thể vậy.»**

Trong quyển ZEN and Japanese Culture của Daisetz T. Suzuki, nơi trang 352, Suzuki trích lời Tăng Triệu như sau:

**Heaven and earth and I are of the same root,
The ten-thousand things and I, are of one substance.**

Đó chính là lời dịch lại 2 câu của Chang Cheng Chi nói trên.

Trang 354, Suzuki còn dẫn 3 câu thơ của Tennyson nói về Vạn vật đồng nhất thể như sau:

Little flower– but if I could understand
What you are, root and all, and all in all,
I should know what God and man is.

Dịch:

Bông hoa bé nhỏ con con,
Nếu tôi hiểu được nguồn cơn, gót đầu.
Nếu tôi hiểu nó cho sâu,

Trời Người bao chuyện nhiệm màu cũng thông.

Đại đức Nerada Meha Thera, trong những bài thuyết giảng tại Chùa Kỳ Viên Tự, Saigon, vào năm 1964, có luận về Niết Bàn như sau: «Niết Bàn không phải là một trạng thái hư vô. Nếu Niết Bàn là Hư Vô, thì Đức Phật đã không miêu tả bằng những danh từ: Vô tận, Vô lậu, Tối Cao, Chỗ Nương Tựa tối thượng, Chân Toàn, Hạnh Phúc, Bĩ Ngạn, Duy Nhất, Phi Nhân, Bất Khả Diệt, Hoàn toàn Thanh Tịnh, Vĩnh Cửu, Giải Thoát, Vắng lặng v.v...Niết Bàn là Tuyệt Đối.» Như trên ta đã thấy Niết Bàn chính là Chân Như Bản Thể, Chân Tâm, Căn Nguyên sinh xuất vũ trụ và cũng là Cùng Đích cho muôn loài trở về, như vậy Niết Bàn chính là Chân Thể của chúng ta...

2. VẠN PHÁP = HÌNH ẢNH BIẾN THIÊN CỦA CHÂN NHƯ

Ngoài Chân Như hằng cửu, tế vi, mà chỉ các bậc thượng trí, thượng nhân mới biết, còn có vạn vật hữu hình sinh sinh, hóa hóa, còn có muôn ngàn trạng thái tâm hồn, còn có muôn giòng tư tưởng đổi đổi thay thay. Các triết gia Phật giáo gọi đó là Vạn Pháp. Ngày nay ta còn gọi VẠN PHÁP là HIỆN TƯỢNG.

Nói cách khác, Vạn Pháp là những gì biến thiên, sinh diệt. Nó bao quát những gì ta hình dung được, nhận thức được, cảm giác được, kể từ những tâm tư bí ẩn, những tư tưởng, những hoài bão, cho đến thất tình lục dục, cho đến xác thân, cho đến muôn loài, muôn vật hữu hình, hữu tướng. Phật giáo gọi HIỆN TƯỢNG là TƯỢNG và dùng Thập Tượng để bao quát mọi hiện tượng. Thập Tượng là: 1. Sinh, 2. Lão, 3. Bệnh, 4. Tử, 5. Sắc, 6. Thanh, 7. Hương, 8. Vị, 9. Xúc, 10. Vô Thường. Hoặc theo Niết Bàn Kinh là: 1. Sanh, 2. Trụ, 3. Hoại, 4. Sắc, 5. Thịnh, 6. Hương, 7. Vị, 8. Xúc, 9. Nam, 10. Nữ.

Vạn Pháp chẳng qua là những trạng thái nhất thời, những hình hiện nhất thời, những biến hóa nhất thời của Bản thể vô biên. Chúng không có Bản Thể riêng biệt, và không thể nào vĩnh cửu. Vì thế nói: Chư

Pháp Vô Ngã, Chư Hạnh Vô Thường. Vạn Pháp tuy biến thiên lưu chuyển, nhưng vẫn tuân theo những định luật vĩnh cửu, cố định như: Tự, Tán. Biến thiên. Thăng, Trầm. Ly, Hợp. Tiêu, Túc. Doanh, Hư. Tinh, Tạp. Sinh, Trụ, Hoại, Không. Nhân, Quả. Tuần Hoàn...

Nếu Chư Pháp là Vô Ngã, Vô Thường, thì Bản Thể phải là Ngã, là Thường.

Nếu Vạn Pháp là Uế Tạp, thì Bản thể phải là Thanh Tịnh.

Nếu Vạn Pháp là Khổ, thì Bản Thể phải là Lạc.

4 chữ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh như vậy là đã được dùng để chỉ Bản Tâm, Chân Tâm, hay Niết Bàn.

Phật giáo dạy bỏ Vô Ngã, Vô Thường, Uế, Khổ để hướng về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Trong quyển ZEN and Japanese Culture, Daisetz T. Suzuki, nơi tr. 308, có viết:

All composite things are impermanent,
They belong to the realm of birth and death.
When birth and death is transcended,
Absolute tranquillity (jaku metsu = nirvana) is realized and blessed are we.

Dịch:

Cái gì giả hợp cũng đều biến thiên,
Cũng đều sinh tử triền miên,
Từu sinh mà siêu xuất được lên trên,
Mới mong đạt Niết Bàn, luôn sung sướng...

Câu trên cho thấy vũ trụ này có 2 phần: 1 phần thời biến thiên, sinh tử. Đó là Luân hồi. Một phần thời hằng cửu, bất biến, đó là Niết bàn.

Bỏ biến thiên, sinh diệt để trở về bất biến, hằng cửu, là bốn phận mọi người.

3. CHÂN NHƯ BẢN THỂ LÀM THỂ NÀO MÀ SINH HÓA RA VŨ TRỤ HIỆN TƯỢNG

A. Chân Như duyên khởi.

Thuyết này chủ trương vạn hữu đều do Một Bản Thể duy nhất, tuyệt đối, là CHÂN NHƯ sinh xuất ra. Chân Như này đồng thể với Tâm Linh con người, nên cũng có thể nói: Nhất thiết chúng sinh giai do tâm tạo.

Vũ trụ này có 2 phương diện: Một phương diện vĩnh cửu, bất biến, hay là CHÂN NHƯ MÔN (tuyệt đối giới, bình đẳng giới).

Một phương diện biến thiên sinh diệt, hay là SINH DIỆT MÔN (tương đối giới, sai biệt giới).

B. Nghiệp cảm duyên khởi.

Thuyết này chủ trương CHÂN NHƯ sinh hóa ra vũ trụ do nghiệp lực (Karma) cảm triệu.

Thuyết Nghiệp Cảm nếu áp dụng cho quần sinh thì có phần đúng; nhưng nếu áp dụng cho Bản Thể tuyệt đối, thì không ổn, vì chẳng lẽ Bản thể tuyệt đối còn mắc vòng duyên nghiệp sao? Ta cũng có thể hiểu là vũ trụ này được sinh hóa ra sau khi Từ ĐIỆN LỰC đã hình hiện.

C. A Lại Gia duyên khởi.

Long Thọ Bồ Tát (Nagarjuna) (thế kỷ 2 D.L.) cho rằng: Chân Như là tuyệt đối; Vạn pháp là tương đối.

Tuyệt đối không trực tiếp tạo ra tương đối, mà phải qua trung gian A Lại Da. A Lại da hay Hàm Tàng Thức gồm đủ mọi chủng tử của chúng sinh, của mọi biến hóa chuyển dịch.

Thuyết này cũng na ná như thuyết Logos hay Logos Spermatikos của Heraclitus (thế kỷ 6 trước C. N.) hay của Plotinus (205-270) bên trời Âu hay như thuyết Vô Cực sinh Thái Cực của Chu Liêm Khê (1017-1073) thời Tống.

D. Lục Đại duyên khởi.

Phái Chân Ngôn thì cho rằng: Vạn Hữu này do Phật Tì Lô Giá Na (Vairocana) (Đại Nhật Như Lai) phân hóa ra. Phật thân Đại Nhật Như Lai gồm Lục Đại (Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức) nên vạn hữu từ tinh cầu đến nhân loại, đến vi trần, đều gồm đủ Bản Thể của Đại Nhật Như Lai.

Thuyết này cũng tương đương như huyền thoại Ấn Độ giáo: Prajapati hay Purusa phân thân thành vũ trụ.

E. Pháp giới duyên khởi.

Thuyết này chủ trương Bản Thể khi Tĩnh thì là Chân Như, khi Động thì là Vạn Hữu. Như vậy, Bản Thể tức là Hiện Tượng; Hiện tượng tức là thiên biến vạn hóa của Bản Thể. Bản Thể và Hiện Tượng không thể nào tách rời nhau, như sóng không tách rời khỏi nước.

4. TƯƠNG QUAN GIỮA BẢN THỂ VÀ HIỆN TƯỢNG.

Khi chúng ta có cái nhìn phân biệt, ta sẽ thấy: Chân Như thời trường tồn, bất sinh, bất diệt, tuyệt đối, vừa là Nguyên Nhân, vừa là Cứu Cánh, là lý tưởng, là thanh tịnh, là Niết Bàn. Vạn Pháp là Vô Thường, là sinh diệt, là khổ ải, là uế tạp. **Chân Như là Không, Vạn Pháp là Sắc.** Chân Như là Vô Vi, Vô Lậu; Vạn Pháp là Hữu Vi, Hữu Lậu, Chân Như là Lý, Vạn Pháp là Sự. Chân Như là Thực, Vạn pháp là Giả...Chân Như là Bồ Đề, Vạn Pháp là Khổ não. Chân Như là Niết Bàn, Vạn Pháp là Luân Hồi, v.v...

Nhưng nếu chúng ta có cái nhìn viên dung, vô phân biệt, ta sẽ thấy Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Phiền Não tức Bồ Đề, Luân Hồi tức Niết Bàn.

Phật Giáo có Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng. Thiên Thai Tông gọi Phật Bảo là Bản thể, Pháp Bảo là Hiện Tượng, Tăng Bảo là Diệu Dụng của Bản Thể và Hiện Tượng.

Như vậy, hiểu rành Bản Thể và Hiện Tượng tức là trong tay ta nắm được ba vật quý giá nhất của đất trời.

Thứ Nhất: Biết mình có Chân Như, Phật Tính tức là biết mình chính là Chân Tâm, là Phật, đồng hóa với Căn Nguyên vĩnh cửu của đất trời.

Thứ hai: Biết mình có đủ các hiện tượng biến thiên, tức là nắm được lẽ tiến hóa của đất trời, nên sẽ luôn luôn sống ảo diệu khinh khoái.

Thứ ba: Biết mình có đủ cả hai phương diện Biến, Hằng của trời đất, thế là biết mình có cả vũ trụ trong thân, như vậy sẽ có cả một kho tàng mệnh mạng của trời đất, tha hồ dùng không bao giờ hao cạn. Thế tức là «Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng.»

Hiểu được rằng trong mình có Chân Như Bản thể, tức là biết mình có Pháp Thân. Biết rõ về các hiện tượng nơi mình, tức là biết mình có Báo Thân. Biết rằng mình sinh ra đời cốt để độ mình, độ người, tức là biết mình có ứng Thân. Thế tức là nhờ hiểu rõ Bản thể và Hiện Tượng, ta thấy trong Thân có đủ Tam Thân Phật.

Biết rằng Niết Bàn là Bản Thể, là Chân Tâm. biết rằng Hiện Tượng là Vọng Tâm. thì sự Diệt Ngã để

trở về với Chân Tâm tưởng cũng không mấy khó khăn.

Tóm lại, chủ trương của Phật Giáo chính là: Từ Vọng Ngã nhỏ hẹp, ta sẽ cố phát huy Đại Ngã mệnh mông. Từ sắc thân phàm tục, ta sẽ cố phát huy Pháp Thân siêu việt. Từ phàm thân dễ bị hủy diệt ta sẽ phát huy Kim Cương Thân bất khả hủy diệt. Từ u minh mê vọng của Lục Thức, Lục Trần, ngũ uẩn, ta sẽ làm bừng sáng lên ngọn đuốc Chân Tâm. Chữ Diệt Ngã, chữ Giải Thoát, hiểu cho đúng đắn, sẽ là phá tan mọi hình tướng để tìm ra Chân Tính (Khiến tướng chứng tính); làm lu mờ tan biến mọi nhỏ nhoi, ti tiện, cho Quang Minh, Chính Đại hiện ra (ẩn liệt, hiển thắng). Mục đích tối hậu là khế hợp nhất như với Chân Như Tuyệt Đối, Bản Thể Tuyệt Đối...

Khảo sách vở, ta thấy gần đây, nhiều nhà nghiên cứu Phật Giáo V. N. đã có nhiều vị bàn về Thuyết Thiên Địa Vạn vật Đồng Nhất Thể một cách kỹ lưỡng, như Đạo hữu Vũ Văn Phường, thân sinh của nhà văn Nguyên Phong, như học giả Cao Xuân Huy miền Bắc, hay như Cụ Mai Thọ Truyền, hay BS Lê Đình Thám, hay Cụ Nguyễn đăng Thục v.v...

Đạo hữu Vũ Văn Phường, trong hai tập Tinh Hoa Kinh Hoa Nghiêm, và Tóm lược Triết lý Kinh Hoa Nghiêm và Bồ Tát Đạo, đã bàn nhiều về triết lý trên, và trên đây, tôi đã rút ra một số tư tưởng của ông.

Cụ Cao Xuân Huy, một học giả miền Bắc, đã bàn về Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể như sau: «Trong 7 phái Thiền Tông, có một phái gọi là Trực Hiển Tâm Tính Thông. Nó nêu lên cái nguyên lý Xúc Loại Thị Đạo Nhi Nhậm Tâm, nghĩa là trong cái gì cũng có Đạo (tức là Phật), trong cỏ cây hoa lá đều có Phật Tính cả. Do đó muốn tìm Phật, thì không phải tìm đâu xa mà phải tìm ngay trong mọi vật xung quanh mình, và trong cái Tâm của mình. Phải để cho cái Tâm của mình thoải mái tự do, thì mới hiểu được Đạo.

«Phái Xúc Loại Thị Đạo nhi Nhậm Tâm chủ trương Nhất Thiết Thị Chân nghĩa là cái gì cũng là thật. Do quan niệm trên, mà khi tăng đồ hỏi Phật là gì, Thánh là gì, thì Viên Chiếu đáp: Muốn biết Phật là gì, chỉ cần nhìn xem cây cúc dưới giậu trong tiết Trùng Dương hay chim oanh ở đầu cành trong một ngày xuân ấm áp. Phật và Thánh, xét về bản thể không khác gì nhau cả. Quan điểm của phái này và Trang Tử có nhiều chỗ đồng nhất.» (Thơ Văn Lý Trần tr. 290, chú 3). Những ai không biết rằng Đạo lồng trong vạn vật, mà cứ đi tìm nó ở chỗ xa xôi, huyền bí, đi tìm cái «Huyền Cơ», thì cũng như người không biết cách bưng mâm nước, chỉ đưa đến chỗ đổ vỡ mà thôi. (Thơ Văn Lý Trần, tr. 290, chú 4)

Viên Chiếu thiền sư nói:

Bất thận thủy bàn kinh mãnh khứ,
Nhất tao tha diệt thối hà chi?
Mâm nước đầy bưng đi bất cẩn,
Vấp ngã rồi ân hận được sao?
(Thơ Văn Lý Trần, 267-281)

Không biết lẽ Thiên địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, trước hết sẽ không hiểu được tinh hoa Phật Giáo, sau nữa sẽ không hiểu được Thiền, rồi cứ xoắn xuýt vào các tiểu tiết, hôn trầm trong những thói dục đoạn, thật chẳng khác nào:

Rùa mù soi mãi vách non,
Ba ba khắp khiêng leo hòn núi cao.
(Manh qui xuyên thạch bích,
Ba miết thượng cao sơn)

(Thơ Văn lý Trần, Viên Chiếu, tr. 274-282)...

Cụ Chánh trí Mai Thọ Truyền viết trong quyển Pháp Hoa Huyền Nghĩa như sau:

Sự Giác Ngộ của Phật là Vô Thượng, trí huệ của Phật là vô lượng vô biên, cái thấy biết của Phật (trí kiến) đã đạt đến mức tuyệt đối. Cái thấy biết đó là gì?

Là «**Tất cả là một, tất cả chúng sinh đều từ PHỔ QUANG MINH TRÍ** (nguồn ánh sáng bao trùm vũ trụ vô biên cũng vừa là trí huệ sáng ngời: Lumière omniprésente-Intelligence éclairante) mà ra, thì tất cả ánh sáng sẽ trở về với ánh sáng trí huệ ấy, tức là thành Phật.» (Chánh trí Mai thọ Truyền, Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Chùa Phật Giáo Việt Nam, tr.30).

...Phật đã đạt đến chỗ thấy hoàn toàn, cho nên Phật nhận rằng... «**Tất cả là Một, Một là Tất cả, Tinh thần và Vật chất là Một, Sắc và Tâm là Một.**» (Ibid. 265)

Cụ Lê Đình Thám, trong bài Lời nói đầu cho quyển Kinh Lăng Nghiêm, đã cho rằng **Một là Tất Cả Tất cả là Một**, và Một chính là Pháp Giới Tính. là Tính bản nhiên, là Phật Tính của muôn loài. Chư Phật ra đời chỉ nhằm một mục đích là dạy bảo chỉ bày cho chúng sinh giác ngộ và thực chứng Pháp Giới Tính như Phật... (Xem B. S. Lê Đình Thám, Kinh thủ Lăng Nghiêm, Lời nói đầu)

Cụ Nguyễn Đăng Thục trong 2 quyển Thiền Học Việt Nam và Thiền Học Trần thái Tông bàn rất nhiều về Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, và lấy đó làm nền tảng Nho, Thích, Lão, và các đạo trên thế giới (Xem Thiền Học Trần Thái Tông nơi tr. 197, 397, 404 v.v..)

Thiền Học Việt Nam nơi tr. 451 viết: Cái quan niệm về một thực tại linh động vừa một vừa nhiều, vừa đồng nhất, vừa sai biệt, vừa siêu nhiên vừa hiện thực, vừa tâm, vừa vật, «**Vạn giả Nhất chi tán, Nhất nãi Vạn chi tông**» nghĩa là vũ trụ hiện tượng sự vật thiên hình vạn trạng khác nhau là phương diện phóng tán của cái đồng nhất thể, phương diện bản thể đồng nhất lại là đầu mối gốc nguồn của vũ trụ thiên hình vạn trạng, cái tư tưởng truyền thống của nhân loại Đông Nam Á Châu ấy là nền tảng của tinh thần Tam Giáo, là tinh thần cởi mở, khai triển cho một dân tộc trưởng thành và tiến hóa chứ không phải là một hệ thống danh lý cố định, bảo thủ, đóng cửa...

Cụ Đồ Chiếu, điển hình miền Nam, đã dặn lại đời sau, lấy tinh thần «**Tam Giáo đồng nguyên, Vạn Pháp nhất Lý**» cố hữu của dân tộc làm triết lý trụ cốt cơ bản để mở rộng khai phóng dạng thái tinh hoa thế giới... (Xem Thiền Học Việt Nam, tr. 482-483).

Như vậy ta thấy hiểu được lẽ Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể là hiểu được Phật Tính, là hiểu được Phật Giáo...

Vivekananda viết: đạo Kỳ Na và đạo Phật không lệ thuộc vào Thượng đế, nhưng tư tưởng then chốt của 2 đạo giáo ấy cũng như chủ trương của mọi đạo giáo, là **biến con người thành Thượng Đế**. [8]

CHÚ THÍCH

[1] Minh Lạc, Vũ Văn Phường, Tìm hiểu Kinh Hoa Nghiêm, 1985, Chùa Việt Nam, 1651 So. King St. Seattle WA 98144, tr. 20.

[2] Ib. tr. 22.

[3] Daisetz T. Suzuki, Zen and Japanese Culture, Bollingen Series LXIV, 1993, p. 308.

[4] Minh Đức Thanh Lương, Tóm lược Triết Lý kinh Hoa Nghiêm và Bồ Tát Đạo, Chùa Việt Nam Seattle, 1986. tr. 79-80.

[5] Ibidem, tr. 37–38.

[6] Ib, tr. 59.

[7] Minh Lạc, Vũ văn Phường, Tìm hiểu kinh Hoa Nghiêm, tr. 30–31.

[8] The Buddhists or the Jains do not depend upon God, but the whole force of their religion is directed to the great central truth in every religion, to evolve a God out of man.– Swami Vivekananda, Selected Speeches and Writings, Edited and with an Introduction by Bimal Prasad, Vikas paperbacks, 1994, p. 15

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 14

LÃO GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Xưa nay, có rất nhiều người thường cho rằng các đạo giáo Á Đông, các triết thuyết Á Đông hết sức là mơ hồ, huyền ảo. Khảo về các học thuyết Á Đông nhiều người cảm thấy như mình lạc vào một mê hồn trận, hay vào một khu rừng rậm giữa đêm tối, không còn biết đường lối, phương hướng ra sao. Cho nên muốn khảo sát các đạo giáo Đông phương, ta cần phải nắm vững ít nhiều tư tưởng của Tam giáo...

1. Đầu hết có Nhất Thể

Trước hết các đạo giáo Đông Phương đều xác tín rằng có một thực thể tuyệt đối, một Bản Thể duy nhất, nguyên nguyên, vô hình vô ảnh, nhưng lại linh động, biến hóa vô cùng. Bản Thể ấy, Lão Giáo gọi là Đạo. Đạo vì là Bản Thể của vũ trụ tuyệt đối, vô biên tế nên không thể dùng danh hiệu để tuyên xưng, không thể dùng ngôn từ để mô tả.

Đạo có 2 thể: **Thể tiềm ẩn, và thể hiển dương.**

Trước khi sinh ra vũ trụ, đạo ở thể tiềm ẩn. Sau khi sinh ra vũ trụ, Đạo ở thể hiển dương. Vũ trụ này xét về phương diện Bản Thể thì hư tĩnh, vi diệu; xét về phương diện hình tướng, thì có giới hạn, có hình danh, sắc tướng.

Muốn hiểu rõ vũ trụ, thì phải bao quát cả hai mặt:

- Bản thể (Diệu), Hằng.
- Hình tướng (Kiểu), Biến của nó.

Đạo gia gọi đó là Diệu Kiểu Tề Quan.

Các ý tưởng trên đã được Lão Tử nói lên nơi chương I, Đạo Đức Kinh:

Hóa Công hồ dễ đặt tên,
Khuôn Thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
Không tên, sáng tạo thể gian,
Có tên, là mẹ muôn vạn thụ sinh.
Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình vân vi.
Hai phương diện, một hóa nhi,
Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,
Đó là Chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

Đạo khi chưa sinh hóa ra vũ trụ còn được gọi là:

Hư, Hư Vô, Hồng Mông, Hồn Độn, Hư Không, Đạo, Vô Cực v.v....Hư Vô, Hư Không không phải là Hư Ảo mà là **Thực Thể Bất Khả Tư Nghị, vô biên tế của vũ trụ**.

Vì thế, Lão Tử nói: **Thiên Hạ vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô** (ĐĐK, chương 41).

Trang Tử cũng nói: Đầu trước hết có Vô, không hiện hữu, không tên tuổi. (Trang Tử, Nam Hoa Kinh, Thiên Địa). Hai chữ Vô Cực được Lão Tử đề cập đến nơi chương 28, Đạo Đức Kinh).

Các danh từ **Không**, hay **Hư Vô** cũng được các Đạo Gia thường dùng. Sách Xương Đạo Chân Ngôn viết: Vạn vật bắt đầu từ Không. Thái Cực là Không. Không sinh ra Nhất, Nhất sinh ra Vạn, Vạn trở về Không. Không là Thủy Tổ muôn loài. Học giả cần biết Chân Không, cần phân biệt Linh Không với Ngoan Không. [1]

Xương Đạo Chân Ngôn còn gọi Hư Vô là Vô Cực, là Đơn, là Đạo, là Bản Thể của Trời Đất. Sách viết: **Đơn là Bản Thể của vạn vật. Đơn là Đạo, Đạo là Bản Thể của Hư Vô. Hư Vô không thể đặt tên, nên Thánh Nhân tạm gọi là Đạo. Hư sinh Nhất, Nhất sinh Vạn, Vạn hoàn Nhất, Nhất hoàn Hư**. [2]

Sách viết thêm: Đạo gia gọi là Hư, Phật gia gọi là Không. Hư Không nghe biết, nhìn biết mọi sự... Cho nên khi một người suy nghĩ, người cùng nhà không hay biết, mà Hư Không vô lượng đã biết, đã hay... Vì thế Nho Gia **thận độc, úy không** (cẩn thận khi ở một mình, sợ cái Không). [3]

Đạo sinh ra vũ trụ bằng sự hiển dương phóng phát, tức là bằng Đức [4] và cũng bằng sự phân liệt chia phối.

Bản Thể ấy sinh xuất ra vũ trụ hiện tượng, hữu hình, hữu tướng này. Đó là thuyết THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ.

2. Nhất Thể biến vạn thể

Bản thể duy nhất vô sinh, vô diệt, vô thủy vô chung ấy là căn nguyên sinh xuất ra vũ trụ hữu hình, hữu sinh, hữu diệt, hữu thủy, hữu chung này; nó mang muôn ngàn danh hiệu. Dưới đây chỉ đan cử ít nhiều danh hiệu để rọi sáng vào ít nhiều tính cách của Bản Thể uyên nguyên ấy.

3. Danh hiệu của Nhất Thể

Bản Thể ấy trước hết được gọi là NHẤT vì cũng như số Một sinh ra mọi con số khác, Bản Thể ấy cũng sinh mọi hiện tượng, mọi sinh linh.

Bản Thể ấy cũng còn được gọi là **Trung**, vì nó lồng trong mọi hiện tượng, mọi sinh linh, để làm Chân Tâm, làm Khu Nữu, làm Cốt Lõi, nâng đỡ giữ gìn vạn sự, vạn loài.

Trung này vừa vô định tại, vô phương sở, vì bao trùm vũ trụ, vì là bản thể vũ trụ; vừa hữu định tại, hữu phương sở, vì nằm trong lòng sâu muôn loài, muôn vật, từ tinh tú, nhật nguyệt, đến vi tử, vi trần.

* Phật giáo gọi Bản Thể ấy là

Tâm Địa vì sinh xuất vạn loài.

Bồ đề vì đó là sở đắc của chư Phật.

Pháp Giới vì dung nhiếp vạn tượng.

Niết Bàn vì tịch nhiên thường lạc.

Bất lậu vì không tì ố, bợn nhơ.

Chân Như vì vô vọng, bất biến.

Phật Tính vì siêu xuất thị phi

Viên giác vì phá sạch quần mê.

Như Lai vì hàm nhiếp vạn linh.

Mật Nghiêm quốc vì siêu việt, huyền bí.

Bản Lai diện mục vì là bộ mặt thật của con người muôn thuở.

Kim Cương vì là Bản Thể bất diệt, trường tồn, vĩnh cửu nơi con người.

* Lão giáo gọi Bản Thể đó là:

Đạo vì là đường đi nước bước của nhân quần.

Tạo hóa chi nguyên vì là căn cơ sinh hoá.

Tiên thiên chủ nhân vì sẽ tạo dựng ra trời đất, vạn hữu,

Vạn tượng chủ thể vì sinh xuất mọi hiện tượng.

Huyền tần chi môn vì bao quát âm Dương (Huyền = Dương; Tần = âm).

Tổ Khiếu vì là nơi phát xuất muôn loài.

Cốc Thần vì ở sẵn ngay trong đầu não con người.

Chân Nhất Xứ vì Bản Thể ấy duy nhất.

Trung hoàng cung vì là Tâm điểm vạn hữu.

Mậu Kỳ môn vì là Tâm điểm vạn hữu.

Chân Thổ vì là Tâm điểm vạn hữu.

Huỳnh đình vì là Tâm điểm vạn hữu.

Qui Trung vì là Tâm điểm vạn hữu.

Ngưng kết chi sở vì có Đắc Nhất thì luyện đơn mới thành.

Qui căn khiếu, Phục Mệnh quan vì đó là cùng đích muôn loài.

Huyền quan Khiếu vì là cửa sinh xuất muôn loài v.v...

* Khổng giáo gọi Bản Thể đó là:

Vô Cực. Thái Cực. Nhất. Trung. Và Dịch Kinh cũng chỉ triển khai mấy quan niệm đó...

Nhất Thể đó khi thì được đạo Lão coi như là Vô Ngã và được hài danh bằng những danh từ như Đạo, Hư Vô, Hư, Vô, Vô Cực, Đơn, Tiên Thiên Nhất Khí, Thái Hòa Nguyên Khí, Hạo Thiên chi khí v. v... Lão Tử, Trang Tử theo chủ trương này.

Đó cũng chính là chủ trương của Phật, của các đại hiền triết Hy Lạp cổ thời như Pythagoras, Héraclitus, Parménides, Plato, Anaximander v. v...

Đó là quan niệm **Nhất Nguyên Vô Ngã** theo danh từ Triết Học ngày nay.

Cũng Nhất Thể ấy, khi thì được đạo Lão coi như là **Hữu Ngã** và được gọi là Thái Thượng Lão Quân, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

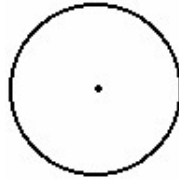
Đó là Quan niệm **Nhất Nguyên Hữu Ngã** tương đương với quan niệm Đại Nhật Như Lai trong Phật Giáo, và Thượng Đế trong các đạo giáo.

Đạo Lão có khi còn dung thông 2 quan niệm trên làm một và gọi Bản Thể vũ trụ là **Tiên Thiên Nhất**

Khí, Thái Thượng Lão Quân.

4. Tâm điểm và vòng tròn

Nó tượng trưng cho Nhất Thể vạn thù. Quan niệm Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, Nhất thể tán vạn thù, vạn thù qui Nhất Thể còn được Dịch Kinh và các đạo gia, đạo sĩ xưa biểu hiệu tượng trưng bằng Tâm Điểm và Vòng Tròn.



Tâm điểm tượng trưng cho Bản Thể, căn nguyên, gốc gác, cùng đích muôn loài.

Vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho hiện tượng, cho luân lưu biến hóa. Trong quyển Huỳnh Đình, do Tử Hà, Hàm Hư Tử chú, nơi tr. 4a, có một câu hết sức ý vị:

Nhất Thần chính vị nhi trung lập,
Vạn Thần triều cung nhi hoàn trần.
Huỳnh Đình chi thể dụng bị hĩ.

Nghĩa là:

Một Thần chính vị nơi Trung Điểm,
Vạn thần châu chực thành vòng quanh

Thể và dụng của Huỳnh Đình đầy đủ trong 2 câu đó.

5. Nhất thể, vạn thù ở 2 thế giới đối đỉnh

Từ hình vẽ TÂM ĐIỂM và vòng tròn chúng ta dễ dàng suy diễn ra được rằng: Vũ trụ này gồm có hai phần:

a.- **Một thế giới của Bản Thể**, của Thực Thể, lý tưởng siêu việt, thế giới của Chân, Thiện, Mỹ, vĩnh cửu trường tồn. Đó là thế giới khinh thanh, bao la, tiềm ẩn, đồng đẳng, vô phân biệt. Đó là **Chân Như Môn** theo danh từ Phật Giáo, đó là **Vô Vi, là Diệu**, theo danh từ Lão Giáo, là **Thế** theo Nho Giáo.

b.- **Một thế giới của hiện tượng**, của giác quan, của thiên nhiên, của những gì phù du, biến ảo, những gì trọng trọc, những gì chất chướng, những gì hữu hạn, những gì bị chi phối bởi sự duyên. Ở nơi con người nó bao quát hết cả tâm tư, trí não giác quan, hình hài ta, tóm lại tất cả cái gì là vọng tâm, vọng ngã, cái gì là Tứ Đại Giả hợp, theo Phật giáo. Đó cũng chính là **Sinh diệt môn** theo danh từ Phật giáo, là **Hữu Vi** là **Kiểu** theo danh từ Lão giáo, là **Dụng** theo Khổng giáo.

Phàm nhân thì sống phù phiếm, lênh đênh chìm nổi trên cái thế giới hiện tượng ấy, chỉ biết những gì là sắc tướng, chỉ thích những gì là phù hoa, chỉ mê những gì là hào nháng bên ngoài; lạc lõng trong muôn ngàn sai biệt; bị ngoại cảnh chi phối, thất tình lục dục đẩy đưa, từ ngữ tư tưởng ám nhãn, manh tâm, thu hẹp con người vô hạn của mình vào trong gông cùm của không gian thời gian, hình hài sắc tướng hữu hạn.

Thánh nhân trái lại vì xuyên qua được bức màn hiện tượng ấy để vào thế giới chân tâm, vô biên vĩnh cửu, thế giới bản thể vĩnh cửu, trường tồn: xuyên qua được tâm thức, để vào tới cõi Hư Vô, Chân thể, đồng đẳng với Thái Hư.

Chính vì thế mà sách Tham Đồng Kế có câu:

Chân nhân tiềm thâm uyên,
 Phù du thủ qui trung
 Tạm dịch
 Chân nhân sống rất thâm trầm,
 Phồn phơ khinh khoáng, ôm cầm Khuôn thiêng.
 (Lý Lạc Cầu, Tiên Học diệu tuyển, tr. 86)

Tính Mệnh Khuê Chỉ có câu:

Ly chủng chủng biên,
 Doãn chấp quyết trung
 Tạm dịch:
 Lìa xa hết mọi vòng ngoài,
 Trung Tâm giữ vững chẳng rời tắc gang.

6. Nhất thể vạn thù với hai chiều thuận nghịch

Tâm điểm và vòng tròn còn giúp ta nhìn được hai chiều thuận nghịch, biến hóa của trời đất và của con người.

Ở nơi trời đất, thì chiều đi từ Bản Thể đi ra hiện tượng, đi từ Vô đến Hữu, chiều từ Tâm ra Biên, chiều từ Nhất sinh Vạn, là chiều Thuận, là chiều sinh hóa ra Vạn Hữu.

Đó là chiều Ly Tâm và đồng thời cũng là chiều đi xuống, chiều thoái hóa, từ Khinh Thanh ra dần, xuống dần đến Trọng Trọc, từ Phác Giản ra dần, xuống dần đến Tàn Phiền.

Ở nơi con người, thì chiều Thuận chính là chiều Ly Tâm, là chiều Phóng Ngoại, Hướng Ngoại, từ Thần ra dần đến Tâm Tư, ý Thức, Hình Hải, Ngoại Cảnh.

Theo Tính Mệnh Khuê Chỉ thì ở nơi con người chiều Thuận sẽ được phác họa như sau:

TÍNH -> TÂM -> Ý -> TÌNH -> VỌNG (MÊ VỌNG)

(Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh tr. 8)

Ở nơi trời đất thì chiều biến hóa từ Biên trở về Tâm Điểm, chiều từ Vạn qui hoàn về Nhất, là Chiều Nghịch, là chiều Thăng Hoa sinh Thánh sinh Thần. Đó là chiều Đi Vào, Chiều Hướng Tâm, đồng thời cũng là Chiều Đi Lên, Chiều Tiến Hóa từ Trọng Trọc trở lại dần tới Khinh Thanh, từ Tàn Phiền trở lại về tới Phác Giản.

Ở nơi con người thì Chiều Nghịch đó chính là Chiều Hướng Tâm, là Chiều Hồi Hướng, là Chiều Hướng Nội, chiều từ Hình Hải quay về với Thiên Tính, với Thần Linh, với Đạo Tâm, Chân Tâm nội tại.

Theo Tính Mệnh Khuê Chỉ, thì ở nơi con người, chiều Nghịch sẽ được phác họa như sau:

VỌNG (MÊ VỌNG) -> TÌNH -> Ý -> TÂM -> TÍNH.

(Tính Mệnh Khuê Chỉ, Thuận Nghịch Tam Quan Đồ, q. Nguyên tr. 13a).

Chiều Nghịch này mới là chiều quan trọng.

Cuối cùng, mọi sự lại trở lại Hư Vô.

Vòng tuần hoàn, biến dịch của vũ trụ, được Trang Tử toát lược bằng một câu: "**Vạn vật giai xuất ư cơ, giai nhập ư cơ.**" Vạn vật đều xuất ở Cơ ra, rồi lại đều trở về Cơ. (Nam Hoa Kinh, Chí Lạc).

Đạo Đức Kinh viết: Phù vật vân vân, các qui kỳ căn, qui căn viết tĩnh, tĩnh viết phục mệnh, phục mệnh viết thường. (ĐĐK, chương XVI).

Dịch:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rời ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
Hoàn bản nguyên an nhiên phục mệnh,
Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.

Ở nơi vòng DỊCH, thì chiều Thuận là chiều Quan Nguyệt Quật theo từ ngữ của Thiệu Khang Tiết, từ quẻ CẦU đến quẻ KHÔN.

Còn chiều Nghịch là chiều **Kiến Thiên Căn** theo Thiệu Khang Tiết, từ quẻ PHỤC đến quẻ KIẾN, rồi vào TRUNG CUNG THÁI CỰC. Thế là Quân tử HOÀNG TRUNG THÔNG LÝ, CHÍNH VỊ CƯ THẾ.

Dịch chủ trương Chiều Nghịch mới là chiều quan trọng, và Thánh Hiền xưa đã định nghĩa Dịch là Nghịch số. (Dịch Kinh, Thuyết quái, chương 3)

Liệt Tử viết trong Xung Hư Chân Kinh:

Hình thanh, vị, sắc đều do Vô Vi mà sinh ra.

Hình, thanh, vị, sắc khi còn, khi mất, khi có, khi không. Vô vi không bao giờ có cùng.

Hình, thanh, vị, sắc hình hiện ra bên ngoài, mà Vô Vi thì không bao giờ hình hiện.

Tất cả hình, thanh, sắc, tướng đều là chức năng của Vô Vi.

Vô Vi có thể âm, có thể Dương, có thể mềm, có thể cứng, có thể rắn, có thể dài, có thể tròn, có thể vuông, có thể làm cho sống, có thể khiến cho chết, có thể ấm nóng, có thể lạnh, có thể nổi, có thể chìm, có thể là Cung, có thể là Thương, có thể ẩn, có thể hiện, có thể đen, có thể vàng, có thể ngọt, có thể đắng, có thể tanh, có thể thơm. Tưởng không biết, không hay, mà cái gì cũng biết, cũng hay.

Liệt Tử còn viết: Xưa Thánh Nhân lấy âm Dương bao quát trời đất, mà hữu hình thời sinh ra từ vô hình, nên trời đất dần dà mới có. Cho nên nói: Có Thái Dịch, có Thái Sơ, có Thái Thủy, có Thái Tố.

Thái Dịch là giai đoạn chưa có Khí.

Thái Sơ là giai đoạn Khí bắt đầu có.

Thái Thủy là giai đoạn Hình bắt đầu có.

Thái Tố là giai đoạn Chất bắt đầu có.

Khí, Hình, Chất có đủ, nhưng chưa chia lìa nhau. Cho nên gọi là Hồn Luân. Hồn Luân là khi vạn vật còn trà trộn, chưa phân ly... Nhìn không thấy, nghe không ra, theo không được nên gọi là Dịch. Dịch không giới hạn, không bến bờ. Dịch biến thành Nhất, Nhất biến thành Thất, Thất biến thành Cửu. Cửu là biến hóa đến cùng cực. Thế rồi lại trở về Nhất.^[5]

Sách Linh Bảo Tất Pháp có một đoạn tương tự như vậy, mà tôi đã chuyển thành thơ như sau:

Tự Đạo phân chia số mới thành,
Ngũ Hành hình tượng: Đạo nha manh.

Năm phương vũ trụ: Thần phân liệt,
 Chất sắc năm màu: đạo tán sinh.
 Số từ Vô Số xuất sinh,
 Trở về Vô Số mới thành vắng lai.
 Tượng từ Vô Tượng an bài,
 Trở về Vô Tượng trong ngoài ấm êm.
 Vị hoàn Vô Vị mới nên,
 Chất hoàn Vô Chất, tinh tuyền trước sau.
 Chớ chia Đạo Thể nhiệm màu,
 Số kia bám víu vào đâu sinh thành.
 Muốn trừ cho hết tượng hình,
 Ngừng cơ biến hóa, mới manh tiêu liền.
 Vị ngôi muốn hết dưới trên,
 Thời đừng phân biệt bản nguyên làm gì.
 Đạo không phát tán, chia ly,
 Thời thôi vật chất biến đi từ đời.
 Đạo là Vô Số, Vô Ngôi,
 Vô Hình, Vô Chất, chia phôi lẽ nào.
 Đạo Trời vi diệu biết bao... [6]

7. Con đường trở về Nhất Thể phải là con đường qui tâm hướng nội.

Hiểu được hai chiều tiến hóa ngược xuôi ấy, ta sẽ thấy ngay:

* Đi ra Ngoại Cảnh là đi Ra Đời... Bất kể ngoại cảnh ấy là đền đài miếu mạo, Thần Phật hay chi chi nữa.

* Đi vào nội Tâm mới là đi Vào Đạo.

Có vậy, ta mới hiểu lời lẽ sau đây của Tính Mệnh Khuê Chỉ:

Muốn thoát Luân Hồi, phải thể hợp với Chí Đạo, muốn thể hợp với Chí Đạo, tất phải quán chiếu bản tâm, muốn quán chiếu bản tâm, tất phải nhắm mắt hồi quang, nhìn vào hư không, đem ánh sáng Tuệ Quang chiếu diệu vào nơi Thất Tình chưa nhen nhúm, nơi mà Bản Thể chưa bị Bát Thức làm ô nhiễm; ngoài thì tuyệt hết chư duyên, trong thì tuyệt hết chư Vọng, hợp Nhãn quang, ngưng Nhĩ vận, điều Tị tức, khóa Thiệt khí, tứ chi bất động, để cho Ngũ Thức của tai, mắt, mũi, lưỡi, thân quay trở về gốc gác, như vậy tinh, thần, hồn, phách, ý sẽ an vị: suốt cả 12 giờ trong ngày, mắt luôn nội quan quán chiếu nhìn vào Khiếu ấy, tai trở ngược lại lắng nghe Khiếu ấy, đầu lưỡi thường phong bế Khiếu ấy, vận dụng, thi vi, niệm niệm không rời khỏi Khiếu ấy... **Khiếu ấy chính là Bản Thể Thần Linh của con người.**

Đó là Bản Thể tuyệt đối mà chúng ta đã đề cập tới trong suốt cả chương này.

Thái Thượng nói: Ta từ vô lượng kiếp quan tâm đắc đạo, và tới được Hư Vô. (Thái Thượng viết: **Ngô tông vô lượng kiếp, quan tâm đắc đạo nãi chí Hư Vô.**) (Tính Mệnh Khuê Chỉ, Hanh, tr. 3a).

Hiếu được Bản Thể là hiếu được Căn Nguyên, Cùng Đích vũ trụ và con người.

Hiếu được 2 chiều Thuận, Nghịch nói trên là hiếu được lẽ biến dịch tuần hoàn của vũ trụ, vạn hữu và của con người.

8. Chung qui, Hiếu chữ Nhất là hiếu được tinh hoa đạo giáo Á Đông nói chung, Lão Giáo nói riêng.

Dù đứng trên lập trường Vô Ngã hay Hữu Ngã mà nhìn vào Nhất Thể, dù gọi Nhất Thể đó là Khí, là Thể, là Thần, là Lão, là Thiên, khái niệm cơ bản vẫn là:

Nhất thể đó linh minh, huyền diệu, có khả năng sinh xuất biến hóa ra vạn sự vạn hình.

Nhất Thể đó có thể hóa thành Tam Thể, Vạn Thể.

Nhất Khí đó có thể hóa thành Tam Khí, Vạn Khí.

Nhất Thần đó có thể hóa thành Tam Thần, Vạn Thần.

Nhất Lão đó có thể hóa thành Tam Lão, Vạn Lão.

Nhất Thiên đó có thể hóa thành Tam Thiên, Vạn Thiên.

Thể tức là hiếu Lễ Một, sẽ hiếu được Căn Cơ, Gốc Gác của muôn loài, muôn vật, và có thể đi đến một kết luận hết sức triết học và khoa học sau đây: "**Thiên, Địa, Nhân, Vật Nhất Tính, Đồng Thể.**" (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, Nguyên, tr. 6a)

Suy ngược lại sẽ có:

Nếu Nhất Thần hóa Chúng Thần, thì Chúng Thần seư qui Nhất Thần; Nhất khí hóa Vạn Khí thì Vạn Khí cũng qui Nhất Khí.

Nếu trong con người có Chúng Thần, thì cũng có Nguyên Thần, có Nhất Thần.

Nếu trong con người có Vạn Khí, Ngũ Khí, Tam Khí, thì aờt cũng có Chân Nguyên Nhất Khí hay Nguyên Khí.

Vì hiếu lễ **Một** cho nên người đạo sĩ:

Chọn cái Tinh Hoa, bỏ cái Bác Tạp.

Chọn cái Giản dị, bỏ cái Tồn Phiền.

Chọn Chân Tâm mà bỏ Thất Tình, Lục dục, Tam Thi, Tứ Đại, âm Dương đối đãi.

Vì hiếu lễ **Một** cho nên người đạo sĩ biết mình là Tiên Thiên Nhất Khí hóa thân, nghĩa là có đồng bản tính với Thượng Thần trong trời đất.

Vì biết lễ **Một** cho nên hiếu rằng Chân Thần trong mình và Chân Thần trời đất là **Một**. Mình đây chẳng qua là Hóa Thân của Chân Thần đó mà mình chẳng hay.

Họa sĩ Wyzewa đã viết từ năm 1893:

Cái mà ta gọi là Thực Tại chẳng qua chỉ là hình ảnh của Bản Thể thâm kín nơi ta, phóng phát ra hư cảnh bên ngoài mà thôi. [7]

Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ viết:

Vì thế nói: Thánh Nhân tẩy rửa tâm hồn, trở về nấu ấn trong nơi thâm kín. Trong đó vốn đã có Bản Thể uyên nguyên cùng với Thái Hư hỗn thành nhất khối. Vì thế nói: **Thánh Nhân đồng thể với Thái Hư.** [8]

Lão Giáo vì thế chủ trương Thủ Trung Bảo Nhất, giữ Trung ôm Nhất.

Khổng giáo vì thế chủ trương: **Ngô Đạo Nhất dĩ quán chi**, Đạo ta dùng chữ Nhất bao quát tất cả.

Tính Mệnh Khuê Chỉ có chép: «Khi Hoàng Đế lên núi Nga Mi, gặp Thiên Chân Hoàng Nhân ở Ngọc Đường và hỏi về cái đạo Chân Nhân. Hoàng Nhân đáp: Đó là cái đạo quý trọng nhất của Đạo Gia. Kinh của Đạo này, Thượng đế giấu trong 5 thành núi Côn Lôn (đầu não con người), cất trong hòm ngọc (Trong sọ người), viết vào thẻ vàng, phong bằng bùa tím (Nê Hoàn), đóng ấn bằng chữ Trung (Trung Tâm đầu não con người).

Nhất đó ở Thái Uyên Bắc Cực (đầu), trước có Minh Đường (Trán), sau có Ngọc Trẩm (ót), trên là Hoa Cái (Đỉnh Đầu), dưới là Giáng Cung...» [\[9\]](#)

Với những lời lẽ mập mờ đó, Ta thấy ngay rằng Hoàng Nhân đã muốn nói như sau:

Muốn tìm Trời, tìm Đạo, tìm Nhất, tìm Trung, phải tìm nơi Trung Điểm đầu não con người.

Trước đó vài dòng Tính Mệnh Khuê Chỉ đã khéo léo đề cập tới Nê Hoàn Cung và trích dẫn Kinh Huỳnh Đình:

Nê Hoàn Cửu Chân giai hữu phòng,
 Phương Viên Nhất Thốn xứ thử trung.
 Đồng phúc tử y, phi la thường,
 Dẫn tư nhất bộ thọ vô cùng.

Dịch:

Nê Hoàn Cửu Chân đều có phòng,
 Vương Tròn Một Tấc tại Não Trung.
 Áo tía, quần là đều rõ ràng,
 Tâm tồn Cửu Chân, thọ vô cương.

(Huỳnh Đình Kinh chương 7 và Tính Mệnh Khuê Chỉ q. Lợi tr. 9a).

Nhập Dược Kính viết:

Nê Hoàn nhất khiếu đạt Thiên Môn,
 Trực thượng Hư Hoàng Ngọc Đế Tôn.
 Thử thị Chân Nhân lai vắng lộ,
 Thời thời khóa hạc, khứ triều nguyên.
 (Nhập Dược Kính, tr. 10b)

Nê Hoàn một khiếu thấu cửa Trời,
 Ngọc Hoàng Thượng Đế ấy tòa ngôi.
 Thánh hiền lui tới, duy đường ấy,
 Cưỡi hạc bằng chùng thẳng tới nơi.

Viết đến đây, tôi liên tưởng đến lời chú của Phật Giáo Tây Tạng: **Um Mani padme Hum**, ôi Ngọc Châu Viên Giác nằm tại Liên Hoa Tâm, mà Liên Hoa Tâm theo lời bình giải của các đạo sư Tây Tạng, thì chính là **Trung Tâm Đầu Não con người**.

Tôi mở đầu đoạn này bằng Bản Thể Uyên Nguyên của vũ trụ và của con người, kể đến bàn về hai chữ

Trung và chữ Nhất, cuối cùng kết thúc bằng chữ Nhất và đem chữ Nhất ấy vào Trung Tâm Đầu Não con người, vào Nê hoàn Cung, nơi mà từ vô lượng kiếp Đức Thái Thượng đã dạy đạo cho chúng ta, đúng như lời kinh Huỳnh Đình: **Thị tích Thái Thượng cáo ngã giả...** (Huỳnh đình Kinh chương 17), thiết tưởng cũng đã phạt quang được gai góc và để lộ ra con đường Đại Đạo...

CHÚ THÍCH

- [1] Phàm vật giả thủy ư Không, Thái Cực giả Không dã. Không năng sinh Nhất, Nhất năng sinh Vạn, dĩ Vạn hoàn Nhất, Nhất phục hoàn Không.
Không giả, vạn vật chi tổ dã. Học giả yếu kiến Chân Không, vật kiến Giả Không, Yếu kiến Linh Không, vật kiến Ngoan Không....
Xưởng Đạo Chân Ngôn q. 2, tr. 9.
- [2] Đơn giả thiên địa chi bản dã. Hà dĩ vi Thiên Địa vạn vật chi bản. Đơn giả, Đạo dã. Hư Vô chi thể dã. Hư Vô bất khả lập danh. Cổ thánh nhân dĩ Đạo danh chi. Hư sinh Nhất, Nhất sinh Vạn. Vạn hoàn Nhất, Nhất hoàn Hư.
Xưởng đạo Chân Ngôn, q. 3, tr. 19.
- [3] Đạo Gia vị chi Hư, Phật gia vị chi Không. Không năng vô sở bất biến, vô sở bất văn. Không vô sở cách, Không bản vô lượng, vô biên. Cổ nhân phát nhất niệm, đồng thất chi nhân bất tri, nhi vô lượng vô biên Hư Không tri chi. Nhu gia chi thận độc úy không cố dã.
Xưởng đạo chân ngôn, q. 5, tr. 31.
- [4] Đạo tán vi Đức: Les produits divers du Principe sont les manifestations de sa Vertu. Đức vi Đạo chi kỷ dã: La chaine infinie de ses manifestations, de la Vertu du Principe, peut s'appeler le dévidage du Principe.
Léon Wieger, Les Pères du Système Taoiste, p. 29.
- [5] Léon Wieger, Les Pères du Système Taoiste, Xung Hư Chân Kinh, chương I.
- [6] Ngọc thư viết: Nhất, tam, ngũ, thất, cửu, Đạo chi phân nhi hữu số. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, Đạo chi biến nhi hữu tượng. Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Đạo chi liệt, nhi hữu vị. Thanh, bạch, xích, hoàng, hắc, Đạo chi tán nhi hữu chất. Số qui ư Vô Số, Tượng phản ư Vô Tượng, Vị chí ư Vô Vị, Chất hoàn ư Vô Chất. Dục Đạo chi vô số, bất phân chi tắc vô số hĩ. Dục Đạo chi vô Tượng, bất biến chi tắc vô tượng dã. Dục Đạo chi vô Vị, bất liệt chi, tắc vô Vị hĩ. Dục Đạo chi vô Chất, bất tán chi, tắc vô Chất hĩ. Vô Số, Đạo chi nguyên dã, Vô tượng Đạo chi Bản dã, Vô Vị Đạo chi Chân dã.
Linh Bảo Tất Pháp, Hạ q. tr. 12a.
- [7] Ce que nous appelons la Réalité n'est que la projection au néant externe de l'image de notre Essence intime.
Pierre Francestel, Art et Technique, p. 198.
- [8] Cổ viết: Thánh Nhân dĩ thử tẩy tâm thoái tàng ư mật, kỳ trung Bản Hư Nguyên dữ Thái Hư hỗn nhi vi Nhất. Cổ viết: Thánh Nhân dữ Thái Hư đồng thể.
- [9] Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Lợi, tr. 9b.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 15

KHÔNG GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Đạo Khổng là một đạo rất hay, chỉ tiếc là khó hiểu, nhưng nếu ta mất công sưu tầm, sẽ tìm ra mạch lạc của nó.

Chỗ cao siêu của Đạo, Đức Khổng không phải bất kỳ ai cũng truyền, mà chỉ truyền cho người có căn cơ, như Nhan Hôi.

Tử Cống than: «Văn chương Thầy ta thì chúng ta đều được nghe. Còn về Bốn Tánh và Thiên Đạo, thì chúng ta chẳng được nghe Thầy ta dạy.» (Luận Ngữ, 5, 12)

Ngài nói: «**Ngô Đạo, Nhất dĩ quán chi.**» (L.N. chương IV, câu 15): Đạo ta, có thể thu tóm bằng chữ Nhất. Như vậy, Nhất đây là thuyết: **Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.**

Khi bình về Học Thuyết Khổng Tử, cụ Trần Trọng Kim đã viết: «Khổng Tử là một bậc thượng trí. Ngài nghĩ ngợi mà suy xét mọi việc rồi mới phát minh ra cái học thuyết, chủ lấy sự theo Thiên Lý làm căn bản. Ngài cho là trời đất và vạn vật đều có cái Lý ấy cả, **TẤT CẢ ĐỒNG CÙNG MỘT THỂ**, cho nên Ngài mới lấy chủ nghĩa **THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ** làm thống hệ cho học thuyết của mình. Cái lý ấy là cái Nguyên Nhân của sự sinh hoá trong vũ trụ... Cái lý vô hình ấy... gọi là Thái Cực.» (Nho Giáo, Trần Trọng Kim, q.1, tr. 68)

Khảo Khổng Giáo, ta thấy **Thái Cực, Nhất, Trung, Thiên Lý, Thiên Đạo, Thiên Tâm, hay Tính** đều là **một**.

Qui Nguyên Trực Chỉ, một quyển sách cổ từ thời nhà Tống có chủ trương Tam Giáo đồng nguyên, nơi chương 26 có viết: Cái Chân Như Bản Tánh mà mỗi người đều có sẵn trước khi được cha mẹ mình sinh, nó là một cái Thể chân thiết, không dối trá, gọi là **Bổn Lai Diện Mục**. **Thiền Tông** thì gọi nó là **Chánh Pháp Nhân Tạng**. **Liên Tông** thì gọi nó là **Bổn Tánh Di Đà**. **Đức Khổng** thì gọi nó là **Thiên Lý**. **Đức Lão Tử** thì gọi nó là **Cốc Thần**. **Dịch** thì gọi nó là **Thái Cực**. Mỗi nơi kêu tên một khác, kỳ thiết nó vẫn là một **Chân Như Bản Tánh** vậy. (Qui Nguyên Trực Chỉ, Đỗ Thiệu Lăng dịch, ch.26, tr. 339)

Cho thấy cái chốt, cái căn bản của Khổng Giáo chính là **Thái Cực**.

Luận Ngữ viết: **Quân tử vụ bổn, bổn lập nhi đạo sinh.** (Luận Ngữ, ch. I, câu 2). Người quân tử chuyên lo **CỘI GỐC**. **GỐC** có vững, đạo lý mới sinh ra.

Vụ bổn như vậy là trọng gốc, là lưu tâm, lưu ý đến căn bản vũ trụ, quần sinh; là lưu tâm, lưu ý đến những vấn đề hệ trọng quan thiết đến vận mạng con người; là suy khảo về nguyên lý vũ trụ, quần sinh, về bản tính, về chân đạo, chân lý.

Cái gì là căn bản vũ trụ quần sinh?

Khổng giáo xưa nay vẫn chấp nhận rằng: Thái Cực hay Trời là căn bản vũ trụ, quần sinh.

Đại Đồng Chân Kinh, một sách của Đạo Lão viết:

Muốn tìm căn bản, phải tìm nơi Thái Cực (Căn bản do lai Thái Cực tìm. - Đại Đồng chân kinh, tr. 4b).
 Hệ từ viết: Dịch hữu Thái cực. Thị sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái
 (Dịch: Hệ Từ thượng)

Dịch Kinh Đại Toàn cũng có một bài thơ, trong đó có câu:

Tu tri nhất bản sinh song cán,

Thủy tín thiên nhi dữ vạn tôn.

Dịch:

Có hay một gốc đôi cành rẽ,

Mới thấy nghìn con, vạn cháu đông.

Một gốc là Thái Cực. Đôi cành là Âm Dương.

Gốc hay Thái Cực thời trường tồn, bất biến.

Âm Dương thời hư ảo, biến thiên.

Trang Tử viết trong Nam Hoa Kinh như sau: Hư Tĩnh, Điềm Đạm, Tịch Mặc, Vô Vi ấy chính là Gốc sinh ra vạn vật. Hiểu điều đó, nên Nghiêu làm vua thiên hạ, Thuấn trở nên hiền thần; ở ngôi trên, áp dụng được nó, nên đế vương, thiên tử; ở cấp dưới, áp dụng được nó, trở nên huyền thánh, tổ vương. (Nam Hoa Kinh, Thiên Đạo XIII, A).

Nhìn sang Triết Học ấn Độ, ta thấy sách Áo Nghĩa Thư cũng có chủ trương tương tự.

Shri Aurobindo toát lược Áo Nghĩa Thư đại khái như sau:

Áo Nghĩa Thư muốn lập căn bản vũ trụ quần sinh và đưa ra quan niệm Thực Thể duy nhất, bất biến, lồng trong mọi tạp thù, biến ảo, và là chủ chốt chi phối vũ trụ hình tướng, biến dịch bên ngoài.

Áo Nghĩa Thư cho rằng: hai phương diện biến hằng của vũ trụ quần sinh, đều bao hàm trong những trạng thái động tĩnh của Brahman, Thực thể duy nhất, bất khả phân, và căn cơ của vũ trụ. Theo Áo Nghĩa Thư, Thực Thể duy nhất ấy thể hiện và hiển dương trong thế giới chuyển dịch và hình tướng này, qua trung gian những lớp lang, tiết tấu, những giai đoạn, những trình độ, những thời kỳ khác nhau.

Sự biến thiên, chuyển dịch cốt là để thực hiện lại Duy Nhất, cốt là để cho quần sinh phối hợp được với Duy Nhất. (Shri Aurobindo, Trois Upanishads, p. 20 and ss.)

Tư Mã Thiên tóm tắt niềm tín ngưỡng tự nhiên của nhân loại bằng những lời lẽ mộc mạc sau đây: Trời là thủy tổ của con người, cha mẹ là gốc gác của con người. Người ta khi cùng khổ sẽ quay về nguồn, về gốc, cho nên khi khổ sở, lao lung, cùng cực thời thường kêu Trời, thời thường kêu cha mẹ. (Traduction Couvreur, Annales de la Chine, p. 110)

Đức Khổng cũng tin rằng Trời là gốc gác muôn vật, quần sinh, gốc gác con người, nên muốn hiểu con người, trước phải biết Trời, vì Trời là gốc, mà con người là cành, là ngọn. Trung Dung viết:

Tư tri nhân, bất khả bất tri Thiên.

Dịch:

Biết Người, trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu Người làm sao?

(Trung Dung ch. XX)

Những người vụ bản còn là những con người đi sâu được vào tầng lớp làm căn cơ, cốt cách con người, tìm ra được ĐẠO được TRỜI ở đáy lòng.

Ngày nay, người ta gọi những người đó là những người có "**tâm địa ban sơ**" (**mentalité archaïque**), nghĩa là những tâm hồn sống kề cận với căn bản, với cốt cách con người (**Arche**). Đó là những con người hãy còn hồn nhiên, toàn vẹn, chưa bị pha phôi bởi vọng niệm, tư tâm, kiến văn, kiến thức. Nói thế, tức là con người vụ bản đi sâu được vào Vô thức. **Vô thức** đây không phải là thứ **Tiềm thức** hời hợt của Freud, chơi vơi giữa óc não và nhân tâm, nhưng **Vô Thức** đây chính là **Vô Thức Đại Đồng** của Jung, là **Toàn Nhất** của Hartmann, là **Tự thể** của Kant, là **Tuyệt Đối** của Schelling, hay **Bản Tính** của Carus.

Đức Khổng gọi cái **Vô Thức** ấy là **Tính** (Trung Dung, I), **Thiên Mệnh** (Trung Dung, I), là **Mệnh** (Luận Ngữ XX, 3), là **Đạo** (Trung Dung I), là **Thành** (Trung Dung XX, XXI), là **Minh Đức** (Đại Học, I), và suy luận ra rằng ý thức hay nhân tâm không phải là chủ trong con người, ngược lại chúng phải khuôn theo, thuận theo Vô Thức, thuận theo Thiên Tính để tiến tới hoàn thiện. Tìm ra được căn cơ, cốt cách, bản tính con người, tức là tìm thấy Đạo, thấy Trời trong tâm khảm mình.

Ngô Thảo Lư viết: Đạo, Lý, Thành, Thiên, Đế, Thần, Mệnh, Tính, Đức, Nhân, Thái Cực, lời tuy có khác, nhưng ý chỉ có một (Tổng Nguyên học án, q. 12, tr. 8).

Chính vì thế mà Mạnh Tử viết:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính, nhất định biết Trời,
Tồn Tâm, dưỡng Tính chẳng rời,
Ấy là giữ Đạo thờ Trời chẳng sai...
(Mạnh Tử, Tận tâm chương cú thượng I).

Đại Học viết:

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc Lương Tâm cương quyết phát huy,
Dạy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện, còn đi chưa ngừng.
Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,
Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan
Hết lo, lòng sẽ bình an,
Bình an, tâm trí rộng đường xét suy.
Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,
Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi,
Trước sau đã rõ khúc nôi,
Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi.

Đã nói rằng Trời là căn cơ, gốc gác con người, thì con người chẳng thể lìa xa được khỏi Trời, dù là một phút giây, vì cảnh làm sao lìa khỏi gốc được? Vì thế Trung Dung viết: **Đạo bất khả tu du li dã**.

Quan niệm này đem so với quan niệm của các nhà minh triết ấn Độ, ta thấy giống nhau hoàn toàn.

Katha Upanishad viết:

Chân Tâm chủ tế muôn loài,
 Thể thời duy nhất, Hình thời ngàn muôn.
 Biết Ngài ngự giữa tâm hồn,
 Mới mong hạnh phúc trường tồn, vô chung,
 Biết Ngài bất biến thung dung,
 Lòng trong trời đất lao lung chuyển vần.
 Biết Thần ngự giữa chúng Thần,
 Biết Ngài duy nhất giữa quần sinh ban,
 Bao nhiêu mơ ước chứa chan,
 Biết Ngài phân phát cho toàn sinh linh.
 Biết Ngài ngự giữa lòng mình,
 Mới mong hạnh phúc siêu sinh trường tồn.
 (Ketha Up. 5, 14. – Prasna 6, 5 – Brih. 4, 4 – 1-2)

Vì thế mà Kinh Thi mới viết:

Chái Tây Bắc, góc nhà thanh vắng,
 Đừng làm chi đáng để hổ người.
 Đừng rằng tầm tối chơi với,
 Đừng rằng tầm tối, ai người thấy ta.
 Thần giáng lâm ai mà hay biết,
 Nên dám đâu khinh miệt, để người?
 (Mao Thi, Đại Nhã, Ức Thiên)

Quan niệm trên cũng đã được Trung Dung nhắc lại nơi chương XVI.

Đức Khổng vì đã tìm ra được Trời, được Đạo tàng ẩn trong tâm khảm mình, nên đã sống một cuộc đời đạo hạnh chân thực, nghĩa là sống phối kết với Trời.

Trung Dung gọi thể là **Phối Thiên** (Trung Dung, ch. XXVI)

Thomas Mann gần đây cũng cho rằng đạo hạnh chân thực chính là sống phối kết với bản thể (L'Homme se sente directement branché sur le mystère profond de l'être.) (Critique, mars, 1961. No 166, p. 218).

Ngoài ra, Đức Khổng còn cho rằng mọi lễ luật chi phối con người và quần sinh vũ trụ đều đã được ghi tạc ngay trong lòng con người, trong lòng quần sinh, vạn hữu.

Trung Dung (ch. XXII) viết:

Đạo luôn gần gũi người đời,
 Những ai lập đạo xa rời chúng nhân,
 Hiếu kỳ, lập dị là nhảm.

Kinh Thi viết:

Trời sinh ra khắp muôn dân,
Vật nào phép nấy định phân rành rành.
Lòng dân sẵn có căn lành,
Nên ưa những cái tinh thành, tốt tươi.
(Kinh Thi, Chương Dân).

Chính vì linh hội được cái chân đạo ấy, mà Đức Khổng không câu nệ về những hình thức cầu đảo bên ngoài.

Khi Ngài đau, Tử Lộ khuyên Ngài nên cầu đảo. Ngài trả lời: **Ta cầu đảo từ lâu rồi.** (Luận Ngữ, VII, 30). Ý Ngài muốn nói: tuy không cầu đảo theo thói thông thường, nhưng thực ra đời Ngài đã là cả một bài kinh nguyện trường thiên, vì luôn sống phối kết với Thượng Đế.

Ngài khuyên mọi người nên học cho nhiều để tìm cho ra cốt cách, căn cơ của mình, tìm cho ra Trời, ra Đạo ở nơi tâm khảm mình, và cho rằng đó là điều kiện thiết yếu để sống cuộc đời đạo hạnh, chân thực.

Đại Học viết:

Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
Người xưa lo cải hóa dân mình.
Trị dân trước trị gia đình,
Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên
Muốn sửa mình, Tâm nên sửa trước,
Sửa Tâm Hồn, trước cốt ý ngay.
Ý ngay, phải học cho dày.
Dày công học vấn sẽ hay Khuôn Trời.
Hay Khuôn Trời thoát thô lậu triệt
Thấu triệt rồi, ý thiết, lòng ngay.
Lòng ngay, ta sẽ hóa hay,
Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên.
Nhà đã yên, nước liền thịnh trị.
Nước trị bình bốn bể bình an.
Từ dân cho tới vua quan,
Tu thân một mực lấy làm căn cơ.
(Đại Học, I)

Ngài chủ trương dạy thiên hạ làm bừng sáng ngọn đuốc lương tâm, cố gắng cải thiện không ngừng, để tiến tới hoàn thiện.

Đại Học viết:

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc Lương Tâm cương quyết phát huy.

Dạy dân lối sống tâm kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.

(Đại Học, I)

Đó chính là chủ trương của các vị đại Thánh, đại Hiền trong thiên hạ.

Thời cổ xa xưa, Mahagourou, vị thánh Ai Cập, cũng đã dạy thiên hạ phát huy «**ánh sáng nội tại ấy**». Đó là ánh sáng soi cho mọi người sinh ra nơi trần thế. Ánh sáng ấy là «**con người chân thực**». Ánh sáng ấy tiềm tàng khắp nơi, ẩn áo ngay cả trong lòng nam thạch. Đối với con người... ánh sáng ấy gần gũi họ hơn mọi sự, ánh sáng ấy đã hiện diện trong lòng mọi người. Thực thể ấy gần gũi con người hơn mọi hình thức lễ nghi, vì con người chỉ cần hồi quang, quán chiếu là tìm thấy ngay ánh sáng ấy. Khi con người biết ra, mà vượt lên trên mọi lễ nghi hình thức, là con người lên được tới cùng Osiris, lên được tới ánh sáng. Ánh sáng ấy chính là thượng thần Amoun-Ra, căn nguyên và cùng đích mọi sự. (A. E. Powell, Le système solaire, p. 351)

Tóm lại, Đức Khổng chủ trương chân đạo phát xuất từ «thâm tâm con người». Trung Dung viết:

Nên đạo quân tử phát xuất tự "thâm tâm",
Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân,
Khảo chứng tiên vương không có chi lầm lỗi.
Sánh với luật đất trời không phản bội,
So quỷ thần đường lối đúng không sai,
Thánh nhân ngàn đời sau, chẳng có chê bai.
So quỷ thần đường lối đúng không sai,
Thế là đã biết lòng Trời đó,
Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai,
Thế là đã biết lòng người tỏ rõ.

(Trung Dung, XXIX)

Những con người vụ bản là những con người hiếu cổ. Hiếu cổ không phải để mua vui, mà chính là để hướng về nguồn, mà chính là để dùng gương xưa, tích cũ, lèo lái cho công trình tạo tác thời nay, mà chính là để theo chân người xưa, khám phá và làm sống động lại các tầng lớp thâm sâu của tiềm thức. Như vậy khảo cổ tức là khơi sâu, chẳng những khơi sâu thời gian và lịch sử, mà còn khơi sâu tâm khảm con người, làm cho con người mở rộng thêm tầm kích, sống thêm sâu xa linh diệu. Chính vì vậy mà Đức Khổng ưa khảo cổ. Ngài nói trong Luận Ngữ:

Ta trần thuật chứ không sáng tạo,
Tin cổ nhân, mộ đạo cổ nhân.

(Luận Ngữ, Thuật Nhi, VII, 1)

Trung Dung viết thêm: Trọng Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn, Võ. (Trung Dung XXX).

Các môn đệ Đức Khổng Nhiều người cũng tỏ ra hiếu cổ. Mạnh tử thuật lại rằng: Các ông ấy có chí cả, và thường lớn tiếng nhắc đi, nhắc lại: ôi người xưa, ôi người xưa. (Mạnh tử, Tận Tâm chương cú hạ, 37. Luận Ngữ, VII, 19. — Luận Ngữ, IV, 21).

Những người vụ bản còn có tâm hồn định tĩnh. Vì họ chú trọng đến các tầng lớp thâm sâu trong tâm hồn, nên có đời sống nội tâm rồi rào.

Các ngài ưa trầm tư, mặc tưởng, để tìm ra nguyên lý, tìm ra định luật chi phối vũ trụ

Đại Học viết:

Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,
Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan.
Hết lo lòng sẽ bình an,
Bình an tâm trí, rộng đàng xét suy.
Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,
Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi.
Trước sau đã rõ khúc nhôi,
Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi.
(Đại Học, I)

Trang Tử cũng có chủ trương tương tự ông viết: Nước lặng sẽ chiếu soi thấy được râu mày, lại được thợ dùng để đánh thẳng bằng. Nước lặng mà còn trong, hướng chi là tinh thần? Lòng thánh nhân mà tĩnh lặng, thời sẽ nên gương soi trời đất, vạn vật. (Nam Hoa Kinh, Thiên Đạo, XIII, A).

Vì vậy mà Đức Khổng thường trầm tư, mặc tưởng (Luận Ngữ, XV, 30). Ngài cũng dạy các môn đệ năng xét mình, để trừ khử những điều không hay, không tốt, (Luận Ngữ, I, 3), để khiến cho tâm hồn trở nên băng tuyết (Luận Ngữ, II, 2).

Chính nhờ sống một cuộc sống nội tâm sâu sắc như vậy mà đức Khổng thường ung dung thư thái (Luận Ngữ, VII, 4). Có thể nói được rằng ngày nay chúng ta thường buồn bực, khổ sở, bất mãn, một phần là vì đã bỏ quên mất nếp sống tâm hồn, mà sống phiến diện nơi óc não, nơi giác quan, hay vui đầu vào ngoại cảnh, đem hết tâm lực chạy theo tiền bạc, lợi danh, hoặc thú vui nhục dục.

Thế là trạng thái đánh mất tâm hồn mình, theo từ ngữ Thánh Kinh (Mat. 16, 26), hoặc theo từ ngữ của Harvey Cox trong cuốn The Feast of Fools (While gaining the whole world, Western men has been losing his own soul), hay làm thất lạc con tim theo Mạnh Tử (Mạnh Tử, Cáo Tử chương Cú thượng, 2).

Nhờ vụ bản, mà Đức Khổng đã tìm ra được nguyên lý duy nhất, do đó suy ra vạn sự.

Đức Khổng đã nói: Đạo ta là do một nguyên lý mà suy ra (Ngô đạo, nhất dĩ quán chi, Luận Ngữ, IV 15), và Luận Ngữ, XV, 2).

Nguyên lý duy nhất ấy chính là gốc, mọi sự khác chỉ là ngọn. Biết được nguyên lý duy nhất rồi sau sẽ suy ra các điều khác. Không biết được nguyên lý duy nhất thời mọi sự sẽ rối mù.

Đoàn Trung Còn bình: **Nhất dĩ quán chi** là một môn học cao vi của nhà Nho. Người ta bắt đầu từ chỗ gần, mà xét tới chỗ xa, từ chỗ hiển mà đạt tới chỗ mật. Nhà học Đạo cần phải có tâm bình đẳng, đạt mức trung dung, do một mối mà phân lần ra, thì có thể bắt từ ngọn mà đi đến gốc. Nhờ quan sát như vậy, nhà Đạo hiểu tâm tánh người đời. Cao hơn nữa, nhà Đạo biết ra lẽ bí mật trong vũ trụ vậy. (Đoàn trung Còn, Luận Ngữ, XV, 2)

Chính vì thế mà Trang tử đã nói: **Thông kỳ nhất, vạn sự tất**. (Biết được nguyên lý, thời vạn vật cũng biết xong xuôi. (Nam Hoa Kinh, Thiên Địa XII, A). ông cũng còn nói: Trước hết phải nắm được tâm điểm,

Sau đó sẽ ứng dụng được vô cùng (Đắc kỳ hoàn trung, dĩ ứng vô cùng Nam Hoa Kinh, Tề vật luận II, C).

Đức Khổng còn dùng nguyên lý duy nhất mà suy ra lẽ tuần hoàn biến hóa của mọi sự biến dịch trong hoàn vũ. Ngài cho rằng mọi sự biến hóa chung qui đều trở về lại căn nguyên, và sự tu luyện học hỏi của con người cũng cốt là để nhập thần, huyền hóa. Vì thế mà Ngài đã viết trong Hệ Từ, khi bình về Hào Cửu Tứ quẻ Hàm như sau:

Dạy rằng muôn sự trên đời,
Cần chi lo lắng, rồi bời mà chi.
Muôn đường nhưng vẫn đồng qui,
Trăm chiều lo lắng qui về một căn.
Cần chi mà phải bận khoăn,
Việc gì mà phải bận tâm lo lường.
Vàng trắng đắp đổi vàng dương,
Vàng dương đắp đổi đài gương Quảng Hằng.
Mặt trời cùng với mặt trăng,
Luân phiên đắp đổi, nên hằng sáng soi.
Lạnh đi, nóng lại tới nơi,
Nóng đi, lạnh lại trở lui thay liền.
Hàn ôn đắp đổi thường xuyên,
Cho nên niên tuế miên triền sinh ra.
Trôi vào quá vãng là co,
Vị lai là giãn, giãn là triển dương.
Khuất thân, co giãn thời thường
Đôi bên cảm ứng, mở đường lợi sinh.
Sâu đo có lúc co mình,
Co mình cốt để duỗi mình dễ hơn.
Long xà đông tới chập chờn,
Ngủ vùi tháng lạnh, bảo tồn tấm thân,
Học sao tinh nghĩa nhập thần,
Rồi ra áp dụng muôn phần hay ho,
Đã rành đã tỏ hóa cơ,
Rồi ra lợi dụng ấm no thân mình.
Thân mình sung túc, an ninh,
Rồi ra nhân đức thi hành sùng tôn,
Bằng chừng từ đó tiến lên,
Là vào tới cõi siêu nhiên, thánh thần.
Thần minh khế hợp vào tâm,

Hóa cơ đã tổ, siêu nhân đã đành.

(Hệ từ hạ, chương V)

Đức Khổng đã áp dụng nguyên lý duy nhất ấy vào công cuộc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Sau khi đã định được căn bản của vũ trụ quần sinh là Thái Cực, là Trời, mà Trời hay Thái Cực thời:

-Bất biến,

-Hằng cửu,

-Siêu vi.

-Vừa lồng trong vạn vật, vừa siêu xuất vạn vật

-Vừa là căn cơ, vừa là cùng đích muôn loài.

-Lại hoàn thiện, tuyệt đối.

Ở nơi con người thì Thái cực là Lương Tâm, Lương tri, tuyệt đối, hoàn thiện, nên chính là Tính con người, là phần Thiên nơi con người. Nó khác hẳn với nhân tâm, vì nhân tâm chỉ là thất tình, lục dục, luôn luôn biến thiên, thay đổi.

Cho nên trong công trình tu luyện phải luôn theo tiếng lương tâm, giữ gìn cho lương tâm được luôn luôn trong trẻo, và phải trở về với lương tâm là mới trở về được với Đạo, với Trời.

Kinh Thư gọi Lương Tâm là Đạo Tâm. (Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15)

Trung Dung gọi là Tính. (Trung Dung, I)

Đại Học gọi là Minh Đức. (Đại Học, I)

Kinh Dịch gọi là Thái Cực. (Dịch, Hệ Từ)

Mạnh Tử gọi là Xích tử chi tâm (Mạnh Tử, Ly Lâu hạ, 12).

Ngoài ra chư nho còn gọi là Nhất, là Trung, là Thành, là Mệnh v.v...Chính vì thế nên Bản Tính con người thời hoàn thiện. (Nhân chi sơ, Tính bản thiện). (Tam Tự Kinh)

Chính vì thế mà trong công cuộc tu thân con người phải tiến tới hoàn thiện (Đại Học, I), tiến tới chí thành, chí thiện

Thành giả Thiên chi đạo dã,

Thành chi giả, nhân chi đạo dã.

Dịch

Hoàn toàn là Đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.

(Trung Dung, XX).

Như vậy, cá nhân và xã hội đều phải theo một khuôn mẫu, là tiến tới cho đến hoàn thiện. Khổng tử nói: Trò Sâm, Đạo ta do một nguyên lý mà suy ra. Tăng tử đáp: Dạ...Đạo Thầy là đem hoàn thiện vào lòng mình và làm cho người khác trở nên giống mình (Luận Ngữ, Lý Nhân, IV, 15).

Mạnh Tử cũng nói: Mạnh tử chỉ bàn về tính thiện, và không ngớt ngợi khen Nghiêu Thuấn...Đạo Lý chỉ có một mà thôi (Mạnh Tử, Đằng văn Công chương cú thượng, 1)

Chính trị chính là sửa sang mọi người và đưa mọi người về tới Hoàng Cực hoàn thiện.

Trung Dung viết:

Đạo quân tử có 5 hình thức,
 Nương 3 chồi, thịnh đức sum sê.
 Quân thần, phụ tử, phu thê,
 Anh em cốt nhục, bạn bè tất giao.
 Ấy 5 đạo tối cao thiên hạ,
 Trí, Dũng, Nhân, đức cả 3 chồi,
 Năm cành, 3 cội tốt tươi,
 Tinh thành do một gốc Trời trở sinh.
 (Trung Dung XX)

Trung Dung còn viết:

Thành vốn dĩ tự mình hoàn thiện,
 Đạo thời thường tự khiến, tự do.
 Thành là cùng đích, duyên do,
 Duyên do, cùng đích khắp cho muôn loài.
 Bỏ lẽ ấy khôn bài có vật,
 Nên hiền nhân quý nhất chữ Thành.
 Hoàn thành không những riêng mình,
 Rồi ra hoàn thiện quần sinh muôn loài.
 Hoàn thành mình là người nhân đức,
 Tác thành vật, là bậc thông minh.
 Thiên nhiên tự tính uy linh,
 Trong ngoài hai mặt, một mình quán thấu.
 Nên quân tử biết câu sau trước,
 Xếp thời giờ, tổ chức cho hay.
 (Trung Dung XXV).

Như vậy, về phương diện chính trị, phải liệu lý từ trong ra ngoài. Căn cơ có tỏ, thì tâm mới định; thần có linh, thì tâm mới thiện; Tâm có thiện, thì thân mới an; thân có an, thì gia đình mới tốt; gia đình có tốt, thì quốc gia mới thịnh; quốc gia có thịnh, thì thiên hạ mới mong bình. Mới hay có thấu đáo căn cơ, cốt cách của mình, thì thân mới tu, gia mới tề, quốc mới trị, thiên hạ mới bình. Cái gốc có vững, thì cái ngọn mới không xiêu.

Ngày nay, thế giới trở nên đảo điên, suy vi, loạn lạc, chính là vì người ta đã trở nên vong bản, đã quên mất gốc, hoặc không biết rằng **cái gốc hoàn thiện đã ở ngay trong tâm cơ con người**. Thành thử, người ta cầu mong hòa bình mà chỉ thấy loạn lạc; người ta hứa hẹn an lạc, mà chỉ thấy toàn gian khổ, điêu linh. Tất cả những cái thống khổ, khốn nạn, tất cả những chén phiền não, tân toan mà con người đã, đang, và sẽ

uống hằng ngày, đều là do đã lạc mất tâm, đã quên mất gốc.

Chúng ta muốn an bình ư? Hãy tìm về gốc, trở về nguồn. Chúng ta muốn có một nền học vấn cao siêu ư? Hãy khảo về gốc, suy về nguồn. Chúng ta muốn tìm ra giải đồng thân ái, liên kết ta được với người, với chúng dân trong hoàn vũ ư? Hãy tìm ra gốc, tìm ra nguồn.

Căn cơ, nguồn gốc của chúng ta, chúng ta khởi tìm ở khởi điểm lịch sử. Nguồn gốc vũ trụ nhân quần, chúng ta khởi suy khảo cho tới phút lập địa, khai thiên. Muốn tìm về gốc nguồn chúng ta, chúng ta chỉ việc phát quang hết những lau lách đục vọng hay tạp niệm nội tâm (Mạnh Tử, Tận tâm chương cú hạ, 21), rồi ra chúng ta sẽ thấy hiện ra một con đường quang, đưa tới nguồn, tới gốc, rồi ra **chúng ta sẽ thấy hiện ra trong Nao Thất 3, tức là trong Nê Hoàn Cung chúng ta một viên ngọc quý sáng ngời, đó là Lương Tâm chúng ta**, mà Đạo Lão gọi là Kim Đơn, mà khoa luyện đan Âu Châu gọi là Philosopher's Stone. Đó là cái Đạo mà sáng nghe biết rồi, chiều chết cũng cam của Khổng giáo. (Triều văn Đạo, tịch tử khả hĩ. Luận Ngữ, Lý Nhân IV, 8). **Tìm ra Đạo này là một công trình khó khăn, nhưng thích thú.**

Tóm lại, Thái Cực hay Trời, khi sinh ra ta thì gọi là Căn Cơ, khi kêu ta về thì gọi là Cùng Địch. Giữa thời nở ra rồi lại khép lại.

Như vậy **Trời không ở đâu xa, mà đã nằm sẵn trong lòng sâu con người**. Ta đã thấy bất kỳ đạo giáo chân chính nào trên thế giới cũng đều chủ trương như vậy.

Sách Trung Dung đã viết theo kiểu này: Sách bắt đầu bằng chữ Thiên, rồi nở ra thành Tam Đức, Ngũ Luân, Cửu Kinh, đoạn khép lại thành Đạo Thánh Nhân, rồi lại trở về với Trời vô thanh, vô xứ. Thật là hoàn hảo tuyệt vời.

Thế là:

Tung ra tản mạn khắp muôn phương trời,

Thu tóm lại dấu nơi ẩn áo.

Hay sao hay, kỳ ảo khôn cùng

Đó là thực học chính tông,

Ai hay tìm hiểu, sẽ thông ý màu,

Thông ý màu, rồi sau ứng dụng,

Dùng cả đời, cũng chẳng hề với.

(Trung Dung, Chu Hi chương cú)

Sau đây, chúng ta sẽ dùng Kinh Dịch để giải thêm thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể.

Kinh Dịch chủ trương: Vũ trụ này do một đại thể duy nhất, một căn nguyên duy nhất phân hóa ra. Bản thể duy nhất ấy Dịch gọi là Thái cực, là âm Dương hợp nhất, là Thổ, là Nhất, là 5, hay 15.

Dịch trình bày tư tưởng trên bằng:

- Hình vẽ Thái Cực, gồm âm lẫn Dương.
- Bảng chữ Dịch gồm 2 chữ Nhật, và Nguyệt. Nhật thời Bất Biến, Nguyệt thời Biến Thiên.
- Bảng chữ Thổ, gồm hai nét âm Dương, và nét Số hợp nhất.
- Bảng số 5 vì năm là 3 (Dương) + 2 (âm).
- Bảng số 15 vì 15 là 9 (Dương) + 6 (âm).

Thái Cực thời Bất Biến.

Âm Dương thời Biến Hóa vô cùng.

Bản Thể ấy đã sinh hóa, phóng phát ra vũ trụ, bằng cách phân hóa.

1 chia 2.

2 chia 4

4 chia 8

8 chia 16, chia 32, chia 64

Dịch diễn tả tư tưởng ấy bằng chữ: Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái...

Hoặc bằng hình vẽ:

a/ Bản thể vũ trụ và vạn hữu vẽ thành vòng Dịch tròn.

Lúc đó:

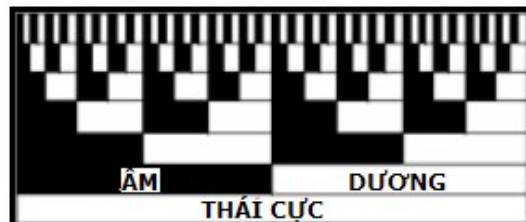
Tâm điểm là Thái Cực.

Vạn hữu là hào quái vây quanh bên ngoài..

Thái Cực hay Bản Thể như vùng dương sinh xuất muôn ánh hào quang vạn hữu.

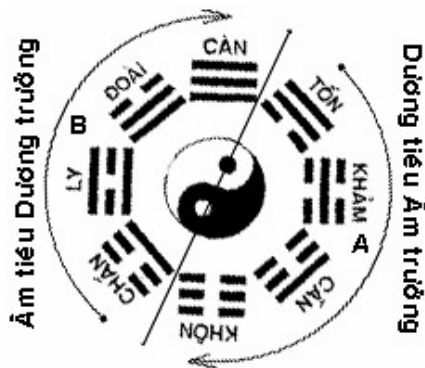


b/ Bản thể vũ trụ (Thái Cực) và Vạn Hữu (Hào quái) xếp theo hình ngang. Lúc ấy, Bản Thể (Thái Cực) là gốc cây, vạn hữu (hào quái) như cành, như lá bên trên.



Vòng biến dịch tuần hoàn của vũ trụ được tượng trưng bằng:

a/ Vòng Dịch Tiên Thiên bát quái



Đồ hình này có 2 nửa phải, trái. Nửa phải có 4 quẻ là Tốn, Khảm, Cấn, Khôn. Hào trong cùng của 4 quẻ này đều là Hào Âm. Hơn nữa, Hào Âm ngày càng tăng. Hào Dương ngày càng giảm: (Tốn có 1 hào Âm, Khảm có 2 hào âm cách nhau, Cấn có 2 Hào âm liền nhau, Khôn có 3 hào Âm), vì thế, chiều này gọi là chiều **Âm trưởng, Dương tiêu**.

Như vậy, ta thấy rằng, ở chiều này, Vật Chất ngày càng thịnh, Tinh Thần ngày càng suy

Nửa trái có 4 quẻ là Chấn, Ly, Đoài, Kiền. Hào trong cùng của 4 quẻ này đều là Hào Dương. Hơn nữa, Hào Dương ngày càng tăng, Hào Âm ngày càng giảm. (Chấn có 1 hào Dương, Ly có 2 hào Dương cách nhau, Đoài có 2 hào dương liền nhau, Kiền có 3 hào Dương), vì thế chiều này gọi là chiều Dương trưởng, Âm tiêu. Như vậy ta thấy rằng ở chiều này Tinh Thần ngày càng thịnh, Vật Chất ngày càng suy.

b/ Bảng Vòng Dịch Tiên Thiên 64 quẻ.



Nơi vòng Dịch Tiên Thiên 64 quẻ, ta thấy nửa phải có 32 quẻ, từ Cấu đến Khôn. Tất cả các Hào trong cùng của 32 quẻ này đều là Hào âm. Đó là Chiều Âm, vì Âm ngày càng thịnh, đó cũng gọi là chiều Thuận.

Nửa trái có 32 quẻ, từ Phục đến Kiền. Tất cả các hào trong cùng của 32 quẻ này đều là Hào Dương. Đó là Chiều Dương vì Dương ngày càng thịnh, đó cũng còn gọi là Chiều Nghịch,

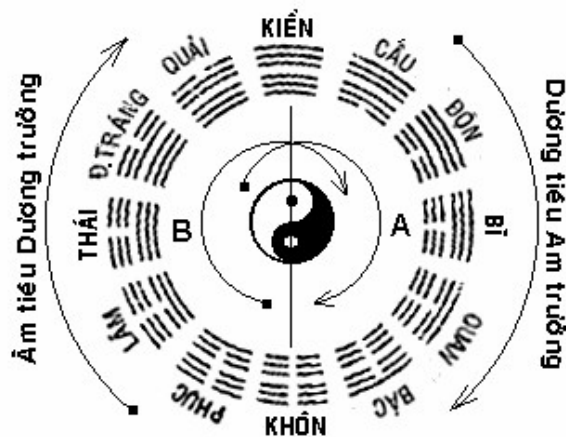
Thế là:

Gỗ Đạo Lý có sau, có trước,
 Lễ Âm Dương có ngược, có xuôi.
 Xuôi là gió cuốn bụi đời (Thiên Phong Cấu),
 Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lăm,
 Có thử thách mới phân vàng đá,

Có lầm than mới rõ chuyện đời.
 Ngược là sấm chớp tới bởi (Địa Lôi Phục),
 Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm,
 Trông tỏ đích chí nhân, chí chính,
 Biết mục phiêu sẽ định, sẽ an.
 Rồi ra suy xét nguồn cơn,
 Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ.

Dịch Kinh quý nhất chiều nghịch. (Dịch nghịch số đã. Kinh Dịch, Thuyết quái, chương III, câu 2), vì Chiều Nghịch là Chiều sinh Thánh, sinh Thần, còn chiều Thuận là Chiều sinh Nhân, sinh Vật.

c/ Hoặc giản dị hơn, bằng vòng Dịch Thập Nhị quái khí.

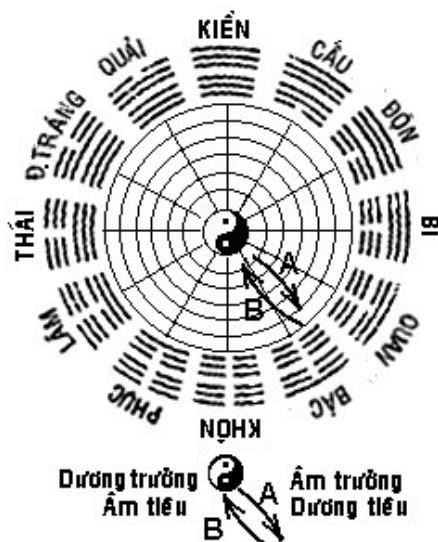


Thập Nhị quái khí là 12 quẻ rút ra từ Vòng Dịch 64 quẻ nói trên.

Nửa phải có 6 quẻ là Cầu, Độn, Bỉ, Quan, Bác, Khôn. Đó là Chiều Âm.

Nửa trái có 6 quẻ là Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Kiền. Đó là chiều Dương.

d/ Hoặc bằng 1 đồ bản vẽ Thái cực nằm chính giữa, với 6 vòng tròn đồng tâm bên ngoài. Ngoài cùng có 12 quái khí.



Trông vào hình đồ trên ta thấy:

1/ Thái Cực ở Tâm Điểm.

2/ Vạn Hữu được tượng trưng bằng 6 vòng tròn bao quanh bên ngoài.

3/ Vòng biến dịch bắt đầu từ tâm điểm đi ra tới biên, rồi lại quay ngược trở về Tâm.

4/ Càng đi ra bên ngoài, âm càng thịnh, dương càng suy (âm từ 1 hào, dần dần tăng lên cho tới 6 Hào).

5/ Lúc vòng Dịch quay trở về được đánh dấu bằng quẻ Phục. (Quay trở lại)

Như vậy, Phục là con đường hồi tâm, qui tâm, hồi hướng, hướng nội.

Phục cũng là Kiến Thiên Địa chi Tâm: Thấy được Tâm (Bản Thể) của Trời đất. Tâm của Trời đất cũng là Tâm của mình.

6/ Càng đi sâu vào tâm, càng trở nên trong sáng. âm căn càng ngày càng giảm, dương quang càng ngày càng tăng.

Vào đến vòng dịch thứ 6, là đạt thuần dương, thuần Kiền.

7/ Vào tới Tâm Điểm là Đắc Đạo, đắc Nhất, đắc Thiên.

8/ Vòng biến dịch, tuần hoàn trên vẽ lại đời sống con người lý tưởng, cũng như đời sống nhân quần và toàn bộ lịch sử tiến hóa con người. Chẳng những thế, còn vẽ lại được vòng biến dịch luân lưu của mặt trời, mặt trăng, hay nói rộng hơn là toàn thể chu kỳ biến hóa của vũ trụ.

9/ Vòng biến dịch này có 2 chiều:

Con người nói riêng, nhân loại nói chung, khi còn trẻ sẽ hướng ngoại, đem tinh thần phục vụ giang sơn, tổ quốc, cải thiện ngoại cảnh, đổi lấy miếng cơm, manh áo, đóng góp với đời...

Khi đã luống tuổi, khi đã trở về già, sẽ hướng nội, qui tâm, sẽ dùng ngoại cảnh hỗ trợ cho tâm thần, tu luyện bản thân, tiến mãi trên con đường huyền hóa...

Thiệu Khang Tiết viết:

Vạn Vật tòng Trung nhi khởi, tòng Trung nhi chung.

Vạn Vật từ Trung Tâm sinh xuất, lại qui hoàn về Trung.

Dịch lại viết:

Nhất Âm, nhất Dương chi vị đạo. Kế chi giả, thiện dã, thành chi giả, tính dã (Hệ từ Thượng, chương V).

Một Âm, một Dương là Đạo (Đạo có 2 chiều: Âm trước, Dương sau: Vật chất trước, tinh thần sau).

Theo đường đó thời tốt, đi tới cùng đường sẽ thực hiện được Tính Trời.

Chỗ cao siêu của Dịch là cốt dạy con người: **Tẩy Tâm, thoái tàng ư mật** (Hệ từ Thượng, ch. 11), tẩy rửa tâm hồn, trở về với tâm linh.

Các chính Tính, Mệnh, Bảo hợp Thái Hòa. (Kiền Quái, Thuyết quái) Giữ cho Tính, Mệnh được ngay chính, bảo vệ, hiệp nhất được với Thái Hòa (Thái Cực).

Quan niệm Nhất thể vạn thù đã đưa đến những hậu quả sau đây:

1. Nho gia đều tin vào thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể, tin rằng mình có thể sống kết hợp với Đạo, với Trời.

Trình Y Xuyên (1033-1107) nói: Dịch giả, Thiên Nhân Hợp Nhất nhi dĩ hĩ (Dịch chỉ là Người và Trời hợp nhất mà thôi).

Trương kỳ Quân, tác giả bộ Trung Quốc ngũ thiên niên sử đã viết: Dịch chi vi thư quảng đại tất bị, vô sở bất bao, nhi ngữ kỳ yếu qui, tắc vi minh Thiên Nhân hợp nhất chi đạo. (Sách Dịch mệnh mông bao quát, nhưng nói cho ngay, chỉ dạy lẽ Thiên Nhân hợp nhất mà thôi).

Ngày nay người ta đọc sách Nho, xưng mình hiểu Nho Học, nhưng ít người hiểu được rằng Tính con người chính là Thái Cực, thật là vẹn hảo. Con người không biết chuyện đó, chính vì xã hội đã làm cho họ sai lầm mà thôi.

Hai nửa người ta không biết rằng con người có 2 tính: một là Tính Trời hay Thiên địa chi Tính, hai là tính người, hay khí chất chi tính. Tính người chính là thất tình, lục dục cần phải gột bỏ. Tính Trời thì quang minh chính đại, nó là ngọn đuốc lương tâm, luôn luôn ở trong con người, để soi sáng cho con người. Chính vì thế mà Nho Gia sau trước chỉ dạy: Khử nhân dục (Nhân tâm), tồn Thiên Lý (Thiên Tính hay Thái Cực) mà thôi.

Ngày nay mở mồm ra, là người ta chê mình là kẻ xấu, kẻ hèn mọn, tội lỗi. Những người có tư tưởng sai lầm như vậy, đầu tu suốt đời cũng không sao tiến bộ được. Thực là uổng phí cuộc đời.

Người ta cũng không biết rằng: Tuy vạn tượng thời biến hóa khôn lường, nhưng Bản thể hay Bản Tính chúng ta thời trường tồn bất biến. Nên nếu chúng ta muốn trường sinh bất tử phải rũ bỏ những gì biến thiên, tức là Vọng tâm hay nhân tâm, mà chắt chiu cái gì vững bền muôn thừa, đó là Thái Cực hay Thiên Tâm, Thiên tính của chúng ta.

Dịch kinh nơi quẻ Hằng đã viết: Thiên địa chi Đạo hằng cửu nhi dĩ dã. Quan kỳ sở Hằng, Thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ. Đạo Trời thời thường hằng vĩnh cửu. Hiểu lẽ đó, sẽ biết tình ý của muôn loài. Tiếc thay nay có ai hiểu thế nào là Hằng, Biến đâu.

Dịch gọi Hằng cửu đó là Thái Cực. Nó đã nằm sẵn trong lòng sâu con người. Dịch gọi đó là Điểm Trung Hoàng. Tìm ra được nó, nhiên hậu mọi sự sẽ trở nên tốt đẹp.

Văn Ngôn hào Lục Ngũ quẻ Khôn viết:

Hiền Nhân thông lý Trung Hoàng,

Tìm nơi chính vị mà an thân mình.

Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,

Làm cho cơ thể xương vinh, mỹ miều.

Phát ra sự nghiệp cao siêu.

Thế là đẹp để đến điều còn chi.

Trung Dung là sách dạy ta tìm về Tâm Điểm bất biến đó của vũ trụ. Trung dung gọi đó là Đạo Trung Dung, hay đạo Trời.

Trung ấy là không nghiêng, không ngửa,

Trung ấy là muôn thuở y nguyên.

Trung là Đạo Chính mọi miền.

Dung kia là lý hiển nhiên mọi đời.

Tâm pháp này truyền nơi cửa Khổng,

ông Tử Tư sợ chóng sai ngoa,

Bút thần tay thảo thiên hoa,

Truyền cho Mạnh tử thành pho sách này.

Sách mới thoát trình bày một lẽ,

Sau dần dần mới tỏ thành muôn.

Tung ra tản mạn khắp muôn phương trời,

Thu tóm lại, dấu nơi ẩn áo,

Hay sao hay, kỳ ảo khôn cùng.

Đó là thực học chính tông,

Ai say tìm hiểu sẽ thông ý màu,

Thông ý màu rồi sau ứng dụng,

Dùng cả đời cũng chẳng hề vơi.

(Trung Dung, Chu Hi chương cú).

Trung Dung chia con người thành ba phần:

-Tính (Thiên tính, Thiên Tâm, Lòng Trời = **Thiên đạo**).

-Tâm (Nhân tâm, nhân dục, khí chất chi tính, lòng người = **Nhân Đạo**).

-Xác (vật chất = **Vật đạo**).

Vua Nghiêu, vua Thuấn xưa cũng chủ trương như vậy.

Kinh Thư, thiên Đại Vũ Mô, 15 viết:

Nhân tâm duy nguy,

Đạo tâm duy vi,

Duy tinh duy nhất,

Doãn chấp quyết Trung.

Dịch:

Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,

Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.

Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.

Lòng Trời thì bất biến, lòng con người thì biến thiên. Thế là thấy được lẽ Biến, Hằng trong ta vậy.

Bất kỳ là theo đạo giáo nào, không hiểu những điều căn bản trên là không biết gì về Đạo (Thái Cực), về duyên do và cùng đích của Đạo, của con người.

2. Thực ra, con người là một phân bộ trong thống thể vũ trụ, nên có liên quan mật thiết đến vũ trụ.

Trình Minh Đạo (1032-1065) viết: **Vạn vật dữ ngã nhất thể dã** (Ta và vạn vật đều chung một bản thể.)

Lục Tượng Sơn (1140-1192) viết: Việc ở trong vũ trụ chính là việc trong bốn phận mình; việc ở trong bốn phận mình, tức là việc ở trong vũ trụ. (Phan Bội Châu, Khổng Học Đăng, II, tr. 715)

Linh Mục Vương Xương Chỉ, trong quyển Triết Học Luân Lý của Vương Dương Minh đã viết: Tin rằng vũ trụ này là một thống thể, trong đó sự thác loạn của một bộ phận có ảnh hưởng đến toàn bộ vũ trụ, tin rằng con người là tâm điểm vũ trụ, tâm con người là tâm vũ trụ, đó là tư tưởng hàm tàng trong kinh điển, và đã được các triết gia thời Tống chủ trương.

Cũng như các triết gia Trung Hoa khác, Vương Dương Minh (1472-1528) cũng nhắc lại: Con người là tâm điểm vũ trụ. Vũ trụ và ta là một thống thể. ^[1]

Linh Mục Matteo Ricci (1552-1610) sang giảng đạo bên Trung Hoa vào cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17 đã nhận định như sau: Trào lưu tư tưởng mà nhiều người đã theo hiện nay, theo tôi có lẽ đã vay mượn ở một giáo phái tà thần từ 500 năm nay (Tống Nho). Quan niệm ấy là: Thiên địa vạn vật nhất thể. Hóa công cùng với trời đất, người vật, cỏ cây, tứ tượng đều hợp thành một phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy, họ rút ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Trời. ^[2]

Một học thuyết cao siêu như vậy, mà một nhà truyền giáo trứ danh như Ricci lại cho là tà giáo, tà thần, thì thật là đáng thương cho Ricci vậy.

3. Mọi người đều giống nhau về phương diện bản thể.

Mạnh Tử nói: Phàm những vật đồng loại thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại, người ta lại nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự? Những bậc thánh nhân với chúng ta đều cùng một loại...

(Mạnh Tử, cáo tử chương cú thượng, tiết 7).

4. Con người có thể tiến tới Đại thể, có thể hoà đồng với Đại Thể vũ trụ.

Đó chính là chủ trương: Cao minh phối Thiên, Bác hậu phối địa của Trung Dung, (Trung Dung, 26)

Trình tử cũng cho rằng: Thánh nhân phải có một tầm kích mệnh mông như vũ trụ. (Thánh nhân hữu Thiên Địa chi lượng dã. Uyên Giám loại hàm, nơi chữ Thánh, tr. 4670).

5. Thế giới là một nhà, người trong bốn biển đều là anh em.

Trương Hoàng Cù (1020-1077) làm bài Tây Minh tóm tắt đại khái nhân sinh quan mình như sau: Lấy thế giới làm một nhà, Trời đất làm cha mẹ, nhân loại làm anh em, vạn vật làm đồng loại của mình. Vì xem thế giới là một nhà, trời đất là cha mẹ, nên người ta phải giữ cho tròn bốn phận làm người, vì xem nhân loại đều là anh em, vạn vật đều là đồng loại, nên người ta phải rộng lòng nhân ái.

Lễ Ký nơi thiên Lễ Vận đã đề ra một thế giới đại đồng.

Kinh Dịch, nơi quẻ Đồng Nhân, cũng đã đưa ra một viễn tượng đại đồng mai hậu.

Thế mới hay đức Khổng là vị thánh nhân. Ngài chẳng những dạy con người phải tổ chức một đời sống quốc gia xã hội cho hoàn hảo, để mọi người sống trong an bình, hạnh phúc, tương thân, tương ái, mà còn truyền dạy đạo Trời, hay đạo Trung Dung, một thứ Đạo huyền đồng, mà Kinh Thi đã trình bày trong Đại Nhã, mà Luận Ngữ đã khen là "sáng mà nghe biết, chiều chết cũng cam" (Luận Ngữ, IV, 8).

Tôn chỉ đạo ấy là:

a- Trong Tâm ta còn có Thần Trời, nghĩa là trong Nhân Tâm còn có Đạo tâm.

b- Con người có bốn phận dùng đời mình để siêu xuất phàm tâm, phối hợp với Thiên Tâm.

Mục đích của công phu tu luyện của cuộc đời đạo hạnh chân chính là sống phối kết với Thượng Đế.

Tất cả tôn chỉ ấy đã được cô đọng trong mấy câu khẩu quyết mà xưa vua Nghiêu đã truyền cho vua Thuấn:

Nhân Tâm duy nguy,
Đạo tâm duy vi,
Duy tinh, duy nhất,
Doãn chấp quyết Trung.
(Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15)
Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngã nghiêng.
Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.

CHÚ THÍCH

- [1] ... Considérer l'Univers comme faisant un tout et où le désordre d'une partie se répercute dans le Tout; considérer encore l'homme comme au centre de cet Univers et faire du coeur de l'homme le coeur de l'Univers telle est l'idée contenue dans les livres classiques et exprimée surtout par les philosophes des Song... Avec tous les penseurs chinois, il (Wang Yang Ming) répète que l'homme c'est le coeur de l'Univers, l'univers avec moi constitue un seul corps. -- Wang Tch'eng Chi, S. J., La philosophie morale de Wang Yang Ming, pp. 74–75.
- [2] Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraît (paraît) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (Philosophie des Song) c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance, et que le Créateur du monde avec le Ciel et la Terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est de cette unité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu. -- Henri Bernard Maitre, Sagesse Chinoise et Philosophie chrétienne, p. 108.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 16

CAO ĐÀI VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Cao Đài thừa hưởng kho tàng tư tưởng của của Tam Giáo, nên khảo về Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng) tức là mặc nhiên đã khảo về Cao Đài.

Nhưng Cao Đài cũng có một kho tàng tư tưởng riêng. Đó là Cơ Bút. Các bài cơ bút đã được ấn hành dưới nhan đề: Thánh giáo sưu tập, gồm 5 tập, từ 1965 đến 1973.

Dưới đây, sẽ chỉ dùng đặc biệt những tài liệu Cao Đài để trình bày học thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể với các hậu quả mà nó dẫn tới.

1/ Cao Đài chủ trương: Vạn vật nhất thể.

Nhất thể tuyệt đối hay Thiên Nhân, hay Cao Đài v.v... đã sinh hóa ra vũ trụ.

Đại Thừa Chân Giáo nơi trang 65 viết:

Tại sao lại dạy thờ Thiên Nhân?
Thiên Nhân là căn bản chúng sinh.
Đó là một đấng trọn lành,
Một ngôi Chúa Tế hóa sinh muôn loài.

Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967 nơi trang 39 viết:

Thửa chùa dựng nên ngôi Trời Đất,
Khoảng không không mịt mịt mờ mờ,
Hồn nhiên một khối ban sơ,
Vần vần luân chuyển gồm cơ nhiệm màu,
Khí khinh khinh tỏa sâu rộng khắp,
Ánh huyền huyền bền chặt lưu hành,
Vô hình, vô tình, vô danh,
Cưỡng viết Đại Đạo, hóa sanh vô cùng.
Tượng một điểm tụ trung duy nhất
Là Lý, ngôi Thái Cực Thánh Hoàng
Vận hành phân khí tạo đoan,
Âm dương ngưng tụ, thể gian lập thành,
Một Lý ấy hóa sanh trời đất,
Gồm chung bầu trời đất chở che,

Ngũ Hành luân chuyển mọi bề,
Thâu tàng sinh trưởng, xuân hè, thu đông.
Vạn vật, cũng Lý đồng sinh hóa,
Nhân nhân đều Đạo cả dưỡng nuôi,
Noãn, thai, thấp, hóa vô hồi,
Trường tồn, tiến thoái, cõi đời tam nguyên.
Có Trời Đất, có Nhân, có Vật,
Có Đạo màu, trời đất định phân,
Thế là khắp chốn hồng trần,
Đều do Lý Đạo, tạo phần hữu vô.
N như vậy: Vạn Vật đều đồng một thể với Đạo với Trời.

Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967 nơi tr. 35 viết:

Đạo là Ngôi Nhất Nguyên Chủ Tế,
Đạo cũng là Đồng thể Vạn Linh.

Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1968, nơi tr. 200 viết: «...Vì các con là một trong vạn vật chúng sinh, mà vạn vật chúng sinh là Bản Thể của Đạo, mà Bản Thể của Đạo tức là Bản Thể của Thầy. Các con có thương nhau, tức là các con đã thương Thầy...»

Nơi tr. 186 lại viết: «Thượng đế chỉ nói một câu: Thầy là các con, các con là Thầy, có nghĩa rằng Tất cả đồng chung một bản thể. Tuy hình tướng bên ngoài và cách xưng hô khác nhau, nhưng chung qui chỉ là một không riêng gì của ai.»

Đại Thừa Chân Giáo nơi tr. 65 viết:

Thật là diệu diệu huyền huyền,
Trời người có một chẳng riêng khác gì.

Thánh giáo Sưu Tập 1966-1967, nơi tr. 36 viết:

Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng Thể linh quang.
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên Đình.

Nơi tr. 229 viết:

Người với Trời thể chất song song,
Nếu mình bền chí gia công,
Tu thân luyện mạng, cũng mong thành Trời.

Cho nên mục đích chính yếu của Cao Đài chính là dạy con người giác ngộ Chân Lý: Trong Thân có Trời. Trời không ở đâu xa, mà đã ở ngay trong lòng con người.

Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, nơi tr. 86 viết:

Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh,

Chúng sinh giác ngộ biết tu hành.
 Thương yêu, lựa tách người khôn dại,
 Điều độ đừng chia kẻ dữ lành.
 Cao Đài Giáo Lý số 89, viết:
 Tỉnh giấc chiêm bao ở trẻ bầy,
 Đừng tìm non núi hoặc cung mây,
 Cao Đài vốn ở lòng con đó,
 Bỏ tính tham si sẽ gặp Thầy.

Thánh Giáo Sưu Tập 72-73, nơi tr. 78 viết:

Chỉ một cái Tâm, Tâm vũ trụ,
 Thoát ly vạn tướng phục Nguyên Thần.

Thánh Giáo Cao Đài thường xuyên nhắc đi nhắc lại: Dưới lớp Nhân Tâm, còn có Thiên Tâm.

Thiên Tâm ấy là:

- [Thánh Tâm, Linh Tâm](#) (TGST 1772, tr. 48)
- [Thiên Tánh, Phật Tánh](#) (TGST, 1972, tr. 112).
- [Tâm Vương](#) (TGST 72, 137–138).
- [Đạo Tâm](#) (TGST, 72, tr. 99).
- [Phật Tâm](#) (TGST 72, tr. 112)
- [Kim Thân](#) (TGST 72, tr. 128)
- [Kim Thân Phật Thể](#) (TGST 72, tr. 129).
- [Như Lai Bốn Tạng](#) (TGST 72, tr. 129)
- [Căn Nguyên Bốn Tánh](#) (TGST 72, tr. 24)
- [Chân Ngã, Chân Như Bản Thể](#) (TGST 70–71, tr. 83–87)

Nó khác với cái Phàm Tâm, cái Bản Ngã, tức là Cái Ta nhỏ hẹp, hữu hạn nơi tâm tư bên ngoài, cũng còn gọi là cái Giả Ngã. (TGST 70–71, tr. 83, 87, 134. TGST 72–73 tr. 99, 105)

Mới hay:

Tâm xích tử trọn lành, trọn tốt,
 Tánh Viên Minh, ẩn lốt vạn thù.
 (TGST 72–73, tr. 130)
 Đeo đai sắc tướng hữu hình,
 Quên mình vẫn có riêng mình Tạo Công.
 (TGST 72, tr. 130)
 Đạo vốn vô sanh, cùng bất diệt,
 Kim Thân hằng hữu, tại thân này (lb. 128)

GIÁC NGỘ chính là khi cái ta bản ngã (phàm tâm) tìm ra được cái ta Thiên Tánh (Thiên Tâm).

«Còn Cái Ta là ai? Có phải Cái Ta là Thiên Tánh, trong cái Bản Ngã của thiên hạ chẳng? Nếu Cái Ta Bản Ngã không tìm được Cái Ta Thiên Tánh, thì biết đời thừa nào mới kết quả được ý nghĩa của câu: 'Thầy là Các Con, Các Con là Thầy.'» (TGST 70-71 tr. 134)

Học Đạo, tìm Đạo học Triết để biết mình, chung qui là cốt tìm cho ra cái CỐT LỖI con người, TRỰC CỐT con người, cũng như CỐT LỖI, TRỰC CỐT vũ trụ, TRUNG ĐIỂM con người, chính là đi tìm cho ra CÁI TA bao quát cổ kim, vũ trụ, tìm cho ra cái TÂM VŨ TRỤ...

Nên duyên Tiên Phật, diệt lòng trần,
Không chánh, không tà, không Ngã, Nhân.
Chỉ MỘT CÁI TÂM, TÂM VŨ TRỤ,
Thoát ly vạn tướng, phục Nguyên Thần.
Nguyên Thần thường trụ, chẳng phong ba,
Đáy nước bể châu hiện chói lòa,
Bát Nhã Tâm khai, vô nhất niệm,
Trên trời dưới thế biết rằng TA.
Rằng TA là một CÁI TA CHUNG,
Rộng lớn bao la ở khắp cùng.
TA chẳng có TA mà vẫn có,
Có TA, TA cũng chỉ TÂM TRUNG.
(TGST 72-73, tr. 78)

2.- Cao Đài chủ trương: Phản bản hoàn nguyên, Qui căn, phản bản.

Đại thừa Chân Giáo viết nơi trang 124:

Một lý phân hai, thuận nghịch hành,
Nghịch hành tu luyện đắc trường sinh.
Vô vi đại đạo nào ai thấu,
Thấu đặng về nơi Tử Phủ thành...

Nhưng như trên đã chứng minh, Đạo hay Thượng đế, Thiên Nhãn, hay Chân Như Phật Tính đã tiềm ẩn trong lòng con người để làm căn cơ, làm căn nguyên, bản thể con người, thì nghịch hành, hay qui nguyên phản bản là đi vào Tâm để mà tìm Đạo, tìm Trời. Đó cũng chính là chủ trương cốt cán của Cao Đài.

Thánh Giáo Sưu Tập 72-73 cũng đã xác định QUI NGUYÊN là QUI TÂM (Tr. 67).

Thánh Giáo Sưu Tập 72-73, tr. 52 viết:

Đạo tại tâm hề, Phật tại Tâm,
Vọng cầu bên ngoài, thị hôn trầm,
Nhơn nhơn tự hữu Như Lai Tính,
Tánh đắc Như Lai, pháp diệu thâm...

Thánh Giáo Sưu Tập 65, tr. 51 viết:

Đạo vẫn luôn luôn ở tại trong TÂM TÍNH của mỗi người, nhưng tiếc vì người chưa khổ công nghiên ngẫm, học hỏi giáo lý, nên chưa tìm phăng ra mối...

Đại Thừa Chân Giáo, nơi tr. 118 viết:

Các Con phải hiểu phải tàng,
Đạo Thầy u ẩn minh quang tâm điền,
Con nào hữu kiếp thiện duyên,
Gặp minh sư chuyển diệu huyền nơi tâm.
Thánh Giáo Sư Tập 1972, nơi tr. 165 viết:
Đạo tại Tâm trung, chẳng phải xa,
Thực hành, quyết chí sẽ tìm ra.
Phật, Tiên, Thượng Đế không xa lắm,
Xa hoặc được gần cũng bởi ta...

Cao Đài Giáo Lý cũng cho ta thấy thực sự Đạo ở nơi đâu, Trời ở nơi đâu trong con người.

Thánh Giáo Sư Tập 68-69, nơi tr. 5 đã cho biết chỗ cất giấu chìa khóa thiêng để mở mọi cửa nhiệm huyền: «Bao nhiêu huyền bí thiêng liêng, nhiệm màu, siêu việt, nhưng chìa khóa mở, Đức Chí Tôn đã đặt trong chỗ cao nhất của mỗi người, hãy tìm lấy và mở lấy, hồi chư hiền.»

Chỗ cao nhất trong con người là nơi đâu?

Thừa là Nê Hoàn Cung, là Não Thất Ba, nơi tâm điểm đầu não con người. Cửa Trời ở đấy, Thượng đế ở đấy, Thiên Nhân ở đấy, Thiên Thai cũng ở đấy.

Đại Thừa Chân Giáo nơi tr. 61 viết: «Huyền Quan Nhất Khiếu là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay Nê Hoàn Cung, gom trọn chân dương chánh đạo...»

Nơi tr. 56 lại viết: «Chữ Cao Đài là gì? Là Côn Lôn đỉnh hay là Nê Hoàn thuộc về Thượng Giới... Thiên Môn là cái gì? Là cái khiếu Nê Hoàn Cung đó. Chừng nào linh hồn phá Thiên Mônặng là nhập vào Thượng Thanh Cung.»

Nội tr. 56, Đại Thừa Chân Giáo còn cho biết: Trong hình Thập Tự, nơi nét sổ ngang có Tam Thanh chi vị.

Tam Thanh là: Chân Thanh, Ngọc Thanh, và Thượng Thanh.

Chân Thanh là Nguyên Khí, Thượng Thanh là Nguyên Thần, Ngọc Thanh là Nguyên Tinh. Nếu Thượng Thanh đã là Nê Hoàn Cung, là Não Thất Ba, thì Chân Thanh, Ngọc Thanh phải là các xoang não bên, chứa đựng Nguyên Tinh, Nguyên Khí của con người.

Nếu Thiên Nhân ở đó (Não Thất Ba, hay Nê Hoàn Cung), thì Chân Như Phật Tánh cũng ở đó, Thiên Thai lạc cảnh cũng ở đó, Tâm Vương cũng ở đó, nơi Trời Người gặp gỡ cũng ở đó.

Đại Thừa Chân Giáo tr. 66 viết:

Mỗi người có tính Như Lai,
Tìm ra thấy sẵn Thiên Thai bên mình.
Thánh Giáo Sư Tập 1973, nơi tr. 138 viết:
Tâm Vương ngự trị ở con người,

Đó cũng là nơi hiệp với Trời.

Độc Giáo lý Cao Đài ta thấy niềm tin rằng con người đã từ khối Đại Linh Quang xuống hồng trần, nên cần phải tu trì, để trở về ngôi vị cũ, trở về quê hương cũ... (Thánh Giáo Sưu Tập 70, tr. 87, tr. 185, 195, 198, 199, 200 v.v....)

Vì thế mới chủ trương:

Xưa toàn linh bước vào cõi tạm,
Tạm đây rồi, vượt phẩm Phật Tiên,
Phải đâu căn cốt nghiệp duyên,
Sở sanh, sở trụ ở miền trần gian.
(Thánh Giáo Sưu Tập 70, tr. 198)

Cao Đài chấp nhận thuyết luân hồi, chuyển kiếp. Và vì Cao Đài chủ trương Thiên địa vạn vật nhất thể, nên dạy Ái nhân ái vật (TGST 72–73, tr. 24).

Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
Căn bản làm đầu một chữ thương.
Thương chúng, thương mình, thương tất cả,
Thì đem chân đạo sớm hồng dương.
(TGST 72–73, tr. 157)

Khi đã có khẩu quyết, khi đã biết là trong lòng mình có Đạo, có Trời, thì cần phải rõ là phương pháp tu trì phải sao cho giản dị.

Thánh giáo ngày 1 tháng 9 năm Bính tí (1936) dạy:

Tu hành giữ mực thường thôi,
Đừng đem bày vẽ, rồi bôi lem đầy.
Các Con biết đặng Đạo Thầy,
Đạo Thầy không chịu cho ai biết mình.
Ở ăn như thể thường tình,
Lo tu luyện Đạo sửa mình tinh ba.
Tu không biểu mặc đồ già,
Cạo râu, thí phát, bỏ nhà lìa con.
Ông Bà cha mẹ đương còn,
Phải lo báo đáp cho tròn hiếu trung.
Vợ chồng chọn nghĩa thủy chung,
Giữ như sen mọc dưới bùn không nhơ,
Làm như đốt nát đại khờ,
Đừng cho kẻ thế rằng ngờ mình tu.
(Tập San Đại Đạo phổ thông, số 6, tr. 138).

Tu hành đắc đạo là:

- Quán triệt chỗ hư linh để xả vạn duyên mà đắc pháp. (THST 92, tr. 170)
- Thành Tiên, thành Phật, thành Đạo, thành Trời.

Đạo có gì đâu, Đạo ấy Trời,
Trời là Tiên, Phật cũng là Người,
Người hay giác ngộ thành Tiên, Phật,
Tiên, Phật vọng tâm cũng xuống đời...

(TGST, 72 tr. 170)

Theo Cao Đài, tu hành có mục đích thành Tiên, thành Phật, thành Trời.

Tu hành là học làm Trời,
Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian.

(TGST 70–71, tr. 134)

Cho nên đắc đạo là:

Trở về được với ĐIỂM ĐẠO trong con người.

«Khi nhìn qua tất cả vạn vật, hình thức vẫn khác nhau, danh tánh khác nhau, nhưng tựu trung vẫn có một ĐIỂM ĐẠO. Đó là Thượng đế chí tôn, đó là Nhân Bản, đó là Thánh, Hiền, Tiên, Phật.» (TGST 90, tr. 95)

Thế là ĐẮC NHẤT, thế là hợp nhất với Thượng đế...

Rồi từ cái được nhiều như vậy, các con nếu biết phương pháp để đạt tới sự ĐẮC NHẤT, là chìa khóa mở cửa Đạo, hiệp với Đạo, hiệp với Thầy vậy,

Thế là dùng lễ Một để cắt nghĩa tất cả.

MỘT là Bản Thể vũ trụ, MỘT là căn do mọi biến hóa trong vũ trụ, và lúc chung cuộc, con người lại trở về với MỘT, vạn hữu lại trở về với MỘT. Thuyết Thiên địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể hay ở chỗ đó, mà đẹp cũng ở chỗ đó. (TGST 70–71, 210).

Trong một đàn cơ ở Cao Đài Hải Ngoại có ghi:

Trải bao kiếp nhờ vào tiến hoá,
Nay nhân loài đã quá võ môn.
Đã thành Chánh Đẳng Chân Nhân,
Nhận ra Bí Nhiệm, Lý Chân đời người.
Nhận ra được Trời người đồng thể,
Trời với người chẳng phải hai ngôi,
Vốn là Thiên Đế mà thôi,
Vạn hành lưu chuyển xiết ôi diệu kỳ!
Kỳ diệu thay huyền ky máy tạo,
Người với Trời vốn Đạo mà thôi.
Tâm phăng hiểu được con người,
Tự nhiên sẽ hiểu được Trời, khó chi.

Đàn giờ Tí ngày 19 tháng 8, Đinh Sửu (11/ 1997)

Khảo về Cao Đài, tôi rất phục Đức Ngô Minh Chiêu đã nhất tâm theo Vô Vi Đại Đạo, đã từ bỏ chức Giáo Tông, đã cương quyết không đi con đường phổ độ của đám Phò Loan, đã chết trong âm thầm và khi chết Tòa Thánh Tây Ninh cũng kiểm cố không đến dự tang lễ...

Cao Đài còn có nguyện vọng là đưa Việt Nam về với Căn Bản Siêu Việt đó:

Đi về đâu VIỆT NAM ơi,

Về nơi Nhân Bản của Trời trước kia...

(TGST 70–71 tr. 213.)

TỔNG LUẬN

Xưa nay chúng ta đều cho rằng các đạo giáo thế giới đều giống nhau và đều giúp ta tìm Đạo, tìm Trời. Nhưng ít người hiểu rằng tìm được Đạo, được Trời trong lòng mình là một điều thiên nan, vạn nan. Thánh kinh Công Giáo viết: «Kẻ gọi thì nhiều, kẻ chọn thì ít» (Mat. 20, 16). Thành ngữ Việt Nam viết: Vào Đạo như lông trâu, đắc Đạo như sừng thỏ.

Vả mỗi người theo đạo một cách, giữ Đạo một cách, không ai giống ai.

Tôi mãi tới 36 tuổi mới giác ngộ được rằng Trời không ở đâu xa mà đã ở sẵn trong lòng mình.

Nhân đọc Trung Dung tôi thấy câu: «Suất Tính chi vị Đạo.» Theo Tính là Đạo. Tôi không hiểu, vì khi ấy tôi theo Công Giáo, mà Công Giáo dạy tôi phải kiềm chế tính mình. Tôi vỡ lẽ ra rằng: Tính mà Khổng Giáo dạy tôi phải theo là Thiên địa chi Tính hay Tính Trời, chứ không phải Khí chất chi Tính hay Tính phàm hèn nơi con người. Như vậy tôi thấy rằng trong tôi có 2 Tính: Tính Trời, và Tính Người.

Tính Trời hay Thiên Tính thời luôn viên mãn, toàn thiện, Trời ban cho mọi người, để làm khuôn phép, mẫu mực.

Còn tính người thời luôn là bất toàn, cần luôn phải đẽo gọt theo đúng khuôn Trời. Như vậy con người nào cũng có 3 phần:

- Phần Thần hay Phần Thiên, vĩnh cửu, bất biến, bất tử.
- Phần Tâm Hồn hay phần Nhân. luôn biến ảo, và ở trong vòng sinh tử.
- Phần Xác hay phần Địa, chết sẽ hư nát đi.

Mà Trời đã ở sẵn trong ta. nên ta phải đi vào nội tâm để mà tìm Đạo, tìm Trời.

Như vậy Trời hay Đạo không bao giờ lìa xa ta dù là một phút giây. "Đạo bất khả tu du li dã."

Tôi liền nhận ra rằng xưa nay tôi đã bỏ mất cả một khung trời vĩ đại trong tâm hồn tôi, mà tôi không hề hay biết, và tôi đã sống một cuộc đời hết sức phù phiếm. Hơn nữa nếu Trời đã ở sẵn trong tôi, thì tôi cần sửa sang mọi chệch mác, dờ dang trong tâm hồn, để mong sống kết hợp với Trời, ngay từ khi còn ở gian trần này, nhờ đó tôi trở thành con người mới.

Tôi liền hạ quyết tâm học triết học, và nhất quyết chứng minh rằng các triết thuyết thiên hạ đều cho rằng con người có 3 phần: Thần, Hồn, Xác.

Dần dà tôi nhận ra thêm rằng Lương Tâm đích thực là Thiên Tâm, vì chỉ có nó mới vĩnh cửu và bất biến. Hơn nữa, cái phàm tâm hay Tâm Hồn cần chết đi, để nhường bước cho Thiên Tâm hiển lộ ra. Thế là Tâm tử, thần hoạt, hay Nhân Dục Tận, tắc Thiên Lý hiện.

Tôi cứ lấy câu Bình thường tâm thị đạo và đói thì ăn, khát thì uống làm phương châm mà thôi.

Tôi cứ đường lối ấy mà tu từ hơn 40 năm nay, lúc nào cũng thấy thân tâm an lạc, lòng phẳng lặng như nước hồ thu, không cần theo một đạo giáo bên ngoài nào khác, vì đạo phát xuất từ Chân Tâm, chứ làm gì có đường lối khác. Tuy nhiên nó cũng tương tự như các đạo kể trên đây, cho thấy rằng nói Vạn Giáo Nhất Lý là đúng vậy.

Tôi tin rằng mình phải tự cứu mình, không ai khác có thể tế độ mình được.

Tôi coi các vị giáo chủ xưa nay là những người Anh khả kính của tôi, là những tâm gương sáng cho tôi bắt chước mà thôi, chứ không có quyền gì quyết định về tôi.

Những lời tôi đóng góp trên đây hoàn toàn là của tôi, không có liên lạc gì tới Cao Đài. Mới đầu tôi định xóa đi, nhưng sau tôi lại giữ nó lại, vì thấy nó không có gì sai trái với Cao Đài. Hi vọng quý vị Chức sắc và giáo hữu Cao Đài lượng thứ cho tôi. Tôi không thuộc đạo Cao Đài, nhưng chỉ là một người đi tìm Đại Đạo, và muốn làm sáng tỏ ý nghĩa câu vạn giáo nhất lý của Cao Đài mà thôi.

Câu nói sau đây của Đại Sư Ramakrishna đã thực sự làm tôi xúc động. ông nói: Uống thay cho những ai, khó lắm mới được sinh ra làm người, mà đã không cố gắng thực hiện Thượng Đế ngay trong cõi đời này. [\[1\]](#)

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) He is born in vain, who having attained the human birth, so difficult to get, does not attempt to realize God in this very life.

Sri Ramakrishna's thoughts in a Vedantic perspective, Swami Tapasyananda, Sri Ramakrishna Math. Macras 600 004, 1993, p. 18.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 17 NHẬN ĐỊNH VỀ THƯỢNG ĐẾ

Khảo sách vở, ta thấy xưa nay nhân loại có nhiều cách nhận định về Thượng đế:

1. Théisme (Phái Thần Luận)

Phái này tin Thượng đế hữu ngã, can thiệp vào chuyện đời.

2. Độc Thần (Monothéisme)

Do Thái, Hồi Giáo hoàn toàn Độc Thần. Công Giáo thì là Độc thần nhưng là Tam Vị Nhất Thể (Trinity). Độc Thần tin rằng Chúa đã dựng nên muôn loài, hoàn toàn ở bên ngoài vạn hữu, ngài ở trên Trời, nhưng luôn can thiệp vào truyện hồng trần.^[1] Trên đây đã cho thấy quan niệm Chúa là một thực thể riêng biệt đã bị nhiều người như Giám Mục John Robinson, hay nhà thần học Tillich cho là những quan niệm lỗi thời, cần phải định nghĩa lại.

3. Đa thần (Polythéisme) như Ấn Giáo

Tuy nhiên Ấn giáo cho rằng thần nào cũng chỉ là một khía cạnh, một phương diện của vị tối thượng thần.

4. Deists (Hữu thần)

Môn phái này thuộc thế kỷ 18. Tin có Thượng đế, nhưng từ khi Thượng đế tạo nên vũ trụ thì không còn dây vào truyện đời. Môn phái này chống lại các giáo hội sẵn có. Không tin mặc khải, không tin phép lạ, không tin Kinh Thánh, chỉ tin vào lý trí.

Lord Herbert Cherbury (1383-1648) là cha đẻ ra môn phái này. Ở Anh còn nhiều văn gia khác theo môn phái này như: Charles Blount (1654–93), John Toland (1670–1772), Antony Collins (1676– 1729), Thomas Morgan (d. 1743) v.v... Nhiều danh nhân thế kỷ XVIII như Voltaire, J.J. Rousseau, Denis Diderot hay Benjamin Franklin, Georges Washington, Thomas Jefferson, John Adams, Thomas Paine v.v... cũng theo môn phái này.

5. Phiếm Thần (Panthéisme)

Phiếm Thần coi Thượng đế này là chính vũ trụ, hay nói đúng hơn, **Thượng đế là Đại Ngã, là Chân Tâm vũ trụ.**^[2] Tillich đã gọi Thượng đế là căn cơ, gốc gác muôn loài (The ground of all beings; A depth at the Center of Life). Phiếm Thần không bao giờ coi Thượng đế là vũ trụ hình danh, sắc tướng bên ngoài (Natura Naturata) mà chỉ coi Ngài là Chân tâm vũ trụ (Natura Naturans). Tại sao? Vì Vũ trụ hình danh sắc tướng bên ngoài là cái gì biến thiên, còn Chân tâm mới là cái gì vĩnh cửu, bất biến.

Phiếm thần dạy chúng ta muốn tìm Thượng đế phải tìm Ngài trong thâm tâm ta, vì Ngài chính là Bản Thể ta. Chúng ta là hình hiện của Ngài.^[3]

Các môn phái Triết gia danh tiếng như phái khắc kỷ (Stoic) gồm các Triết gia như Zeno, Seneca,

Marcus-Aurelius, Epictetus, như môn phái Neo-Platonists, Như Plato, như Spinoza, như Giordino Bruno, như Eckhart, như các tôn giáo Ái Châu: ấn giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Cao Đài đều theo Phiếm Thần, hay nói cách khác, **bất kỳ ai theo học thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể đều theo thuyết Phiếm Thần.** [4]

Vì Phật giáo chủ trương Bản Thể là Vũ Trụ, Vũ trụ là Bản Thể nên Phật giáo cũng đứng trong hàng ngũ phiếm thần. [5]

Các Thánh hiền Đông Tây, các nhà huyền học (Mystics) Đông tây như môn phái Kaballah Do Thái Giáo, như Sufism Hồi Giáo, như Tam Điểm (Free-masonry), như mật tông Hermetism, như Alchemy, như các nhà huyền học Công giáo Christian Mystics), như ấn giáo, Khổng, Lão, Phật, Cao Đài v. v...tất cả đều phiếm thần.

Tôi cũng long trọng tuyên xưng tôi chủ trương phiếm thần 30, 40 năm nay rồi. Vì tin Thượng Đế là Bản Thể tôi, nên tôi mới có thể ngửng đầu lên nhìn được mọi người, nên tôi mới thấy con người tôi rất là giá trị. Vì tin Thượng đế là Bản thể tôi, nên tôi mới mong có thể tu luyện thành Thánh, Hiền, Tiên, Phật.

Vì tin **Thượng đế là Bản Thể tôi**, nên tôi và chúng sinh là một. Tôi và chúng sinh khác nhau, là vì những lớp áo vỏ bên ngoài, là vì trình độ hiểu biết khác nhau, vì tâm tư khác nhau mà thôi.

Vì tin **Thượng Đế là Bản Thể muôn loài**, nên tôi thấu hiểu Ngài thông minh ra sao, quyền phép ra sao, và ở khắp nơi ra sao. Vì tin Thượng đế là Bản thể muôn loài, nên tôi thấy muôn loài đều phải nỗ lực tiến về Ngài. Nhưng muốn tiến được về với Ngài, không thể nào thực hiện được trong một đời, một kiếp, nên tôi tin có luân hồi. Vì tin Thượng đế là Bản thể muôn loài, nên tôi rất trọng ngọn đèn lương tâm mà Trời đặt trong tôi và mỗi người chúng ta. Lương tâm chính là Bản Thể chúng ta, chính là Phật tính của chúng ta.

Tôi rất sung sướng là đã tìm ra được định nghĩa chân chính về Thượng đế, và đã biết Ngài là Bản thể con người tôi và chúng sinh, chứ không phải là một nhân vật sống ngoài vũ trụ như Công giáo thường định nghĩa, và coi Ngài như là một đấng ở trên Trời.

Carl Jung nói: «Quan điểm Thượng đế hữu Ngã là quan điểm của Âu Châu. Quan điểm Thượng đế vô ngã mới là quan điểm phổ quát (Universal archetype).»

Lão tử viết: Phù vật vân vân, các qui kỳ căn, qui căn viết tĩnh, phục mệnh viết trường. (Đạo đức Kinh, ch. XVI). Mà tôi dịch là:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
Hoàn bản nguyên an nhiên phục mệnh.
Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.

Vì thế mà các Đạo Giáo Á Đông dạy ta phải "**qui căn phản bản**", hay "**qui nguyên, phục thủy**."

Bà La Môn dạy ta: tiến

Từ Hư Vọng tới Chân Thực,

Từ Tối Tăm đến Ánh Sáng.

Từ Tử Vong đến Bất Tử. (Brih. 1.3. 28) [6]

Đạo Phật dạy 4 chữ **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh**. Tiến tới Thường Hằng, Hạnh Phúc, Đại Ngã, Thanh Tịnh.

Đạo Nho dạy: **Khử Nhân Dục** (Vọng Tâm), **tồn Thiên Lý** (Chân Tâm), và hể Nhân dục thẳng, thì Thiên Lý vong. Và phải giữ sao cho lòng được Quang, Minh, Chính, Đại. Thật là hết sức đẹp đẽ.

Như vậy, Giác ngộ chính là tìm ra được Chân Tâm, Chân Ngã, khuất lấp sau các bức màn vô minh và hiện tượng. Xưa tôi cứ tưởng là mỗi người giác ngộ một cách, và khi đọc các Thiên Sư, thấy nói ông này giác ngộ, ông kia giác ngộ, mà không mấy khi nói giác ngộ thấy gì. Nhưng càng ngày càng thấy Giác Ngộ chỉ là Kiến Tính thành Phật mà thôi. Giác Ngộ là ấn chứng của Trời đất, cho biết mình đã được tuyển lựa để đi vào con đường hiền thánh. Tuy nhiên không phải là đi ngay được đến chỗ tuyệt luân tuyệt đích.

Dịch Kinh cho thấy từ Giác Ngộ đến lúc thành đạo, có 7 giai đoạn:

PHỤC (Địa Lô Phục), thấy được rằng trong mình có tính trời.

LÂM (Địa Trạch Lâm), đem được con người về với Trời, đến với Trời.

THÁI (Địa Thiên Thái), biết rằng trời lồng trong tâm khảm mình, thấy mình được Thân Tâm an lạc, tìm ra được thể quân bình giữa tinh thần và vật chất.

ĐẠI TRÁNG (Lôi Thiên Đại Tráng), thấy mình tinh thần hết sức mạnh mẽ, vì luôn hoạt động theo đúng đường Trời.

QUẢ (Trạch Thiên Quả) rũ sạch mọi tàn tích vật chất còn vương vấn nơi thân.

KIÊN trở thành thuần dương, nên như ảnh tượng Trời.

THÁI CỰC, thoát vòng Luân Hồi, vào được trung điểm con người, trung điểm vũ trụ và vòng Dịch. Nói thế nghĩa là lúc nào cũng phải lo thanh tẩy tâm hồn, đi đến chỗ thanh hư, trong sáng.



PHỤC



LÂM



THÁI



ĐẠI TRÁNG



QUẢ



KIÊN



THÁI CỰC

Tóm lại, vũ trụ hữu hình này đã do một Chân Tâm, một Trung Tâm vô hình sinh xuất ra. **Tâm điểm** là nguồn sinh hóa, vĩnh cửu, trường tồn. **Các vòng bên ngoài** là hiện tượng biến thiên. Tâm điểm là tinh hoa, cốt tủy; các vòng tròn bên ngoài có nhiệm vụ làm bao bì, làm xác, làm vỏ che chở bên ngoài.

Nói theo Triết học, Bản thể vô biến tế ấy đã phóng phát tán phân thành vũ trụ. Thế tức là vũ trụ này đã hình hiện lên từ một Bản Thể, từ một Tâm Điểm có một nguồn năng lực vô cùng. Tất cả đều như một cây pháo bông muôn màu, tung tỏa miền trường, vĩnh cửu.

Tôi thấy rằng giữa Bản thể vô biên và quần sinh vũ trụ, có một cái gì liên tục; cũng như giữa sinh linh với sinh linh, có một cái gì gắn bó; tất cả đều liên lạc với nhau, tất cả đều hổ tương ảnh hưởng đến nhau, tất cả đều cùng hội, cùng thuyền, y thức như người xưa đã nói: **Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức Nhất**: Một là tất cả, tất cả là Một, để tạo nên một Đại Thể huy hoàng, toàn bích.

6. Vô Thần (Atheism)

Vô Thần là không tin rằng vũ trụ này được cai trị bằng 1 vị thượng thần có cá tính riêng biệt.

Thời xưa có người vô thần như Lucretius, nay có những người như Holbach, La Mettrie, Charles Bradlaught, Karl Marx v.v... Nhiều người cho rằng Phiếm Thần cũng là vô thần, vì không tin vào một Thượng đế Hữu Ngã. Nhưng như trên đã nói Phiếm Thần không phải là vô thần.

Như vậy xưa nay, có 3 cách chính để nhận định Thượng đế:

a.– Độc Thần cho rằng có một Thượng đế, hữu ngã, ngoại tại, ở trên các tầng trời, phép tắc vô cùng, thông minh vô cùng, quyền uy vô hạn.

b.– Vô Thần cho rằng không có vị Thượng Thần, hữu ngã như vậy, trong trời đất này.

Vô Thần thật ra không phải xấu như ta tưởng: Họ yêu mến tha nhân; họ tin rằng thiên đàng chính là do mình tạo ra; họ không tin vào kinh nguyện mà tin vào chính mình, và sức mạnh của mình để đương đầu với cuộc sống. Họ cho rằng phải biết mình, biết người, mới có thể sống một cuộc đời viên mãn. Họ tìm học về các đạo giáo, nhưng đề cao lý trí. Ngày nay những người vô thần có những đoàn thể, và đã soạn ra nhiều sách vở. Họ đọc Kinh Thánh rất kỹ và đã bới ra không biết là bao nhiêu điều sai lầm như họ đã trình bày trong quyển The Bible Handbook, revised Edition của W. P. Ball, G.F. Foote, John Bowden, Richard Smith and others, American Atheist Press, Austin Texas, 1986. [7]

Tiểu là Vô thần lại là Duy Vật.

c.– Phiếm Thần cho rằng không làm gì có vị Thượng thần hữu ngã như vậy, trong Trời đất này. Mà vị Thượng thần mà ta mừng tưởng ra đó, chính là Bản Thể muôn loài. Bản thể đó đã tiềm ẩn sẵn trong lòng chúng ta. Chúng ta khỏi phải tìm Ngài đâu xa, vì từ muôn thủa, Ngài đã ở sẵn trong ta. Ta rời vào đâu cũng thấy Ngài (Xúc loại thị đạo), có như vậy ta mới tìm về với Ngài được.

Như vậy, Độc Thần chẳng qua cũng là một thứ Vô Thần mà thôi, vì đưa ra một cái gì không có, thì cũng như là không vậy, và đã làm cản bước tiến của Nhân loại mà thôi.

7. Bất khả tri (Agnosticism)

Nhóm triết gia này chủ trương không sao biết được Tuyệt đối, biết được Vô Cùng. Và khoa Thần học không có cứ điểm vững chắc.

T. H. Huxley đã lập ra danh từ này. Huxley cho rằng ngoài hiện tượng, con người không biết được gì hơn. [8]

So sánh Độc Thần (Monothéisme) và Phiếm thần (Pantheism)

Như Giám Mục Robinson đã viết: «Định nghĩa về Thượng đế của Công giáo ngày nay đã lỗi thời.»

Cho rằng Thượng đế ở trên Trời, Chúa lên trời, hay xuống đất (John 3:13; John 6, 61, Eph. 4:9f), là những danh từ nay đã lỗi thời.

Hơn thế nữa, coi Thượng đế như là một nhân vật siêu việt và riêng biệt cũng không đúng. [9]

Giáo Hoàng John Paul II cũng vẫn coi Thượng đế là vị thần sống ngoài vũ trụ. Ngài viết: «Tuy nhiên, tiến trình quay lưng lại với Thiên Chúa của các Giáo Phụ... không hàm chứa 1 cuộc đoạn giao với một Thiên Chúa, Đấng hiện hữu bên ngoài thế giới...Thiên Chúa này, tuy nhiên, vẫn là một Thiên Chúa bên ngoài thế giới.» [10]

Nhà thần học Tillich nói nay phải gọi Thượng đế là cái gì sâu xa nhất, là Bản thể chúng ta. [11]

Ông viết: «Tên gọi Căn cơ sâu thẳm của muôn loài được gọi là Thượng đế. Danh từ Thượng đế chính là để chỉ chiều kích sâu thẳm đó. Nếu danh từ ấy chưa có ý nghĩa gì đối với bạn, bạn hãy chuyển dịch danh từ đó thành chiều kích sâu thẳm của cuộc đời bạn, thành nguồn gốc Bản Thể bạn, điều quan thiết tối hậu của bạn, và là điều mà bạn chú trọng nhất. Có lẽ để làm được như vậy, bạn phải quên đi những gì mà

truyền thống đã dạy bạn về Thượng đế, phải quên đi ngay cả danh từ Thượng đế. Vì nếu bạn hiểu được rằng Thượng đế là chiều kích sâu xa của cuộc đời bạn, bạn đã hiểu được rất nhiều về Thượng đế. **Hiểu Thượng đế như vậy, không thể rằng là bạn vô thần hay vô tín ngưỡng.** Vì bạn không thể nghĩ hay nói được rằng: Sự sống không có chiều sâu; sự sống chỉ là nông cạn, hời hợt; bản thể chỉ là phiến diện. Nếu bạn thực tình đã thốt ra những câu như trên, thì bạn là kẻ vô thần; bằng không thì bạn đâu phải vô thần. Ai hiểu biết được chiều sâu, tức là hiểu biết Thiên Chúa.» [12]

Tôi cảm ơn Giám Mục Robinson, và Tillich vì đã cho biết ngày nay chúng ta không thể còn tin được rằng Thượng đế là một đấng sống riêng rẽ và tách biệt mọi vật.

Như vậy theo tôi, từ ngót 2000 năm nay, chúng ta đã coi Thượng đế như là một nhân vật sống tách rời vũ trụ là một điều cần được sửa lại là **Thượng đế là Bản Thể chúng ta, là Chiều sâu con người chúng ta.**

CHÚ THÍCH

[1] The traditional formulation of Christianity, Tillich says, has been in term of what he calls 'Supernaturalism'. According to this way of thinking, which is what we have been brought up to, God is posited as 'the highest Being' – out there, above and beyond this world, existing in his own right alongside and over against his creation.

[2] Honest to God, John A. T. Robinson, Bishop of Woolwich, The Westminster press, Philadelphia, 1963, Up there or out there pp. 11–28.

But we think of Him nevertheless as defined and marked off from other beings as if He did. And this is what is decisive. He is thought of as a Being whose separate existence over and above the sum of things has to be demonstrated and established.

Ib. p. 31.

Those who, in the famous word of Laplace to Napoleon, »find no need of that hypothesis» attach it in the name of what they call the «naturalist» position. The most influential exponent of this position in England today, Professor Julian Huxley, expressly contrasts «dualistic supernaturalism» with «unitary naturalism.» The existence of God as a separate entity can, he says, be dismissed as superfluous: for the world may be explained just as adequately without position such as a Being.

Ib. p. 31.

For, to the ordinary way of thinking, to believe in God means to be convinced of the existence of such a supreme and separate Being, «Theists» are those who believe that such a Being exists, atheists' those who deny that he does.

Ib. p. 17.

And Julian Huxley cannot be blamed for seeing humanity in general, and religious humanity in particular', as habituated to thinking of God mainly in terms of an external, personal, supernatural, spiritual Being.

Ib. p. 40.

[3] Le Panthéisme identifie Dieu avec la Totalité de l'Univers. Le mot vient du Grec "pan" qui veut dire "Tout"; c'est donc la Divinité en toute chose. Selon les paroles de Mme Blavatsky, "le Panthéisme était connu de toute l'antiquité. Il se manifeste dans la vaste étendue des cieux étoilés, dans le souffle des océans et dans le frisson de la vie qui anime le plus petit brin d'herbe. La philosophie ne saurait

imaginer un univers en dehors de la Divinité, ou l'absence de cette Divinité dans le plus mince fragment de substance animée ou inanimée.» La doctrine de Panthéisme qui s'appuie sur l'idée de l'immanence du Principe Divin dans la Nature, était enseignée dans les temples initiatiques de l'antiquité, en Egypte et en Grèce et on la trouve exprimée dans la littérature sacrée de l'Inde, les Upanishads et la Bhagavad Gita. Les Stoiciens proclamaient un enseignement panthéiste, considérant la Nature comme une manifestation du mental divin. Une Divinité mythologique, Pan, qui fut originairement de Dieu des bergers, des paturages, des bois, donc un génie de la nature, devint pour ces philosophes le Dieu même du Panthéisme. Le système stoicien, fondé par Zénon, a trouvé sa pleine expression avec les philosophes romains Sénèque, épictète et Marc-Aurèle. Les Néoplatoniciens se rapprochaient également des idées panthéistes. Mais cette philosophie ne tarda pas à trouver en désaccord avec l'église et son Dieu extra-cosmique.

Dans l'histoire de la pensée panthéiste, une place particulière revient à la grande figure de Giordano Bruno, ce disciple de Pythagore qui, au cours de son existence mouvementée, n'a cessé de proclamer que Dieu doit être cherché dans la Nature et non en dehors d'elle...

L'enseignement théosophique est essentiellement panthéiste. Il s'exprime notamment dans une lettre des Maîtres (Mahatma letters to A. P. Sinnett), la dixième qui contient une répudiation énergique du Dieu des religions exotériques et la pleine adhésion au système panthéiste. L'adepte y approuve la pensée de Spinoza, qui enseignait qu'il n'y a qu'une substance laquelle est divine, Car c'est la Vie-Unique qui pénètre toute forme animée ou inanimée; c'est la vie divine qui est l'essence de chaque atome qui est la nature, le mouvement et la qualité particulière de chaque être vivant, de chaque objet matériel.

Le Lotus Bleu, Février. 67, Athéisme, Monothéisme, Panthéisme, Hermine Sabety, pp. 235-236.

Le Dieu extérieur doit disparaître afin que le Dieu intérieur puisse parler à l'âme. Ib. 237.

[4] Le Panthéisme identifie Dieu avec la Totalité de l'Univers. Le mot vient du Grec "pan" qui veut dire "Tout"; c'est donc la Divinité en toute chose. Selon les paroles de Mme Blavatsky, "le Panthéisme était connu de toute l'antiquité. Il se manifeste dans la vaste étendue des cieux étoilés, dans le souffle des océans et dans le frisson de la vie qui anime le plus petit brin d'herbe. La philosophie ne saurait imaginer un univers en dehors de la Divinité, ou l'absence de cette Divinité dans le plus mince fragment de substance animée ou inanimée.» La doctrine de Panthéisme qui s'appuie sur l'idée de l'immanence du Principe Divin dans la Nature, était enseignée dans les temples initiatiques de l'antiquité, en Egypte et en Grèce et on la trouve exprimée dans la littérature sacrée de l'Inde, les Upanishads et la Bhagavad Gita. Les Stoiciens proclamaient un enseignement panthéiste, considérant la Nature comme une manifestation du mental divin. Une Divinité mythologique, Pan, qui fut originairement de Dieu des bergers, des paturages, des bois, donc un génie de la nature, devint pour ces philosophes le Dieu même du Panthéisme. Le système stoicien, fondé par Zénon, a trouvé sa pleine expression avec les philosophes romains Sénèque, épictète et Marc-Aurèle. Les Néoplatoniciens se rapprochaient également des idées panthéistes. Mais cette philosophie ne tarda pas à trouver en désaccord avec l'église et son Dieu extra-cosmique.

Dans l'histoire de la pensée panthéiste, une place particulière revient à la grande figure de Giordano Bruno, ce disciple de Pythagore qui, au cours de son existence mouvementée, n'a cessé de proclamer que Dieu doit être cherché dans la Nature et non en dehors d'elle...

L'enseignement théosophique est essentiellement panthéiste. Il s'exprime notamment dans une lettre

des Maitre (Mahatma letters to A. P. Sinnett), la dixième qui contient une répudiation énergique du Dieu des religions exotériques et la pleine adhésion au système panthéiste. L'adepte y approuve la pensée de Spinoza, qui enseignait qu'il n'y a qu'une substance laquelle est divine, Car c'est la Vie- Une qui pénètre toute forme animée ou inanimée; c'est la vie divine qui est l'essence de chaque atome qui est la nature, le mouvement et la qualité particulière de chaque être vivant, de chaque objet matériel.

Le Lotus Bleu, Février. 67, Athéisme, Monothéisme, Panthéisme, Hermine Sabety, pp. 235-236.

Le Dieu extérieur doit disparaître afin que le Dieu intérieur puisse parler à l'âme.

Ib. 237.

[5] Xem Tưởng Duy Kiêu, Đại Cương Triết Học Phật Giáo, tr. 36.

[6] From the unreal lead me to the real.

From death lead me to immortality.

The thirteen Principal Upanishads, Robert Ernest Hume, Delhi Oxford University Press, Bombay Calcutta Madras, 1877, p. 80.

[7] An Atheist loves his fellow man instead of a God. An Atheist believes that heaven is something for which we should work now, here on earth, of all men together to enjoy. An Atheist believes that he can get no help through prayer, but that he must find in himself the inner conviction and the strength to meet life, to grapple with it, to subdue it, and to enjoy it. An Atheist believes that only in a knowledge of himself and his fellow man can find the understanding that will help him in a life of fulfillment. He seeks to know himself and his fellow man rather than to know God.

William J. Murray, My life without God, 1992, p. 83, 84.

American Atheists are organized:

a.– to stimulate and promote freedom of thought and inquiry concerning religious beliefs, creeds, dogmas, tenet, ritual and practices;

b.– To collect and disseminate information, data, and literature on all religions, and promote a more understanding of them, their origins and their histories...

...American Atheism may be defined as the mental attitude that unreservedly accepts the supremacy of reason and aims at establishing a life-style and ethical outlook verifiable by experience and the scientific method, independent of all arbitrary assumptions of authority of creeds.

Materialism declares that the cosmos is devoid of immanent conscious purpose; that it is governed by its own inherent, immutable and impersonal laws; that there is no supernatural interference in human life; that man -finding his own resources within himself- can and must create his own destiny.

Materialism restores to man his dignity and his intellectual integrity. It teaches that we must prize our life on earth and strive always to improve it. It holds that man is capable of creating a social system based on reason and justice. Materialism's "faith" is in man and man's ability to transform the world culture by his own efforts...

The Bible handbook, W. P. Ball, G. W. Foote, John Bowden, Richard M. Smith and others, Americans Atheist Press, Austin Texas, 1968, p. 375.

[8] Le mot a été inventé par T.H. Huxley en 1869: Selon ses propres termes, «l'agnosticisme dit

simplement que nous ne connaissons rien de ce qui peut exister derrière les phénomènes.»

[9] Xem Honest to God, chương Reluctant Revolution. Up there or Out There? pp. 11-28.

... We continue to picture God as a Person, who looks down at this world which he has made and loves from 'out there'. We know, of course, that he does not exist in space. But we think of Him as defined and marked off from other beings as if he did, and this is what is decisive. He is thought of as a Being whose separate existence over and above the sum of things has to be demonstrated and established.

Ib. p. 30-31.

[10] Bước qua ngưỡng cửa Hi Vọng, Thăng Tiến 95, tr. 74.

Nevertheless, the process of turning away from the God of The Fathers...did not bring about the rupture with a God who exist outside of the world... This God however is decidedly a God outside of the world.

Crossing the threshold of Hope, by his Holiness John Paul II, Alfred A. Knopf New York 1994, pp. 52-53.

[11] God, Tillich was saying, is not a projection 'out there', an Other beyond the skies, of whose existence we have to convince ourselves, but the Ground of our very being.

John A. T. Robinson, Honest to God, The Westminster Press, Philadelphia, 1963, p. 22.

[12] The name of this infinite and inexhaustible depth and ground of all being is God. That depth is what the word God means. And if that word has not much meaning for you, translate it, and speak of the depth of our life, of the source of our being, of your ultimate concern, of what you have taken seriously without any reservation. Perhaps in order to do so, you must forget everything traditional that you have learned about God, perhaps even that word itself. For you cannot think or say: Life has no depth! Life is shallow. Being itself is surface only. If you could say this in complete seriousness, you would be an atheist; but otherwise you are not. He who knows about depth, knows about God.

John A. T. Robinson, Bishop of Woolwich, Honest to God, The Westminster Press, Philadelphia, 1963, pp. 21-22.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 18

THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ TRONG KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

Xưa nay, nhiều người thường cho rằng Khoa Học có cái nhìn khác biệt với các nhà Huyền học, Đạo học. Đã đành, không phải là các khoa học gia đều có cùng một đường lối như nhau, nhưng cũng đã có những khoa học gia chứng minh được rằng các nhà huyền học (Mystics) và khoa học gia đã nhận ra rằng Vũ trụ này có một bản thể duy nhất. Người đã làm được chuyện này là nhà vật lý Fritjof Capra. Năm 1976, ông cho in quyển The Tao of the physics. Sách này đã được nhiều nhà xuất bản in lại. Mới đầu là nhà xuất bản Shambala, rồi đến Quality Book Club rồi đến Bantam Edition. Từ 1976 đến 1977, Shambala in lại sách 4 lần. Quality Book in lại 1 lần năm 1977. Bantam từ 77 đến 84 in lại tất cả 9 lần.

Fritjof Capra viết rằng khoảng năm 1970, một hôm ông ngồi ngoài bãi biển đã chứng kiến thấy vũ trụ chuyển hóa trong ông và quanh mình ông, như một vũ điệu vũ trụ. Ông thấy cát, đá, nước và không khí là những phân tử, nguyên tử rung động, va chạm lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, tiêu diệt lẫn nhau. Ngoài ra còn thấy những luồng vũ trụ tuyến thường xuyên phá qua làn không khí, gây nên những va chạm, những sự hủy diệt lẫn nhau. Trước đây, ông chỉ biết chuyện này trên lý thuyết, trên toán học. Bây giờ ông mới thấy thế giới quanh ông và trong thân thể ông nhảy nhót theo nhịp điệu vũ trụ. Ông cảm động đến rơi lệ và ghi chép những cảm giác ông có được xuống giấy tờ. ^[1]

Ông không những là một khoa học gia mà còn mê say triết học và huyền học Ái Châu. Ông càng ngày càng nhìn thấy rõ sự tương đồng giữa những cái nhìn của các nhà huyền học Bà La Môn, Phật giáo, Kinh Dịch và Lão giáo với những khám phá mới nhất của khoa Vật Lý Lượng tử (Quantum Physics) hiện đại. Ông chủ trương **vạn vật trong vũ trụ này đồng thể và hỗ tương ảnh hưởng lẫn nhau** (The unity of all things and mutual interrelation of all things). Bản thể rốt ráo ấy của Vũ trụ, Bà la Môn gọi là Brahman, Phật giáo gọi là Dharmakaya, Tathata hay Suchness (Pháp thân, Chân Như), Lão giáo gọi là Đạo.

Khoa học hiện đại cũng chủ trương y thức như vậy. ^[2]

Ông đã dành cả một chương The Unity of all things để bàn về Vạn vật nhất thể. Ông nhận định đại khái rằng trong đời sống bình thường, con người không biết rằng vạn vật là nhất thể mà cho rằng vũ trụ này có nhiều sự vật khác nhau, có nhiều chuyện khác nhau. Sự phân biệt này tuy cần cho đời sống hằng ngày, nhưng không đúng với thực tại. Sự phân tách này là do sự biện phân sắp xếp của khối óc chúng ta mà thôi. Tưởng rằng vũ trụ này sai biệt lẫn nhau, và có nhiều biến cố khác nhau là chuyện huyễn vọng (illusion, maya).

Đạo Bà La Môn và đạo Phật cho rằng huyễn vọng đó sinh ra là do Vô minh (Avidya) hay là sự dốt nát (ignorance) của ta. **Khi con người biết định tĩnh (Samadhi), sẽ tìm thấy sự nhất quán của vũ trụ.**

Sự nhất quán của vũ trụ là đặc điểm của các nhà huyền học, và cũng là sự mặc khải của khoa vật lý học hiện đại. Càng đi sâu vào lòng nguyên tử, vào đáy lòng vật chất, ta càng thấy điều đó hiện ra. **Càng sánh Khoa học hiện đại với triết học Á Đông ta càng thấy vạn vật là nhất thể, và vũ trụ này có liên quan**

mật thiết với nhau.^[3] Ông trình bày vấn đề trên rất khéo léo.

Trước tiên, ông trình bày cái nhìn của khoa học hiện đại.

Sau đó ông trình bày cái nhìn tương tự của Bà La Môn, của Phật Giáo, của Trung Hoa, của Kinh Dịch, của Lão Giáo, của Zen.

Tiếp đến, ông cho thấy những điểm tương đồng về Nhất thể, về Siêu xuất âm Dương, về Không gian Thời gian, về Vũ trụ sinh động, về Sắc Không, về Vũ điệu vũ trụ v.v...

Đại khái ông cho rằng **vũ trụ này là nhất thể**. Chỉ nhìn thấy mâu thuẫn là cái nhìn phiến diện. Không gian và thời gian là một, không thể tách rời nhau. **Vũ trụ này biến thiên, chuyển động chứ không phải ù lì, chết chóc, rời rạc**. Sắc không là một; và tất cả chúng ta đều đang nhảy múa trong một vũ điệu có lớp lang tiết tấu của vũ trụ; ông đi đến một cái nhìn chung như vậy dĩ nhiên vì ông vừa là một nhà huyền học (Mystic) vừa là một nhà khoa học.

Khi ông trình bày vấn đề theo khoa học, thì có nhiều điểm ta có thể không bắt kịp. Nhưng khi ông trình bày vấn đề theo huyền học và đạo giáo thì ta thấy rất là sáng tỏ.

Trước hết, ông nhận định rằng có hai cách hiểu biết: **Một là hiểu biết bằng trực giác (Intuitive consciousness), hai là hiểu biết bằng lý trí (Rational consciousness)**.

Upanishads cũng có hai loại hiểu biết: Hiểu biết cao (Higher knowledge) và hiểu biết thấp (lower knowledge). Hiểu biết cao là hiểu biết về đạo giáo; hiểu biết thấp là hiểu biết về khoa học.

Phật giáo cũng có 2 loại hiểu biết: Tuyệt đối và tương đối (absolute and relative knowledge).

Theo ông, thì đạo Lão và triết học Trung Hoa gọi Hiểu biết bằng trực giác là Hiểu biết Dương, còn hiểu biết bằng lý trí thì gọi là Hiểu biết âm.

Hiểu biết bằng lý trí là nhận định về đời sống thực tại với những sự việc xảy ra trong kinh nghiệm và môi trường quanh ta. Lúc này ta dùng trí khôn để phân tích, đo lường, so sánh, phân loại. Vì hiểu biết bằng lý trí bao giờ cũng cần đo lường, phân loại và sắp xếp nên dĩ nhiên là sự hiểu biết này rất bị giới hạn, như Heisenberg đã nói: Một từ ngữ nào, một khái niệm nào, cho dù là trong sáng đến đâu cũng chỉ có tầm ứng dụng rất hạn chế.^[4]

Cho nên đạo gia Á Châu dạy ta đừng nên cho những khái niệm đó là thực tại. Tuy ngón tay cần để chỉ trăng, nhưng ngón tay không phải là trăng. Lờ để bắt cá, bẫy để săn thỏ, nhưng khi đã bắt được cá, được thỏ rồi thì phải quên lờ, bẫy đi.

Á Châu dạy ta đi tìm Chân lý rốt ráo siêu xuất trên lý trí, trên ngũ quan, như Upanishads đã nói: Cái gì vô thanh, vô hình, hằng cửu, vô xứ, vô vị, vô thủy vô chung, cao hơn mọi sự, bền vững nhất, ai mà tìm thấy nó sẽ trở nên bất tử.^[5]

Tại sao, chỉ là một con người, mà sao lại lầm loại chân lý như vậy? Theo tôi vì **Âu Châu đã có cái nhìn sai lạc về con người. Không thể nói được rằng con người chỉ có xác, có hồn mà phải nói con người có đủ Tam Tài, Thiên, nhân, địa trong mình nghĩa là có Thần, Khí, Tinh. Thiên hay Thần ở trong cùng, giữa là Nhân hay Khí, ngoài cùng là Tinh hay Vật.**

* Vì có Thần nên con người mới có Tuệ giác, có trí Bát Nhã (Intuition), mới có được sự hiểu biết cao siêu, mới có thể trở thành thần thánh. (Intuitive Knowledge)

* Vì có Hồn nên con người mới thích dùng Trí Khôn, Trí Lự (Intellect) mà đi tìm về khoa học, triết học. (Rational knowledge)

* Vì có Xác nên con người mới biết dùng ngũ quan (Sensory perception) mà tìm hiểu.

Tuy nhiên rất ít người có được tuệ giác, được trí Bát nhã, nên đành dẫm mắt tin theo người đi trước.

Ravi Ravindra, tác giả quyển Science and Spirit cho rằng xưa Hi Lạp, Ấn Độ và Công giáo đều tin rằng con người có 3 phần là Thần, Hồn, Xác. Thánh Paul đã dùng 3 chữ Thần, Hồn, Xác trong một Thessalonians, 5, 23.

Thần là Đại Ngã trong ta, Hồn là Tiểu Ngã trong ta. Tiểu ngã phải nhường bước cho Đại Ngã, cho Thần như Đạo Lão đã nói Tâm tử Thần hoạt. Cho nên Hồn mới là cái mà ta cần phải lưu tâm uốn nắn rửa mài. Chúa Jesus nhiều lần cũng dạy phải diệt trừ Tiểu Ngã (Mat, 10, 39, Mc 8, 34–35; Luc 17, 33; 14, 36; Jn 12, 25). **Bao nhiêu câu kinh thánh này dạy Diệt trừ Tiểu Ngã, mà chữ Tiểu Ngã hay Hồn Kinh Thánh Vulgate viết đúng là Anima hay Hồn**, nhưng các bản dịch xưa nay đều dịch âme hay Anima ở các đoạn này là **Sự sống. Thành thử câu văn trở nên vô nghĩa.**

Giáo chủ Mohammed cũng dạy phải chế ngự Tiểu Ngã, hay Hồn mình. ông nói: Chinh phục ngoại cảnh không khó, chinh phục hồn mình mới là khó.^[6]

Ravi Ravindra cho rằng Descartes là người đã coi **Hồn và Thần là một**, Và gọi Hồn và Thần đều là Mind. (Science and Spirit, Editor and Principal Author Ravi Ravindra, Paragon House, New York, 1991, p. 338–339)

Thế là con người thay vì có ba phần đã bị Giáo Hội Công Giáo (Công đồng Latran IV (1215) Vatican I (1869-1870), và Descartes (1546-1650) rút xuống còn có 2 phần. Do đó mà những nhận định về con người trở nên sai chệch.^[7]

Cũng nên biết rằng giáo hội La Mã không phân biệt Tiểu Ngã và Đại Ngã. Và **hiếu tu luyện là hành xác, phạt xác chứ không đụng chạm gì đến cái hồn-tiểu ngã đầy thất tình, lục dục.**

Capra mời chúng ta đi vào khoa học vật lý cổ điển của Newton, của Laplace (Classical Physics); vào vật lý học hiện đại (Modern physics) với những thay đổi nhãn quan qua các thế hệ để đi từ Vật lý Nguyên tử (Atomic Physics) đến Vật lý Lượng tử (Quantic physics) với cái nhìn hiện đại về vũ trụ. Thiết tưởng chúng ta cũng nên có một vài khái niệm về vấn đề trên.

Trước hết Capra cho rằng vào khoảng thế kỷ 6 trước C. N. Hi Lạp đã có Vật lý và hiểu Vật lý là sự tìm hiểu về bản thể sự vật.^[8]

Thừa ấy, có trường phái Milesian (Milesian School). Họ coi vạn vật đều sống động. Họ chưa phân biệt tinh thần và vật chất.

Thales coi vạn vật đầy thần minh.

Anaximander coi vũ trụ như một cơ thể có **linh khí** (pneuma) chuyển hóa bên trong.

Sau đó Heraclitus (thế kỷ V) chủ trương **vạn vật biến hóa vô cùng**, biến hóa do cặp ngẫu lực tương đối. Tương đối nhưng vẫn hòa hợp. Và Logos siêu xuất trên sự đối chọi đó. Chủ trương của Heraclite cũng giống Thái Cực và Âm Dương trong kinh Dịch.

Tiếp đó là Trường phái Eleatic cho rằng có vị thần linh đứng đầu vạn vật. Trường môn là Parmenides và học trò ông là Zeno. Parmenides cho rằng vũ trụ này không có biến thiên.

Rồi đến những người chủ xướng ra thuyết Nguyên tử: đó là Leucippus và Democritus (thế kỷ V). Họ coi thế giới này rất ráo gồm những cục gạch đầu tiên (basic building block). Đó là những phần tử chết, di chuyển trong chân không (They were purely passive and intrinsically dead particles moving in the void).

Sức chuyển động chúng sau này được coi là năng lực tinh thần, khác hẳn với vật chất. Và từ đấy Âu Châu mới phân biệt rõ về vật chất và tinh thần, xác và hồn.

Và các Triết gia cho rằng con người phải chú trọng đến đời sống siêu linh, đến hồn, đến vấn đề luân lý, hơn là đến vật chất.

Từ đó với ảnh hưởng của Aristotle và của Giáo hội La Mã, con người không tiến được nữa trong vòng 2000 năm từ thế kỷ 5 trước Công Nguyên đến thời kỳ Phục hưng hay Phục Sinh ở Âu Châu (thế kỷ 14--thế kỷ 15).

Mãi đến khoảng giữa thế kỷ 15, Âu Châu mới bắt đầu đi vào con đường khoa học, mới biết quan sát, thí nghiệm, mới biết dùng toán học hỗ trợ cho khoa học. Galileo (1564--1624) được coi là cha đẻ của nền khoa học hiện đại.

Song song với sự khai sinh của Khoa học và tiếp theo đó là sự phân tách đến triệt để giữa tinh thần và vật chất. Sự tách biệt giữa tinh thần và vật chất xảy ra vào khoảng thế kỷ XVII do ảnh hưởng Descartes. Descartes gọi Tinh thần là cái suy tư (Res Cogitans) và vật chất là cái trải rộng ra (Res Extensa). Vật chất là cái gì không sống động, và theo Descartes thì thế giới này là những bộ phận của một máy móc khổng lồ. Isaac Newton (1642--1727) cũng xây dựng Vật lý trên quan điểm này. Từ giữa thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, quan niệm của Newton coi vũ trụ này như một máy móc lớn, hoàn toàn thống trị Âu Châu. Âu Châu coi Thượng đế như vị vua ngồi trên cao, chỉ huy thế giới này bằng những định luật vĩnh cửu. Các định luật mà các nhà bác học đi tìm chính là những định luật vĩnh cửu đó, mà thế giới này phải tuân theo.

Triết học Descartes cho đến nay vẫn còn có một tầm ảnh hưởng lớn đến đời sống hằng ngày. Cogito ergo sum, Tôi suy tư nên có tôi. Câu này đã khiến người Âu Châu trở thành những Ngã riêng rẽ nằm trong thân xác. Như vậy tâm thần đã hoàn toàn tách rời khỏi thân xác, và trí thức (the Conscious will) đối nghịch với bản năng (Involuntary instincts). Rồi mỗi con người lại còn được chia ra thành nhiều ngăn lớp khác tùy theo tài năng, ý thức, tâm tư, tín ngưỡng mình v.v...và gây ra không biết bao nhiêu là va chạm do những lẫn lộn và thất vọng về siêu hình.

Thế giới bên ngoài cũng được phân thành vô số sự vật. Cái nhìn gầy vụn này được áp dụng vào xã hội và thế giới được chia thành nhiều nước, nhiều sắc dân, đạo giáo, chính trị.

Sự tin tưởng rằng những mảnh vụn đó -- trong ta, quanh ta, trong xã hội ta -- là có thật, có thể được coi là nguyên nhân gây ra muôn điều bất ổn trong xã hội, trong môi trường và trong xã hội hiện nay. Sự phân tách, chặt cắt này đã làm ta xa rời vạn hữu, xa rời con người. Nó đã đem đến sự phân phát bất công về tài sản, đã gây nên mọi thảm họa chính trị và kinh tế, gây nên những cao trào bạo động, gây nên những ô nhiễm ngoại cảnh và làm cho đời sống tinh thần và thể chất ta thêm bệnh hoạn.

Như vậy, sự phân tích và cái thế giới máy móc của Descartes vừa có hại vừa có lợi. Nó lợi cho khoa học cho máy móc nhưng hại cho nền văn minh chúng ta.

Cái hay nhất là khoa học thế kỷ 20 này là tuy nó sinh ra từ cái nhìn lưỡng đoạn và từ cái thế giới máy móc của Descartes, đã bỏ được cái nhìn trên và trở về được với quan niệm nhất thể của các Đạo gia Ái Châu.

Các Đạo Gia Ái Châu coi vũ trụ như là một vật sống động. Và vạn vật vạn sự mà ngũ quan thấy được như là muôn loài muôn sự, thật ra là vẫn liên kết, gắn bó với nhau, liên hệ với nhau và chỉ là những biến hoá của một thực thể duy nhất [\[9\]](#).

Sở dĩ con người không có cái nhìn như vậy là vì u mê (Avidya) mà thôi.

Mã Minh đại sĩ nói: «Khi tâm loạn sẽ thấy vũ trụ là vạn hữu; nhưng khi tâm mà tịnh thì sẽ không còn thấy thế nữa.» [\[10\]](#)

Sự chuyển động biến hóa là đặc điểm cố hữu của sự vật, nên cái sức chuyển hóa đó không thể ở ngoài các vật mà thật đã ở trong lòng mọi vật. Chính vì vậy mà các Đạo Gia Á Châu, khác với các triết gia Hi Lạp, đã chủ trương rằng Thượng đế không phải giám sát hồng trần từ trên trời cao mà thực ra đã ở ngay trong lòng con người.

Upanishads chủ trương:

Đấng ngự trong vạn hữu, nhưng không phải là vạn hữu. Tuy vạn hữu là xác thân Ngài nhưng vạn hữu không hề hay biết. Đấng đó chỉ huy muôn loài từ bên trong. Ngài là Hồn bạn, Đấng bất tử, đấng chỉ huy từ bên trong. [\[11\]](#)

Frifjop Capra chứng minh rằng cái nhìn của các Đạo Gia và khoa học gia hiện đại về vũ trụ là một. Cả hai đều chủ trương vũ trụ này là nhất thể và hỗ tương ảnh hưởng đến nhau. Càng đi sâu vào lòng vũ trụ, khoa học càng thấy vũ trụ là nhất thể hỗ tương ảnh hưởng đến nhau, và người quan sát cũng không thoát ra ngoài hệ thống đó được.

Chúng ta hãy cùng Fritjop Capra đi sâu vào khoa học hơn, Ta sẽ sánh vật lý cổ điển của Newton với Vật lý hiện đại.

Vật lý học Newton

Trước khi vật lý học hiện đại ra đời, thì có Vật lý học Newton. Vật lý Newton là vật lý 3 chiều. Newton chấp nhận không gian là tuyệt đối, thời gian là tuyệt đối, và vận chuyển từ quá khứ, đến hiện tại, đến tương lai. Trong không gian và thời gian tuyệt đối đó có những phân tử vật chất chuyển vận. Vật chất được coi như là những khối nhỏ (Mass points), rắn chắc, bền vững, không thể phá tán. Như vậy quan điểm Newton về Nguyên Tử cũng giống Hi Lạp. Cả hai cũng đều phân biệt cái Có và cái Không (the Full and the Void), vật chất và không gian. Vật chất có hình thù cố định. Vật chất bao giờ cũng thụ động. Newton khác với Democritus ở chỗ là Newton tin rằng giữa các phân tử có một năng lực hoạt động trên nó, mà nay ta gọi là sức hấp dẫn. Và Thượng đế đã làm cho thế giới này chuyển động, như một cái máy khổng lồ được chi phối bằng những định luật bất biến.

Vật lý Newton dựa trên sự vận chuyển của các hành tinh. ông cũng như Laplace (1749-1827), tin rằng mọi sự là tất định, và có thể dùng toán học mà tính ra được hết.

Tóm lại, Vật lý học Newton có 4 đặc điểm là:

1. **Vật chất là thực thể** (vì tin rằng nguyên tử là cái gì bền vững, có thật),
2. **Mọi sự đều tất định**, đều có thể dùng toán học mà tính ra được hết,
3. **Khoa học là khách quan**,
4. **Vạn vật đều phân cách, riêng rẽ nhau.** [\[12\]](#)

Tuy nhiên cái nhìn của Newton đã bị sụp đổ từ khi Michael Faraday (1791–1867) và Clerk Maxwell (1831–1879) tìm ra được Từ Điện Học (Electromagnetism) và Từ trường. Newton chỉ biết có Sức (force) chứ không biết gì là Trường (field). Thế là Vật Lý Newton đã bị Điện từ học (Electromagnetism) vượt qua mặt.

Tiếp theo là nhân loại biết thêm về Điện động học (Electrodynamics).

Và người ta khám phá ra rằng ánh sáng cũng có từ trường, từ điện và vượt không gian bằng những Làn sóng.

Rồi người ta thấy rằng Truyền thanh, Radar, Ánh Sáng, Tia Quang Tuyến X, tia Gamma, Vũ trụ tuyến đều là những làn sóng. Điều mà Newton không hề biết tới.

Thế là cho đến đầu thế kỷ XX, người ta có 2 lối giải thích vũ trụ: Một là lối giải thích theo Newton, hai là lối giải thích theo Điện động lực học (Electrodynamics).

Khoa học hiện đại

Ba chục năm đầu thế kỷ XX, đã hoàn toàn thay đổi cái nhìn của Vật lý. Người ta tìm ra được **Thuyết tương đối**, và **Vật lý nguyên tử**. Hai sự kiện này đã phá tan nhãn quan của Newton.

Ngày nay không còn không gian và thời gian tuyệt đối nữa, không còn có những hạt nguyên tử riêng rẽ nữa, không còn nói được rằng vật chất hữu hình được khiên dẫn bằng những nguyên nhân cố định, không còn nói được rằng có thể biết thế giới một cách khách quan. Vật lý học mới không chấp nhận cái nhìn trên nữa.

Người có công xây dựng Vật lý học mới là Albert Einstein (1879–1955). Einstein đưa ra thuyết Tương đối (Theory of Relativity), và đóng góp vào thuyết lượng tử (Quantum Theory). Năm 1905, Einstein đưa ra thuyết Tương đối hẹp (Special theory of Relativity) hợp nhất khoa Cơ Học (Mechanics), và khoa Điện động lực học (Electrodynamics). ông cũng còn gắn liền thời gian với không gian, coi thời gian là chiều kích thứ tư của vũ trụ. Einstein cho rằng vạn sự tùy theo sự đo lường của mỗi người trở nên khác nhau. Einstein còn cho rằng vật chất là năng lực, theo phương trình $E=mc^2$. Năm 1915 ông đưa ra thuyết Tương đối rộng (General Theory of Relativity), và chủ trương sức hấp dẫn có thể làm cong không gian và thời gian. Như vậy từ nay không còn không gian và thời gian tuyệt đối của Newton nữa. Từ nay cũng không còn không gian trống rỗng nữa (Empty space).

Hai bác học tiền phong khác có công xây dựng khoa Vật lý học lượng tử là Werner Heisenberg với học thuyết Matrix Mechanics mà ông phát minh ra năm 1925, và Erwin Schrödinger với học thuyết Wave mechanics của ông. Rồi người ta tìm ra được quang tuyến X, tìm ra được các chất phóng xạ (Radioactive substance) và thấy rằng nguyên tử có thể biến hình, và vật chất có thể thay hình đổi dạng được. Người ta thấy Nguyên tử còn sinh ra được các tia Alpha, Beta, Gamma. Ernest Rutherford (1871–1927) đã dùng tia Alpha để bắn phá trong lòng sâu nguyên tử.

Sau đó lại khám phá thêm rằng nguyên tử được sắp xếp như những hành tinh, và người ta tìm ra được các định luật về hóa học dựa trên vật lý nguyên tử.

Năm 1920 nhiều khoa học gia góp sức để tìm ra các định luật đó như Niels Bohr người Đan Mạch, Louis de Broglie người Pháp, Erwin Schrödinger và Wolfgang người Áo, Paul Dirac người Anh, Werner Heisenberg người Đức đã chung sức nhau để tìm ra những định luật trên. Các nhà khoa học trên thấy càng đi vào lòng vật chất càng thấy vạn vật khó hiểu, và mâu thuẫn. Tại sao ánh sáng lại vừa là phân tử vừa là ba động. Max Planck (1858–1947) nhận ra rằng sức nóng chẳng hạn không phả ra đồng đều nhưng từng đợt, mà ông gọi là những túi Năng lực (Energy packets). Einstein gọi túi năng lực đó là quantum. Einstein còn cho rằng không cứ gì là ánh sáng mà tất cả điện từ cũng đều phả năng lực ra như vậy. Thế là chúng ta bắt đầu đi vào Vật Lý Lượng tử (Quantum Physics). Chúng ta không biết chắc bao giờ Ánh Sáng là phân tử và khi nào nó là ba động, chỉ đoán chừng được mà thôi. Đó là Nguyên lý bất định của Heisenberg [13].

Vật lý lượng tử như vậy đã phá tan nhãn quan của Newton, và không còn có những vật cứng cố định,

những định luật tất định nữa. Đi vào lòng vũ trụ, lòng vật chất, nay chỉ còn thấy những ba động, sự vật tương liên tương ứng lẫn nhau mà thôi. Thuyết lượng tử cho ta thấy bản chất vũ trụ là một, và không còn có những nguyên tử cố định, những viên gạch căn bản xây nên vũ trụ. Xưa người ta tưởng Nguyên tử là nhỏ nhất. Té ra không phải vậy. Nguyên tử còn có Proton, Positron, Electron, Meson, Baryon v.v...

Năm 1935, người ta tưởng Nguyên tử chỉ có sáu tiểu nguyên tử, đến năm 1955 người ta tìm ra được 15 tiểu nguyên tử, nay ta đã tìm ra được hơn 200 rồi.

Như vậy trong Vật lý hiện đại, vũ trụ này được coi là cái gì linh động, là cái gì toàn khối, toàn bích, và người quan sát không tách mình ra ngoài nó được. Từ nay không còn không gian, thời gian riêng rẽ, không còn sự vật riêng rẽ. Cái nhìn trên rất giống cái nhìn của các Đạo gia Á Châu. Sau khi chứng minh đại loại như vậy rồi, ta đã thấy Capra đi vào chi tiết để chứng minh.

Tóm lại, vật lý học lượng tử chủ trương hoàn toàn ngược lại với Vật lý cổ điển Newton.

Nó chủ trương:

1. Không làm gì có những nguyên tử vững chắc cố định, mà nay chỉ còn có những ba động có thể xảy ra.
2. Không có những định luật tất định như trong Vật lý Newton, nhưng trong thế giới Vật lý lượng tử, vẫn có tự do.
3. Không làm gì có thế giới khách quan không cần đến người quan sát. Nhưng trong vật lý lượng tử, vật bị quan sát bao giờ cũng liên quan đến người quan sát.
4. Cái thế giới vạn thù của Newton đã bị vượt qua, và trong vật lý lượng tử, tất cả đều là một.
5. Vật lý học Newton, chỉ có giá trị cho cái thế giới hình tướng bên ngoài. Còn vật lý lượng tử thì đi sâu vào lòng nguyên tử, lòng vật chất.^[14]

Như vậy, Vật lý học Newton nhìn thấy Vạn, và đã đi từ Nhất đến Vạn, Còn Vật lý Lượng tử nhìn thấy Nhất, và đã đi từ Vạn về Nhất. Nhìn thấy Vạn thời ai cũng làm được, nhưng nhìn thấy Nhất xưa nay thực không mấy ai.

Về phía Đạo Giáo chỉ có một số Đạo Gia thượng thặng mới nhìn thấy Nhất.

Về phía Khoa Học gia, ta thấy phải có nhiều người hợp lại mới tìm ra được Nhất. Ta thấy chỉ có một số khoa học gia thượng thặng như Einstein, Max Plank, Werner Heisenberg, Schrödinger, Rutherford, Niels Bohr, Louis De Broglie, Eugene Wigner, Fritjof Capra v.v... mới làm nổi chuyện này. Werner Heisenberg khi quyết tâm từ giã Vật Lý Newton để đi tìm con đường vào khoa Vật lý lượng tử đã ví mình như Kha Luân Bố đi tìm Tân Thế Giới. ông viết đại khái rằng: Cái hay của Kha Luân Bố chính là vì đã dám rời bỏ vùng mình đã biết, và giương buồm tiến về phía Tây, vượt xa điểm mà lương thực đã dự trữ để đủ trở về. Đối với với Khoa học cũng vậy, nếu muốn tìm ra đất mới, thì không thể nào cứ mãi ở yên trong bến bờ của những học thuyết sẵn có mà phải chịu liều vọt bước ra đi.^[15]

Tôi thấy Capra hợp nhất được khoa học và đạo học không phải là công lao nhỏ. Nó có thể giúp cho nhiều học giả tới nay chưa có lập trường sẽ hồi tâm chuyển hướng.

Vạn vật là một đã được Eckhart xác định. Eckhart viết: Mọi cái mà con người thấy như là Vạn thù bên ngoài, thật ra chỉ là một. ở đây, cọng cỏ, gỗ, đá mọi sự đều là một. Đó là cái gì thâm sâu nhất.^[16]

Thảo nào mà Dịch kinh từ mấy nghìn năm nay đã nói âm Dương tương thời nhi sinh biến hóa. Và âm Dương luôn biến từ cái này sang cái kia, không có gì là cố định: rất ráo chỉ còn có Hư Vô, Không Tịch.

Niels Bohr đã nhận Hình Thái cực làm phù hiệu của ông, và công nhận rằng Contraria sunt complementaria (Opposites are complementary), tức là không có gì là mâu thuẫn nhau cả.

Tuy khoa học đã tìm ra được rằng vạn vật là nhất thể, như không biết được rằng nhất thể đó là gì. Ngược lại các đạo gia đã thấy rằng nhất thể đó là Thực tại tối hậu (Ultimate Reality). Người thì gọi đó là Brahman, là Chân Như, là Pháp Thân, và Đạo, là Trời. Eckhart gọi đó là Thần của Hồn (The Spirit of the Soul); Hugh of St. Victor gọi là Mũi nhọn tâm hồn (Acumen mentis), Thánh Teresa of Avila gọi đó là Tâm Điểm linh hồn (Center of the Soul); thánh Jerome gọi đó là Tàn lửa linh hồn (Spark of the Soul); Upanishads gọi đó là Atman (Thou art that; it is Atman (Self) which is Brahman. Ấn Độ cũng còn gọi đó là Khí Prana, hay Purusha, hay Atman hay Brahman v.v... Như vậy Prana cũng tương đương với chữ Thần (Spirit, hay Pnuma). Tuy nhiên các đạo gia đều đồng thanh cho rằng cái thực tại tối hậu ấy hay con người tối hậu ấy, ta phải tìm cho ra ngay trong tâm thần của ta, bằng Thiền định, bằng Yoga hay bằng Kundalini. Phương tiện không quan trọng. Điều quan trọng là cái hiểu biết rốt ráo của mình. [\[17\]](#)

Ta phải biết chúng ta ai cũng có 2 phần:

Một phần hằng cửu, bất biến. Đó là Bản thể chúng ta (Noumenon, Essence).

Một phần là biến thiên, vô thường, vô định. Đó là tất cả những hiện tượng biến thiên trong ta (Phenomenon, Accidents). Bản thể vĩnh cửu là Niết bàn. Ảo hóa biến thiên là Luân hồi, sinh tử.

Chúng ta phải biết dùng đời chúng ta, dùng mọi khả năng biến hóa của chúng ta, để mà thoát khỏi vòng luân hồi ảo ảnh, để mà tìm lại được Chân Nguyên, Chân thể của Chúng ta, đó là Đạo, là Trời. Ta có thể gọi đó là Phối thiên (Mystical Union with God), là đạt đạo Yoga (Finding Yoga), là đắc Đạo (Finding the Tao), hay Giác Ngộ (Enlightenment, hay Self-Realisation). Trong dĩ vãng đã có vô số người lên tới trình độ này. [\[18\]](#)

Mới hay ta sinh ra đời không phải là vô mục đích. Rõ ràng là ta phải biết dùng đời ta để biến thiên, tiến hóa. Chúng ta là những con người Biến Thiên (Becoming) và Tiến Hóa. Gopi Krishna nói: Chúng ta, bạn cũng như tôi, chúng ta phải tiến để thực hiện chân ngã chúng ta, để cho tâm hồn ta nhận ra được và thực hiện được bản thể thần minh của chúng ta... [\[19\]](#)

Ước gì chúng ta kẻ trước người sau đều bước được vào con đường này. Đó là bốn phận của mỗi người chúng ta. Không làm được nó kiếp này, sẽ làm trong các kiếp sau.

Tôi nhớ lời Kinh Upanishads:

Từ ảo ảnh xin đưa tôi về thực tại,

Từ tối tăm xin đưa tôi về ánh sáng,

Từ tử vong, xin đưa tôi về bất tử. [\[20\]](#)

Đó cũng chính là nguyện vọng của tôi và của cuốn sách nhỏ bé này.

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Fritjof Capra, The Tao of Physics, Bantam Books, 1984, Preface to the first edition, p. XIX.

[\[2\]](#) The basic oneness of the universe is not only the central characteristic of the mystical experience, but also one of the most important revelations of modern physics. It becomes apparent at the atomic level and manifests itself more and more as one penetrates deeper into matter, down to the realm of subatomic particles... -- The Tao of the Physics, p. 117.

- [3] The unity of all things and events will be a recurring theme throughout our comparison of modern physics and Eastern philosophy. -- The Tao of Physics, p. 117–118.
- [4] Every word or concept, clear as it may seem to be, has only a limited range of applicability. -- The Tao of Physics, p. 15.
- [5] What is soundless, touchless, formless, imperishable, Likewise tasteless, constant, odorless, Without beginning, without end, higher than the great, stable – By discerning That, one is liberated from the mouth of death. (Katha Upa. 3, 15.) The Tao of Physics, p. 76.
- [6] (The little holy war is a war against the infidels, but the great holy war is the war against one's own soul.) -- Ravi Ravindra, Science and Spirit, Paragon House, New York, 1991, p. 338.
- [7] Gradually over the centuries this three-fold division shrank into a two-fold One: spirit and nature. In Western thought, the coup de grâce was dealt by Descartes who explicitly identified Spirit with Soul and both with the Mind. Since his time, in the Western world, Soul is in general regarded more or less as completely spiritual, as contrasted with natural.
- In India also, a partial shrinkage of the three-fold division into a two-fold one took place. However, there, in general, Psyche (soul) has been considered to lie in the realm of matter, and therefore subject to the laws of material nature and amenable to natural scientific inquiry. The psychic functions, such as thoughts and feelings, and the psychic phenomena including the so-called paranormal ones, are in the realm of prakriti (nature) that is to say, they are in the domain of materiality and causality. — Ib. p. 339.
- [8] The endeavor of seeing the essential nature of all things. -- The Tao of Physics p. 6.
- [9] For the Eastern mystics, all things and events perceived by the senses are interrelated, connected, and are but different aspects of the same ultimate reality. -- Fritjof Capra, The Tao of the Physics, Bantam Books, 1984, p. 10.
- [10] When the mind is disturbed, the multiplicity of things is produced, but when the mind is quieted, the multiplicity of things disappears. — Ib. page 10.
- [11] He who, dwelling in all things,
Yet is other than all things,
Whom all things do not know,
Whose body all things are,
Who controls all things from within –
He is your Soul, the Inner Controller,
The Immortal.
Brihad-aranyaka Upanishad, 3,7.15.
- [12] We have pierced completely through the illusion of Newton's world, and have discovered the strange and wonderful world of the quantum, a world that is right here and now, veiled beneath the apparent reality of matter, determinism, naive objectivity, and separation. The world is not made of hard matter. The world does not strictly follow deterministic laws. The world is not just a collection of separate

parts. The world does not exist as a collection of objective entities, independent of observers. No the world is not what we have thought it to be after all...

Consciousness and Quantum Mechanics, Thomas j. McFarlane, 1998, trích ra từ Internet, tr. 18.

- [13] Principle of uncertainty: It means that, in the subatomic world, we can never know both the position and momentum of a particle with great accuracy. -- Fritjof Capra, The Tao of the Physics, Bantam books, 1988, p, 143
- [14] What has the quantum realm revealed beneath the illusion of Newton's universe? That atomic matter, supposedly the ultimate immutable substance, dissolves into waves of potential existence.
- [15] that determinism, which rigidly governed Newton's universe like a cosmic machine, falls apart, giving us a world with spontaneity.
- [16] That the objective world, existing «out there» independent of observers, vanishes, leaving a world in which the observer and the observed are interdependent.
- [17] That the manifold world of separate independent objects interacting within space and time is transcended, revealing a realm where all things unite in an indivisible whole.
- [18] Newton's laws united the motion of object in heaven and earth – both the moon and the apple moved according to the same laws he discovered. So in this grand vision, everything could be reduced to the lawful motion of atoms....

But as the 20th century drew closer, and classical physics extended its investigations into the small world of those fundamental atoms, nature began to defy explanation. The results no longer agreed with the predictions...

Consciousness with Quantum Mechanics, Thomas J. McFarlane, 1988, From Internet, p, 4, and p. 3.

- [19] This, I believe, is the purpose for which you and I here – to realize ourselves... to bring the soul to a clear realization of its own divine nature.

The Meeting of Science and Spirit, John White, Paragon house, New York, 1990, p, 126.

- [20] From the unreal lead me to the real,
From darkness lead me to light,
From death lead me to immortality.
(Brihad-aranyaka–Upanishad)

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục | Phi lộ | chương: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)

Chương 19 HỢP NHẤT

I- Tứ hải giai huynh đệ

Từ trên xấp xuống, chúng ta toàn bàn về chuyện Vạn vật nhất thể, thì tới phần tổng kết, ta cũng phải tiếp tục bàn về vấn đề này cho rõ ràng. Vì chúng ta là Nhất thể, Đồng tông nên chúng ta đích xác là anh em với nhau. Thực ra, xưa nay ít khi chúng ta nhìn nhau như là anh em, như là huynh đệ. Tôi yêu cái tiếng Việt, vì nó đã dạy tôi coi mọi người trong xã hội này như là anh em, con cháu một nhà. Chúng ta đã gọi nhau bằng anh em, cô bác, ông chú một cách hết sức tự nhiên. Ngành Y Khoa xưa nay cũng quen gọi nhau bằng anh em, bất kể tuổi tác.

Âu Châu gần đây cũng lo hô hào không được giết hại súc vật và phải bảo vệ môi sinh. Như vậy càng thấy «muôn loài là một». Xuân Kỷ Tỵ (1989), tôi có viết trong báo Bách khoa huyền bí học, một bài 10 trang, nhan đề là Thời đại Bảo bình: Tận thế hay chuyển thế. Trong bài ấy, tôi bàn về những năm từ 2000 đến 4000.

1.- Tôi dùng khoa Chiêm Tinh và Nghiên cứu các lời Tiên Tri để chứng minh rằng không thể nào có Tận Thế. Quá lắm chỉ là có một cuộc Chuyển Thế.

Người Âu Châu vì tin vào Kinh thánh và sách Khải Huyền (Mat. 16:27–28; Marc 13:24–32; I Peter, 4:7; I Thess. 4:13–18; Rev. 22:12; Rev. 6:13–16), nên thế kỷ nào cũng lo tận thế. Thứ tư, 8 giờ tối, tháng 5, 1, 1996 vừa qua, đài CBS cho chiếu 1 phim, nhan đề là Mysteries of the Millennium và cho rằng sẽ tận thế vào năm 2000. Tôi rất buồn vì những chuyện như vậy đã xảy ra.

2). Từ năm 2000 đến 4000, là thời kỳ mà Mặt trời đi vào Cung Bảo Bình, một thời kỳ mà ngày nay được nối liền với nhân bản (Humanity), với khoa học kỹ thuật, với Đại Đồng. Trong thời đại này nhân loại sẽ văn minh hơn, thanh lịch hơn, sẽ bớt phàm tục, sẽ thần tiên hơn, và thế giới sẽ thành một Liên Hiệp Quốc thực sự ^[1]. Zale Bachor cho rằng Mặt trời đi vào Cung Bảo bình ngày 19, tháng giêng 1881.

Theo sách L'Astrologie của W. E. Peuckert, Payot Paris, thì mặt trời đi vào Cung Bảo Bình năm 2060. Theo Trung Hoa thì từ 1924 đến 1984 là Trung Nguyên, từ 1984 đến 2044 là Hạ Nguyên. Như vậy thì Thượng Nguyên hay Bảo Bình sẽ bắt đầu vào năm 2045.

Nguyệt san Time trong số ra ngày 21 tháng 3, 1969 cho rằng tháng Vũ trụ Song Ngư (1-2000) thì đầy lo âu, châu lệ, đầy hoài nghi và ảo mộng. Còn tháng Bảo Bình (2000-4000) tới đây là tháng Vũ trụ của những niềm vui, của những thực hiện khoa học tân kỳ, của những niềm ước mơ, hoài bão.

Trong bài What is the Aquarian Age của Samuel Rittenhouse, đăng trong Nguyệt San Rosicrucian Digest, tháng 8 năm 1969, tác giả cho rằng Kỷ Nguyên Bảo Bình tới đây, sẽ là 2000 năm của Tinh Huỳnh Đệ đại đồng, tương thân, tương ái. Đó là thời kỳ của những chinh phục không gian, thời kỳ mà tâm trí con

người sẽ mở rộng tầm kích, sẽ trở nên cao đại, đó là thời kỳ mà Đại Đạo sẽ hiển dương.

Năm 1976, khi còn kẹt lại ở Việt Nam, tôi đã viết một bài Mùa Xuân Vũ Trụ Tương Lai (kỷ nguyên Bảo Bình) và Đại Đạo, và đã đăng trong Nguyệt San Cao Đài Giáo Lý. Hồi ấy tôi chủ trương rằng trong thời đại Bảo Bình con người sẽ từ TÔN GIÁO tiến lên ĐẠI ĐẠO. Mà ĐẠI ĐẠO theo tôi hiểu sẽ là Tinh Hoa các Tôn Giáo. Khi ấy tôi dịch chữ Đại Đạo là Mysticism. Nhưng càng để tâm suy tư, chiêm nghiệm, tôi thấy rằng, dẫu trong thời kỳ Bảo Bình sẽ có nhiều người đạt tới Đại Đạo, sẽ Phối Thiên, tuy nhiên con số ấy luôn luôn là ít. Nhân loại còn phải băng qua một giai đoạn mới, là ngồi lại với nhau, sánh tôn giáo mình với tôn giáo người, để học hỏi lẫn nhau. Nên chữ Đại Đạo dành cho quần chúng trong những thời kỳ tới sẽ là chữ **OEUMENISM (Hòa Đồng Tôn Giáo)**.

Giờ đây tôi tình cờ đọc quyển The Aquarian Conspiracy của Marilyn Ferguson, (J. P. Tarcher Inc. Los Angeles, 1976) và quyển Le Christianisme et les Religions du Monde của Hans Kung và tập đoàn (Edition du Seuil, 27 Rue Jacob, Paris VI) tôi càng tin chắc rằng trong một tương lai rất gần nhân loại sẽ tiến sâu hơn về phía tâm linh, sẽ có một tầm nhìn, lối nghĩ mới, sẽ bao dung hơn, khoan quảng hơn, sẽ dám mang các vấn đề tín lý ra mổ xẻ để xem đâu là Chân lý thật, đâu là Chân lý giả, mà người xưa đã dùng cường quyền, bạo lực, thủ đoạn, bắt mọi người theo. Nhân loại sẽ hoàn toàn được tự do tín ngưỡng.

Trong thời kỳ Bảo Bình (Aquarian Age), chúng ta sẽ thấy những gì? Dĩ nhiên là chúng ta sẽ thấy những phát minh khoa học tân kỳ, làm cho con người sung sướng hơn.

Nhưng đây tôi chỉ nhấn mạnh tới sự CHUYỂN HÓA TÂM LINH LỚN LAO sẽ xảy ra cho nhân loại trong thời kỳ đó. Nhân loại sẽ vươn vượt lên, để tìm cho ra Bản Thể thần linh, tìm cho ra Thiên Tính, Phật tính của con người.

Những điều mà xưa kia, chỉ có một vài chiến sĩ tiên phong như Meister Eckhart (thế kỷ 14), Gionanni Pico della Mirandola (thế kỷ XV), Jacob Böhme (thế kỷ XVII), Emmanuel Swedenborg (thế kỷ 17-18) chủ trương đơn độc, thì trong tương lai sẽ có vô số người tán đồng.

Chủ trương đó là: Chúng ta hoàn toàn tự do về phương diện tâm linh. Chúng ta tự tạo số mệnh cho chúng ta, tự lèo lái sự tiến bộ tâm linh của chúng ta. Chúng ta sẽ giác ngộ, sẽ thấy mình có Bản thể thần linh; sẽ có một tầm nhìn, lối nghĩ cao siêu hơn, khoáng đạt hơn, sẽ dám nhìn lấy, suy lấy, nghĩ lấy. Con người sẽ đi sâu vào chiều kích tâm linh và sẽ tìm thấy rằng trong mình có SIÊU THỨC, có ĐẠI NGÃ, có ĐẠI HỒN (OVERSOUL) của Vũ Trụ. Nhiều người sẽ có được TUỆ GIÁC (INTUITION), có được ĐẠI TRÍ (Transcendental Reason). Nhiều người sẽ trở nên SIÊU PHẠM (transcendentalists). Con người phàm phu, ô trọc, đầy hờn giận, ghen tuông, khô khan, máy móc, xu thời sẽ được thay thế dần bằng những con người thanh lịch, siêu phàm, sáng khoái, thơ mộng, hồn nhiên.

Người ta sẽ thực thi khẩu hiệu **TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ; VŨ TRỤ VỚI MÌNH LÀ MỘT; MÌNH VỚI CHÚNG SINH LÀ MỘT**, nên sẽ trọng Thiên Nhiên, tránh không phá phách hay làm ô nhiễm Thiên Nhiên; tránh không giết hại loài vật; nhất là tránh không xúc phạm đến đồng loại dù người ấy là da đen, da vàng hay da đỏ như đã làm trong 2000 nghìn năm qua.

Gần đây Mỹ và Quốc Tế đã giúp hơn một triệu dân Việt nam sang các nước định cư; Mỹ đã giúp dân Somalia bị đói; giúp dân Nga trong vụ động đất ở Armenia; quốc tế hợp sức kéo mấy con cá voi bị kẹt trong vùng băng Bắc Cực; chống không cho chiến tranh xảy ra, như trong vụ Bosnia; cứu vớt các loài sắp tuyệt chủng. Tạp chí Time cuối năm 1988 đã hô hào bót phá rừng, phá núi; bót làm ô nhiễm trái đất; bót đổ những đồ phế thải xuống biển; tất cả đều là thực thi khẩu hiệu **Tứ Hải giai huynh đệ** nói trên. Chứng tỏ thế giới đã bắt đầu thay đổi tầm nhìn lối nghĩ, không còn ích kỷ hẹp hòi như xưa. Nhân loại sẽ nhìn nhận ra rằng các đạo giáo công truyền bên ngoài chỉ là những hình thức, lễ nghi không cần thiết; chỉ là mồm

sầu bi, thống khổ, gây chia rẽ giữa người với người, chứ ít khi làm cho con người được sung sướng, tự do, hạnh phúc thật sự... Chính vì vậy mà trong tương lai, các đạo giáo công truyền càng ngày càng bị bẻ vụn ra, các giáo phái càng ngày càng thêm nhiều, để sau này chỉ còn là những phương tiện cho chúng ta tùy nghi sử dụng. Tôi không nhìn người, xem là họ theo đạo gì, tôi chỉ cần xem tư cách, xem khởi cư, cử chỉ của họ. Và như vậy tôi thấy những người đồng thanh, đồng khí với tôi ở khắp mọi nơi.

II- Chúng ta phải thay đổi tầm nhìn, lối nghĩ

Trong tương lai, nhân loại sẽ cảm nghiệm rằng thực sự Trời không ở đâu xa, mà đã ở ngay trong lòng sâu con người. Đức tin không phải là một sự chấp nhận ngây thơ, ai bảo sao thì đâm lao làm vậy, mà sẽ là kết quả của cả một đời học hỏi. Con người sẽ tin rằng mình có những khả năng vô biên, vô tận, vì trong mỗi người đều có MẦM MỘNG TRỜI, MẦM MỘNG PHẬT. TRỜI PHẬT đây được hiểu với một nghĩa hết sức rộng rãi, và cho đó là chính BẢN THỂ CỦA VŨ TRỤ, VÀ CỦA CON NGƯỜI CŨNG NHƯ CỦA QUẦN SINH.

Đã từ lâu, tôi thấy Trời, Phật trong tôi, và trong mọi người, vì trong tôi và trong quý bạn, chúng ta đều có thần LƯƠNG TÂM, lúc nào cũng tung tỏa hào quang ra khắp muôn nơi. Trong tương lai, con người sẽ nhận ra rằng:

1.- Con người không còn ở dưới đất mà thực sự đang bay trên trời. Trái đất cũng hoàn toàn giống như các trăng sao, đang làm những cuộc vân du vô tận.

2.- Con người trông bề ngoài thời nhợt nhạt, nhưng trông vào Bản Thể bên trong, thì lại chói lọi hơn ánh dương quang.

3.- Thượng đế không phải là một vị Thần ngồi toà ở một phương trời nào đó, nghe thiên thần ca hát, nhưng chính là Thần Linh nội tại trong ta, là Bản thể con người chúng ta và đang luôn thi triển quyền uy, luôn tung tỏa sức sống trong lòng vũ trụ quần sinh, từ đáy lòng vũ trụ cho đến đại thể tinh cầu, cho đến lòng sâu vạn hữu.

4.- Vì thế vạn vật quần sinh, vũ trụ, tinh cầu hợp lại là đều một Đại thể, đều là Ngoại thân của đấng Tối Cao.

5.- Như vậy con người không bao giờ có thể lìa xa Bản thể của mình, lìa xa Đại Thể, dù là một phút giây. Cho nên đừng bao giờ đại dột quên đi dòng dõi sang cả của mình, thân thể tuyệt luân của mình, định mệnh huy hoàng của mình. Trái lại phải tham tán, tài thành cùng trời đất, trong công cuộc hóa sinh, đại tạo, xứng với ngôi vị của mình trong thể TAM TÀI: THIÊN, ĐỊA, NHÂN.

Tin rằng trong tương lai gần đây, chúng ta sẽ chứng kiến một cuộc chuyển thể huy hoàng. Chúng ta hãy bình thần mà đón nhận tương lai và ngay từ bây giờ hãy giúp nhau mở rộng nhãn giới tâm linh, sống cho khinh khoáng, khoan quảng, hòa đồng; lấy từ bi, bác ái làm phương châm; lấy suy tư tìm hiểu, chứng nghiệm làm phương pháp hoạt động, và luôn luôn cố gắng phát huy các tiềm năng tiềm lực nơi mình; coi tứ hải là một nhà, coi bốn biển là anh em; luôn thấp sáng đức lương tâm, để ánh sáng Trời nội tâm luôn tung tỏa khắp chốn nơi.

III- Con người sinh ra cốt là để tiến hóa

Có một điều mà ta thường hay quên là ta sinh ra đời này cốt là để thêm văn minh, thêm tiến hóa. Chúng ta tiến hóa xưa nay đều có đường hướng nhất định, đó là tiến về phía tinh hoa, cao đại, về phía

khiết tịnh, tinh vi, chí thành, chí thiện.

Những người tiên phong, tiên tiến của nhân loại cảm thấy mình cần phải tiến hóa, và đang lập ra phong trào Thời Đại Mới (New Age), kêu gọi chúng ta đổi mới con người, sống cho thần tiên, thanh lịch hơn. Họ gọi Con Người Mới này là Homo Noeticus, là Siêu Nhân. [2]

Xưa Victor Hugo đã nhìn ra được con đường tiến hóa này của Nhân Loại, và đã viết trong bài thơ Plein Ciel:

Thuyền nhân loại hướng về đâu tá,
Thuyền quang hoa băng ngả thần tiên.
Tiến về mai hậu Siêu nhiên,
Tiến về đức hạnh nguyên tuyền tinh hoa.
Ánh khoa học trời xa lóng lánh,
Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên.
Tiến về đẹp đẽ tinh tuyền,
Tiến về Thượng giới, về miền muôn sao. [3]

IV- Con người có 3 phần: Thần, Hồn, Xác

Ngoài truyện con người sinh ra cốt là để tiến hóa, nhân loại thường quên mất rằng, con người mình gồm có 3 phần:

Xác (Địa) - Tâm (Nhân) -Thần (Thiên)

Đó là quan niệm Tam Tài mà Thánh kinh Công giáo cũng thường đề cập tới. [4] Theo nhãn quan này thì con người có 3 thứ Đạo, hay 3 thứ bốn phận:

- * Vật đạo: Lo cho xác thân được no ấm, khang kiện, hòa hợp với ngoại cảnh.
- * Nhân Đạo: Lo cho tâm hồn được tiêu sái, khinh khoái, thoát vòng kiềm toả của dục tình, ăn ở xứng đáng với danh nghĩa con người, tiếp nhân, xử kỷ cho phải phép.
- * Thiên Đạo: Vươn lên tới bình diện tâm thần, sống phối hợp cùng vũ trụ, Thượng đế, bỏ lối phàm tâm, thể hiện Thiên Tâm. [5]

Đó là giai đoạn **Tâm tử, Thần hoạt** của các nhà Huyền học Lão giáo. [6] Hay **Nhân dục tận, thiên lý hiện** của Nho Giáo. [7]

Theo nhãn quan này, thì con người sinh ra chưa phải là con người thực, còn phải tốn công mài dũa, tu luyện lâu lai mới thành người. Lại từ con người đến địa vị thần thánh, cũng thực là nhiều khê, vất vả.

Sinh ra là phàm nhân, con người phải dùng đời mình để cố gắng trở nên những con người xứng đáng, trở nên hiền thánh. Như vậy, thì càng về chiều, càng về già, thời gian càng trở nên quý báu, quan trọng; và con người không bao giờ được ngừng nghỉ, phải tiến bước mãi, để đạt mục đích hoàn thiện. **Và con người chỉ trở nên bất tử, khi thực hiện được thiên tâm.**

Để tổng kết lại, ta thấy rằng muốn có cái nhìn toàn bích, phải Đi từ Nhất đến Vạn, rồi lại từ Vạn trở về Nhất, nói cách khác, đi từ Thái Cực, hay Đạo ra quần sinh, vạn hữu; rồi lại đi từ quần sinh, vạn hữu trở về

Thái Cực, và Đạo. Thế tức là đi từ Vô tướng ra Vạn tượng, rồi lại đi từ Vạn tượng quay trở về Vô tướng; từ gốc lên đến ngọn, rồi lại từ ngọn trở về gốc.

Thế tức là, mọi người chúng ta, ai cũng như ai, đều phải tiến về phía thần minh. Lão tử đã nói vậy, Phật đã nói vậy, Khổng đã nói vậy từ xa xưa. Nếu con người chúng ta còn có một định mạng cao sang như vậy, thì làm gì có chuyện tận thế giữa chừng, khi mọi truyện còn đầy chéch mác dở dang?

Teilhard de Chardin đã nói: Tương lai sẽ đẹp hơn mọi dĩ vãng. Đó là niềm tin của tôi.^[8] Thánh kinh Veda cũng đã nói «Còn nhiều bình minh chưa ló dạng.»^[9]

Nhiều người đã chủ trương vũ trụ sẽ tiến tới thần linh, đó là cha Teilhard de Chardin, là Ramakrishna, là Max Muller, là Vivekananda, là Lecomte du Nouy, là Tôi trong quyển Lecomte du Nouy và Học thuyết Viễn đích của tôi viết năm 1968 v.v...^[10]

Ước mong mọi người chúng ta sẽ nhìn thấy mọi vẻ đẹp của con người chúng ta, vẻ trang trọng, thần linh của chúng ta. ước gì chúng ta trước sau đều đạt đến chữ Nhất, như Trang Tử đã nói: **ĐẮC NHẤT, VẠN SỰ TẤT.**

CHÚ THÍCH

^[1] Zale H. Bechor, Prophecy Yesterday, Today and Tomorrow, Astro Press, 1980, p. 143–145.

^[2] The Meeting of Science and the Spirit, John White, Paragon House, New York, 1990. Sách này bàn về New Age rất kỹ. Sách rất đáng đọc.

^[3] Où va-t-il ce navire? Il va de jour vêtue,
À l'avenir divin et pur, à la vertu,
À la science qu'on va luire,
Il va ce glorieux navire,
Au juste, au grand, au loin, au beau, vous voyez bien
Qu'en effet, il monte aux étoiles.
Victor Hugo (Plein Ciel)

^[4] I, Thess. 5, 23. Mat. 22: 37; Luke 1, 46–47.

Tuy nhiên, Công giáo không chấp nhận như vậy:

«Est inconciliable avec le dogme chrétien le trichotomisme enseigné par Platon, les Gnostiques, les Manichéens, les Apollinariens et récemment par Gunther; d'après cette théorie, l'homme est composé de trois éléments essentiels: le corps, une âme animale et une âme spirituelle.»

Louis Otto, Précis de Théologie Dogmatique, p. 143.

^[5] Traversons l'humanité pour déboucher sur l'Ultra-Humain.

Grégoire Maloire, Teilhard de Chardin, Poche-Club, p. 89.

^[6] Tâm ký tử, tất thần hoạt. Cổ nhân vân: Tâm tử thần hoạt. -- Huỳnh đình kinh chú, Ngoại cảnh Ngọc Kinh quyển Thượng trang 17, Tung ẩn Tử, Thạch Hòa Đường thuật.

^[7] Người học đạo phải nên cùng lý. Muôn vật đều có lý. Cùng lý hẳn biết được điều sở vi của Trời. Biết

được điều sở vi của Trời, hẳn được cùng Trời làm một...kẻ còn thấy «ta» ấy là chưa thể cùng lý. Ai biết được cái Ta chân thật? (Tạ Lương Tá, 1050-1103)- Tống Nho, Bửu Cầm, tr. 99).

[8] L'Avenir est plus beau que tous les passés, c'est là ma foi.

[9] Il y a beaucoup d'aurores qui n'ont pas lui. (Véda) Planète 21, p. 77)

[10] Ainsi donc pour P. Teilhard il existe à l'origine de l'univers une seule et même énergie première, de nature essentiellement psychique; mais cette énergie présente un aspect ambivalent: elle se révèle à nous sous le double aspect matériel et spirituel...

George Magloire, Hubert Cuyper, Teilhard de Chardin, p. 138–139.

...Je crois que l'univers est en évolution

Je crois que l'évolution va vers l'Esprit

Je crois que l'Esprit s'achève en Dieu personnel

Je crois que le Personnel suprême est le Christ Universel.

Ib. p. 222.

...L'Esprit s'achève par union avec le Dieu personnel. Ib. p. 222.

...Ainsi se constituait toute une échelle de la Nature Naturante perpétuellement en mouvement, en devenir, en puissance latente d'ascension où Max Muller, et, après lui, Vivekananda, ont pu reconnaître les origines de l'évolutionisme. -- Romain Rolland, Vie de Ramakrishna, p. 76.

» [Mục lục](#) | [Phi lộ](#) | [chương: 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#)